

NGUYỄN ĐÔNG THỨC

ĐI QUA

Nước Mắt Nụ Cười

Hồi ức

tập 1



NGUYỄN ĐÔNG THỨC
HỘI NHÀ VĂN

ĐI QUA NƯỚC MẮT NỤ CƯỜI - TẬP 1: HỒI ỨC

Tác giả: **Nguyễn Đông Thức**

Thể loại: **Tự truyện**

NXB Hội Nhà Văn

Đóng gói: **nguyenthao-cuibap**

Nguồn text: **Waka - 23/07/2018**

CHƯƠNG 1

Từ Trong Máu...

Ngoài oxy, không khí trong nhà tôi còn có chất gì?

Tôi nghĩ chắc là chất văn chương.

Ngay từ sáng sớm, khi các anh chị em trong nhà còn ngủ, mỗi lần tôi thức trước là lại nghe tiếng đầu bút Bic của mẹ tôi chạy loạt soạt trên trang giấy. Âm thanh đó sẽ còn trở lại trong đêm, khi mấy đứa con đã say ngủ. Một âm thanh trên đời không mấy người được nghe. Chỉ có thể có trong một sự yên tĩnh tuyệt đối, với một loại lao động cô độc đến nao lòng. Có khi rất nhanh, hồi hải, tưởng như sợ không kịp với những ý tưởng đang tuôn ra. Nhưng cũng có khi ngập ngừng, thậm chí dừng lại rất lâu, đến mức tôi gần như nín thở chờ nghe nó lướt tiếp...



Tết năm 1963, gần như đủ mặt nhà tôi (chỉ thiếu anh Nguyễn Đức Lập không biết lúc đó đi đâu). Đứng giữa thầy và mẹ tôi là chị Trần Quang Thê, con của thầy tôi và người vợ trước. Ngoài ra từ trái sang phải là chị

Thanh Hương, em Thanh Thái, Phương Chi, Thanh Bình, chị Nghi Xương, tôi, anh Đức Trạch, Đức Thạch.

1. Từ trong máu...

Tôi chào đời ngày 18-10-1951, tại một vùng quê nghèo thuộc Chợ Gò Mỹ Thịnh, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Nghe mẹ kể, đó là một ca sinh khó nhưng tôi lại chào đời... im ru không một tiếng khóc, cũng chưa biết là trai hay gái. Đỡ đẻ là chị Toàn, con cô Bốn chị của thầy tôi [2] – thầy tôi thứ Năm. Tuy ở tỉnh nhưng chị Toàn lúc ấy đã có bằng Sage Femme D'État (Nữ hộ sinh Quốc gia) của chính quyền thuộc địa Pháp. Chị ngạc nhiên kêu lên:

– Trời đất, đứa nhỏ này sao kỳ vậy?

Mẹ tôi hoảng hốt cố nhìn xuống thì thấy đứa con chỉ là một khối tròn dầm nước ối! Mẹ đang muốn xịu thì chị Toàn hạ giọng vừa sợ sệt vừa mừng rỡ:

– Hình như nó... đẻ bọc?... Để coi... Làm sao gỡ cái bọc cho nó khóc mới thở được...

Mẹ tôi kể, đó là một cái bọc trắng (phải chi bọc đi đâu chắc đời tôi sướng lắm!) bao hết toàn thân tôi. Chị Toàn phải mần mò cái bọc, tìm chỗ là cái miệng của tôi để thọc ngón tay vào đâm lủng rồi từ đó xé ra! – đâm trúng con mắt chắc tôi đã thành... thẳng chột! Thẳng tôi lúc ấy mới tha hồ mà khóc!

Thoạt sinh ra thì đã khóc chồm

Trần có vui sao chẳng cười khi [3]

Tôi sinh ra đời không khóc không cười, không biết có phải là dị nhân? Không rõ, chỉ biết tôi thuộc loại bệnh tật dặt dẹo từ nhỏ nhưng rất lì, dù thể lực yếu kém nhưng hầu như không việc gì không dám làm.

Chợ Gò Mỹ Thịnh là một làng nghèo ở ngay chân một ngọn núi thuộc dãy Trường Sơn, nghèo tới mức có tiếng “chó ăn đá gà ăn muối”. Tôi lúc ấy là thằng con thứ... bảy của mẹ, một cô giáo vùng kháng chiến Liên khu 5, làm sao có đủ sữa để bú? Chỉ được nước cháo cằn hơi, tôi khóc ngặt nghèo suốt ngày, được mẹ thương ấn vú vào là lập tức ngậm chặt nút lấy nút để không buông, dù không có miếng sữa nào – có lẽ vì vậy mà sau này miệng móm?

Đến đây thì chắc phải đặt câu hỏi, vì sao năm 1943, thầy mẹ tôi, vừa đang làm báo *Sài Thành* vừa đang dạy học ở Sài Gòn, đã có ba đứa con đầu cộng thêm ba đứa con riêng của thầy, lại dắt díu nhau trở về quê nghèo để chịu đựng quá nhiều cực khổ? Chắc không gì hơn là xin trích một đoạn ngắn trong hồi ký của mẹ tôi về khoảng thời gian này:

“... Năm 1943, khi máy bay Đồng minh thả bom xuống Sài Gòn, chồng tôi đang làm việc ở Huế, nhận tin tôi phải dẫn lũ nhỏ về gấp Quảng Ngãi để tránh bom. Mặc dù cha mẹ tôi ngăn cản, anh chị chồng tôi không bằng lòng, nhưng tôi vẫn cứ thu xếp sang nhà, bán đồ đạc, sắp xếp đâu vào đó để đưa mấy đứa con về Quảng.

Có chồng thì phải theo chồng

Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng theo.

Tôi đã làm một cuộc hành trình vất vả nhưng rồi cũng đến quê chồng, một thị xã Tư Nghĩa quá nghèo nàn nhỏ bé so với Sài Gòn hoa lệ và náo nhiệt của lũ con tôi, lúc ấy mới có ba đứa.

Vừa thu xếp tạm ổn cuộc sống ở đây thì sau Cách mạng Tháng Tám, quân Nhật ^[4] đầu hàng, Quảng Ngãi lại phải tiêu thổ kháng chiến vì hạm đội Mỹ đang đậu ngoài khơi. Chúng tôi lại phải di tản một lần nữa, lần này thì lên Chợ Gò Mỹ Thịnh, vì chồng tôi có ông bạn học cũ rất thân trên đó.

Lại một lần nữa tay bế tay bồng đi lánh nạn, phải mất cả năm mới ổn định được cuộc sống ở đây.

Chợ Gò Mỹ Thịnh ở Nghĩa Thắng, một xã nghèo nhất quận Tư Nghĩa, nằm giữa bốn xã dân giàu đất rộng là An Mỹ, An Hội, Phước Lộc và Xóm Bùn; những nới vừa giàu lúa, vừa có những công nghệ như dệt lụa, làm đường, sản xuất nước mắm... Còn Mỹ Thịnh thì đất cằn cỗi, quanh năm chỉ trồng khoai mì, khoai lang. Người dân ở đây chỉ biết làm thuê, làm mướn; đàn ông đi đốt than trên núi, đàn bà đi đốn củi trong rừng.

Tản cư lên một vùng như vậy, riêng phần tôi, tôi cũng tự hỏi không biết lấy gì để sống đây? ...”

Không biết lấy gì để sống đây, vậy mà có vẻ như thầy mẹ tôi vẫn... hạnh phúc.

Bởi sau ba đứa con đầu b ồng ra từ Sài Gòn (Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Nghi Xương, Nguyễn Đức Trạch), cứ ba năm một mẹ tôi tiếp tục sòn sòn cho ra đời thêm ba thằng con trai: Nguyễn Đức Lập (1945), Nguyễn Đức Thạch (1948) và tôi (1951). Mẹ còn lãnh nuôi luôn một gánh ba người con đời vợ trước của thầy tôi là chị Trần Bạch Liên (tên ở nhà là “Hai Xíu”, vì người chị nhỏ xíu), anh Trần Đức Thạnh, chị Trần Quang Thế. (Sở dĩ các anh chị lấy họ Trần của mẹ ruột vì cuộc hôn nhân với thầy tôi không chính thức, không có hôn thú).

Trong thời gian đó thầy mẹ tôi làm gì?

Chị Thanh Hương kể: “Công việc của các chị lúc đó, cực khổ lắm... Chị và chị Thế bán gánh hàng xén [\[5\]](#) ở Chợ Gò Mỹ Thịnh. Ở đây có thể nhìn thấy rằng Trường Sơn không xa, dân làng thường lên núi đốn củi sáng đi chiều về Mỗi chiều ở nhà mình ngắm Thạch Bích Tà Dương [\[6\]](#) rất là đẹp. Gánh hàng xén của hai chị gồm một đôi gióng bằng mây, một cây đòn gánh, hai cái thúng với nhiều chiếc sàng để ch ồng lên. Rồi hai cái ghế đòn

mắc vào chiếc gióng để đến nơi lấy ng ửi bán. Khi dọn hàng bán thì bày ra trên các chiếc sàng. Hàng bán gồm nhiều thứ, như d ầu dừa (vừa thắp đèn vừa dùng để nấu ăn), muối hột, tiêu, mắm, mực tím học trò từng viên nhỏ... Chị Thế gánh hàng chạy trước, chị lúp xúp theo sau... Chị còn nhớ có những hôm bán muối hột rất đắt hàng. Muối đóng bằng cái chung, người đi chợ xúm mua, vài bữa là hết muối bán. Sau đó dân chúng phải đi... gánh nước biển về dùng. Từ núi đi đến biển phải mất mấy ngày, họ đi từng đoàn, mỗi người gánh được hai chiếc vại nhỏ. Để tránh nước bị sánh ra ngoài khi gánh chạy, người ta phải bỏ vào vại vài nhánh lá. May phước là nhà mình còn muối... Tan chợ trên đường về thì hai chị em đi lượm gốc khoai mì về róc vỏ phơi khô làm củi. Chị đi chợ nấu ăn, ra giếng múc nước lên giặt đồ, có khi xay lúa giã gạo. Chị Thế gánh nước tưới cây. Em Xương với em Trạch cùng khiêng cái lu nhỏ phụ với chị Thế... Nhà mình quen nếp Sài Gòn không ăn cơm ghẽ (nấu độn) với khoai được, nên nấu hai lon gạo và một n ồi khoai, mỗi người ăn một chén cơm không r ưỡi ăn vài củ khoai lang hoặc vài khúc khoai mì... Bây giờ nghĩ lại chị cũng không biết h ời ở Quảng Ngãi gia đình mình sống bằng cách gì, vì việc đi dạy của thầy mẹ hầu như không có lương...”.

Chị Nghi Xương thì kể về giai đoạn này như sau: “Thầy mẹ đầu dạy học. Thầy còn làm ông bầu, tổ chức đội bóng đá cho các trường. Mẹ làm liên hiệu trưởng hai trường Nghĩa Kỳ và Nghĩa Thắng trong vùng giải phóng. Dạy từ lớp 1 cho tới lớp 5. Có lớp chỉ có một học trò cũng dạy. Ban ngày lớp học đông hơn, tối dạy bổ túc văn hóa cho cán bộ, du kích, dân chúng..., mỗi lớp chừng 10 – 20 người... Hiếm ai có tiền đóng học phí, nhà có gì đem cho nấy. Gạo, cá, trái cây, đường, đậu, trứng, khoai, bắp...”.

Năm 1952, lúc vừa sinh tôi được mấy tháng, cuộc sống thêm khó khăn, không nuôi nổi các con, mẹ xin phép và được chính quyền vùng giải phóng cho đưa các con từ Quảng Ngãi về Sài Gòn để tránh đói. Tôi chưa thôi nôi,

luôn nằm trên tay mẹ, đeo cứng mẹ đến nỗi mẹ không thể buông tôi ra lấy một giây, kể cả khi đi... vệ sinh (thành tích này của tôi, sau này mẹ vẫn hay nhắc lại). Mẹ đưa chúng tôi ra Châu Ô [7] rồi từ đó ra Tam Kỳ, sau đó mới ra Hội An, vùng cai trị của người Pháp, để đi Đà Nẵng rồi lên tàu biển về Sài Gòn. Thầy tôi không được cùng đi chuyến này, phải ở lại làm việc.

Tờ báo *Sài Thành* của bác tôi từ năm 1946 đã đổi tên là *Sài Gòn Mới*, vẫn đang rất cần người giỏi, và các trường tư thục cũng đang cần giáo sư giảng dạy hai môn Việt văn, Pháp văn. Mẹ tôi quay lại hai nghề làm báo và dạy học (trường Đạt Đức, Tân Thịnh, Les Lauriers) để nuôi các con. Sáu tháng sau, thầy tôi mới vào đoàn tụ.

Thầy trở lại làm báo *Sài Gòn Mới* và dịch truyện Tàu. Mẹ làm các trang phụ nữ và bắt đầu đứng mục “Gỡ rối tơ lòng” hàng ngày trên báo từ năm 1953, rồi viết feuilleton [8] từ năm 1954, trở thành một cây bút ăn khách sau cuốn truyện thứ ba, *Bóng người xưa* (1957). Lúc cực thịnh, một mình mẹ viết tiểu thuyết cho bốn tờ báo mỗi ngày, phụ trách mục “Gỡ rối tơ lòng” và “Tâm tình cởi mở” cho hai tờ báo *Sài Gòn Mới* và *Tiếng Vang*... Trong thời gian này, từ năm 1954 đến 1958, thầy mẹ tôi lại có thêm ba đứa con nữa, đầu là con gái: Nguyễn Thị Thanh Bình (1954), Nguyễn Thị Thanh Thái (1957) và Nguyễn Thị Phương Chi (1958). Bình tốt nghiệp Đại học Sư phạm năm 1976, vì lý lịch gia đình nên phải lên dạy ở tận huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng [9]. Năm 1975 Thái và Chi mới 18 và 17 tuổi, cả hai học xong lớp 12 là nghỉ, đi làm công nhân nhà máy dệt Phong Phú nơi chị Thanh Hương đang làm việc, vì lúc đó gia đình quá túng thiếu như nhiều gia đình khác... Út Chi xinh đẹp nhưt nhà, sau lập gia đình và qua Cộng hòa Liên bang Đức sống.

Những đi đâu tôi vừa kể cho thấy gia đình thầy mẹ tôi là một gia đình nhà báo – nhà văn – nhà thơ chuyên nghiệp. Cho nên...

Ngoài oxy, không khí trong nhà tôi còn có chất gì?

Tôi nghĩ chắc là chất văn chương.

Ngay từ sáng sớm, khi các anh chị em trong nhà còn ngủ, mỗi lần tôi thức trước là lại nghe tiếng đầu bút Bic của mẹ tôi chạy loạt soạt trên trang giấy. Âm thanh đó sẽ còn trở lại trong đêm, khi mấy đứa con đã say ngủ. Một âm thanh trên đời không mấy người được nghe. Chỉ có thể có trong một sự yên tĩnh tuyệt đối, với một loại lao động cô độc đến nao lòng. Có khi rất nhanh, hối hả, tưởng như sợ không kịp với những ý tưởng đang tuôn ra. Nhưng cũng có khi ngập ngừng, thậm chí dừng lại rất lâu, đến mức tôi gần như nín thở chờ nghe nó lướt tiếp...

Có thể nói mẹ là người dậy sớm nhứt và thức khuya nhứt (trừ những mùa thi anh em tôi phải mỗi người một góc tụng bài). Và mẹ đã viết như thế trong hơn 30 năm!

Chất văn chương còn có trong tiếng ngâm thơ sang sảng của thầy tôi. Làm xong hoặc dịch xong một bài thơ, ông thường đắc ý đọc đi đọc lại nhiều lần, mẹ con tôi bao giờ cũng là những “nạn nhân” đầu tiên. Chất văn chương đó sẽ tràn ngập trong những lúc thầy tôi có các thi hữu tới nhà, đọc thơ và bình thơ hết mấy xị rượu thuốc và chục ấm trà vẫn chưa thôi! Từng tới nhà tôi uống trà uống rượu ngâm thơ, có những Đông Hồ, Mộng Tuyết, Thiếu Sơn, Tế Xuyên, Nguyễn Vỹ, Trúc Nam, Bùi Giáng, Nguyễn Mạnh Côn, Linh Giang, Tô Nguyệt Đình, Nguyễn Ngu Í (Nguyễn Hữu Ngự) ... đủ cả những tên tuổi lớn lúc ấy.

Chất văn chương có trong tiếng thầy tôi gõ máy đánh chữ khi viết báo, viết văn, dịch sách (khác với mẹ tôi, chữ ông quá bay bướm nên thợ xếp chữ chê, buộc phải đánh máy nếu không muốn bài in ra sai đầy lỗi!). Sau đó tới anh Lập anh Thạch làm thợ gõ cho ông, rồi tới tôi gõ tiếp. Thầy tôi ngồi một bên vừa dịch vừa đọc từng câu của *Liêu trai chí dị*, *Hỏa thiêu*

Hồng Liên Tự, Phương Thế Ngọc... Cái máy đánh chữ Olympia cổ lỗ sĩ đã theo tôi từ hồi 13 – 14 tuổi! Trong khi gõ chữ, vì làm biếng tôi hay liêu mạng biên tập luôn cho ngắn gọn để đỡ mất công, có khi được thầy khen nhưng cũng có khi bị la là ngu! Đó cũng là một cách học...

Chất văn chương ở cả trong những buổi Cầ Tiên trên căn gác gỗ của nhà tôi, với khoảng chục người ăn mặc nghiêm chỉnh, nam áo dài the, nữ áo dài trắng. Trong ánh sáng của hai ngọn đèn cầy nhập nhoạng, với những lá bùa vàng dán chung quanh gác, nét mặt thành kính của người tham dự..., buổi Cầ Tiên có vẻ gì đó hơi... ma quái mà người yếu bóng vía có thể sẽ phải sờ sợ. Rồi tiếng đọc thơ trầm bổng vang lên, với người lĩnh xướng là chú Trần Thiên Bích – cũng thường là người ng ồi đ ồng chính – rồi tất cả mọi người rì rầm hòa giọng đọc theo cho đến khi tiên nhập đ ồng:

Ba Lãng nhất vọng Động Đình thu

Nhật kiến Cô Phong thủy thượng phù

Văn đạo thân tiên bất khả tiếp

Tâm tùy hồ thủy cộng du du...[\[10\]](#)

Chốn Bông Đảo vân hoàn thủy nhiễu

Luyện linh đơn hỏa tảo dao lê

Linh hư là chốn lê thê

Sớm chơi Bích Thủy, tối về Thương Ngô

Bầu thế giới giang hồ thông thả

Thú yên hà chi bả trần ai

Tiêu diêu tử phủ đơn dài

Ba ngàn thế giới cõi ngoài trường sanh

Mùi dinh dưỡng nhứt tinh nguyệt túy

Luyện chân hình chân khí phi thăng

*Thoắt như bể quế cung trăng
Giang hồ ngàn dặm xem bằng tấc gang
Phép đã diệu trần gian biến hóa
Lại phù hay nạt đá nên dề
Nương con xích ký ra về
Trăng thanh gió mát ngỏ nguê bầu trời...*

Có một đi đầu gì đó tới tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu được. Có những người ng ời đ ồng không biết làm thơ, không biết viết chữ Tàu, vậy mà khi được tiên nhập r ồi thì đọc thơ ào ào, lại còn phóng bút lông viết chữ Tàu nhoay nhoáy. Từ nhỏ xiu tôi đã thường được cho dự những buổi C ầu Tiên này, chỉ để mẹ xin tiên cho tôi thuốc uống. Vì thuở nhỏ tôi bị bệnh suyễn rất nặng. Mỗi người ng ời dự buổi C ầu Tiên đầu lần lượt xin tiên giúp một đi đầu gì đó. Tôi thường được ưu tiên vì không chắc gì tiên nhập lâu, có khi chỉ mới trả lời vài ba người là thắng. Tuy nhiên tôi rất sợ uống thuốc tiên. Đó chỉ là một lá bùa “tiên” viết ra loằng ngoằng trên giấy, sẽ được mẹ tôi đốt ra tro hòa với nước bắt tôi uống! Tôi nhớ đã nhắm mắt nhắm mũi uống khoảng ba lá bùa như vậy mà bệnh vẫn không hết. Cũng có khi “tiên” chỉ tôi uống mật gấu đắng ngắt, nhưng tới màn nuốt sống con thằn lằn để sau đó ói ra mật vàng mật xanh là tôi trốn tiết khỏi mọi cuộc C ầu Tiên sau đó.

Chất văn chương có trong những sáng mừng Một Tết, khi th ầy tôi gọi từng đứa con lên chúc Tết th ầy mẹ bằng... thơ (con gái có thể được tha, nhưng con trai thì bắt buộc!). Tôi không bao giờ quên cảnh những tối Ba mươi cả đám anh chị em ng ời bóp trán nghĩ những câu thơ thể hiện tình yêu của mình dành cho cha mẹ. Ai làm thơ hay sẽ được “giám khảo” th ầy lì xì nhi ều. Đó chính là những bài thơ đầu tiên vụng dại của anh em tôi, và trong bốn anh em trai thì thơ tôi luôn bị phê là dở nhứt và nịnh thô thiển

nhút. Bài được coi là khá nhút là bài tôi làm năm 11 tuổi, vào sinh nhật mẹ 47 tuổi (1-8-1962), nguyên văn như sau:

LÒNG CON

*Từ lâu ơn Mẹ quá cao dày
Viết báo, làm văn suốt tháng ngày
Nuôi đám con thơ ăn học đủ
Mong con khỏi khổ lúc sau này.
Ước gì con có đủ quyền uy
Năm được thời gian chớ vội đi
Để Mẹ chúng con còn trẻ mãi
Nhưng rồi ước vọng lại tan đi.
Mái tóc đen nay đã bạc màu
Đôi môi tươi thắm có còn đâu!
Làn da trắng mịn giờ thay thế
Bằng một làn da kém ửng đào.
Con muốn đem ngay mái tóc đen
Cùng dòng máu nóng của con tim
Thay vào tóc trắng, đôi môi héo
Và nếp da nhăn của Mẹ hiền.*

(Long Nhi – Nguyễn Đức Thông)

Khi mẹ tôi mất (26-4-2006), trong những giấy tờ bà cẩn thận giữ lại, tôi tìm thấy bài thơ tôi chép tay này, trên một tờ giấy tập vàng ố, đủ thấy mẹ đã quý nó như thế nào. Còn lúc ấy, khi nghe tôi đọc, mẹ chỉ mỉm cười: “Đồ nhỉnh!”.

Chính xác thì ba ông anh tôi đã có thơ đăng trên các báo từ trước năm 1975 và sau này cả ba vẫn làm thơ hay, còn tôi... giải nghệ từ lâu. Nhưng như lời mẹ phán, dùng văn chương để nịnh gái thì tôi luôn được coi là số một trong nhà!

Chất văn chương còn nằm trong vần điệu của những câu thơ ba chữ trong cuốn *Tam tự kinh*, sách dạy làm người cổ nhứt của Trung Quốc mà thầy tôi gò anh em tôi viết từng chữ. Đến giờ tôi chỉ còn nhớ “*Nhân chi sơ* tay rờ vú mẹ, *tánh bốn thiện* cái miệng đòi ăn...” – do anh em tôi thêm thất bậy bạ chứ không phải thầy dạy. Chất văn chương còn nằm trong những bài báo tôi phải đọc cho thầy nghe mỗi sáng và bị chỉnh mỗi khi ngắt câu sai. Nằm trong từng khổ báo đăng feuilleton của mẹ tôi mà tôi được giao nhiệm vụ cắt lưu và sửa những chữ in sai để còn in sách khi kết thúc.

Riêng với tôi, có lẽ chất văn chương còn được thấm qua từng dòng sữa mẹ. Dì Trần Thị Sâm, em con dì với mẹ tôi (mẹ của dì là em bà ngoại tôi), kể là tôi mê vú mẹ tới hai, ba tuổi mới buông. Dì tới nhà chơi thường, luôn thấy mẹ tôi vừa viết văn vừa cho tôi bú! Phải chăng trong dòng sữa ấy đã có chất văn chương? Không biết, chỉ biết tôi... mê vú cho tới tận bây giờ!

Văn thầy tôi là lối văn cổ, biền ngẫu, nhiều thành ngữ, điển tích. Văn mẹ tôi là văn mới, Tây học. Mẹ không dạy gì nhiều, chỉ khuyến khích tôi đọc sách, bất cứ sách gì cũng có đi đâu bổ ích. Chỉ mất khoảng hai năm tôi đã đọc hết tủ sách vài chục bộ truyện Tàu của ông ngoại để lại, đến nay vẫn còn nhớ nào là *Tam quốc chí*, *Thủy hử*, *Đông châu liệt quốc*, *Phong thần*, *Tây du ký*..., nào là *Ngũ hổ bình Tây*, *Ngũ hổ bình Nam*, *La Thông tảo Bắc*, *Tiết Nhơn Quý chinh Đông*, *Tiết Đình San chinh Tây*, *Nhạc Phi*, *Anh hùng náo Tam Môn Giai*, *Tam hạ Nam Đường*, *Phong kiếm Xuân Thu*, *Vạn Huê Lâu*, *Càn Long du Giang Nam*..., được in từng cuốn mỏng khoảng trăm trang giấy, bộ ngắn chừng năm cuốn, bộ dài vài chục cuốn. Sau đó, lúc tôi được 9 – 10 tuổi, tháng nào lãnh lương xong mẹ cũng dắt tôi ra các nhà

sách Khai Trí, Tự Lực, Văn Nghệ (đường Lê Lợi) và Liên Châu (công trường Nữ Vương Hòa Bình, đối diện Bưu Điện)... để mua sách. Mẹ mua các cuốn Livre de poche (sách truyện Pháp khổ bỏ túi, nhớ lúc đó mẹ rất thích đọc truyện của nữ nhà văn Mỹ Pearl Buck [\[11\]](#), bản tiếng Pháp, có đủ bộ), còn tôi *Vô gia đình*, *Trong gia đình*, *Những người khốn khổ*, *Bá tước Monte Cristo*... rồi truyện tranh *Lucky Luke*, *Spirou*, *Buck Danny*, *Johan et Pirlou*... Hình như trong các anh chị em, chỉ có tôi được mẹ dắt đi mua sách nhiều vậy!

Trong chín anh chị em, tôi đọc sách thuộc loại dữ, nhưng thiên kinh vạn quyển thì phải nói đến anh Lập và trí nhớ siêu đẳng của anh. Còn tôi đọc xong thường quên rất nhanh vì nuốt sách quá ẹ, mẹ hay chê tôi vụ này nhưng thấy tôi lại cười, nói không cần nhớ chính xác chi tiết, chỉ cần nhớ ý là được rồi. Ý như sau này đọc *Tiểu ngạo giang hồ* của Kim Dung, sự thúc tổ Độc Cô Cầu Bại Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung chỉ cần kiếm ý mà không cần nhớ chiêu thức.

Khi các anh của tôi lớn, đi lính, đi làm, tôi được mẹ giao tiếp công việc đi đưa truyện feuilleton của bà cho các tòa soạn, đọc sơ chọn thư bạn đọc gửi về nhờ “Gỡ rối tơ lòng” vì nhiều quá bà đọc không xuể. Những trường hợp ly kỳ, hấp dẫn, mẹ đều để vào hồ sơ riêng để dành sau này làm đề tài viết tiểu thuyết (giờ tôi bắt chước bà chuyên đi gộp nhặt những câu chuyện trên báo hoặc hóng từ bạn bè). Đi giao truyện của mẹ (mỗi lần khoảng ba bốn trang viết tay), tôi thường được chỉ thẳng vào chỗ xếp chữ, nơi từng trang bản thảo bị xé thành bốn năm mảnh giao cho mỗi người thợ, họ bốc từng mẫu tự bằng chì ghép lại thành cột chữ rồi in vào bản bông đưa thầy cò sửa. Nhờ vậy tôi đã học được nghề sửa morasse ngay từ năm 16 – 17 tuổi!

Cứ thế mà chúng tôi lớn lên... Bốn đứa con trai thì có ba người làm thơ (là ba ông anh của tôi), ba người viết văn – làm báo (là anh Trạch, anh Lập

và tôi). Con gái thì có chị Hai Xíu, chị Thê, chị Xương, em Bình đều làm thơ được! Có thể nói thầy mẹ chính là hai người thầy dạy văn chương cho chúng tôi từ thuở ấu thơ.

Ấy vậy mà...

Thầy thì không bao giờ nói rõ ý mình muốn hoặc không muốn các con làm gì. Thầy chỉ nói có bốn đứa con trai (thầy là chúa... trọng nam khinh nữ!), thì hai cho nhà, hai cho nước. Hai đứa “cho nước” là hai đứa khỏe mạnh, thầy cho đi học võ từ nhỏ, sau lớn lên một đứa vào trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức (anh Trạch), một đứa vào trường Sĩ quan Võ bị Đà Lạt (anh Thạch). Hai đứa “cho nhà” đều ốm yếu bệnh tật từ nhỏ: anh Lập (bị bệnh tim) thì học trường Luật ra làm luật sư, tôi (bị bệnh suyễn) cũng học Luật rồi vào Cao học Quốc gia Hành chánh... Sau ngày 30-4-1975, hai đứa “cho nước” đi học tập cải tạo, hai đứa “cho nhà” thì anh Lập thất nghiệp về đi kinh tế mới rồi vượt biên năm 1980, còn tôi bị nghỉ học rồi đi TNXP... Thầy nằm nhà buồn hiu hắt, thở dài than ngắn...

Mẹ thì nói rõ không muốn đứa nào đi theo nghiệp văn chương – báo chí của thầy mẹ. Nghề chỉ làm giàu cho chủ báo, chủ nhà xuất bản. Trường văn trận bút là chốn đầy thị phi, ganh tị, mưa máu gió tanh... Mẹ dạy “Lập thân tối hạ thị văn chương”. Lập thân bằng nghề văn chương là thấp kém nhất, ông Viên Tử Tài, đời nhà Minh, đã nói vậy và câu nói đến nay vẫn còn được truyền tụng!

Nhưng cuối cùng thì... Tự dưng năm 1976, khi đang ở văn phòng Ban chỉ huy Lực lượng TNXP đóng tại đình Tân Phú Trung (Củ Chi), tôi bỗng gõ máy chữ viết những bài ghi chép đầu tiên về những người trẻ Sài Gòn đang sống và lao động tuyệt vời ở các đơn vị, mỗi người là một câu chuyện đầy xúc động, gửi về báo *Tuổi Trẻ*. Rồi tôi làm tờ báo tường cho TNXP đoạt giải nhất cuộc thi bích báo của Thành Đoàn, có tin ảnh đăng trên báo. Đó là những tiền đề để năm 1977 Ban biên tập báo lên tận nơi xin

tôi về làm phóng viên. Rồi hai ông anh Đức Thạch (Thạch Gầm) và Đức Lập ^[12] của tôi, khi qua Mỹ cũng lại cầm bút, trở thành hai nhà văn nhà thơ có tiếng trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Chỉ có mỗi anh Đức Thạch dù làm thơ rất hay nhưng không hề dính vào nghiệp văn chương...

Chỉ có thể là từ trong máu... Và không thể tránh khỏi...

2. Tuổi thơ ở Cư xá “Cái Rốn”

Năm 1952, khi từ Quảng Ngãi về Sài Gòn, cả nhà tôi đến ở nhờ nhà ông bà ngoại. Ông bà ngoại có một căn nhà ở số 12 đường Roger Massoulard – sau đổi lại là Lương Hữu Khánh ^[13], Quận 1, và hai căn phố nhỏ, mái tôn, trong khuôn viên nhà. Trước hai căn phố là khoảng sân có cây vú sữa trắng rất ngon. Cả nhà tôi ở chung trong một căn phố.

Đó là nơi chị Thanh Hương ^[14] dạy tôi học võ lòng, đánh vần từ những tờ nhật báo hàng ngày thầy mẹ tôi đem về. Năm 1955, ông bà ngoại tôi bán nhà dọn về Phước Hải (Bà Rịa), nơi ông ngoại có một dãy nhà mát bốn căn ở ngay bờ biển, gần đồn Con Ó. Thầy mẹ tôi lại phải dọn về ở nhờ trên lầu căn biệt thự của bác Bút Trà, số 30 đường Nguyễn Huệ (nay là Thích Quảng Đức), quận Phú Nhuận. Sau đó mẹ mới mượn căn phố ở Phú Nhuận của bà Cao Xuân Cầm, phía trong khu Cư xá Nhà băng (do Ngân hàng Đông Dương – Bank Indochine – bỏ tiền ra xây để bán lại cho nhân viên), từ đình Văn Giáp (nay gọi là Văn Giáp Từ Đường) queo vào ngõ đi vô chùa Bà Đầm ăn thông ra đường Thái Lập Thành (nay là Phan Xích Long). Căn nhà này nay là số 29/15 Đoàn Thị Điểm, thỉnh thoảng có dịp tôi lại chạy xe qua, để nhìn và nhớ về một thời thơ ấu của mình.

Năm 1958, mẹ tôi mới mua căn 215/F12 của Cư xá Nhà băng.

Sau đó ngân hàng này còn xây dựng vài khu cư xá khác nữa để bán, nên người ta gọi khu cư xá của chúng tôi là Cư xá Chu Mạnh Trinh cho dễ phân biệt. Bởi ở ngay đầu con đường Chi Lăng (nay là Phan Đăng Lưu), chỗ ngã

tư Phú Nhuận, có một ngôi trường tư thục tên Chu Mạnh Trinh (nay là Ngân hàng Công thương Vietinbank), nên tên khu cư xá – ở ngay phía sau ngôi trường – được “ăn theo” từ đó và cho đến nay người ta vẫn chưa quên. Không ai gọi là Cư xá Chi Lăng (trước đây) hay Phan Đăng Lưu (sau này) cả, dù cái hẻm lớn dẫn vào cư xá nằm ngay số 215 trên con đường này. (Giờ nguyên trục hẻm này gọi là đường Đoàn Thị Điểm, phường 1, quận Phú Nhuận).

Đây được coi là Cư xá “Cái rốn vũ trụ”, bởi không hiểu sao lại có rất nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng về cư ngụ tại đây. Có thể kể đến, trong khu dân cư ấy – gồm tám lô nhà từ A đến H chia đều hai bên trục chính là hẻm 215 – người nổi tiếng nhất là nhạc sĩ Phạm Duy, ở đầu lô E. Sau ông còn mua thêm hai căn, một ở cuối lô H làm nơi tập nhạc cho ban The Dreamers của bốn đứa con trai Quang – Minh – Hùng – Cường, và một ở sâu phía trong, đường vô chùa Bà Đền [15]. Nhà báo Hồ Anh, chủ nhiệm báo *Ngôn Luận* và *Văn Nghệ Tiên Phong*, có lúc cũng ở lô E này. Lô B có nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Lô C có diễn viên điện ảnh Thẩm Thúy Hằng. Lô D có vợ chồng nghệ sĩ – soạn giả Năm Châu – Kim Cúc và nhà văn Duyên Anh. Lô E ngoài Phạm Duy còn có tay trống nổi tiếng Tám Lang. Lô F có thầy mẹ tôi, nhạc sĩ Hoàng Nguyên (*Ai lên xứ hoa đào*), nhà báo Trịnh Viết Thành. Lô G có nhạc sĩ Tuấn Khanh (*Chiếc lá cuối cùng*). Nhà văn Văn Quang (*Chân trời tím*), cặp vợ chồng nhạc sĩ – ca sĩ Dương Thiệu Tước – Minh Trang và cô con gái là ca sĩ Quỳnh Giao, đạo diễn Hoàng Anh Tuấn, nữ danh ca Mộc Lan, danh ca Anh Ngọc, nhà báo Linh Lan, nhà văn Đỗ Tiến Đức, nhạc sĩ Lê Dinh, đạo diễn Lê Mộng Hoàng... đều từng có thời gian là dân cư xá này. Rồi rất nhiều những ký giả, họa sĩ, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, giáo sư, kiến trúc sư, sĩ quan, công chức cao cấp... Người ta nói đùa bầu trời khu đó có rất nhiều sao ngay cả vào ban ngày, vì nhiều người ở đó ra đường lúc nào cũng héch mặt lên trời như để ngắm sao!

Đặc tính của khu cư xá này là hoàn toàn biệt lập, dù không hề có cổng rào hay bảo vệ. Tối đến là nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm, thỉnh thoảng mới nghe một tiếng xe hơi êm ru lướt đi hoặc tiếng xe máy chạy qua. Xóm an ninh, dễ chịu, chẳng ai để ý tới ai.

Ở đầu đường vào cư xá, hai bên có hai xe nước mía đầu do người Hoa bán, từ 5 giờ một ly lên dần tới 1 đồng rồi 2 đồng. Ly nước mía uống xong, khách đưa trả, chạy đi, ông Tàu chất mấy cục đá bỏ vô thau để... dùng tiếp, cái ly còn chút cặn thì được nhúng vô cái xô nước dưới chân gọi là rửa qua, xong úp lại trên quầy. Rồi bu thoải mái trên mấy cây mía đã gọt vỏ, lâu lâu mới được chủ xe xua lấy lệ.

Đến đây xin mở ngoặc vài dòng về xe ngựa thời xưa:

Thuở nhỏ, đầu khoảng năm 10 – 12 tuổi, tôi hay đi xe ngựa đến bơi ở Hồ tắm Chi Lăng đường Lam Sơn. Chỉ mất 5 giờ!

Các chuyến xe đó chạy từ suốt đầu tận Hốc Môn chở hàng legumes (rau cải các loại) đến chợ Bà Chiểu.

Đa phần khách là các bà buôn gánh bán bưng, đám học trò xây lỗ cõl... Là phương tiện vận tải thô sơ nhứt nhưng có bugi bự nhứt!

Đón xe, tôi chỉ việc ra đầu cư xá chỗ có hai xe nước mía hai bên. Bác xà ích hay ghé đây làm một ly, uống xong bác lấy tay áo quẹt ngang cho sạch đám bọt nước mía còn dính trên miệng. Con ngựa luôn được thưởng nguyên xô nước rửa ly có cặn nước mía và nước đá, tha hồ đã khát chạy tiếp. Bác xà ích đổ hết nước đó vào cái xô nhựa rồi móc trước cổ con ngựa, nó vừa chạy vừa uống có vẻ khoái chí.

Tôi thích tót lên ngồi phía trước, sát bên bác xà ích. Lốc cốc lốc cốc xe cứ tót tót chạy, ngựa phi đường xa. Thỉnh thoảng tôi lại lén bứt một cọng lông đuôi ngựa, chả biết để làm gì, con ngựa cứ mặc kệ!

Đi riết cũng quen từng con ngựa già, ốm. Con màu nâu con màu đen con màu trắng ngả vàng, con nào cũng lông lá xác xơ. Có không ít con từng là ngựa đưa ở Trường đua Phú Thọ, hết thời ra kéo xe trong những ngày tàn. Có hôm thấy vẫn chiếc xe đó, bác xà ích đó, nhưng đã là chú ngựa khác. Hỏi thì bác nói nó hết chạy nổi, đã được hóa kiếp cho xong đời ngựa (Hồi đó trên con đường nhỏ Đỗ Thành Nhân – nay là Trần Văn Ký – sau lưng Tòa tỉnh trưởng Gia Định, chạy từ đường Lê Quang Định ra đường Nguyễn Văn Học – nay là Nơ Trang Long – có một tiệm, hình như là tiệm duy nhất ở Sài Gòn – chuyên bán thịt ngựa, dai và có... mùi ngựa, nhưng rẻ nên dân nhậu vẫn xoi!).



Xe ngựa chạy trên đường phố Quận 1, khoảng đầu thập niên 1960. –

Ảnh: Internet

Những con ngựa chỉ được phép chạy thẳng, không được nhìn ngang liếc dọc lê phải lê trái gì sất, vì hai mắt đã bị che bằng hai miếng da đen, cứ thẳng đường mà bước. Muốn quẹo thì bác xà ích giật dây, ra hiệu lệnh.

Có hôm đi ngoài đường thấy con ngựa kéo xe chạy ngược chiều chột khụy xuống, sùi bọt mép... Hành khách xuống sang xe khác, nó vẫn cứ nằm, thở dốc, mắt trợn ngược nhìn bầu trời bao la lân cuối...

Chuyện ngựa nhớ lại được nhiều đó!

Xin trở lại câu chuyện đang kể:

Bắt đầu vào cư xá có xe phở khá ngon bên phía tay trái, đông khách ăn, bán đến khoảng mười năm sau giải phóng mới nghỉ. Buổi chiều, bên tay phải thì có xe chè sâm bổ lượng, xe hủ tít bò viên nổi tiếng vùng Phú Nhuận, và một xe nhỏ bò bía. Cả ba xe đều do người Hoa bán, đặc biệt xe bò bía của ông Tàu già hom hem thờ không ra hơi và có đôi tay với mười ngón đen nhóp không bao giờ biết găng tay là gì nhưng cuốn bò bía ngon vô địch, từ xưa tới giờ tôi vẫn không thấy bò bía ở đâu ngon hơn! Khoảng 4 giờ chiều ông ra bán, tới 6 giờ là hết.

Bán dạo vòng vòng trong cư xá thì thôi khỏi nói, từ sáng đến tối: bánh mì nóng, bánh ướt, cháo sườn, phở gà, mì gõ, bánh giò, bánh tiêu, giò cháo quẩy, chè xôi nước, lục tào xá chí mà phủ (chè đậu xanh bột báng và chè mè đen)... Chỉ cần nghĩ nhà là được phục vụ tận răng. Thích nhất chơi đồ xí ngầu với anh Tàu bán kẹo kéo, chơi trò Bửu bằng hai hột xí ngầu, cộng lại ai lớn nút ăn, được hai mặt giống nhau thì gọi là Bửu, ăn gấp đôi, Bửu lớn ăn Bửu nhỏ. Có hôm anh bị mấy anh em tôi hạ gục, thắng nguyên thùng kẹo kéo!

Có đủ món và mỗi món là một kiểu rao khác nhau. Tất cả đều rao bằng miệng, lẽ dĩ nhiên, vì hễ đó làm gì có tăng âm, loa... Và tôi nghĩ không nơi nào trên đất nước mình có giọng rao đủ vùng miền như ở Sài Gòn, bởi đây cũng là vùng “đất lành chim đậu”, tụ họp người dân đủ mọi miền về làm ăn sinh sống. Có mấy món không cần rao, một là mì gõ, hai là thợ nhuộm, ba là thợ đấm bóp, bốn là bán bánh mì không, năm là bán cà rem. Mì gõ lời rao là tiếng hai miếng tre gõ vào nhau, nhiều đêm mưa học bài đối bụng nghe tiếng gõ “xực tắc” mừng không gì bằng. Thợ nhuộm dạo thì cần một cái trống lắc nhỏ bằng da đường kính khoảng gang tay, có cán, hai bên thành trống có hai sợi dây, cứ lắc là hai cục chì ở hai đầu dây va vào mặt trống, tạo tiếng kêu đặc biệt. Thợ đấm bóp thì vừa đạp xe đạp vừa vung xuống sợi dây có buộc những cái nắp khoén va vào nhau leng xeng.

Xe bánh mì thì bóp kèn hơi nghe “te te”. Bán cà rem thì lắc chuông. Tiếng rao ngắn nhất có lẽ là “Cháo huyết!”, còn dài nhất là của một ông thầy bói, đội nón nỉ, thắt cravate, đeo kính mát, mang giày tây, đi xe đạp. Ông luôn dừng xe giữa xóm, bước xuống và trịnh trọng đọc luôn một bài mà giờ tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng: “Ba mươi năm Hoàng Anh đã đến đây rồi!... Coi không hỏi tuổi mà biết tuổi, biết trong nhà có mấy người, sống mấy người chết mấy người...”.

Có những tiếng rao chính xác như kim đồng hồ, khi nghe vang lên thì có thể biết lúc đó đang là mấy giờ...

Tôi đã sống 15 năm tại căn nhà 215/F12 này, từ năm 7 tuổi đến năm 22 tuổi.

Bao nhiêu là kỷ niệm vui buồn của cả một thời thiếu niên, dậy thì và trở thành một chàng trai...

Đáng nhớ nhất là những trò chơi thuở nhỏ...

Tám lô của cư xá Chu Mạnh Trinh mỗi lô có khoảng 18 nhà, thống nhất một bên số lẻ nhà dạng phố (4m x 13,5m) và một bên số chẵn nhà dạng biệt thự song lập (7m x 9m). Tổng cộng cả cư xá có khoảng 150 gia đình. Hồi xưa không có sinh đẻ kế hoạch gì ráo, nên con nít rất đông, dịp Trung Thu đổ ra xách lồng đèn đi lòng vòng trong cư xá đông như ngày hội.

Mỗi đứa một cái lồng đèn trong tay, nối đuôi nhau vừa đi vừa hát: “*Tết Trung thu đốt đèn đi chơi, em rước đèn đi khắp phố phường...*” (*Rước đèn tháng Tám* – Đức Quỳnh), rồi “*Bóng trắng trắng ngà, có cây đa to, có thằng Cuội già, ôm một mối mơ...*” (*Thằng Cuội* – Lê Thương) và bao nhiêu bài đồng dao khác. Các trò chơi khác trong đêm còn có “*Rồng rắn lên mây có ông thầy ở nhà không?*”, “*Thiên đàng địa ngục hai bên*”... Nhớ lại không hiểu tại sao những trò chơi đơn giản của ngày xưa ấy lại có thể làm cả đám chơi vui đến như vậy?!

Lồng đèn đa số được mua, cái thì làm bằng tre dán giấy bóng kiếng màu, cái là lồng đèn xếp hình tròn trái bí hoặc hình trụ. Nhưng thích nhất vẫn là tự làm lồng đèn cho mình. Lồng đèn xếp thì dễ rồi, thường làm bằng giấy pelure màu xanh màu hồng. Lồng đèn tre công phu hơn, phải đi tìm tre không già quá không non quá để dễ uốn cong, và lẽ dĩ nhiên phải là dân làm thủ công khéo tay, tỉ mỉ. Nhà sách Tương Lai và Văn Chương gần ngã tư Phú Nhuận – nay không còn nữa – là nơi cung cấp đủ vật dụng để làm các loại lồng đèn. Phổ biến là lồng đèn ngôi sao, rồi tàu thủy máy bay, con cá con bướm... Cần cái lồng đèn do chính mình làm để đi chơi cùng chúng bạn, bao giờ cũng thấy tự hào hơn. Còn có loại đèn làm bằng hai lon sữa bò, đẩy chạy được, với ánh sáng lập lờ, rất thích. Đám trẻ lớn hơn trong cư xá còn có trò chơi phùng lửa khá nguy hiểm. Sáp đèn cầy được nấu trên một cái chảo nhỏ, khi sôi lên thì lấy ống chích xịt nước vào. Lửa sẽ phùng lên thật cao, lóng lánh cháy tóc, lông mày như chơi! Vậy mà cứ chơi, cứ reo hò đến khản cổ...

Lúc đó chưa có tivi, cũng không có học thêm, dạy kèm..., nên các trò giải trí của đám con nít sau giờ học hầu hết là trò chơi vận động ngoài trời, diễn ra rần rần trong các đường hẻm.

Những trận bóng đá tung bừng trong cư xá, cùng nhiều trò chơi khác, lôi cuốn cả thằng Chương và con Thúy, con của nhà văn Duyên Anh ở lô D, có lẽ từ đó ông đã viết nên các truyện *Mơ thành người Quang Trung*, *Chương Còm*, *Con Thúy*, *Bồn Lừa*... rất hay. Riêng lô F, nhà tôi có tròng hai cây trứng cá và nhà bà Mập (số F9) có cây mận mát rượi phía trước là được ưa chuộng chọn làm chiến trường cho đủ loại trò chơi. Ngày nào cũng có thể chơi, sau khi đi học về Chủ nhật và cả mùa hè là chơi từ sáng đến tối.

Thật sự tôi không thể hiểu tại sao lúc đó đám nhóc chúng tôi có quá nhiều trò chơi nối nhau liên miên ngày này qua ngày khác như vậy. Ngoài

đá banh còn có chơi năm mươi (tức trốn tìm), chơi u, chơi cướp cờ, chơi thiên đàng địa ngục hai bên, chơi cá sấu lên bờ, chơi bịt mắt bắt dê, chơi rờng rắn lên mây, chơi bắn bi, chơi đánh đáo, chơi đập tường, chơi tạt lon, chơi tạt hình, chơi bông vụ, chơi thả diều, chơi đá dế, chơi đá cá... Trong nhà, mùa mưa thì có chơi dích hình, chơi búng thun, chơi búng hột me, chơi đồ cá ngựa và mùa Tết thường chơi đồ xăm hường...

Con gái cũng có thể chơi nhiều trò của con trai, và con trai thì hoàn toàn có thể chơi các trò của con gái: cò cò, nhảy dây, đánh đu, ô ăn quan, dải gianh... Mỗi trò chơi có từng đợt rộ lên chừng vài tuần, sau đó lại qua trò khác. Tôi tham gia tất cả những trò kể trên, tuy nhiên những trò cần nhiều thể lực thì tôi không mê, vì sức khỏe kém.

Nhắc tới những trò chơi vận động ngày xưa và bỗng thấy tiếc cho đám con nít bây giờ, cứ ru rú trong nhà, hai tay ôm smartphone, iPad, Note, play station, X-box...

Mỗi đứa một thế giới riêng, ng ấ... tự kỷ! Ăn uống bổ dưỡng, thiếu vận động, bệnh béo phì phát triển mạnh. Khả năng hòa nhập cộng đồng kém...

Nhưng thôi, mỗi thời một khác!

Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) phát hình thí điểm từ trên không trung lần đầu tiên vào ngày 7-2-1966 vào lúc 19 giờ, bằng kỹ thuật Stratosvision do máy bay vận tải bốn động cơ Dakota có tên là Blue Eagle, bay ở độ cao ổn định là 3.150m. Mỗi tối máy bay này chở 56,5 tấn máy móc rời phi trường Tân Sơn Nhất lên tới độ cao nhất định tại một địa điểm phía Đông Nam Sài Gòn khoảng 32km rồi từ đó vừa bay vừa phát sóng theo một lộ trình không thay đổi, lặp lại mỗi đêm với tốc độ ổn định là 271 km/giờ. Khu vực bắt sóng bao trùm cả miền Nam và Nam Trung Bộ, từ Phan Thiết đến Cần Thơ đều xem được. Lúc đầu phát hình một giờ đồng hồ, sau tăng thời lượng lên hai giờ đồng hồ.

Máy bay bay suốt bốn giờ liên tục từ 7 giờ đến 11 giờ đêm mới hạ cánh. Từ 8 giờ máy bay phục vụ cho chương trình truyền hình thứ nhì loan tin và giải trí cho quân đội Mỹ đến 11 giờ. Các máy móc thu, phát hình trong phi cơ đều của hãng RCA (Mỹ) trị giá nửa triệu đô-la Mỹ thời ấy. Do phát hình từ máy bay nên sóng truyền hình rất dễ thu, không cần đến ăng-ten công kênh phức tạp. Tuy nhiên, kiểu phát hình như vậy hết sức tốn kém, một đêm phát hình tối thiểu tốn 1.000 USD. Có lẽ phát hình bằng máy bay như đã sử dụng ở Sài Gòn cũng là một trường hợp hiếm có trên thế giới.

Ngày 25-10-1966 mới lập cơ sở trên mặt đất trong thành phố (số 9 đường Hồng Thập Tự – nay là Nguyễn Thị Minh Khai), ngưng phát hình bằng máy bay.

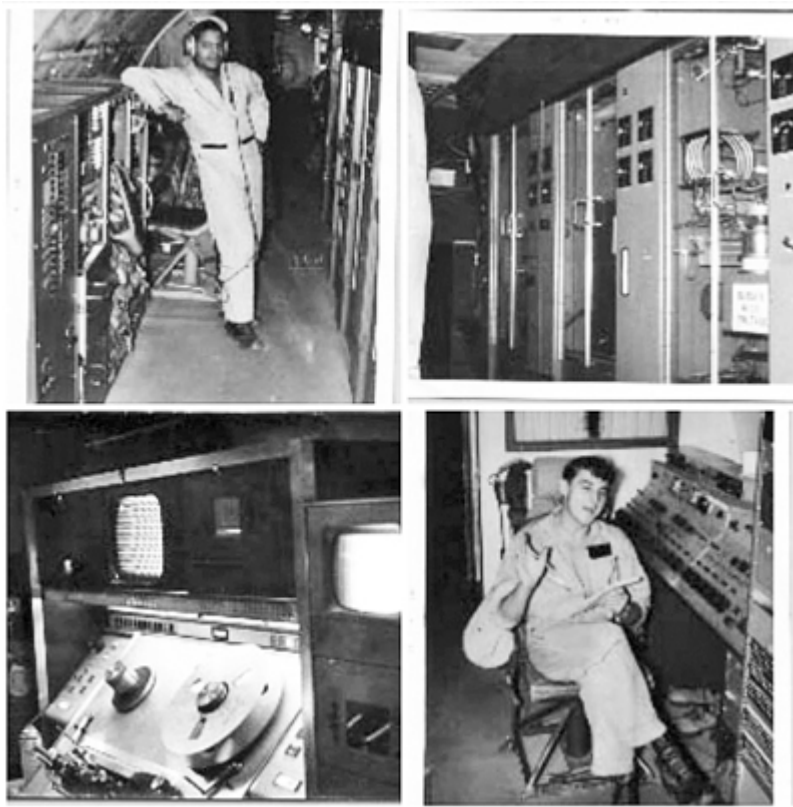
(Tổng hợp từ Internet)



1. Logo Đài truyền hình Việt Nam ở miền Nam trước 1975.

2. Máy bay Dakota – Blue Eagle năm 1966 ở phi trường Tân Sơn Nhất.

– Ảnh: Internet



Bên trong máy bay Blue Eagle.

– Ảnh: Internet

Vụ đáng nhớ thứ hai của thuở dậy thì ở Cư xá “Cái rốn” – *Những rung động đầu đời* – xin đọc ở Chương 3 “Hai... mối tình đầu” nhé bạn! Chỉ nói ngay ở đây là dù tôi tham gia đầy đủ mọi trò chơi với bọn con trai (trừ đá banh và chơi u, hai môn tôi không đủ sức), nhưng tôi vẫn dành rất nhiều thời giờ để chơi với bọn con gái trong cư xá. Các môn lò cò, nhảy dây, đánh đũa... tôi đều rành sáu câu. Có thể nói không có thằng nào trong cư xá chơi với con gái nhiều như tôi! Nhờ vậy mà kinh nghiệm rất nhiều, đón coi h ồi sau sẽ rõ.

Khoe một chút về một thành tích tôi lập thuở nhỏ, lúc khoảng 14 – 15 tuổi:

Đông con, sáng nào mẹ tôi cũng cho cả lũ ăn bánh mì, vừa rẻ vừa tiện. Bánh mì được mua dài hạn, do một ông đi xe gắn máy chở theo một cầi xé bánh mì sau lưng, tới nhà nào đặt mua thì ông lấy bánh mì bỏ vô bao giấy rồi thả vào nhà, bóp nhẹ cái kèn hơi cho trong nhà biết trước khi chạy tiếp. Bánh mì nhà tôi ông hay để ở bức tường lỗ có tấm sáo – hồi đó người ta hay có tấm sáo gỗ trước nhà, kéo lên thả xuống che mưa che nắng – che khuất. Ông bỏ bánh mì rất sớm, khoảng 5 giờ 30 sáng. 6 giờ là người giúp việc nhà tôi ra lấy vào cho chị em tôi ăn chuẩn bị đi học. Lúc đó tôi nhớ cả nhà thường ăn với trứng ốp-la, cá hộp Sumaco của Maroc – mẹ tôi rất thích ăn loại cá ngâm dầu ô-liu hơn là sốt cà – và bơ Bretel, fromage La Vache Qui Rit của Pháp. Bữa ăn sáng đó luôn có kèm dưa leo, hành tây, muối tiêu và nước tương Maggi...

Bỗng dưng có một lúc, mấy ngày liền, không có bánh mì! Dù sáng nào cũng nghe tiếng còi của ông đưa bánh. Mọi người trong nhà đầu hoang mang nhưng không ai biết phải làm sao, định đợi cuối tuần ông bánh mì tới thâu tiền mới hỏi. Tôi lẳng lặng quyết tâm tự mình làm thám tử. Năm giờ sáng tôi để đờng hồ reo, dậy đi qua hàng ba nhà đối diện để núp rình. Ngay sau khi ông bánh mì vừa chạy đi, lập tức có hai thằng nhỏ, khoảng 10 tuổi và 8 tuổi, xuất hiện và chạy tới thò tay vào sau tấm sáo để trộm bánh. Yên tâm hai đứa nhỏ con, tôi lao ra chụp tay thằng lớn và la lên: “Ăn trộm bánh mì!”. Thằng lớn không vùng được, đẩy cho thằng nhỏ chạy mất. Nhà tôi và nhà hàng xóm đổ ra coi, tôi nhớ có người hỏi nó tại sao lại đi ăn trộm như vậy, nó nói “tại tui nghèo quá, biết xóm này là xóm nhà giàu...”. Mẹ tôi khuyên nó từ nay đừng làm vậy nữa rồi kêu tôi thả nó ra. Nó bỏ đi không một lời cảm ơn, mặt lì cam. Bỗng dưng thầy tôi nói một câu mà tới giờ tôi vẫn còn nhớ: “Thằng này lớn lên thế nào cũng theo Cộng sản!”.

Cộng sản lúc đó đúng là một con ngáo ộp khổng lồ mà từ người lớn đến con nít, hết thấy đầu sợ. Đọc báo hàng ngày cho thầy tôi nghe, tin tức

nhieu nhứt chiếm đầy mặt trang 1 của các báo vẫn là VC^[16] đắp mô, VC đặt mìn, VC ám sát, VC pháo kích... Rồi đầu năm 1963, quân Giải phóng đánh thắng ở Ấp Bắc^[17], gây nhiều thiệt hại cho quân Việt Nam Cộng Hòa (VNCH)... Tới giờ tôi vẫn nhớ về trận đánh này bởi thầy rất quan tâm, kêu tôi đọc kỹ hết các bài trên các báo – nhà tôi lúc ấy thường xuyên đọc *Sài Gòn Mới*, *Ngôn Luận* (sau là *Chính Luận*), *Trắng Đen*, *Tiếng Vang*... – và nằm luôn miệng thở dài, tiếng thở dài của thầy rất lớn.

Không hiểu tại sao thầy lại nói “Thằng này lớn lên thế nào cũng theo Cộng sản!”, tôi theo hỏi mẹ thì mẹ nói lớn lên tôi sẽ hiểu.

Tôi lớn dần theo cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt. Mậu Thân 1968, năm tôi 17 tuổi, là khủng khiếp nhất, khi chiến tranh ào vào tới Sài Gòn, Huế... Người chết như rạ. Những vụ thảm sát tập thể ở cố đô Huế là kinh hoàng. Báo chí, truyền hình đăng tin với đầy đủ hình ảnh, đọc nổi da gà. Rồi mùa hè đỏ lửa năm 1972, quân Giải phóng mở những trận đánh lớn ở Quảng Trị, Tây Nguyên, An Lộc..., con số người chết hai bên lên tới hàng vạn. Những vụ đặt mìn diễn ra thường xuyên và khắp nơi^[18], trong đó có hai địa điểm dân sự đáng nhớ là vụ đặt hai quả mìn nối nhau nổ ở nhà hàng nổi Mỹ Cảnh (Bến Bạch Đằng, Sài Gòn) vào tối ngày Thứ bảy 25-6-1965, giết 42 người và làm 81 người bị thương; và vụ đặt chất nổ ở nhà hàng – vũ trường Tự Do đêm 16-9-1971, giết và làm bị thương hàng chục người... Ấn tượng mạnh là vụ pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy tỉnh Định Tường (nay là Tiền Giang) giữa giờ ra chơi chiều ngày 9-3-1974, giết chết nhiều học sinh...^[19] Ngay cả ở Sài Gòn, những năm sắp kết thúc chiến tranh, quân Giải phóng vẫn từ Nhà Bè, Thủ Thiêm, Bình Chánh... pháo kích vào Quận 1, Quận 4, Phú Nhuận... Sau một vụ pháo kích gây sập nhà và chết người ở khu xóm trong gần chùa Bà Đầm, cách cư xá chúng tôi đang ở chỉ khoảng 200m, nhà tôi lúc đó cũng như nhiều gia đình khác trong cư xá đều phải cho làm một hầm nổi chống pháo kích ngay trong

nhà, gồm những bao cát che chắn phía trên và chung quanh một bộ ván. Cho vui vậy thôi chứ làm sao chống nổi đạn 122 ly nếu nó rơi thẳng vào nhà?

Vậy mà rồi cũng có nhiều ngày tôi theo Cộng sản...

3. “Bàn cờ cũng như cuộc đời...”



*Áo vest đen, quần trắng, giày da trắng, thắt cravate, tay cầm canne...
Khoảng năm 1930 trên đỉnh Lang Biang ở Đà Lạt. Thầy tôi – nhà thơ nhà
báo Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy – xuất thân Nho học mà trông cũng có vẻ
“dân chơi” lắm chứ!*

“Đằng sau thành công của một người đàn ông, luôn có hình bóng của một người đàn bà”.

Người ta thường nói vậy.

Còn đằng sau thành công của một người đàn bà?

Tôi đã mấy lần viết về mẹ tôi, nhưng thật bất công khi chưa bao giờ viết về cha. Người mà tôi gọi bằng “thầy”, như trong nhiều gia đình người miền Trung khác. Ngay cả mẹ tôi hàng ngày vẫn gọi ông bằng “thầy”, vì

trong thực tế, ông chính là thầy dạy mẹ tôi viết văn, từ khi bà còn là nữ sinh trường Áo Tím (sau này là trường Gia Long, rồi Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay).

Thầy tôi tên Nguyễn Đức Huy, sinh năm Dần 1902 ở Quảng Ngãi.

Theo thế phả phái Quý^[20] của tộc Nguyễn làng Bảo An, xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam thì Titled hiên^[21] của họ Nguyễn làng Bảo An là cụ tổ Nguyễn Liệt, quê quán ở huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, thuộc triều Hậu Lê. Năm Canh Thìn 1470, nhà Hậu Lê đại thắng Chiêm Thành, lập ra đạo Quảng Nam (từ đèo Hải Vân đến Quảng Ngãi). Hai năm sau, 1472, vua khuyến dân vào Nam khai hoang. Cụ tổ Nguyễn Liệt theo lệnh vua, dẫn vợ con dong thuyền buồm vào Nam lập nghiệp, đầu tiên ghé ở Triệu Phong, Quảng Trị, đến năm 1611, các đời sau tiếp tục dời vào Hòa Đa trước khi vượt sông Thu Bồn vào định cư hẳn ở Gò Nổi, Bảo An... Năm 1924, ghi nhận công lao mở đất của cụ, vua Khải Định đã phong sắc “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn Thần” cho cụ, lệnh cho toàn dân bốn xã đời đời thờ phụng.

Thế phả phái Quý xếp cụ Nguyễn Liệt là đời thứ nhất của tộc Nguyễn làng Bảo An theo phái mình. Đến ông nội tôi, Nguyễn Quang Biêu (tên ở nhà là Thắng), là đời thứ 13, theo ông cố tôi về Quảng Ngãi lập nghiệp. Nay đã là đời thứ 16 mà đọc lại toàn bộ thế phả hàng nghìn người, chẳng thấy ai được làm quan lớn cho dòng họ nhờ, thỉnh thoảng mới có một ông cai tổng, lý trưởng. Lớn chức nhất dòng họ phái Quý có lẽ là cụ Nguyễn Duy Tự, đời thứ 11, đậu phó bảng, làm tri phủ. Chấm hết! Nếu tin vào khoa địa lý thì có lẽ mộ cụ Tổ đã không được táng trong thế đất giúp con cháu phát quan. Tử vi bốn anh em tôi cung Quan đầu xấu, riêng tôi còn bị Triệt!

Ông nội tôi có năm người con, hai người đầu mất sớm, chỉ còn ba, một gái hai trai. Như thông lệ hũ đó, chỉ con trai được đi học. Những người

sống trong thời kỳ đó thường đều phải trải qua hai nền giáo dục. Thuở nhỏ, thầy tôi (Nguyễn Quang Dân, sau lấy tên giấy tờ là Nguyễn Đức Huy) học theo chương trình thi cử bằng Hán văn của nhà Nguyễn, nghe kể là học rất giỏi, mới 14 tuổi đã đậu ngạch Học sinh của tỉnh. Sau đó, khi cùng người anh ruột là Nguyễn Quang Tý (tức Nguyễn Đức Nhuận, làm thơ lấy bút danh là Bút Trà – tức núi Thiên Bút và sông Trà Khúc ở Quảng Ngãi) [22] chuẩn bị đi thi Hương thì ầu đình bãi bỏ chế độ thi cử. Năm thầy 19 tuổi, ông nội tôi bị bệnh mất (bà nội đã mất từ trước), hai anh em bỏ nhà vào Sài Gòn lập nghiệp với nghề viết báo.



Hai anh em Bút Trà (trái) – Hồng Tiêu ở tòa soạn báo Sài Thành. Nhà báo ngày xưa ăn mặc quá nghiêm chỉnh! Tôi nhớ thầy tôi lúc nào ra đường cũng thắt cravate, mang giày da, không như tôi và các đồng nghiệp ngày nay ăn mặc quá xuề xòa.



Hai nhà báo Hồng Tiêu và Tùng Long đi bát phố Catinat (Đồng Khởi ngày nay), sau lưng là tiệm cà phê Givral. Ăn mặc quá lịch sự!

Một thời gian ngắn sau, bác tôi kết hôn với bà Tô Thị Thân, một phụ nữ giàu có từng có một đời chồng người Hoa. Bà này bỏ vốn cho ông làm tờ báo *Sài Thành* (sau đổi tên là *Sài Gòn Mới*) và thầy tôi về làm chủ bút. (Sau mẹ tôi cũng về làm thư ký tòa soạn tờ báo này). Hình như việc làm báo giúp bà Bút Trà giàu thêm? Bằng cớ là hai đứa con trai của bà ra riêng được giúp vốn làm hai tờ tuần báo *Phụ Nữ Diễn Đàn* và *Phụ Nữ Ngày Mai* bán cũng rất chạy. Còn cô con gái út, chị Kim Châu, được hưởng của hồi môn là rạp hát mang tên mình ở đường Nguyễn Văn Sâm gần chợ Bến Thành (nay là Nguyễn Thái Bình).

Đến đây tôi xin mở ngoặc đôi dòng về bác trai tôi, thi sĩ Bút Trà. Sau khi lấy được bà vợ giàu, hầu như ông không phải làm gì nữa, chỉ ăn rỗi...

diện đẹp, đi chơi. Ông lần lượt lấy thêm hai bà vợ nhỏ, cả hai đều xinh đẹp (đặc biệt bà vợ hai, thường được gọi là “Hoa hậu Mayer” – tên cũ của đường Hiền Vương, nay là Võ Thị Sáu, do nhà bà ở trong một con hẻm của đường này – chân dài, người đầy đặn như Thẩm Thúy Hằng, xứng danh mỹ nhân), tổng cộng ba dòng con khoảng mười mấy người. Lẽ dĩ nhiên ông không bỏ bà lớn – lúc ấy bà đã bị bệnh bấy giờ gọi là “béo phì”, nặng trên 100kg – và đáng ngạc nhiên là bà dù biết tất cả mọi chuyện, vẫn tỉnh bơ chu cấp đầy đủ cho ông nuôi hai bà vợ sau. Ông có ra hai tập thơ *Tâm sự ngàn thu 1 và 2* in trên giấy đẹp nhất thời đó, tuy nhiên trong đầu tôi chỉ còn nhớ mỗi câu lục bát mà ông rất thích đọc trong các cuộc họp mặt gia đình, đọc xong lại cười ha hả:

Thân anh như trái banh tròn

Chuyên tay người đẹp hết còn tự do!

Mỗi lần như vậy bà bác tôi chỉ tủm tủm cười, thật là đáng nể!

Cũng quá đáng nể, là chuyện bà đứng ra thu xếp cho thầy tôi chia tay với người vợ trước để kết hôn với mẹ tôi. Bà giúp vốn cho người vợ trước mở một tiệm thuốc tây để làm ăn, rồi sau đó còn đứng ra xây dựng gia đình cho bà ấy lấy người chồng thứ hai!

Mẹ tôi cũng đáng nể không kém, khi nhận nuôi luôn ba đứa con của chồng với người vợ trước, ăn học đến ngày trưởng thành ra đi làm. Cả ba cùng coi mẹ tôi như mẹ ruột của mình.

Trở lại với chuyện của thầy tôi.

Vào nghề báo ở Sài Gòn (làm các báo *Opinion* – một tờ báo song ngữ Pháp – Việt – rồi *Sài Thành...*), thầy bắt đầu có tên với các bút danh Hềng Tiêu, Nhất Chi Mai, Như Hoa – nổi tiếng với mục “Film du jour” kiểu như “Chuyện thường ngày” của *Tuổi Trẻ* bây giờ (sao thầy thích lấy bút danh nữ vậy nhỉ?)... Đây cũng là một “ông Trương Phi trong làng báo”, nóng

như lửa, mà sự kiện từng gây rùm beng là chuyện ông bọp tai bà Phương Lan, nữ ký giả đầu tiên của làng báo Sài Gòn, vợ ông Lan Đình Bùi Thế Mỹ, và bị thừa ra tòa, bị xử phạt b ấi thường 1 đ ồng danh dự! Tên tuổi trong nghề báo của thầy lúc ấy, tôi nghĩ chắc không nhỏ, vì khi ông Trần Trọng Kim lập chính phủ, có mời thầy nhận chức Bộ trưởng Bộ Thông tin, nhưng thầy từ chối vì biết chính phủ này bù nhìn, thân Nhật. Thầy còn có lúc tự đứng ra làm chủ báo – báo *Đông Thịnh* – để mong đổi đời, nhưng... thất bại. Số không làm chủ được, vậy thôi! (Mà hình như cả nhà tôi là vậy!).

Ngoài làm báo, thầy còn viết tiểu thuyết (đã xuất bản ba cuốn *Máu chảy ruột mềm*, *Tìm cha phương trời* và *Lá thơ rơi* – 2 tập), làm thơ (đã xuất bản *Hồng Tiêu thi tập* – đáng tiếc những cuốn này nay đâu không còn!), dịch sách Tàu (tôi nhớ có các bộ *Liêu trai chí dị*, *Hỏa thiêu Hồng Liên Tự*, *Phương Thế Ngọc*, *Đường thi tam bách thủ*, *Tống thi...*). Thầy dịch rất nhanh. Tôi ng ẫi đánh máy cho thầy vừa đọc sách vừa dịch, nhiều khi chạy theo không kịp! Thầy lại biết cả tiếng Pháp, dịch thơ Lamartine, Rimbaud, Verlaine, Baudelaire... và đi dạy Việt văn ở vài trường tư. Thừa năng lực (?), thầy còn làm một việc mà bây giờ chưa chắc ai đã dám làm: mở lớp học hàm thụ (dạy từ xa, qua thư từ) hướng dẫn viết văn, làm thơ! Một trong những đệ tử của thầy chính là... mẹ tôi, lúc ấy đang học trường Áo Tím, cô học trò mà sau này thầy nói là xuất sắc nhất và sau khi cưới được cô thì bỏ luôn, không dạy ai nữa (hay cũng có thể đã bị học trò cấm, không cho dạy nữa vì... quá nguy hiểm?). Không hiểu thầy dạy thế nào mà hai thầy trò gặp nhau r ẫi mê nhau như điên đảo, dù thầy đã lập tức nhận ra trò cũng chính là con của một người bạn vong niên trong Việt Nam Quang Phục Hội ngày xưa! (Về chuyện tình này, mẹ tôi đã kể khá chi tiết trong *Hồi ký Bà Tùng Long*, Công ty Sách Phương Nam ấn hành năm 2003, tái bản năm 2014).

Sau đây xin chép lại một bài thơ của thầy viết trong giai đoạn tán tỉnh mẹ (và mẹ thuộc lòng cho tới những ngày cuối), đọc lại thấy thương cho cái sự mất công của mấy ông già ngày xưa, đâu như bây giờ có khi chỉ vài tin nhắn là xong:

Trăm lạy trời xanh chớ phụ phàng

Muôn nghìn đau khổ dám từ nan

Dọn đường anh quét xong gai góc

Để bước em đi được nhẹ nhàng

Tình ái xưa nay vật thế nào?

Bây giờ mới biết nó ra sao!

Yêu em, yêu lắm nên ham sống

Sống để dìu em những bước đầu

Vốn nhà thi lễ bực trâm anh

Đâu dám như ai thói bợc tình

Rìu búa ngửa vưng lời trách móc

Đá vàng không lọt dạ đình ninh...

Có thể nói mẹ tôi vào nghề văn chính là nhờ sự hướng dẫn của thầy tôi. Ngay cả bút hiệu của bà – Tùng Long – cũng do ông đặt cho, theo một khái niệm Hán ngữ: “Vân tùng Long, Phong tùng Hồ” (Mây theo Rồng, Gió theo Cọp – vì mẹ tôi tên Vân). Sau này, khi mẹ đã nổi tiếng, mẹ ngẫm viết bài, thầy nằm giường gần bên, thỉnh thoảng có chữ gì không rõ nghĩa, nhất là chữ Hán Việt, hoặc điển tích gì khó hiểu, mẹ hỏi, đầu được thầy giải thích thông suốt.

Có lẽ chính vì vậy mà mẹ tôi quý trọng chồng tới ngày cuối cùng, chịu đựng ông như ý. Thầy rất thích kết giao bạn bè, thường lôi về nhà ăn

nhậu đủ loại bạn nghệ sĩ giang hồ, cho bạn tới đồng bạc cuối cùng, mẹ tôi vẫn luôn vui vẻ hầu cơm nước. Thầy đánh cờ tướng giỏi, các môn đồ đen khác cũng vậy, có lần đi đánh bài từ chiều hôm nay đến sáng hôm sau, khi về vác cả túi tiền, dẫn theo sau lưng một gánh bún thịt nướng và một gánh chè bột khoai để đãi... cả xóm, mẹ tôi vẫn không phiến trách một lời. Năm mười mấy tuổi, chán cảnh bon chen và bất mãn chế độ gia đình trị của ông Ngô Đình Diệm, thầy nghỉ làm việc, về nhà làm thơ, dịch sách, hưởng nhàn... Mẹ luôn bỏ thang rượu thuốc “Thập toàn đại bổ” mắc tiền nhất của tiệm thuốc Bắc nổi tiếng Vạn Hối Xuân ở đường Phan Chu Trinh cửa Tây chợ Bến Thành ngâm cho ông uống (lúc ấy một thang trị giá cả lượng vàng!), trà Thiết Quan Âm^[23] mỗi ngày ngửi hầu thầy hai cữ^[24], pha nước nóng có chút Eau de Cologne cho thầy tắm, hàng ngày ngửi soạn thực đơn luôn hỏi thầy ưng ăn gì... Thầy là một trong những người đàn ông ghen tuông kinh hồn nhất trên đời mà tôi được biết. Ngoài lúc đi làm đi dạy, hầu như mẹ không đi đâu và cũng chẳng dám ăn diện gì cả. Biết ý thầy, ra đường bà chỉ mặc áo dài trắng hoặc một màu thật trang nhã, và luôn hết sức cẩn trọng, kín đáo trong chuyện giao thiệp. Vậy mà thỉnh thoảng anh chị em tôi vẫn được chứng kiến những màn “đổ ghè tương”^[25] náo nhiệt thật tức cười của thầy. Thậm chí có lần vì quá ghen với một ông... thầy chùa mà thầy tự... cạo trọc đầu, trông rất ghê!

Hối bốn anh em trai chúng tôi còn nhỏ, thầy dạy cả đám học *Tam tự kinh* – một bộ sách Hoa ngữ nhập môn dạy luôn đạo lý của người Hoa, viết và đọc được hết bộ coi như đã có một số vốn chữ Hoa lận lưng. Rồi dạy làm thơ Đường (tứ tuyệt, bát cú, thất ngôn, ngũ ngôn), thơ lục bát. (Có lẽ nhờ vậy mà cả ba anh tôi đều có khả năng thi phú, riêng tôi không hiểu sao đầu óc lại quá thực tế nên không thích theo con đường này). Các chị em gái ai thích thì học, thầy không bắt buộc, nhưng đám con trai phải biết. Lúc tôi còn nhỏ, hàng năm, vào sáng mùng Một Tết, thầy mẹ ra ngửi trước bàn

thờ gia tiên, từng đưa con tiến đến khoanh tay chúc Tết, đưa nào chúc bằng thơ sẽ được khen nhiều hơn. Hàng ngày, thầy dạy chúng tôi y như một nhà Nho dạy con, toàn dùng các câu chữ Hán. Đến giờ tôi còn nhớ được vài câu như “*Thiên kim chi tử bất nhập tùy đường chi hạ*” (Đưa con ngàn vàng không đứng dưới mái nhà nghiêng – để dặn các con phải hết sức cẩn thận trước những chuyện có thể gây nguy hiểm), “*Qua điền bất hạ lý, lý hạ bất chỉnh quan*” (Đi trên ruộng dưa đừng cúi xuống sửa giày, đứng dưới cây mận đừng đưa tay lên sửa mào – tránh làm những chuyện khiến người ta phải nghi ngờ mình), “*Mạn tàng hôi đạo*” (Đừng để của cải hơi hỏng khiến người ta sinh lòng tham), “*Dưỡng nam bất giáo bất như dưỡng lư, dưỡng nữ bất giáo bất như dưỡng trư*” (Nuôi con trai mà không dạy không bằng nuôi lừa, nuôi con gái mà không dạy không bằng nuôi heo), “*Thư trung hữu mỹ nữ*” (Trong sách có người đẹp – chịu khó học sẽ tìm được các em đẹp – tôi chịu khó học chỉ vì câu này!)... Những lời dạy dỗ ấy, tôi nghĩ, vẫn còn giá trị đến tận bây giờ.

Lúc còn đi làm, thầy ăn xài rất thoải mái dù gia đình tôi chưa bao giờ giàu, mua sắm toàn thứ đắt tiền, thường cho cả nhà đi xem phim, đi ăn nhà hàng bằng xe taxi, thích uống cognac Courvoisier... Tôi còn nhớ có lần đi ăn cưới mẹ buột miệng khen một người quen mặc chiếc áo dài nhung đen, hôm sau thầy lặng lẽ ra đường Tự Do (nay là Đường Khởi) mua ngay một xấp vải nhung cho mẹ, mẹ phải xuýt xoa tiếc vì quá mắc. Cái áo dài nhung đó, mẹ giữ đến tận cuối đời, mới nguyên!

Vào đầu những năm 1970, anh Trạch và anh Thạch đi lính, anh Lập làm luật sư ra thuê nhà ở riêng, chỉ còn mình tôi ở nhà đi học và lo cho thầy. Tôi được thầy tin cậy cho hót tóc, nhổ râu, cắt móng tay móng chân và cả... tắm rửa cho ông. Thỉnh thoảng ông lại bắt tôi ngõ đàn mandolin cho ông nằm lim dim nghe. Tôi chỉ biết đàn vài bài do tự tập: *Never on Sunday*,

Cánh bướm vườn xuân, I will follow you, Que sera sera... Thường ông chỉ nghe được hai bài rồi chắc chán quá nên ngủ luôn.

Nhà chật, lúc nhỏ tôi ngủ với thầy. Tôi bị suyễn, thầy là người xoa dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín cho tôi. Tôi bị dị ứng nặng, hay ngứa mắt ngứa mũi, thầy chữa bằng một phương pháp lạ: chà hai tay thật mạnh vào nhau cho đến khi nóng hực lên rồi đắp lên mắt mũi tôi, vậy mà lúc ấy tôi thấy rất “đã”. Tôi nổi mề đay trên lưng trên đầu thì thầy gãi lưng gãi đầu, xong lấy... dầu thơm chế lên, rất ời là rất, nhưng cũng “đã” luôn. Không có ông anh nào của tôi được như vậy. Bởi vậy, trong khi mấy anh chị em không gần gũi thầy thì tôi thương và gần thầy nhiều. Những năm sau này, khi các anh đã ra đi làm, đi lính, chỉ còn tôi là người kề cận chăm sóc thầy.

Là người học giỏi, ít nhiều tài hoa, nên thầy hơi bị... kiêu, ngang chướng, thương kẻ dưới, ngạo người trên, tính cách đó khó làm việc dưới quyền ai. Thầy hay nói đùa rất hài hước, châm chọc thì sâu cay, cũng là người cực kỳ nóng tính, có gì không vừa ý là la hét ầm nhà. Tôi không hề thấy thầy làm bất cứ việc gì trong nhà, lại thích sai, cứ gặp đứa con nào đi ngang là có ngay chuyện để sai khiến, nên bị bọn tôi lén đặt tên là “Vua sai”. Thầy chủ trương “đàn ông làm việc nước, không làm việc nhà”, nên bốn anh em trai tôi chỉ lo ăn, học và đi chơi, quá nhàn hạ. Quan niệm về chuyện học của các con của thầy cũng rất tếu, thỉnh thoảng thấy đứa nào xách cặp ra thầy lại nói: “Hôm nay ở nhà chơi đi con!”. Theo thầy, hơn thua là khi ra đời, chứ ở trường chỉ học cho biết thôi. Quan trọng là phải đọc nhiều, biết nhiều, suy nghĩ nhiều, giao tiếp nhiều... Sau tôi thấy thầy có phần đúng, nhiều người học rất giỏi nhưng ra đời lại không bằng ai. Thầy dạy các con trai đánh cờ, cho hút thuốc lào, uống rượu, khuyến khích đi học ngoại ngữ, chụp hình, võ thuật, guitar, bơi lội, nhảy đầm, lái xe hơi... với quan niệm đàn ông thì cái gì cũng nên biết. Khi các anh tôi không còn ở chung nhà thì tôi là người hầu cò thầy. Thầy dạy tôi

chơi, lúc đầu chấp tôi nguyên bộ xe-pháo-ngựa, rồi bớt dần cho tới khi hai người đánh đồng rồi có khi tôi cũng thắng được thầy. Xưa thầy nổi tiếng là tay chơi cờ nóng tính, không chịu thua, và từng có lúc đập nguyên cái bàn cờ lên đầu anh rể tôi (anh Hóa, chồng chị Bạch Liên, con người vợ trước). Tôi đã nghe kể chuyện dạng đàm tiếu này nên chơi rất thận trọng, không dám chọc quê khi rình ăn được quân xe của thầy. Nhưng đến lúc già thì thầy không còn nóng nữa. Thầy chỉ khuyên tôi đừng ra đường đánh cờ thế ăn tiền, coi như nộp tiền cho họ. Đặc biệt câu thầy dặn, tôi còn nhớ mãi: “Bàn cờ cũng như cuộc đời, đã hạ quân xuống thì không thể lấy lên làm lại, nên trước khi làm gì con cũng phải suy nghĩ kỹ...”.

Sau giải phóng, đời sống quá khó khăn, người sành ăn và thích ăn ngon như thầy phải nhịn nhiều, rượu chỉ được uống loại rượu thuốc rẻ tiền, ngày một xị trước khi đi ngủ – lúc đó thầy đã bị nghiện, không uống không ngủ được. Thầy chịu đựng được tất cả, không than phiền gì, chỉ thỉnh thoảng nằm nghĩ đến hai đứa con trai đi học tập cải tạo và một đứa nữa đi kinh tế mới, cứ liên tục thở dài, nghe mà xót ruột. Tôi đi TNXP rồi đi bộ đội, có đồng nào đâu. Chỉ khi về làm *Tuổi Trẻ* mới bắt đầu có lương, nhưng thời kỳ đầu cũng chẳng là bao, nhu yếu phẩm còn không đủ xài. Thỉnh thoảng có chút tiền về chở thầy đi ăn mì hoành thánh, hoặc mua về ít heo quay vịt quay, là đã... sang trọng lắm rồi. Uống rượu dầm làm sau này thầy bị lẫn nhiều, các cháu nội cháu ngoại về thăm lần nào thầy cũng hỏi đứa nào đây, con ai...

Ước mơ tha thiết trong mấy năm cuối đời của thầy là được một lần về thăm lại làng quê nghèo ở Trường Yên, Quảng Ngãi, nơi có mộ ông bà tôi, và được ăn lại món don^[26], sau đó có chết ở đó cũng vui lòng. Niềm tiếc nuối lớn nhất của tôi về thầy là đã không thể giúp ông thực hiện được ước mơ ấy.

Ngày 26-3-1985, đang nằm ngủ, bỗng thầy la lên một tiếng lớn rồi hôn mê, sáng hôm sau thì mất, thọ 83 tuổi.

Không hiểu sao tôi lại có một niềm tin chắc nịch là thầy thương tôi nhất và luôn phù hộ cho tôi trong những lúc khó khăn. Có thể nói đến giờ này, trong chín đứa con, tôi là đứa nhiều may mắn nhất nhà. Có những lúc thấy tai nạn chết người đến nơi, lại thoát. Rồi bao nhiêu lần bệnh nặng, vẫn gặp quới hơn giúp đỡ. Có lẽ vì tôi là đứa con đã ở bên thầy nhiều nhất trong những năm cuối đời? Hay có lẽ vì tôi có nhiều... tật xấu giống thầy?

Tôi chỉ còn lưu giữ được khoảng hơn 100 bài thơ của thầy và một tập thầy dịch thơ Đường, thơ Pháp – tất cả đều do chính tay mẹ tôi chép lại, vì chữ mẹ rất đẹp, dễ đọc hơn chữ thầy. Đa số là thơ cổ, không còn hợp với thời nay nữa. Tuy nhiên có một bài lục bát mà tôi nhớ mãi, xin ghi lại đây:

Hồng Tiêu

Vê cổ hương

Qua sông ta gọi con đò

Lòng ta như nắm chỉ vò trên tay

Lìa quê từ ấy đến nay

Biết rằng cảnh có như ngày ra đi

Sông xanh trắng bạc từ khi

Bây giờ lại chiếu mặt mày cố nhân

Ngậm ngùi thân lại tủi thân

Bốn phương nặng nợ, mười ân lỗi nhì

Cây xưa nọ gốc bồ đề

Nhà xưa chủ mới, mình này người xưa

Mơ màng trong cõi nắng mưa

Đòn cân tạo hóa trù thừa biết sao!

Để chân về chốn chốn nhau

Mà như khách lạ nơi nào tới chơi

Cố hương ơi! Cố hương ơi!

Người con mắt biển chân trời về đây

Tur bề lặng lẽ nước mây

Vô tình nước chảy mây bay một chiều.

(Cổ Lũy Cô Thôn, 1934)

Giờ thì thầy và mẹ – một đôi tri kỷ văn chương – có lẽ đang tha hồ thông dong bên nhau ngao du khắp chốn phong vân. Hình ảnh những buổi sáng thầy vừa uống trà vừa đọc thơ, mẹ ngồi bên cạnh dịu dàng lắng nghe, sẽ sống mãi trong ký ức tôi...

(Viết nhân đám giỗ thầy năm thứ 25 – tháng 3/2010)

PHỤ LỤC

Đôi lời: *Hút thuốc phiện có lẽ là một cái thú (?) của không ít văn nghệ sĩ, nhà báo... thời trước 1975 ở miền Nam, thịnh hành khoảng trước 1954 (còn nói là hút... tốt cho sức khỏe và giúp ích sáng tạo!). Tôi nhớ một số người bạn của thầy tôi đều hút. (Trong cư xá Chu Mạnh Trinh có khá nhiều văn nghệ sĩ ở lúc bấy giờ, có nhà văn Nguyễn Mạnh Côn cũng là bạn hút, thỉnh thoảng hai người qua lại nằm tâm sự với nhau hàng giờ bên bàn đèn). Thầy tôi đã tự bỏ được khi cuộc sống ngày càng khó khăn má tôi kham không nổi (sau năm 1963). Tôi nhớ ông đã làm được việc đó không hề dễ dàng, nhưng đúng là ông đã nói bỏ là bỏ. Bài viết dưới đây cũng xác nhận vậy.*

Bài báo xưa lơ xư lắc này không chỉ kể về thú ấy mà còn cho biết khá nhiều về hoạt động làm báo từ xa xưa ở Sài Gòn, qua những câu

chuyện về thầy tôi và một vài người bạn. Ông đúng là dân chơi thứ dữ, xứng đáng là hồ phụ (ông tuổi con cọp, 1902).

Câu “Vô sở bất chí” cũng là câu ông hay dạy bốn anh em tôi (chỉ dạy cho con trai câu này). “Ở đời không có cái gì là không biết, không có cái gì là không làm”. Hehe, tôi đã theo lời ông được hầu hết, chỉ trừ ma túy là chưa dám chơi...

(Cảm ơn bạn Phạm Công Luận đã chuyển cho tôi tư liệu quý giá này)

N.Đ.T.

Làng báo Sài thành trên 10 năm trước

VÀI TAY KIẾN TƯỚNG

Đức Khiêm

(Bài đăng trên trang 5 – 6 báo *Việt Thanh* số Xuân Nhâm Thìn 1952)

Tôi làm chung với ông Phan Khôi và H ông Tiêu

Khoảng năm 1941 – 1942 tôi có làm chung với hai ông Phan Khôi và H ông Tiêu trong một thời gian ngắn, ở báo *Đông Thịnh*.

Tôi lúc ấy viết còn kém, mỗi tuần chỉ viết một bài và giữ mực văn uyển, còn ông Phan Khôi viết một tuần hai bài, một bài dạy làm thơ và một bài luận thuyết.

Ông Phan Khôi có một điều khác người ta là tự ấn định tiền mỗi bài mình viết, hễ giao bài là lấy tiền, có nhiều khi lấy tiền trước mới viết sau.

Tiếng là anh em làm chung với nhau trong một tòa soạn, thật ra tôi coi ông như một người anh cả, tự xem mình như một người em út.

Lúc ấy tôi mới 16 tuổi^[27] còn ông Phan Khôi đã ngoài ngũ tuần.

Cuộc cộng tác giữa tôi và ông Phan Khôi tại tờ tạp chí *Đông Thịnh* do ông H ông Tiêu Nguyễn Đức Huy làm chủ nhiệm. Việc ấn loát và trình bày

ông Hồng Tiêu giao trọn quyền cho tôi. Còn quản lý do thầy Lâu, em người vợ lớn của ông, trông coi quản xuyên.

Tờ *Đông Thinh* lúc ấy in tại nhà in Xưa Nay, do cô Triệu Âu (con gái ông Nguyễn Háo Vĩnh) làm chủ.

Lúc làm tờ *Đông Thinh* chung với tôi, ban đêm thì ông Phan ngụ tại nhà ông Bùi Thế Mỹ, còn ban ngày ông thường đóng trụ sở ở tiệm hút Khoan Ký đường Kitchener^[28], vì từ tiệm này tới nhà ông Mỹ gần hơn hết.

Tòa soạn báo Đông Thinh

Ông viết bài cũng ở tiệm. Xong cho đưa làm thuốc đưa lại tòa soạn chứ ít khi ông đích thân đến.

Tòa soạn báo *Đông Thinh* lúc đó kêu là tòa soạn cho oai để có địa chỉ độc giả gửi thư mua báo hoặc gởi bài, thật ra thì chỉ mượn phía trước hàng ba tiệm thuốc Đờ Nam ở đường Colonel Grimaud^[29], vừa đủ chỗ đặt được một cái bàn con và hai cái ghế.



Bìa báo Việt Thanh Xuân Nhâm Thìn 1952 và bài báo Vài tay kiến tướng.

Ông Khôi đang... rặn

Nhiều kỳ, Chủ nhật ra báo mà Thứ năm ông Khôi vẫn chưa có bài nào hết. Ông Hồng Tiêu đến nhà in rủ tôi cùng đi lại tiệm Khoan Ký lấy bài về cho thợ sắp.

Tại tiệm ông Phan có một chỗ nằm nhất định, lên thang gác, qua khỏi chỗ bán thuốc là đến “trụ sở” của ông.

Chúng tôi bước vào, thấy bộ đồ tây treo trên móc, bàn đã lên đèn, anh làm thuốc nằm chèo queo một bên đang hí hoáy làm thuốc, ông Phan đang lum khum... rặn bài.

Thấy chúng tôi đến, ông ngẩng dậy, lật cặp mắt kiếng ra nói:

– Tưởng lát nữa xong, mả cho người cầnlại nhà in, gắptoa đến may quá! À! Mà toa có cầntiền lại cho mả mượn không?

Ông Hồng Tiêu chỉ cười mà không đáp, rồi móc túi lấy ra 60 đồng đập ra giữa bàn một cái bép, ba người chúng tôi trông nhau cùng cười.

– Cỗ động viên ở Nam Vang hôm qua gửi mắnga[30] về được bao nhiêu mả đem theo đấy.

Tôi từ chối nhập làng bẹp

Bấy giờ, Hồng Tiêu bảo tôi cũng cởi áo quần tây và giày rồi lên nằm chơi. Tôi nghe lời, song khi ông bảo kéo vài điệu chơi, thì tôi nhất định từ chối.

Ông nói: “Toa đại lắm, vô sở bất chí, ở đời không có cái gì là không biết, không có cái gì không làm”.

Ông Phan Khôi nghe nói đang viết bèn ngẩng ngay dậy, ngăn lại: “Toa không nên rủ anh ấy hút. Bọn mình đây đã già rồi thôi thì tới đâu thì tới, chẳng những không chịu bỏ, mà quyết không bỏ. Còn mấy anh thanh niên đang đứng ngoài vòng, tội mình đừng nên kéo họ vào...”.

Ông Khôi tuyên bố

Rồi ông tiếp: “Từ trước đến giờ, đối với vấn đề thuốc phiện, mả khác toa, đã không nghiện thì chớ, đã nghiện rồi thì nhất định không bỏ, dẫu nghèo đến chết cũng vậy. Còn toa nay hút mai bỏ, một hút kia bỏ, rốt cuộc chỉ thêm hại mình và tốn tiền chứ không ích gì”.

Mà thật có như vậy, ông Phan Khôi có viết trong một số *Xuân Dân Báo*, dám tuyên bố: “Tôi nhất quyết không bỏ thuốc phiện!”, và ông cũng có nói với tôi: “Từ khi tập hút chút cho đến ngày nay đã già, tôi chưa hề uống thuốc cai nha phiến một lần nào”.

Bỏ đi hút lại

Còn ông Hông Tiêu trái ngược lại: Hễ có tiền và gặp anh em bạn là ông rủ hút, thích là chơi, còn ngày mai ra sao ông không cần nghĩ tới.

Hễ một khi hết tiền thì ông ra cụ Mộng Võ (một ông lang từng xuất dương du học bên Nhật về, có viết trên *Đông Thịnh về Kỹ nghệ làm giấy ở Nhật Bản*, một bạn chí thân của Hông Tiêu và lúc tờ *Đông Thịnh* sắp chào đời, cụ có xuất vốn cho ít nhieu) bỏ một thang thuốc Bắc về ngâm, mua 5 cắc bạc thuốc phiện (giá hồi năm 1942) tảo lại ngâm chung trong ít ngày đem ra uống là bỏ được.

Anh em rất phục ông Hông Tiêu ở chỗ đó, hễ có tiền là hút cả ngày, có bao nhiêu hút bấy nhiêu, nhưng khi hết tiền là thôi cái một, có quạu quọ vài ngày rồi lại vui vẻ như thường. Nhưng hễ có chuyện chi buồn là ông đi hút lại ngay.

Một con vịt quay

Bấy giờ gần 12 giờ trưa, ông Phan Khôi vừa hút vừa viết đã xong hai bài, ông Hông Tiêu đứng dậy kêu tôi mặc đồ đi về Ông cầm 60 đồng bạc khi nãy đưa cho ông Phan Khôi 50 đồng:

– Anh cầm 50 này, rồi mai một có tôi sẽ đưa thêm.

Còn 10 đồng, ông cho anh làm thuốc 2 đồng, trả tiền thuốc 6 đồng. Vốn vẹn còn 2 đồng, ông rủ tôi ra Chợ Cũ mua một con vịt quay gói xách về. Trả tiền hai cái giấy xe điện hạng nhứt Cuniac^[31] – Pétrus Ký 0đ30. (Hồi ấy ông Hồng Tiêu còn ở tại Chợ Quán sau nhà S.A.M.I.P.I.C.).

Thế là số tiền mấy tuần lễ cổ động viên đi thu ở Nam Vang, chỉ nội buổi sáng tiêu ra mây khói, vợ con không hưởng 1 đồng xu, ngoài con vịt quay mới xách về.

Tấm lòng hào hiệp

Ông Hồng Tiêu đối với anh em bạn rất hào phóng, coi đồng tiền không ra cái quái gì. Rượu cũng như thuốc phiện, những người nào ông đã gọi là bạn chí thân thì ông đối đãi hết mình.

Tôi còn nhớ trong cuốn *Hồng Tiêu thi tập* của ông, trong bài *Ngẫu hứng* có câu:

Nhà cửa bốn mùa như cái chợ

Tháng ngày không chật với anh em...

Lời nói của ông thật đúng như việc làm của ông.

Có tài không biết xài

Nói ngay ra, ông Hồng Tiêu là một tay làm báo kỳ cựu trong Nam, ông có tài ba về nghề nghiệp và hào hiệp đối với anh em, nhưng cái tài của ông là một thứ tài để cho người khác dùng thì được, mà ông tự dùng, tự lợi dụng cái tài của ông thì hổng.

Hồng Tiêu văn sĩ

Ông xuất sắc nhất là lối viết “Chuyện hằng ngày”, tức “Tranh xã hội” cho báo *Sài Gòn* của ông Bút Trà là anh ruột của ông.

Ông mà chửi lộn thì không ai bì kịp, lý luận hay mà hỗn ầu cũng dữ.

Có đôi khi ông công kích ai, người ấy phải nhảy nhồm dậy, chịu không nổi.

Đông Thinh số xuân

Tạp chí *Đông Thinh* chỉ ra không đầy một năm thì tự đình bản vì tài chính, song trong khoản đó, ông có ra một số xuân, mà số xuân ấy lại bảnh hơn cả các báo trường thọ ở Sài Gòn, là ngoài cái bìa của họa sĩ Nam Xuân Hải, còn có một tấm phụ bản chạy litô 3 màu in tại nhà in Ng-V-L (tấm phụ bản ấy vẽ một cô gái chèo thuyền trên sông Hương), ruột in tại nhà in Nguyễn Đức, nhưng hai bên có chuyện bất bình nên số Xuân *Đông Thinh* in trễ ra gần Tết, bán không được, phải lỗ nhều. Chính số xuân ấy tôi có viết đến mấy bài, nhưng vì thấy ông Hồng Tiêu lỗ tội nghiệp, tôi cũng từ chối không lãnh tiền nhuận bút.

Đông Thinh đình bản

Báo *Đông Thinh* tự đình bản, ông Hồng Tiêu bấy giờ mỗi ngày chỉ viết một bài Tranh xã hội cho báo *Sài Gòn*, với số lương hời ấy 120 đồng một tháng, nuôi một gia đình 8 người và một người ở nữa, thật sống một cuộc đời hết sức chật vật.

Vấn cứ phong lưu

Thế mà khi nào cao hứng là ông kéo khách về nhà, bắt vợ con phải kiếm cơm rượu đãi đằng tử tế.

Đũa gãy, chén sứt, giường chõng xiêu vẹo, đặt ngai ngoài vườn dưới bóng cây, rượu đế rót vào chén nước trà, thế mà anh em quen biết ai nấy vẫn ưa ông Hồng Tiêu lắm.

Ông thường tự phụ, khoe với anh em: “Anh Bút Trà hơn tôi được cái giàu tiền và giàu con, thì tôi cũng hơn anh Bút Trà được cái giàu bạn và giàu rượu”. Rồi ông nhấp một ngụm rượu, nhai một miếng thịt vịt, cười bên nhà bếp cửa, coi vẻ tự đắc và sung sướng lắm.

Bấy giờ ông Phan Khôi đã dời “trụ sở” về đóng tại nhà ông Hồng Tiêu, nào ruộng, nào bao, nào bàn đèn, ống vớ chớ về đây nhà.

Vợ lại sợ chồng!

Lúc ấy ông Hồng Tiêu đã bỏ hút, xoay sang nghiện rượu, mà lại rượu về một ông thủy tổ làng hút để ở trong nhà. Vợ ông, cô Bạch Vân bất bình lắm, song không dám nói ra, vì vợ ông sợ ông còn hơn chuột lắt sợ mèo, đời nào dám hó hé.

Hơn nữa, tính ông Phan Khôi lại hết sức kỳ khôi, khó từng chút, từ cái ăn, cái ngủ tới cái đóm hút thuốc, cái tắm rửa răng.

Con ở mất hồn

Có một hôm, tôi cũng có mặt đến giờ ăn cơm, con ở dưới nhà bưng lên một mâm cơm nhưng không cho ông hay trước nên bàn đèn ông chưa thu xếp kịp (nhà ông Hồng Tiêu chật lắm, chỗ ông Phan Khôi hút kiêu cả... bàn ăn). Ông nổi đóa quát tháo ầm lên rồi xách ống vớ rượt theo người ở xuống đến nhà bếp. Mà tính ông đã nổi nóng lên thì đổ ai cản được.

Từ bữa đó, con ở không dám bén mảng lên nhà trên và khi gặp ông nó không dám ngó ngay mặt nữa.

Sau đây, tôi sẽ kể một chuyện tranh luận giữa Phan Khôi và Hồng Tiêu suốt hai người gây ra ầu ẩu!

Nói chuyện văn chương

Cũng tại tiệm Công Yên Khoan Ký ở đường Kitchener, hai người nằm hút.

Bên một đồng sách và nhật trình Việt lẫn Hoa, trong đó có bộ sách Vương Dương Minh, ba chúng tôi cùng xem và nói chuyện.

Ông Phan Khôi đang xem tờ báo *Sài Gòn* nơi mục Tranh xã hội, bỗng vụt ngẩng dậy chỉ cho ông Hồng Tiêu xem một lỗi về chính tả rồi nói:

– Anh em các ông viết Quốc ngữ theo giọng Quảng Ngãi, không chịu khó phân biệt, có *g* hay không *g* cũng không cần. Bây giờ các ông nên tập theo lối này thì có lẽ viết đúng: mát mẻ đọc mát mẻ, thì phía sau chữ mát phải viết chữ *t*. Dao mác đọc mác cờ thì phía sau chữ mác phải viết chữ *c*...

Suýt có ầu ả

Động tới lòng tự ái, ông Hồng Tiêu nổi nóng cự lại:

– Tôi hỏi ông, ông đọc bài Tranh xã hội của tôi có hiểu hết ý nghĩa không? Ông là người Việt, chứ đâu phải thứ người gì mà tiếng Việt không hiểu?

Nghe nói mình là thứ người gì, ông Phan Khôi đỏ mặt hời hợt ra nói lớn:

– Anh là một người viết Quốc ngữ trật nhất nước Nam!

– Anh là một người tính khí kỳ khôi nhất nước Nam!

Thế là cả tiệm hút từ dưới đất lên trên lầu, người ta đổ xô lại can, người lớn có, kẻ nhỏ có. Hoa đông mà Việt cũng lắm.

Dĩ hòa vi quý!

Các ông đâu tự biết các ông có đi đâu quấy, đây là chỗ công cộng, ai có quyền cho các ông tới đây đánh lộn?

Trời quang mây tạnh

Sau khi cả hai đều người cơn giận, ông Hồng Tiêu ôn tồn nói:

– Chữ là cái dấu hiệu, miễn sao đọc lên hiểu được thì thôi! *T* thay *c* không quan hệ, có *g* hay không *g* cũng không cần. Tôi hỏi ông bây giờ căn cứ vào đâu mà biết đúng hay trật? Muốn nói đúng trật là khi nào Việt Nam có một Viện Hàn lâm làm ra một quyển tự điển thống nhất gồm danh nhân cả Bắc, Trung, Nam. Hiện thời mạnh xứ nào xứ ấy nói tiếng của họ là

trúng. Ông đừng khen tiếng Bắc là trúng. Ở Quảng Ngãi tôi nói *con trâu* mà ở Bắc nói *con châu*, như vậy tiếng Bắc có trúng hay không?

– Nói bướng như ông thì không khi nào xong việc gì hết! – Ông Phan Khôi cãi lại – Trúng hay trật là nói theo nghĩa tương đối, xem một bài Tranh xã hội của ông từ đầu chí cuối về chính tả trật bậy xà ng ầu hết ráo. Tôi hỏi lại ông, ví dụ ông có một đứa con tên là Nguyễn Văn Lan đi học xa mà ông gửi cho nó một cái măng-đa đề là Nguyễn Văn Lang, hỏi nó có nhận được số tiền ấy không? Lẽ tự nhiên là không khi nào nhà dây thép cho nhận, đó là chưa nói đến những việc quan hệ hơn nữa, như giấy khai sinh, giấy căn cước chẳng hạn.

Hai bên cãi nhau từ nãy giờ, tuy có vẻ êm dịu, song lập luận của ai nấy giữ không bên nào chịu nhin.

H ồng H ồng Bút Bút...

Ông H ồng Tiêu thích cãi lộn, riết r ồi h ầu khắp làng báo không có mấy người ông chừa, nhất là người đối lập với ông, càng tài cao học rộng, càng nổi tiếng bao nhiêu ông lại càng ưa khai chiến bấy nhiêu.

Độ nọ, một nhân vật (xin giấu tên) làm báo giỏi nhất trong Nam có lẽ khắp cả Trung, Nam, Bắc, bị ông H ồng Tiêu m ằn sát ván. Nhân vật ấy cùng với các bạn trong băng tức ứa gan không biết làm cách nào trả đũa cho nguôi cơn giận.

Một hôm gặp Lê Trọng Đình, Đình nói: “H ồng Tiêu chỉ có tôi là trị lại, nếu các ông bằng lòng, để tôi làm một bài hát thì anh em họ tiêu dên”.

Mọi người tán thành.

Lê Trọng Đình về tiệm thuốc phiện đường A. Courbet nằm hai ba ngày vò đầu vò óc là được một bài ca trù thể theo điệu *Hồng Hồng Tuyệt Tuyệt*.

Tôi còn nhớ được mấy câu như thế này:

Hồng Hồng Bút Bút

Mới ngày nào còn nằm hút ở Lor-pheo [\[32\]](#)

Mười lăm năm vừa thoát khỏi cơn eo

Ngoảnh mặt lại đã lên lèo phách lồi

Công kích ông... đà nhức nhối...

Tuy lâu ngày song bài hát này có lẽ ở Sài Gòn nhiều người còn nhớ. Đại khái những tranh luận trong làng báo Sài thành trước kia là vậy, khác hẳn những vụ công kích nhắm vào đời tư cá nhân của đối phương.

Nhơn vui năm mới tôi xin nhắc lại làm chuyện mua vui, giải muộn, chứ không ngụ ý so sánh chê bai ai hết. Và quyền phẩm bình xin tuyệt đối nhường lại bạn đọc.

4. Mây bay về trời



“Mèo mẹ” – “Mèo con” tại Vườn Tao Đàn Sài Gòn (nay là Công viên Văn hóa Tao Đàn, TP.HCM) – 1952. Tôi sinh năm 1951, năm 1952 đã được mẹ bế trên tay đi tàu biển từ Đà Nẵng vào Sài Gòn. Căn nhà đầu tiên chúng tôi ở nằm trên đường Lương Hữu Khánh Q.1 (gần quán Đo Đo của

Nguyễn Nhật Ánh bây giờ). Thuở nhỏ tôi là đứa con bị bệnh nhiều nhất so với các anh chị em. Mẹ đã cực nhọc rất nhiều với tôi...

Trong suốt những ngày còn lại của đời mình, tôi sẽ không bao giờ quên được hình ảnh mẹ tôi trước phút lâm chung. Không nói được nữa, bà lần lượt cầm tay từng đứa con đưa lên miệng hôn, thật ngon và thật sâu. Như muốn nói với từng đứa rằng mẹ yêu các con lắm, yêu lắm. Nhưng không thể nào ở lại với chúng con nữa rồi... Vâng, đã hết cách, sau mấy tháng trời mẹ dũng cảm chiến đấu với bệnh tật, hai lần đồng ý cho mổ ruột ở tuổi 92... Chị em chúng tôi cùng nước mắt khóc...

MỘT SỨC LÀM VIỆC ĐÁNG NỂ

Thú thật tôi chưa bao giờ hiểu hết về sức mạnh của mẹ mình, nhất là khi càng dần sâu vào con đường mẹ từng đi. Mẹ đã có 60 cuốn tiểu thuyết được xuất bản. Xấp truyện ngắn đã in báo của mẹ cất để dành nay đếm lại cũng gần 400 cái. Rồi cả nghìn bài “Gỡ rối tơ lòng” và “Tâm tình cõi mở” nữa... Hàng đêm tôi cứ thấy mẹ chong đèn ngồi viết, không nghỉ đêm nào, không một ngày đi du lịch ở đâu. Hết ba trang feuilleton cho báo này lại chuyển qua ba trang feuilleton cho báo khác – cao điểm có lúc mẹ viết cùng lúc bốn tiểu thuyết cho bốn tờ báo! – rồi trả lời thư tâm tình của bạn đọc.

Đó chính là bài học đầu tiên tôi học được từ mẹ: Hãy lao động cần cù, kỷ luật.

Những câu chuyện rối như tơ vò mà sao mẹ gỡ ra quá nhẹ nhàng, vừa gỡ vừa ghi chép để dành đề tài cho những cuốn tiểu thuyết sau.

Đó là bài học thứ hai mẹ dạy tôi: Hãy tìm đề tài từ chính cuộc sống chung quanh mình.

Sức mạnh ở đâu để mẹ có thể làm việc bền bỉ suốt mấy chục năm như vậy? Tôi nhớ có lần được phỏng vấn, mẹ chỉ trả lời đơn giản mình viết văn để nuôi con. Chín đứa con như chín chiếc tàu há mồm hàng tháng xơi

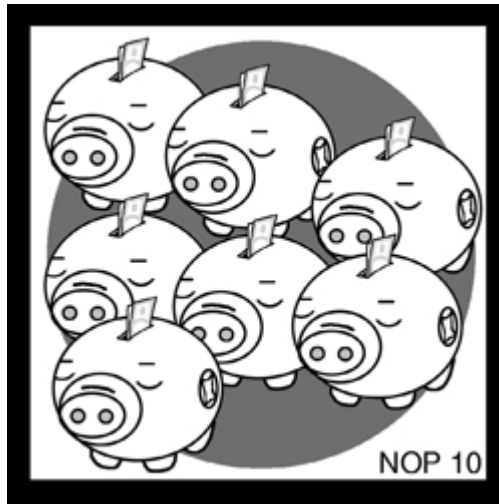
cả tạ gạo, đứa nào cũng được học hành đến nơi đến chốn... Sau này ng ỡ biên tập để in lại những cuốn sách của mẹ, tôi thấy xưa kia có lẽ mẹ viết quá vội, để có những lỗi mà lẽ ra nếu kỹ lưỡng đọc lại, mẹ đã không mắc phải. Thế nhưng làm sao trách được mẹ? Nếu tôi có chín đứa con ngày nào cũng vùi tì ền ăn tì ền học phát chóng mặt, chắc chắn tôi không đủ sức ng ỡ viết như mẹ. Ng ỡ viết miệt mài, thế nhưng vẫn thông dong mỗi sáng sớm và mỗi trưa nghỉ dậy tự tay nấu nước pha trà và ng ỡ trò chuyện đôi ăm với th ầy tôi đúng ba tuần trà. Nhưng mẹ thường uống rất ít mà chỉ thích đưa chén trà lên hong mắt. Cho mắt sáng hơn và cho tâm h ồn thư thái hơn, mẹ giải thích. Và trang viết đầu tiên trong ngày của mẹ chính là bản thực đơn cho cả nhà, để chị giúp việc cần đi chợ, sao cho suốt tuần không ngày nào phải ăn giống nhau. Những ngày còn đi dạy (mẹ tôi dạy môn Việt văn và Pháp văn ở các tư thực như Đạt Đức, Tân Thịnh, Les Lauriers... ở Sài Gòn) trong thập niên 1950 và nửa đầu thập niên 1960, mẹ chỉ viết được buổi tối. Nhi ều hôm ngủ một giấc thức dậy, tôi vẫn thấy mẹ cầm cùi ng ỡ viết, tiếng bút Bic chạy rào rào trên giấy. Sức “cày” đó, suốt đời tôi chạy theo không kịp và cũng tin khó có nhà văn nam nào làm việc bằng.

Tôi đã từng nuôi heo...

Từ năm 6 tuổi, lúc bắt đầu học lớp 5 (tức lớp 1 bây giờ), tôi đã nuôi heo. Và nuôi dài dài cho đến năm tôi học lớp Đệ nhất (lớp 12). Điểm đặc biệt là mỗi năm tôi chỉ nuôi đúng một con, từ lúc vào năm học mới. Con heo cũ bị xẻ thịt trước khi nhập học khoảng một tuần, để tôi có tì ền sắm sửa một số vật dụng như ý trước khi quay lại trường sau những ngày hè.

Đó bao giờ cũng là một con heo mập tròn, mặt mày hết sức vui vẻ cho đến tận lúc đã bị phanh thây cho vào... thùng rác! Vâng, đó chính là một con heo đất, vật quen thuộc với nhi ều đứa trẻ ngày xưa, mà giờ đây có lẽ sắp đi vào viện bảo tàng? Chín đứa con đi học tiểu học, đứa nào cũng được mẹ cho chút tì ền tiêu vặt hàng ngày (thời tôi hình như là 1 cắc), đủ để ăn

một cái bánh dứa, uống ly xi-rô đá nhận trong giờ ra chơi... Khi cho chúng tôi khoản tiền tiêu vặt ấy, mẹ còn tặng thêm mỗi đứa một chú heo đất với lời dặn:



“Mẹ cho con tiền là để con đừng cảm thấy thua sút bạn bè, nhưng mẹ muốn con càng ít xài tiền càng tốt, vì ăn uống ngoài đường không được vệ sinh và khi về nhà cũng sẽ không ngon miệng bằng để bụng đói. Tiền để dành hàng ngày và tiền lì xì hàng năm, con cứ bỏ vào đây. Cuối năm học, đập heo ra, con sẽ ngạc nhiên khi thấy mình đã có một số tiền kha khá. Tiền đó con cứ dùng mua sắm những gì con thích, bởi mẹ chỉ đủ tiền để lo cho con những gì cần thiết cho năm học mới mà thôi”.

Mỗi đứa con có một cách cư xử khác nhau với con heo đó. Đứa để trên bàn học, đứa giấu trong ngăn tủ quần áo, đứa gửi mẹ... Đứa nào càng giấu kỹ con heo (trong đó có tôi) thì khi đập ra, con heo đó càng có nhiều tiền. Có đứa sốt ruột đến mức đục thủng một lỗ dưới bụng heo rồi lấy giấy dán lại, thỉnh thoảng lại moi tiền ra đếm. Có đứa cả năm chỉ bỏ heo được vài cục, sau đó không thèm nuôi heo nữa...

Trong mấy anh chị em, hình như tôi là người chắt bóp nhất, khi đã nuôi được tổng cộng đúng bảy con heo trong cuộc đời mình! Thậm chí hầu hết

con heo sau khi chết còn truyền lại “tài sản” cho con heo sau tiếp tục sự nghiệp. Mẹ tôi rất hài lòng về tôi, cũng như luôn hài lòng khi kể lại câu chuyện trong chín cái tiệc thôi nôi của đám con, chỉ mình tôi là đứa duy nhất chọn bốc tờ tiền giấy rồi đưa ngay cho bà! Hỡi ơi, chỉ mãi sau này bà mới hiểu lý do tôi đưa cho bà tờ giấy bạc ấy, chỉ vì bà là người phụ nữ đang ở gần tôi nhất. Từ lúc tôi bắt đầu có bạn gái, con heo thứ bảy đã bị xử sớm hơn thời hạn và đó cũng là con heo cuối cùng của đời tôi...

Mẹ tôi đã mất vào tháng Tư năm 2006. Khi ngồi cặm bàn tay đang lạnh dần của bà, tôi nhớ đến rất nhiều điều tôi đã được ban phát từ bàn tay ấy, ban phát vô điều kiện, trong đó có bảy con heo đất. Đi kèm với chúng là một bài học đầy giá trị về cách tiết kiệm và sử dụng đồng tiền mà tôi nay đã truyền lại được cho mấy đứa con của mình...

VÌ CON

Là đứa út trong bốn anh em trai, hai anh phải vào lính và một anh ra đi làm, tôi ở nhà đảm đương chức thư ký cho mẹ. Tôi cất truyện để dành, tôi cất thư bạn đọc xếp sẵn cho mẹ đọc (về sau tôi còn được đọc duyệt, cái nào quá nhảm nhí thì loại trước cho mẹ đỡ mất thời giờ), tôi đem bài của mẹ viết xong đi giao các tòa soạn... Ở đâu tôi cũng thấy người ta quý trọng mẹ, vì mẹ luôn luôn giao bài đúng giờ, đúng số chữ vào khuôn quy định. Mẹ không bao giờ làm phiền ai, kể cả các con của mình. Mẹ hầu như không còn bao nhiêu thời giờ dành cho mình, nên mẹ ngăn nắp một cách đáng sợ. Đồ đạc chung quanh mẹ, trên bàn, trên đầu giường, trong ngăn tủ... đều có vị trí nhất định không đổi, để khi cần mẹ chỉ đưa tay ra là lấy được, kể cả khi nhà bị mất điện. Hồ sơ, tài liệu... trong gia đình, chưa bao giờ mẹ phải mất quá một phút để tìm! Chín đứa con, mà bất cứ lúc nào hỏi đến khai sinh, học bạ, bằng cấp... mẹ đều lấy ra trong nháy mắt.

Mẹ còn là người quan tâm giữ sức khỏe một cách kỳ lạ, hết sức đi đầu độ và theo dõi kỹ lưỡng tình trạng cơ thể để mỗi khi bất kỳ một triệu chứng

bệnh tật xuất hiện là lập tức đi bác sĩ chữa trị ngay. Vì mẹ không cho phép mình... bị bệnh. Mẹ là lao động chính trong gia đình mà! Thu nhập tháng nào hết tháng đó, không dư dồng nào, bệnh làm sao nuôi con? Bệnh thường xuyên của mẹ là bệnh nhức một nửa đầu, nhức lằm, theo lời than của mẹ. Suốt một thời gian dài, mẹ cứ ng ồi vừa ôm đầu vừa viết, có khi tay trái phải vịn đề một túi nước nóng đặt trên chỗ đau... Vì cả nhà trông vào những trang viết của mẹ, nên mẹ không thể nghỉ làm việc ngày nào^[33]. Tôi còn nhớ h ồi tôi sáu, bảy tuổi, mẹ lần lượt sinh hai em Thanh Thái (1957) và Phương Chi (1958), chỉ vài ngày là đã rời bảo sanh viện để về nhà ng ồi viết lại. Bà con, bạn bè tới thăm ai cũng kêu Trời!

Đứa con nào bị bệnh, mẹ cũng đích thân đưa đi bác sĩ, những người giỏi nhất, tên tuổi nhất. Bệnh thì phải bác sĩ Đệ, bác sĩ Chiếu. Làm răng phải nha sĩ Lý. Những bác sĩ thuộc hàng giỏi nhất Sài Gòn lúc bấy giờ. Trong chín đứa, tôi là đứa làm mất thì giờ mẹ nhất. Mang gien của bà ngoại, tôi bị suyễn nặng từ nhỏ, có nhiều đêm phải ng ồi mà ngủ. Mẹ đưa tôi đi chạy chữa đủ kiểu, đến mức có Tây học như mẹ mà cũng từng cho tôi nuốt thần lẩn, uống mỡ gấu và cả... bùa tiên! Cho đến khi tôi gặp bác sĩ Pháp Piere Boucheron ở đường Trương Minh Ký (nay là Nguyễn Thị Diệu, Q.3), bệnh suyễn của tôi mới được chặn lại từng đợt bằng những viên thuốc con nhộng Dectancyl (Corticoide) – sau này đã để lại hậu quả nặng nề cho xương khớp tôi. Mẹ hay nhắc chuyện tôi được “để bọc”, tưởng hay ho gì, đâu ngờ ềo uột khó nuôi quá, phải biết vậy... khỏi đề! Chín đứa con, duy nhất mình tôi cùng tuổi Mẹo với mẹ. Có lẽ vì bệnh nhiều, được mẹ chăm sóc nhiều, nên tôi là đứa luôn quấn quýt bên mẹ, luôn miệng nịnh “Mèo mẹ, mèo con...” mỗi lần muốn xin xỏ gì đó.

Trong mấy cuốn nhật ký mẹ tôi để lại (mẹ vẫn còn thói quen viết nhật ký cho đến trước khi ngã bệnh nặng đợt cuối), chúng tôi đọc và thấy mẹ thương chúng tôi quá. Hình như ngày nào cũng nhớ đứa này, đứa kia, nhắc

tên từng đưa sao lâu quá không thấy về thăm... Vậy mà trước kia chúng tôi cứ ngỡ tuần nào cũng về thăm mẹ là được rồi, thậm chí có tuần không về vẫn không hề thấy áy náy. Rồi hàng ngày chi tiêu gì mẹ cũng đều ghi nhật ký, một thói quen mẹ phải làm để kiểm soát chặt chuyện chi thu trong nhà mới đủ nuôi con. Đọc lại những trang nhật ký, chúng tôi đau lòng nhận ra có những ngày mẹ rất túng thiếu không còn một đồng để tiêu, nhưng vẫn cắn răng không than với con...

Mẹ mê viết từ lúc còn là học sinh cho đến tận cuối đời, trước khi chết vẫn còn ấp ủ sẽ sửa lại và bổ sung thêm nhiều điểm trong cuốn hồi ký^[34]. Mỗi lần sách mẹ được in, mẹ cứ cần nhìn ngắm say mê, đọc đi đọc lại. Không những mê sách của mình, mẹ còn mê sách của người khác. 90 tuổi, được Nguyễn Nhật Ánh tặng sách viết cho... tuổi mới lớn, mẹ vẫn đọc không sót một chữ. Mẹ dạy tôi: “Người ta có quý mình thì mới tặng sách. Mình phải đọc để không phụ lòng người ta”. Mẹ quý trọng tất cả những người viết, dù thật ngược đời, mẹ luôn khuyên tất cả anh chị em chúng tôi hãy chọn nghề khác, đừng theo nghiệp viết văn – làm báo. Mẹ, và thầy, đều hay nói, “Trường văn trận bút là một nghề hư danh, bạc bẽo, lành ít dữ nhiều”. Năm 1977, khi tôi từ TNXP chuyển về làm báo *Tuổi Trẻ*, hỏi ý mẹ, mẹ chỉ thở dài, rồi sau đó lại đổi buồn làm vui, khuyên tôi những điều cần làm và cần tránh trong nghề báo, trong đó quan trọng nhất là câu “làm báo là để giúp người”. Nghe lời mẹ, tôi làm báo đến nay gần 30 năm, hầu như không phạm sai lầm nào đáng kể.

CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐỜI

Sinh nhật của tôi, tôi thường không làm gì, nhưng còn sinh nhật mẹ, những năm sau này tôi luôn tổ chức. Để những học trò cũ, những con cháu từ khắp nơi, được dịp tề tựu bên mẹ. Mẹ luôn miệng nói thôi đừng tổ chức tốn kém, nhưng ánh mắt mẹ lại cho thấy mẹ đang trông chờ ngày ấy biết

bao nhiêu! Không phải để mặc đẹp, không phải để ăn ngon, vì càng ngày mẹ càng ăn ít lại, mà chỉ là dịp để được gặp đông đủ người thân.

Sinh nhật năm mẹ 90 tuổi, có một người khách thật đặc biệt, nhỏ hơn tôi vài tuổi. Anh là Tạ Hùng, làm việc trong quân đội, thỉnh thoảng vẫn đi nhậu với thầy cũ của anh là nhà văn Đoàn Thạch Biền. Khi tình cờ biết anh Biền sắp đi dự sinh nhật mẹ tôi, anh mừng rỡ không ngờ Bà Tùng Long còn ở Việt Nam nên xin tháp tùng và vác theo một cái khánh vàng to, với hàng chữ đại ý: “Chúc mừng sinh nhật Bà Tùng Long, người mà 50 năm trước đã giúp cho tôi được chào đời”. Thì ra ngày xưa mẹ anh gặp một sự cố trong chuyện tình cảm, viết thư nhờ mẹ tôi “gỡ rối tơ lòng” trong tâm trạng chán chường tuyệt vọng và có ý muốn phá bỏ màn sống đang mang trong người. Mẹ tôi trả lời trên báo, khuyên mẹ anh “hãy cứ yêu đời mà sống” và phải giữ lấy đứa con. Nhờ vậy anh được chào đời! Mẹ anh còn nhớ mãi chuyện đó, kể lại và bảo anh phải mang ơn người đã giúp anh được sinh ra, người mà anh chỉ nghe tiếng chứ chưa từng biết mặt.

“Gỡ rối tơ lòng” là một mục định hấp dẫn – có thể nói chính mẹ đã khai sinh ra – trên các báo *Sài Gòn Mới*, *Tiếng Vang* (trên báo này thì có tên “Tâm tình cõi mở”), *Phụ Nữ Ngày Mai*, *Phụ Nữ Diễn Đàn* hồi xưa. Thật ra trong hồi ký của mình, mẹ cũng nói mẹ chỉ có ý tưởng mở mục này theo mẫu của các mục trên các báo Pháp, nhưng không ngờ thu hút sự chú ý của bạn đọc đến vậy. Nhiều người đến nay vẫn còn nhớ tên mẹ tôi chính là từ mục này hơn là những tiểu thuyết của bà. Tôi còn nhớ bạn đọc ngày xưa thật lạ. Thỉnh thoảng lại có những người tìm đến tận nhà, nói lời cảm ơn và tặng mẹ những món quà nho nhỏ, như xấp vải may áo dài, trái cây, bút viết... Thường thì họ đi cả hai vợ chồng, cảm ơn mẹ vì mẹ đã gỡ rối và giúp họ tìm lại hạnh phúc gia đình. Có người xin được gọi bằng “mẹ” và lui tới suốt một thời gian rất lâu, mãi tới 1975 vì thời cuộc thay đổi mới vắng bóng...

Trong những trang cuối của nhật ký, mẹ viết: “Lúc này mệt quá rồi... Mình như một áng mây trắng^[35] bay xuống chơi với cuộc đời này, chắc sắp tới lúc bay lại về trời...”. Và 5 giờ 15 phút chiều ngày 26-4-2006 là lúc mẹ bay đi.

Tôi ngồi bên mẹ hồi lâu, cảm mãi bàn tay gầy guộc lạnh giá đã từng dắt anh chị em tôi đi đến trường, đi bác sĩ, đi mua giày dép quần áo mới mỗi đầu năm học, đi mua sách vở và đồ chơi... Tôi nhớ lại không hết những điều tuyệt diệu mà mẹ đã trao tặng chúng tôi không chút đắn đo, suy nghĩ. Tôi hối tiếc vì mình không đáp trả được bao nhiêu cho mẹ. Tôi đau đớn vì bất lực trước cái chết của người thân thiết nhất đời mình, dù đã làm hết cách có thể. *Mẹ bỏ con đi, đường xa vạn dặm...*^[36] Từ nay “Mèo con” đã mất “Mèo mẹ” rồi, còn ai để tôi chạy về nằm kề bên gối tìm lấy sự yên bình tuyệt đối sau mỗi chấn thương của cuộc đời?

Tôi viết bài này vào đúng ngày 14-5, Ngày của Mẹ (Mother's Day). Tôi đã chảy nước mắt khi viết, vì nhớ mẹ tôi. Ai cũng an ủi tôi, nói rằng mẹ tôi như vậy đã quá thọ. Nhưng theo tôi, sẽ không có đứa con nào trên đời nghĩ rằng cha mẹ mình đã quá thọ, vào cái ngày phải vĩnh biệt.

Trước ngày mất mẹ, tôi đã viết được khoảng 100 truyện ngắn và 5 truyện dài, trong vòng 27 năm. Những con số mà vài bạn bè khen ngợi, do biết hàng ngày tôi còn là một nhà báo làm việc “bận như có con mọn” ở tòa soạn một tờ báo lớn. Thế nhưng bạn có biết mẹ tôi đã viết được bao nhiêu trong 40 năm? Gần 400 truyện ngắn và 60 truyện dài! Tôi viết ít, “giải trí” nhiều. Mẹ tôi, trừ hai buổi sáng trưa ngồi hầu trà với ba tôi và khoảng vài chục phút đọc báo, nghe đài, xem tin tức trên tivi, hầu hết thời gian hoạt động trong ngày đều dành cho việc phục vụ chồng con và viết lách. Đôi khi, thật lòng, nghĩ tới mẹ, tôi lại thấy xấu hổ. Và chính mẹ chứ không ai khác, mẹ biết không, đã là tấm gương soi, là lời động viên con tiếp tục công việc nhọc nhằn này...



Tôi và mẹ, sinh nhật mẹ 2005 – một năm trước ngày mẹ mất. Lúc ấy tôi đã biết “ngày tôi xa mẹ càng gần...”.

– Ảnh: Quỳnh Nguyễn

[2] Một số vùng ở miền Trung ngày xưa gọi “cha” bằng “thầy”.

[3] Trích từ bài thơ Chữ nhân của Nguyễn Công Trứ.

[4] Nhật Bản. (BT)

[5] Kiểu như bán tạp hóa.

[6] Thạch Bích Tà Dương là cảnh đẹp thứ 4 trong 12 cảnh đẹp của tỉnh Quảng Ngãi (lần lượt là Thiên Ấn Niêm Hà, Cổ Lũy Cô Thôn, Long Đầu Hí Thủy, Thạch Bích Tà Dương, Vân Phong Túc Vũ, La Hà Thạch Trận, Hà Nhai Văn Độ, Liên Trì Dục Nguyệt, An Hải Sa Bàn, Thạch Cơ Điều Tầu, Thiên Bút Phê Vân, Vu Sơn Lộc Trường. Thạch Bích là một ngọn núi cao nổi tiếng ở Quảng Ngãi, nằm giữa ba huyện Sơn Hà, Minh Long, Tư Nghĩa. Ngọn núi cao chót vót rừng xanh, vách đá dựng ngược nên tên gọi là Thạch Bích (vách đá). Cảnh núi Thạch Bích thay đổi theo từng thời khắc

trong ngày, đặc biệt lúc mặt trời lặn bóng xuống núi, trên đỉnh Thạch Bích như còn rực rỡ ánh hoàng hôn, tạo nên một vẻ hùng vĩ nên thơ. Do vậy mà có tên Thạch Bích Tà Dương (Bóng chiều Thạch Bích).

[7]Thị trấn thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, nằm bên bờ sông Trà Bồng.

[8]Thể loại truyện dài nhiều kỳ viết từng ngày để đăng nhật báo.

[9]Sau tôi có mượn thực tế cuộc sống của em ở đây để viết về cô giáo Thương trong tiểu thuyết Không có gì và không một ai (2015).

[10]Bốn câu đầu là bài Tổng Lương Lục của Trương Duyệt thời Sơ Đường, lược dịch:

Từ Ba Lăng xa ngắm về hồ Động Đình mùa thu

Thấy núi Cô Phong nổi dập dềnh trên sóng

Nghe nói không thể gặp được thần tiên

Tâm theo sóng hồ cùng trôi xa xăm...

[11]Pearl Sydenstricker Buck (1892 – 1973), là nhà văn Mỹ, từng đoạt giải Pulitzer năm 1932 và Nobel Văn chương năm 1938. Đã có 44 tác phẩm: Gió Đông gió Tây, Đất lành, Những người con trai, Vợ cả và những câu chuyện khác, Người mẹ, Một nhà chia rẽ, Nhà tranh vách đất, Trái tim kiêu hãnh...

[12]Anh Nguyễn Đức Lập mất ngày 29-2-2016 tại Texas (Hoa Kỳ) vì bệnh tim, chứng bệnh anh đã mang từ nhỏ. Vượt biên (1980) và sang sống ở Mỹ từ năm 1983, viết văn – làm báo, nhưng cho đến khi mất, anh vẫn không chịu nhập tịch Mỹ. Anh là người thứ hai trong các anh chị em là con của thầy mẹ lia đàng. (Người đầu tiên là chị cả Lan Anh, mất lúc mới được vài tháng tuổi).

[13] Lương Hữu Khánh đậu cử nhân năm 12 tuổi, đậu thứ 2 thi Hội nhưng vì bị thiên vị nên ông bỏ, không thi Đình dưới triều Mạc Đăng Doanh mà trốn vào Thanh Hóa theo phò vua Lê. Là nhân vật trọng yếu của triều đình nhà Lê, có công khôi phục và lập nên nhà Lê trung hưng. Không hiểu tại sao con đường mang tên một ông quan to của triều đình phong kiến sau này lại không bị đổi tên. J

[14] Chị là người học giỏi nhất nhà, đậu cử nhân Toán-Lý-Hóa (MPC) Đại học Khoa học Sài Gòn năm 1966, sau khi làm giáo sư toán trường nữ trung học Lê Văn Duyệt (nay là Võ Thị Sáu) một thời gian thì về làm Trưởng phòng Thí nghiệm Nhà máy nhuộm An Nhơn của Công ty kỹ nghệ bông vải Việt Nam – gọi tắt là SICOVINA – rồi phụ trách Phó phòng Kỹ thuật của Công ty dệt Phong Phú từ năm 1974...

[15] Không hiểu tại sao lại tên chùa Bà Đằm? Đầu tiên đây chỉ là một ngôi đền không biết thờ ông gì mà chủ nhân là một phụ nữ Ấn Độ lai. Chắc từ bà Ấn Độ này mà có tên Bà Đằm? Sau 1975 được đổi tên là chùa Từ Vân.

[16] VC (Vixi) là tiếng lính Mỹ, báo chí và nhiều người dân miền Nam trước 1975 gọi quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

[17] Ấp Bắc là trận đánh quy mô lớn diễn ra vào giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh giữa quân Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam với quân VNCH có cố vấn Mỹ tham chiến, diễn ra vào ngày 2-1-1963 tại Ấp Bắc thuộc tỉnh Mỹ Tho lúc bấy giờ (nay là Tiền Giang). Theo Wikipedia tiếng Việt thì trận này quân Giải phóng chiến thắng, với 18 chết và 39 bị thương, trong khi bên VNCH 86 chết và 108 bị thương, mất 5 trực thăng và 3 xe thiết giáp. Tuy nhiên theo hồi ký của Chuẩn tướng Lý Tòng Bá (nguyên Chỉ huy trưởng Thiết giáp, Tư lệnh Sư đoàn 23 và Sư đoàn 25BB Quân lực VNCH), lúc đó là Đại đội trưởng Đại đội 7 xe thiết giáp M113 tham gia

trận đánh, thì thực tế không hẳn vậy. Nhưng dù sao trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn lúc bấy giờ.

[18] Một số vụ đặt bom các địa điểm dân sự khác ở Sài Gòn: khách sạn Hưng Đạo (20-5-1962), rạp hát Kinh Đô (16-2-1964), khách sạn Caravelle (25-8-1964), sân vận động Cộng Hòa (4-10-1965), khách sạn Metropole (4-12-1965), khách sạn Victoria (1-4-1966)...

[19] Gây chết 34 người và bị thương trên 70, theo thông tin lúc bấy giờ (nói chung những con số lúc chiến tranh đều ít nhiều thiếu chính xác, từ cả hai phía).

[20] Thế phả là một loại gia phả, ghi các thế hệ trong dòng họ, sinh con mấy trai mấy gái tên gì... Phái Quý là phái của con trai thứ ba (trưởng là Mạnh, giữa là Trọng, thứ ba là Quý – không biết từ con trai thứ tư gọi là gì?). Vậy thế phả này chỉ tính riêng từ dòng con trai thứ ba của cụ tổ Tì hiên Nguyễn Liệt, tên là Nguyễn Khắc Minh, tính là đời thứ hai.

[21] Người mở đầu một dòng họ.

[22] Những thập niên đầu của thế kỷ 20, ở Sài Gòn có ba người cùng tên, cùng họ, cùng cả chữ lót, gần như xuất hiện cùng lúc trên văn đàn, báo chí miền Nam, với tiếng tăm một thời lừng lẫy. Đó là các ông:

a. Nguyễn Đức Nhuận (sinh năm 1900 tại Trà Vinh), chủ nhiệm báo Phụ Nữ Tân Văn (PNTV), tờ báo nổi tiếng với 2 câu thơ đăng ngay dưới măng-sét: “Phấn son tô điểm sơn hà, làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam”. Đây cũng là tờ báo đầu đứng ra thành lập Hội Dục Anh chăm sóc trẻ em con nhà nghèo và xây dựng Nữ Lưu Học Hội dạy nữ công gia chánh cho giới nữ. PNTV còn là nơi dấy lên phong trào thơ mới, sau bài Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ, trong đó có bài Tình già của Phan Khôi làm xôn xao dư luận. PNTV cũng là tờ báo ra số xuân đầu tiên vào năm 1930, mở đầu cho truyền thống báo giới hàng năm ra báo xuân...

b. Nguyễn Đức Nhuận (nhà văn Phú Đức, sinh năm 1901 tại Gia Định), tốt nghiệp trường Sư phạm, dạy học một thời gian, rồi bỏ nghề, chuyển sang viết văn, cộng tác với các báo Trung Lập, Công Luận, Đuốc Nhà Nam, Sài Thành..., tác giả của nhiều cuốn sách rất được bạn đọc thời đó ái mộ như: Châu về Hiệp phố (1926), Tiểu anh hùng Võ Kiệt (1929), Non tình biển bạc (1930), Tình trường huyết lệ (1930), Một thanh bảo kiếm (1930), Căn nhà bí mật (1931), Tổng đốc Hồ Cường (1931)...

c. Nguyễn Đức Nhuận (bút danh Bút Trà, chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới, sinh năm 1900 tại Quảng Ngãi). Xuất thân là một thầy lang, vào Sài Gòn chen chân vào làng báo, lấy bút danh Bút Trà, cộng tác với báo Lục Tỉnh Tân Văn (1921), Đông Pháp Thời Báo (1923), Công Luận (1925)... Từ năm 1929, ông đứng ra chủ trương nhật báo Sài Thành, đến năm 1931 đổi tên là Sài Gòn cho tới 1945. Sau Cách mạng Tháng Tám, năm 1946, ông cho ra tờ Sài Gòn Mới cho đến năm 1974, tự đình bản cùng nhiều tờ báo khác, theo Sắc luật 007, buộc chủ báo phải ký quỹ 20 triệu đồng với báo ngày và 10 triệu đồng với báo tuần. Ông Bút Trà – Nguyễn Đức Nhuận còn là một nhà thơ, có hai tập thơ Tâm sự ngàn thu 1 và 2.

[23] Loại trà nổi tiếng ở trấn Tây Bình, huyện An Khê, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Với hương vị đặc biệt đậm đà, trà Thiết Quan Âm được mệnh danh là “bảy nước còn dư hương”, tức có thể pha bảy lần nước mà vẫn còn mùi thơm (nhưng thầy chỉ uống đúng ba tuần trà, tức một ấm chỉ ba lần pha).

[24] Một kỷ niệm về việc uống trà của thầy mẹ tôi: Năm 7-8 tuổi, tôi thường ra ngồi bên cạnh khi thầy mẹ tôi uống trà, để thầy sai làm vài chuyện vặt vãnh. Một hôm, nghe thầy chê trà hôm nay ít thơm, tối hôm đó tôi lén chế một ít... đầu thơm vào hộp trà! Sáng hôm sau, thầy suýt sặc khi nhấp vào ngụm trà đầu tiên do tôi pha chế. Khi biết thủ phạm là tôi, thầy

chỉ cười: “Có lòng thành mà ngu thì chỉ có làm bậy, nhớ nghe con!” – câu này tương tự câu “Nhiệt tình cộng với ngu dốt...” phổ biến sau năm 1975.

[25]Ghen. (BT)

[26]Don là một loại hến riêng có ở Quảng Ngãi, nấu nước lèo ăn với bánh tráng nướng bẻ nhỏ. Sau này có dịp về Quảng Ngãi, món ăn đầu tiên tôi yêu cầu bạn bè đãi là món này. Ngạc nhiên vì đó là món ăn bình dân nhất, và cũng... thường thôi. Kỷ niệm này tôi có viết lại trong truyện Nhớ ở tập Đời 1.

[27]Có lẽ báo xếp chữ sai, 26 chắc đúng hơn.

[28]Đường Nguyễn Thái Học ngày nay.

[29]Đường Phạm Ngũ Lão ngày nay.

[30]Mandat: Giấy chuyển tiền qua bưu điện.

[31]Place d'Eugène Cuniac: Công trường Quách Thị Trang trước chợ Bến Thành ngày nay. Xưa là nhà ga xe điện, xe taxi, xe buýt... Nay là nhà ga tàu điện ngầm thì cũng hợp lý thôi.

[32]Lefèvre: Đường Nguyễn Công Trứ ngày nay.

[33]Khoảng năm 1965 mẹ mới được thượng tọa Thích Tâm Ấn – học châm cứu từ bên Nhật về mở điểm chữa trị tên Dược Sư Tịnh Xá ở đường Trần Quốc Toản (nay là Ba Tháng Hai, Q.10) và một điểm nữa ở chùa Giác Tâm trên đường Võ Di Nguy (nay là Phan Đình Phùng, Q. Phú Nhuận, gần nhà tôi) – trị cho hết bệnh này. Trong một phần trước tôi đã kể ba tôi từng ghen với một ông thầy chùa, đó chính là ông thượng tọa này! Có gì đâu, ghen bậy thôi. Vì thấy mẹ tôi cứ ra chùa châm cứu hàng ngày. Dù mỗi lần đi mẹ đều phải dắt tôi hoặc một đứa em nào theo, và thầy có châm cứu thì cũng thanh thiên bạch nhật với nhiều bệnh nhân chung quanh.

[34]H ồi ký Bà Tùng Long, do NXB Trẻ và Công ty CPVH Phương Nam ấn hành, năm 2003. Tái bản năm 2014.

[35]Tên thật của mẹ là Lê Thị Bạch Vân.

[36]Đường xa vạn dặm, ca khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn viết sau khi thân mẫu của anh qua đời.

CHƯƠNG 2

Tôi Đi Học

Dù học hành thuộc hạng khá trong nhà, nhưng tôi tự nhận thấy mình chỉ... làng nhàng, học vì phải học vậy thôi, chứ không phải xuất sắc mà càng không do đam mê.

Có lẽ một phần là do thầy tôi. Ông quan niệm không cần học giỏi, chỉ cần không ở lại lớp...



Nguyễn Đức Thông (giữa) cùng hai người bạn thân lớp Đệ nhất (nay là lớp 12) A1 trung học Võ Trường Toản niên khóa 1968 – 1969 là Vương Văn Thúy (trái) và Nguyễn Văn Thọ, trong một lần trốn học vào Sở Thú chơi. Bộ ba Th. này từng lấy tên là “Nhóm Aphrodite”, cùng ngồi bàn nhậu trong lớp và ở tuổi 18 đã chủ trì biên soạn một chương trình nhạc nước ngoài trên Đài phát thanh Quân đội mỗi trưa Chủ nhật! Chính việc soạn chương trình theo một cốt truyện có lời bình dẫn dắt có thể đã là tiền đề cho việc viết văn sau này?

Cũng theo ông, con trai càng biết nhiều thứ càng tốt. Ông khuyến khích chúng tôi học võ, trừ anh Lập đau tim bẩm sinh được miễn. Anh Trạch, anh Thạch học võ đường môn phái Bắc Thiếu Lâm Lê Đại Hoan của ông thầy Mười, gần cổng xe lửa số 10 đường Võ Di Nguy (nay là Nguyễn Kiệm). Anh Trạch giỏi võ, từng lên võ đài. Anh Thạch sau đi học trường Sĩ quan Võ bị Đà Lạt, còn có thêm đai đen Thái cực đạo. Tôi cũng đi học Nhu đạo ở võ đường Quang Trung của thầy Thích Tâm Giác đường Phạm Đăng Hưng (nay là Mai Thị Lựu), học Thái cực đạo lò Oh Do Kwan của võ sư Nguyễn Bình ngoài xa lộ. Tuy nhiên tôi học mỗi nơi chừng một, hai năm là bỏ, vì thể lực tôi thuộc loại kém, ra song đấu là bị no đòn, có lần bị đá... bất tỉnh tại chỗ. Tôi còn đi học Anh văn ở Hội Việt Mỹ đường Mạc Đĩnh Chi, học Pháp văn ở Trung tâm văn hóa Pháp đường Đôn Đất, học tiếng Đức ở Trung tâm Goethe đường Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu)... Học bơi ở Hồ tắm Chi Lăng, học lái xe hơi ở đường Nguyễn Kim trước Sân vận động Cộng Hòa, học nhảy đầm với mấy đứa bạn, học đánh cờ tướng với thầy, học đánh cắc-tê với bà ngoại, học đánh xập xám và nhiều loại bài khác với bạn bè, tự học mandolin và guitar qua sách vở...

Giờ nghĩ lại, tôi thấy thầy... đúng.

Đã có lần tôi được phỏng vấn: “Khi học cấp III, anh học trường nào và đã có kỷ niệm nào suốt đời không quên?”.

Tôi học Võ Trường Toản^[37] suốt bảy năm trung học, kỷ niệm nhớ mãi là lần chạy xe làm cái đuôi theo một cô học sinh Trưng Vương lảng gi ềng, tới đèn đỏ, bị cô quay lại hỏi: “Em còn nhỏ lắm, đi theo chị làm gì?”^[38].

Nhưng đó cũng chỉ là một trong vô vàn kỷ niệm thời học sinh của tôi. Nghĩ lại, không phải nói theo bài bản, mà đúng như hầu hết mọi người thường nói, thời gian ấy quả đẹp nhất đời. Bảy năm, nhưng là bảy năm của

cái tuổi mười một – mười tám. Tuổi bắt đầu biết nhận thức cuộc sống, hình thành những quan niệm giá trị riêng, tự tìm cách thể hiện mình, trang bị biết bao kiến thức. Cũng là tuổi dậy thì đón nhận những ngọt ngào của tình bạn và lạ lẫm trước những xao động đầu tiên của tình yêu... Tất cả đều hết sức thú vị, đáng nhớ, bởi tất cả đều là những gì rất đầu tiên, tinh khôi, được ghi lại trên những trang đầu tiên của cuốn sổ ký ức cuộc đời cũng còn mới nguyên.

Không hiểu sao, tôi lại cứ nhớ về những lần trốn học leo tường đi chơi bị phát hiện, những lúc gồng mình đứng ì trên bảng vì không thuộc bài hoặc giải không ra một bài toán, những giờ phút đầu tiên biết kiên trì đứng bên kiosque quán Hẹn để chờ nhìn cho được một gương mặt “em tan trường về”, những ngày kéo băng đánh lộn với đám học trò Cao Thắng, Nguyễn Trường Tộ, những buổi lang thang “*đem tâm sự đi nói cùng cây cỏ*” (thơ Đinh Hùng) trong Sở Thú..., hơn là những lúc được nhận bằng danh dự, được trao phần thưởng... Phải chăng những gì quá êm ả, phẳng lì thường dễ bị trôi tuột đi trên dòng sông trí nhớ?

Cũng như không hiểu tại sao tôi lại nhớ nhiều về những thầy cô thường hay rầy la mình (mà hồi đó tụi tôi gọi là “giảng morale” – còn bây giờ có từ “giữa te tua” nghe hình tượng hơn nhiều) hơn là những thầy cô quá hiền lành. Nhớ mãi lần tôi cùng Thọ, Thúy trốn học leo lên nóc dãy cầu tiêu sát đường Nguyễn Du để trèo tường (đoạn đó không có kềm gai) qua Sở Thú chơi. Tôi nhảy xuống đầu tiên, thì bỗng đâu thầy Tuấn lù lù xuất hiện! Ba thằng riu riu theo thầy đi lên văn phòng tổng giám thị, ký tên vào sổ bìa đen để ngày Chủ nhật phải vào trường quét dọn rồi ngồi làm bài học bài nguyên buổi sáng, hồi đó gọi là bị “công-xi” (cấm túc). Rồi cô Loan dạy Vạn vật, thầy Trí dạy Toán, thầy Ân dạy Pháp văn, thầy Nhường dạy Công dân giáo dục, thầy Thọ dạy Anh văn..., mỗi người “giữa” một kiểu, nhưng

đều xuất phát từ tình thương dành cho chúng tôi. Bởi vậy, “giữa” mà mình nhớ, mình quý.

Như thầy Nhường, dạy Công dân giáo dục năm Đệ lục (lớp 7), đã dạy về luật đi đường căn bản mà cho tới giờ, đã 52 năm, tôi vẫn nằm lòng bốn câu thơ của thầy:

Đi đường phải có kỷ cương

Cứ bên tay phải là đường nên đi

Bên kia cần có việc gì

Ngó sau xem trước xong thì hãy qua.

Thầy còn dạy những phép tắc xã giao thông thường, nghĩa vụ phải đóng thuế và đi bầu, cho đến lễ nghĩa đối với thầy cô, hiếu thảo với cha mẹ, ông bà và yêu thương đất nước. (Thật đáng tiếc, một thời gian dài sau giải phóng, các trường không có môn Công dân giáo dục nữa!). Thầy – và cả cô Loan, thầy Tuân nữa – dạy nhiều nhất về sự quý trọng thời gian. Đó là cái quý nhất, đã qua là không trở lại, và những năm trung học chính là thời gian quan trọng nhất quyết định tương lai của mỗi người. Hãy sử dụng thời gian thật hữu ích để sau này không phải tiếc nuối “phải chi hỡi đó...”, sao cho thời gian đừng bay biến mất tăm khỏi đời mình mà không để lại chút gặt hái nào. Cho tới giờ, tôi vẫn thấm thía lời dạy ấy. Mỗi lúc sắp quá đà trong một cuộc vui, sắp phải đi ngủ mà thấy cả ngày chưa làm được gì, tôi lại nhớ tới lời dạy đó, và tự thấy mình phải nên thế nào. Từ rất lâu, tôi đã có nguyên tắc là trong một ngày, tôi phải làm được một điều gì đó, dù nhỏ, cho công việc và sự nghiệp của tôi. Một bài toán, một bài dịch... của thời đi học, và bây giờ, không là vài trang bản thảo truyện dài thì cũng cái đề cương truyện ngắn, hay ít nhất cũng đôi dòng ghi chép về những ý tưởng mới nảy sinh... Bởi vậy, bao năm nay dù có tiếng là người ham vui, sẵn sàng có mặt “trên từng cây sồi”, nhưng tôi chưa bao giờ là học sinh

kém, nhân viên tồi hay nhà văn lười biếng. Những gì tôi phải làm và dự định làm, hầu như đều làm được.

Bạn ơi, tôi muốn nhắc lại một lần nữa cho bạn nhớ (xin đừng nghĩ là tôi lên mặt “thầy đời”), rằng hãy quý trọng thời gian, thứ tài nguyên quý nhất và công bằng nhất của mỗi người, trong cuộc đời ngắn ngủi và đầy bất công này.

1. Chỉ nhớ được ba chuyện ở tiểu học

Hồi xưa chẳng có ai đi nhà trẻ, mẫu giáo. Có đâu mà đi?

Sinh ra là cứ hên nhiên... ở nhà, cho đến năm 6 tuổi là bắt đầu đi học lớp Năm, rồi Tư, Ba, Nhì, Nhất^[39]. Tới 11 tuổi sẽ lên Trung học đệ nhất cấp với các lớp Đệ thất, Đệ lục, Đệ ngũ, Đệ tứ^[40], thi Trung học xong sẽ lên Trung học đệ nhị cấp với Đệ tam, Đệ nhị đi thi Tú tài 1 rồi Đệ nhất thì đi thi Tú tài 2^[41].

Trường tiểu học thì cứ đúng tuổi là vô học. Người ta thường cho con đi học trường nào gần nhà cho tiện... đi bộ, khỏi mất công đưa đón.

Bậc tiểu học chỉ cần đọc, viết Quốc ngữ thông thạo, không sai chính tả, biết sử ký địa lý nước nhà, làm toán cộng trừ nhân chia không sai, biết cách làm toán đố, học thuộc lòng một số bài thơ văn hay...

Ôi, những bài học thuộc lòng! Sao đến giờ tôi vẫn còn nhớ chúng như in trong đầu vậy? Những bài học về đạo lý làm người, được chuyển tải qua những câu ca dao, câu thơ dễ nhớ, đã in hằn trong tâm trí đám trẻ những đi đâu hay lẽ phải về lòng nhân ái:

Thấy người hoạn nạn thì thương

Thấy người tàn tật lại càng trông nom

Thấy người già yếu ôm hôn

Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ đói

Trời nào phụ kẻ có nhân

Người mà có đức, muôn phần vinh hoa...

(Thương người như thể thương thân – Nguyễn Trãi gia huấn)

Yêu công việc nhà nông:

Tháng Giêng là tháng ăn chơi

Tháng Hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà

Tháng Ba thì đậu đã già

Ta đi ta hái về nhà phơi khô

Tháng Tư đi tậu trâu bò

Để ta sắp sửa làm mùa tháng Năm...

(Công việc nhà nông – Ca dao)

Yêu gia đình:

Tan buổi học mẹ ngồi tựa cửa

Mắt trông con đưa đưa về dân

Xa xa con đã tới gần

Các con về đủ quây quần bữa ăn

Cơm dưa muối khó khăn mới có

Của không ngon, nhà khó cũng ngon

Khi vui câu chuyện thêm giòn

Chồng chồng vợ vợ con con một nhà...

(Cảnh vui của nhà nghèo – Tản Đà)

Yêu quê hương đất nước:

Những buổi sáng vầng hồng le lói chiếu

Trên non sông làng mạc, ruộng đồng quê

*Chúng tôi ngồi yên lặng lắng tai nghe
Tiếng thầy giảng vang trong giờ Quốc sử
Thầy tôi bảo: “Các em nên nhớ rõ
Nước chúng ta là một nước vinh quang
Các anh hùng thuở trước của giang san
Đã đổ máu vì lợi quyền dân tộc
Các em phải đêm ngày chăm chỉ học
Để sau này nối được chí tiên nhân
Ta chắc rằng, sau một cuộc xoay vần
Dân tộc Việt sẽ là dân hùng kiệt...”
(Giờ Quốc sử – Đoàn Văn Cừ)*

Lạ lùng nhứt là bài *Anh hùng vô danh* của Đặng Phương, rất dài mà tôi vẫn thuộc tới bây giờ:

*Họ là những anh hùng không tên tuổi
Sống âm thầm trong bóng tối mông mênh
Không khi nào được hưởng ánh quang vinh
Nhưng can đảm và tận tình giúp nước.
Họ là kẻ bốn ngàn năm thuở trước
Đã phá rừng, xẻ núi, lấp đông sâu
Đã làm cho những đất cát hoang vu
Biến thành một dải sơn hà gấm vóc...*

Vậy đó, tôi đi học, rất vui thú. Ngày chỉ học một buổi, tất cả bài vở đều học xong làm xong trong trường, về là... đi chơi. Nhiều lắm là buổi tối bỏ chừng một tiếng ngủ rồi đi học thuộc lòng các bài chưa thuộc, làm vài bài tập toán là đã đủ. Chẳng phải học thêm gì hết.

Tôi được mẹ cho học trường tiểu học tư thục Chi Lan ở số 171 Chi Lăng (nay là trụ sở của Công ty Xổ số tỉnh Kontum tại TP.HCM, 171 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận), ra khỏi cư xá đi bộ chừng 200m là tới. Trường nhỏ, là một cái villa chia làm mấy phòng, có một khoảng sân dùng làm nơi chào cờ và chạy nhảy trong giờ ra chơi. Chỉ có vài thầy cô. Tôi nhớ hiệu trưởng là thầy Nguyễn Đức Rễ, người Bắc, cả thầy và vợ cùng đứng lớp (thầy tôi thường ghẹo Đứt Rễ thì... chết thôi chứ dạy cái gì?).

Thầy Rễ có thằng con bằng tuổi tôi, học lớp tôi, tên Nguyễn Đức Long, chơi với tôi rất thân. Còn một thằng bạn thân nữa, tên Dũng, cũng người Bắc, nhà trong hẻm đường Thái Lập Thành (nay là Phan Xích Long) gần đó. Không biết ba mẹ làm gì mà vắng nhà suốt, nó mới học tiểu học mà đã biết tự nấu cơm ăn, chiên đậu hũ giòn tan ăn rất ngon. Một thằng bạn khác tên Phúc, người Bắc luôn, nhà ở cặp đường rầy xe lửa gần đường Võ Tánh (nay là Hoàng Văn Thụ). Phúc là người đã hướng dẫn tôi chơi guitar, bắt đầu bằng bài *Apache* của ban The Shadows. Nó đạp xe chở tôi đi mua cây guitar thùng đầu tiên trong đời ở đường Nguyễn Thiện Thuật tốt khu Bàn Cờ, mua thêm cuốn *Tự học căn bản Tây Ban Cầm* của thầy Hoàng Bửu, cứ thế mà tự rỉ rả. Trước đó tôi cũng đã tự học mandolin để đàn cho thầy tôi nghe, học đàn tranh với chú Trịnh Chúc là một người bà con. Cuối cùng là Nguyễn Danh Toại, nhà ở hẻm đối diện trường, sau cũng học Luật rồi từng làm thẩm phán ở Quận 10 từ năm 1999, giờ về hưu xách mô-tô rong chơi khắp nơi. Nhờ Facebook mà tôi tìm được nó.

Bạn trai tôi nhớ được bốn thằng đó, còn bạn gái chỉ nhớ được hai đứa. Một là Đặng Thị Mai, nhà ở đường Cô Giang, Phú Nhuận, có mấy lần tan trường tôi đưa về nhà nên còn nhớ. Rồi Quách Kim Chung^[42], gốc Hoa, cha mẹ làm hãng nhập khẩu, nhà giàu nứt lóp nhưng tính tình rất dễ thương, ngay mặt tiền đường Chi Lăng, gần bò bảy món Duyên Mai, giờ hình như là vị trí làm Ngân hàng Đông Á. Kim Chung cầm nhon, mắt xếch

một mí, rất thích tôi, một lần có mời tôi đến nhà ăn sinh nhật. Nhưng tôi lại thích Mai hơn. Đời luôn oái oăm là vậy!



Nói có sách mách có chứng. May sao tôi còn giữ được tấm hình này, chụp cuối năm lớp Nhứt (tháng 5-1962), trước khi tan đàn. Thầy dạy chúng tôi là thầy An. Đỗ bạn nhìn ra tôi. Đức Long là thằng cười toe. Mai và Chung cùng mặc đầm, đứng hai bên cô bé nhỏ con cũng mặc đầm ở giữa hình, hàng đầu. Nhìn mặt chắc bạn cũng đoán được ai là Kim Chung rồi?

1957 – 1962. Đó cũng là thời gian êm đềm nhất của miền Nam từ sau thời Pháp thuộc. Đây là những năm vàng son của nền Đệ nhất Cộng hòa miền Nam Việt Nam^[43], xã hội phát triển tốt, bình yên ở các vùng thị tứ, mô hình chính thể dân chủ tư sản với nền hành chính công quyền và luật pháp, giáo dục, y tế... thừa hưởng từ thời Pháp, kinh tế tư nhân hình thành với sự viện trợ ồ ạt của Mỹ...

Đây cũng là thời kỳ đỉnh cao trong sự nghiệp viết văn – làm báo của mẹ tôi. Bà được các báo mời viết feuilleton... mệt nghỉ, đến mức phải bỏ luôn nghề dạy học vừa cực nhọc hơn mà đồng lương lại kém cỏi. Tuổi con mèo, nên dù công việc rất cực, lúc nào cũng thấy phong thái mẹ ung dung, bình

thần. Hầu như hiếm thấy mẹ từ chối việc khi được các báo, tạp chí, người làm sách... đặt hàng. Mẹ không từ nan bất cứ công việc gì làm ra tiền bằng nghề viết của mình. Bởi sau lưng mẹ là cả một bầy con!

Các nhà xuất bản luôn canh tiều thuyết mới của mẹ tôi vừa xuất hiện trên báo là đua nhau đến nhà giành đặt cọc mua quyền xuất bản. Trung bình một năm mẹ tôi ra 2 – 3 đầu sách mới. Hồi đó hợp đồng viết sách giữa nhà xuất bản và tác giả không cần văn bản mà chỉ bằng... miệng. Nhuận bút một cuốn sách khoảng từ 70.000 đồng tới 100.000 đồng tùy số trang (vàng lúc đó chỉ 5.000 đồng/lượng). Sách in khởi đầu không dưới 10.000 cuốn, bán hết là in thêm ngay. Với các tác giả có sách bán chạy thì nhà xuất bản thường mua đứt tác quyền trong vòng 5 năm, trả tiền một lần, nên tác giả không cần thắc mắc số lượng in. Tôi còn nhớ những ngày nhà xuất bản – thường chỉ là một người! – chở sách mới in tới nhà biểu mẹ tôi, đồng thời giao phần nhuận bút còn lại (đã đưa tạm ứng hồi còn đăng báo).

Đó thật sự là những ngày hội trong gia đình!

Mẹ tôi kêu về nhà hai bao gạo chỉ xanh 100kg để ăn dần, kêu anh tôi đi bỏ thang thuốc về ngâm rượu cho ba tôi, rồi măng cùi, vú sữa, xoài, nhãn..., mùa nào thức nấy cả giỏ cần xé phục vụ cho chín cái tàu há mồm trong nhà. Rồi cả nhà lên taxi đi ăn bò bảy món Ánh Hồng gần cổng xe lửa đường Nguyễn Minh Chiếu (nay là Nguyễn Trọng Tuyển)... Chỉ vậy thôi, chứ mẹ không thể tạo nên sự giàu sang cho gia đình. Giàu sao nổi với nghề viết văn, làm báo? Mà lại phải lo cho một ông chồng quen sống phong lưu, với 9 đứa con đang tuổi ăn học! Như nhiều người lúc đó, mẹ không hề mua vàng dự trữ, chỉ dùng tiền bán sách lo cho con đi học, dư thì gởi tiết kiệm ngân hàng. Cứ nghỉ hè xong là đứa nào cũng có quần áo, giày dép mới. Và một dịp nữa trong năm chắc chắn bọn tôi có quần áo giày dép mới, đó là Tết. Tết nào không đủ tiền lo cho cả nhà, thì mẹ lại gọi mấy nhà xuất bản

tới “bán lúa non”, tức nhận tiền cọc cho một cuốn sách chưa viết. Cứ thế mẹ cày và cày...

Năm năm tiểu học của tôi trôi qua rất bình yên.

Những gì mà tôi nhớ nhất, các bạn không đoán được đâu, lại là những món ăn bán trước cổng trường. Chi Lan là một trường nhỏ, có đủ 5 cấp lớp tiểu học, nhưng mỗi cấp chỉ có một lớp. Học sinh có thể chọn học lớp sáng hoặc lớp chiều. Mỗi buổi chỉ có khoảng 150 học sinh, vậy mà trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra chơi, luôn có khoảng 6 – 7 người bán các món quà vặt cho lũ học trò. Những món ăn rất đơn giản, rẻ tiền, bởi mắc thì bán cho ai? Như món me ngào đường, đựng trong thau nhựa, trên đây tấm lá chuối khô, mỗi lần mua 2 cái, 5 cái đều bán. Người bán lấy muỗng múc một miếng quệt vào cái bánh tráng nướng nhỏ vừa lòng bàn tay, cho thêm cái tấm để... quệt quệt, dích dích, ăn chua chua ngọt ngọt ngon mê tơi. Cũng với me, có món bánh me ép tròn như đồng xu, ăn chua chua cay cay. Các món trái cây khác ngoài cóc, ổi, xoài, chùm ruột sống chấm mắm ruốc, còn có trái xay, trái sắn, trái me keo..., toàn thứ rẻ tiền. À quên, còn có một thứ trái mà giờ hình như đã tuyệt chủng trước các cổng trường: trái ô môi. Trái này hình ống tròn, có vỏ cứng màu nâu đen, dài khoảng 4 – 5 tấc, đường kính chừng 3cm, bên trong chứa nhiều múi, mỗi múi có một chút thịt bọc quanh cái hạt tròn đẹp. Người bán chặt trái thành từng đoạn, róc hai bên mép vỏ mềm, sau đó ép hai đường gân đôi bên cho xệu xạo. Người ăn chỉ việc lấy ra từng múi để ăn. Thịt ô môi có vị giòn ngọt, cay nồng, ăn bị đen môi, ăn nhiều rất bón. Hạt ô môi còn có thể dùng để nấu chè, ăn dẻo, ngon.

Rồi nhiều thứ quà vặt khác: bánh vòng xỏ chỉ đeo cổ, cà rem đá bỏ trong thùng sắt, kẹo múi cam, kẹo đèn cầy, kẹo đậu phộng sữa Nougat... Nhưng mê nhất là kẹo kéo của ông Chệt, không chỉ bởi vị ngọt ngon, lời rao độc đáo^[44] mà món ăn này còn luôn được bán kèm trò quay số, hên thì

có thể chỉ với 5 cây có thể trúng được chục cây bao bạn bè, xui thì mất tiền. Vật dụng quay số là một miếng gỗ tròn có thể dùng tay quay được, phía ngoài có gắn một cây cờ cố định. Trên mặt gỗ chia thành nhiều ô, có đánh số. Khi miếng gỗ dừng lại, lá cờ chỉ vào ô nào đó sẽ là giải người quay được trúng.

Tôi nhớ nhiều đến các món quà vật bởi vì tôi... hay mua chúng để mời vài cô bạn gái trong lớp. Thói galant này luôn luôn có lợi, bạn hãy tin tôi.

Về sự kiện trong thời này thì tôi chỉ còn nhớ được ba chuyện.

Chuyện thứ nhất, Kim Chung vô lớp, đem cho tôi một trái ổi xá lị lớn. Ra chơi, tôi ngẩng chống cùi chỏ lên trái ổi, ra ý khoe khoang. Một thằng bạn ngẩng sau tức tối chồm lên xô mạnh tôi. Chỉ vậy thôi mà tôi bị trật khớp, phải đi băng bột, chứng tỏ tôi suy dinh dưỡng cỡ nào!

Chuyện thứ hai, thật là xấu hổ, nhớ tới bây giờ luôn.

Hôm đó là sáng Thứ hai, chào cờ. Năm tôi sáu tuổi, học lớp Năm, lớp đầu tiên. Học mới vài tháng nhưng cũng đã thân với Mai và Chung. Không hiểu sáng hôm đó tôi ăn uống thế nào mà tự nhiên... mắc tè dầm. Mắc từ lúc xếp hàng chào cờ, nhưng cố nín. Chào cờ xong, thầy hiệu trưởng luôn phải giáo huấn đôi lời. Hôm đó trái lệ thường, thầy nói rất lâu. Không thể nào nín được mà lại nhất không dám chạy ra ngoài, tôi chịu hết nổi... tè luôn tại chỗ. (Ai đã từng trải qua cảm giác tè dầm hay ị đùn, sẽ cảm thấy “đã” như thế nào khi... bùng nổ tuôn trào, kệ tới đâu thì tới!). Đám bạn đứng sau nhìn thấy, bắt đầu cười sùng sục trong miệng rồi lớn dầm. Lẽ dĩ nhiên sau đó cả lớp đều biết. Tôi được mẹ của Long đưa vào trong lấy quần Long cho thay. Tôi mắc cỡ trốn học mấy ngày! Khi vào học lại, còn phải chịu đựng thêm mấy ngày đám bạn chọc ghẹo vụ đái dầm, nhưng dù sao vẫn còn dễ chịu hơn là mỗi khi gặp Mai và Chung, hai con nhỏ cứ nhìn tôi tủm tỉm cười...

Chuyện thứ ba, cuối năm lớp Nhứt, như mọi học sinh, tôi đi thi vào trường trung học công lập^[45]. Ở Sài Gòn lúc đó, trường trung học công lập thì nam học riêng, nữ học riêng. Về trường nam, đẳng cấp nhứt là Pétrus Ký, rồi tới Chu Văn An, Võ Trường Toản, Nguyễn Trãi, Hồ Ngọc Cẩn, Mạc Đĩnh Chi... Pétrus Ký thì anh Lập và anh Thạch đã học, Chu Văn An ở tuốt Chợ Lớn quá xa mà lại nhiều học sinh người Bắc. Tôi chọn Võ Trường Toản, một trường nhỏ gần Sở Thú, nơi anh Trạch từng học trước khi đi lính. Chỉ vì một lý do: kế bên là trường nữ trung học Trưng Vương, thấy anh Trạch có làm thơ ca tụng. (Ngoài Trưng Vương, Sài Gòn lúc đó còn hai trường nữ công lập khác là Gia Long và Lê Văn Duyệt).

Tôi đi thi ở trường Bồ Đề, góc đường Nguyễn Thái Học – Cô Giang, gần chợ Cầu Muối. Chị Hương đưa tôi đi thi bằng xe xích-lô, hẹn khoảng 11 giờ 30 sẽ tới đón. Năm đó học sinh chỉ phải thi hai môn Luận văn và Toán đố, trong một buổi sáng. Còn nhớ đề Luận văn là về nạn lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, tôi viết miên man nhờ có vốn hàng ngày đọc báo cho thầy tôi nghe, hình như năm trước đó có một trận lụt lớn. Bài toán đố hơi khó, thuộc loại tính đồ đồng, ví dụ có X con gà và thỏ (2 chân và 4 chân), mình phải đồ đồng ra cùng một loại, mới tính được. Thầy Rễ ở trường Chi Lan không dạy loại toán này nên thằng Long (cũng đi thi với tôi) không làm được, bị rớt. Còn tôi được chị Hương rèn kỹ nên làm được dễ dàng. Mới 10 giờ 30 tôi đã lên nộp bài. Ra cổng trường chờ chị lâu quá, tôi thả bộ đi chơi lòng vòng định một lát sẽ quay lại. Biết rạp Kim Châu của bà bác tôi ở trên đường Nguyễn Văn Sâm (nay là Nguyễn Thái Bình) cách đó không xa, tôi tới coi mấy hình ảnh quảng cáo phim sắp chiếu.

*

Bạn có tin lúc đó tôi đã là dân ghiền xi-nê có số má? Mới 8 – 9 tuổi tôi đã thường cùng vài đứa bạn trong cư xá đi bộ ra hai rạp bình dân gần nhà là Văn Cầm và Cầm Vân cùng trên đường Võ Di Nguy (nay là Phan Đình

Phùng) để coi phim. Cả hai rạp này đầu... “có máy nóng”, ghế gỗ có nhiều rệp, chuột chạy rần rập dưới chân, khai rình vì nhiều khách con nít xem phim sẵn sàng tè tại chỗ. Chỉ chiếu lại phim cũ đã dạt ra từ các rạp lớn trung tâm, chiếu permanent (thường trực) tức vô ra lúc nào cũng được, khỏi có số ghế, được cái giá vé chỉ có 1 đồng rồi lên dần tới 5 đồng/vé. Tới giờ vẫn còn nhớ vài bộ phim đình đám lúc đó, như *Gunfight at the O.K. Corral* (Kirk Douglas, Burt Lancaster), *Alamo* (John Wayne, Richard Widmark), *Bảy tay súng oai hùng* (Yul Brynner, Charles Bronson, James Coburn, Horst Buchholz), *The 7th Voyage of Sinbad* (Kerwin Mathews)... Phim Nhật có *Người phu xe* (Toshiro Mifune), *Bảy chàng võ sĩ đạo* (chỉ nhớ được tên Toshiro Mifune)... Ngay cả một phim chiến tranh bi thảm như *Tant qu'il y aura des hommes* (*From Here to Eternity* – với Burt Lancaster, Montgomery Clift, Deborah Kerr, Frank Sinatra) mà tôi vẫn còn nhớ đến tận giờ!

Rạp Kim Châu được bác tôi xây xong năm 1960, thầy mẹ và cả nhà được mời đi coi hôm khai trương, chiếu *Sappho – Venus of Lesbos*, dạng phim giác đấu La Mã màn ảnh đại vĩ tuyến, màu Technicolor, có nữ tài tử Tina Louise rất đẹp. Màn nam tài tử Kerwin Mathews đẹp trai tay không đánh với sư tử làm tôi mê mẩn. Rạp có hành lang phía trước rộng, mát lạnh, hai bên tường là vách kính để đầy hình ảnh các bộ phim sắp chiếu.

Hôm tôi đi thi, rạp đang quảng cáo bộ phim Pháp – Ý *Les Trois Mousquetaires* (Ba chàng ngự lâm pháo thủ), dựa theo thiên truyện lừng danh của đại văn hào Pháp Alexandre Dumas. Tôi đứng mê mẩn ngắm tới ngắm lui hình ảnh cô đào nầy nở có đôi môi cong Mylène Demongeot (vai cô nàng gian ác Milady de Winter), chứ chẳng thèm nhìn chàng diễn viên Gérard Barray đẹp trai trong vai hiệp sĩ D'Artagnan^[46]. Khung kính kế bên lại đầy hình ảnh của nữ tài tử Lâm Đại^[47] của Hồng Kông trong vai cô nàng rắn trắng Bạch Tố Trinh của phim *Bạch Xà truyện* (1962), đẹp mê ly

trước mắt thằng con trai 11 tuổi chưa bẻ tiếng. 11 giờ 30, chị tôi tới trường đợi đến lúc không còn thí sinh nào vẫn chẳng thấy tôi đâu, hốt hoảng kêu ông xích-lô chạy kiểm khắp các con đường quanh trường B ồ Đ ề, may sao gặp tôi đang trên đường lơn tơn quay về. Đến giờ thỉnh thoảng chị vẫn còn nhắc câu chuyện tôi mê gái đẹp từ năm 11 tuổi đến nỗi quên tuốt người nhà (mãi mãi đến giờ vẫn vậy!).

Khoảng một tháng sau, chị tôi đi coi kết quả về báo tôi đã thi đậu vào trường Võ Trường Toản với số điểm khá cao. Đó là kết quả công dạy dỗ của chị. Việc thi đậu vào trường công lúc đó là một sự kiện với nhiều gia đình, nhưng ở nhà tôi là bình thường.

Các anh chị, r ồi sau này là ba cô em tôi, đều học trung học ở các trường công lập. Chứ học trường tư thì làm sao mẹ tôi có thể nuôi nổi!



1. Bưu ảnh Mylène Demongeot tôi mua cất trong hộp bàn để đêm đêm ngồi học lấy ra ngắm. Tôi mê đôi môi cong nũng nịu và vòng 3 đầy đặn của cô đào này trong suốt những năm mới lớn!

2. Poster phim Ba chàng ngự lâm pháo thủ (đạo diễn Bernard Borderie, điện ảnh Pháp – Ý hợp tác sản xuất 2 tập, Xâu chuỗi của nữ hoàng và Sự

trả thù của Milady, năm 1961).

– Ảnh: Internet

2. Những năm trung học đầy biến động

Trung học Võ Trường Toản Sài Gòn

Võ Trường Toản (? – 1792) là một nhà giáo rất uyên thâm của miền Nam, được các sĩ phu Nam Bộ tôn là “Thái sơn Bắc đẩu”, là “Gia Định xử sĩ”. Trong thời chiến tranh Tây Sơn – Nguyễn Ánh, ông ở ẩn, mở trường dạy học, không tham gia chính sự. Học trò của ông khá đông và nhiều người nổi tiếng như Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Ngô Tùng Châu, Phạm Đăng Hưng, Lê Bá Phẩm, Phạm Ngọc Uẩn... Vua Gia Long rất mến mộ ông, nên mỗi khi ghé Gia Định thường triệu ông đến giảng sách, đàm đạo và muốn trọng dụng ông, nhưng ông khéo léo từ chối, chỉ tiến chúa Nguyễn 10 đi đầu về phương lược cứu quốc và kiến quốc. Lúc mất ông được nhà Nguyễn tặng danh hiệu “Gia Định xử sĩ Sùng Đức Võ tiên sinh” để khắc vào bia mộ. Mộ ông hiện ở làng Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre...

Ngôi trường lấy tên ông được thành lập năm 1955 tại Sài Gòn, ở số 11 đường Nguyễn Bình Khiêm, là một cơ sở giáo dục trung học công lập dành riêng cho nam sinh, trên cơ sở vật chất của Trường Sư phạm Nam Việt (cũ). Tôn chỉ đào tạo học sinh là: “Học vấn – Đạo đức – Kỷ luật”.

Niên khóa đầu tiên (1955 – 1956), trường chỉ có 3 lớp Đệ thất, nhận học sinh có điểm đậu kế tiếp của trường Trung học Pétrus Ký. Đến năm 1960 trường mở đến lớp Đệ nhất. Năm 1961 Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH công nhận chính thức trường là trường Trung học Đệ nhị cấp. Niên khóa 1967 – 1968, trường đã phát triển lên 40 lớp từ Đệ thất đến Đệ nhất...



1. Tượng cụ Võ Trường Toàn trong khuôn viên trường. Tác giả là thầy Nguyễn Thành Thu, cũng là giáo sư của trường. Ông chính là tác giả của bức tượng Thương tiếc lòng danh trước Nghĩa trang Quân đội VNCH.

2. Cổng trường Võ Trường Toàn ngày xưa.

Tỷ lệ học sinh Võ Trường Toàn đậu Tú tài I và II hàng năm thường trên 90%. Tỷ lệ đậu này rất cao, nếu so với tỷ lệ thi đỗ bình quân chung toàn VNCH (dưới 40%). Nhiều học sinh trường đậu hạng cao: Ưu và Bình...

Khác với những năm tiểu học êm đềm, những năm trung học của tôi đầy biến động thời cuộc.

Tháng 9 năm 1962, tôi vào lớp Đệ thất B trường Trung học Võ Trường Toàn. Trường nhỏ, chỉ có ba lớp đệ thất A, B và C. Lớp A và B học Anh văn. Lớp C học Pháp văn. Chỉ ba lớp với khoảng 150 học sinh. Ít như vậy cũng đủ biết để thi đậu vào Võ Trường Toàn không phải là chuyện dễ.

Năm 1962, sau sáu năm cầm quyền, bên cạnh nhiều điều làm được về hành chánh, giáo dục, y tế, văn hóa, xây dựng hạ tầng cơ sở... cho miền

Nam (thời gian từ 1956 – 1960 được coi là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của VNCH), chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm ngày càng sa vào những sai lầm nguy hiểm, đáng kể là hai việc: độc tài chuyên chế và đàn áp Phật giáo. Sự chống đối trong các tầng lớp dân chúng đã bắt đầu từ năm 1960^[48], đến năm 1962 càng mạnh hơn với vụ hai phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc lái hai chiếc khu trục cơ cánh quạt A1 Skyraider ném bom Dinh Độc Lập ngày 27-2. Vụ việc tưởng sẽ làm gia đình ông Tổng thống tỉnh ngộ, nhưng không, họ chỉ càng cứng rắn hơn trong việc cai trị, để mong có một chính quyền thật mạnh hầu chống lại Cộng sản. Nhằm đảm bảo có một bộ máy trung thành, họ tập trung sử dụng người theo đạo Công giáo và mạnh tay đàn áp các tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo, sau cùng là Phật giáo, vốn chiếm tỷ lệ rất đông trong dân chúng, khi thấy khuynh hướng thân Cộng phát triển trong một số nhà chùa^[49]...

Tất cả những đi đầu này tôi chỉ được biết khi đọc sách và tài liệu sau này, chứ lúc đó, là một thằng nhỏ mới 11 tuổi, tôi nào biết gì! Chỉ biết ở Sài Gòn đã diễn ra các cuộc biểu tình liên miên của Phật giáo, từ khoảng cuối năm tôi học Đệ thất cho đến suốt mùa hè 1963^[50], mà đỉnh cao châm ngòi cho Phật giáo đấu tranh mạnh mẽ hơn là cuộc tự thiêu gây chấn động thế giới của thượng tọa Thích Quảng Đức ngày 11-6-1963, tại ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng (nay là Cách Mạng Tháng Tám – Nguyễn Đình Chiểu), mở đầu cho hàng loạt cuộc tự thiêu khác.

Trường Võ Trường Toản nằm ở một vị trí rất nóng: Bên cạnh Phủ Thủ tướng (số 7 đường Thống Nhất, nay là trụ sở của Văn phòng Chính phủ 2), rồi gần đó là Thành Cộng Hòa của Lữ đoàn Liên binh Phòng vệ Phủ Tổng thống, chiếm nguyên một khu tứ giác rộng lớn (sau 1963 được cấp cho ba trường đại học lớn là Văn khoa, Dược khoa, Nông lâm súc chiếm ba góc, một góc còn lại là Đài truyền hình. Đây sẽ là nơi diễn ra vô số cuộc biểu tình chống Mỹ của các sinh viên phản chiến và thân Cộng). Đi tới một chút

là Tổng cục Chiến tranh Chính trị, rồi Tòa đại sứ Mỹ, Anh, Pháp, cuối đường là Dinh Độc Lập (nay là Dinh Thống Nhất). Cứ mỗi lần có biểu tình lớn, mịt mù khói lựu đạn cay, là chúng tôi lại được nghỉ học hoặc cho về sớm.

Rồi chính học sinh trường tôi, ngay đầu niên học 1963 – 1964, ngày 7-9-1963, cũng tổ chức mít-tinh bãi khóa “chống chế độ độc tài gia đình trị đàn áp Phật giáo” ngay tại sân trường, cùng lúc với học sinh hai trường nữ Gia Long và Trưng Vương. Sự việc là do các anh lớp lớn Đề nghị cấp buổi sáng tổ chức, các lớp Đề nhứt cấp buổi chiều được “hưởng sái”... nghỉ, hết sức vui vẻ. Không ngờ hôm sau cảnh sát vô trường làm việc với ban giám đốc (lúc bấy giờ không gọi là “ban giám hiệu”), mời một số “thủ lãnh học sinh” lên đi điều tra, răn đe^[51]...

Và chưa đầy hai tháng sau, ngày 1-11-1963, người Mỹ đã bật đèn xanh cho các tướng lãnh từng là cận thần của ông Tổng thống, làm một cuộc đảo chính, bắt giết hai anh em ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, lập chế độ mới Đề nghị Cộng hòa với sự lãnh đạo của các sĩ quan võ biền, cha nào cũng mê quyền lực, lật đổ nhau liên miên. Chúng tôi cũng liên miên được nghỉ, vì các trụ sở chớp bu đầu rất gần trường. Trường tôi ở vị trí trong góc, khi phong tỏa các đường vào dinh Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (Thủ tướng) thì lẽ dĩ nhiên cũng khỏi ra vô. Đặc biệt từ khi ông tướng râu kẽm phi công Nguyễn Cao Kỳ lên làm Thủ tướng (1965 – 1967) thì hàng ngày ông đi làm từ nhà ở trại Phi Long trong sân bay Tân Sơn Nhứt đến Phủ Thủ tướng luôn bằng... máy bay trực thăng tự tay cầm lái, theo đúng phong cách cao bồi của mình. Mỗi lần máy bay của ông lượn vòng đáp xuống nóc tòa nhà, lại gây tiếng ồn điếc tai khiến chúng tôi phải dừng hết việc học!

Năm tôi học lớp Đề tam (1967), bên Trưng Vương vẫn còn hăng hái biểu tình, bãi khóa. Nghe mấy đứa bạn kháo nhau cần đầu là một nhỏ cũng

mới học Đệ tam, có biệt hiệu “Hiền Trưng Vương”, cũng từng qua cổng trường Võ Trường Toản rủ rê “hàng xóm” đi đấu tranh. Đệ tam, có nghĩa mới 16 tuổi! – Giờ nghĩ lại, đúng là người Cộng sản đã quá giỏi trong vận động, xây dựng lực lượng! – Tuy nhiên ban giám đốc Võ Trường Toản quản lý học sinh rất chặt nên các hoạt động chống đối của bên trường nam dần tàn lụi.

Tết năm Mậu Thân 1968, năm tôi học lớp Đệ nhị, chúng tôi được nghỉ khá lâu, vì ba đợt tổng tấn công ác liệt của quân Cộng sản vào Sài Gòn và một số thành phố lớn. Chưa bao giờ thường dân ở Sài Gòn và một vài thành phố – đặc biệt là Huế – nếm mùi thương đau của chiến tranh nặng nề đến vậy. Thật ra trước đó, từ năm 1962 và dài dài tới 1967, “Việt Cộng” cũng đã thực hiện một số cuộc đặt bom, rải mìn, pháo kích... vào các khách sạn, cư xá của người Mỹ, rồi tàu chiến, sân bay, nhà hàng, sân vận động...^[52], nhưng dù sao mới chỉ là các vụ việc lẻ tẻ.

Chỉ từ rạng sáng ngày 30-1-1968 đúng mừng Một Tết, bắt đầu đợt 1 cuộc tổng tấn công cho đến ngày quân Cộng sản kết thúc đợt 3 (30-9), người dân ở một số đô thị lớn miền Nam mới biết thế nào là “nổi buồn chiến tranh”! Ở Sài Gòn, các mục tiêu quan trọng như Dinh Độc Lập, Tòa đại sứ Mỹ mới trên đường Thống Nhất, Đài phát thanh, Sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng nha Cảnh sát, Biệt khu Thủ đô, Bộ tư lệnh Hải quân... đều bị tấn công ác liệt. Anh em tôi đều nghỉ học ở nhà và bị thầy mẹ cấm không cho ra đường. Nhà nào cũng lo trữ gạo, muối, đường, nước mắm, khô cá, dầu hỏa, dầu ăn, hột vịt muối... để phòng khi chiến sự kéo dài.

Ngã tư Phú Nhuận rất gần với Bộ Tổng tham mưu Quân lực VNCH (nay là Bộ tư lệnh Quân khu 7). Từ đêm giao thừa, tiếng súng đã nổ rền chen lẫn tiếng pháo, khiến nhiều người hoàn toàn bị bất ngờ. Dân trong cư xá hào hứng bàn nhau sao năm nay có loại pháo gì mới, tiếng nổ giòn quá! Nhưng khi mở Đài phát thanh Sài Gòn không nghe được tín hiệu gì^[53],

mọi người mới bắt đầu hoang mang. Rồi khi vài người đi chơi khuya về hốt hoảng báo tin Việt Cộng đang đánh mạnh ở Cổng 5 của Bộ Tổng tham mưu trên đường Võ Tánh (nay là Hoàng Văn Thụ) và Cổng Phi Long của Sân bay Tân Sơn Nhất, thì sự sợ hãi mới bắt đầu bao trùm. Mọi căn nhà lập tức khóa kín cửa, cư xá lạng như tờ hũ hộp chờ đợi...

Chiến tranh đã làm cuộc thi Tú tài 1 năm ấy bị hủy bỏ luôn từ đó. Chúng tôi lên lớp Đệ nhất dễ dàng, nhưng trong tâm trí non nớt của mỗi đứa học trò bắt đầu có nhiều băn khoăn về tương lai, về đất nước... Những bản tin chiến sự dồn dập trên báo, đưa tin số người chết quá nhiều, nhiều chưa từng thấy, đặc biệt là ở Huế, thật sự đã tạo nên một tâm trạng đau thương, bi quan trong nhiều người trẻ.

Có thể nói Tết Mậu Thân chính là cái Tết ảm đạm nhất trong cuộc đời của rất nhiều người dân miền Nam...

Riêng với học sinh trường Võ Trường Toản thì còn có một cuộc “chiến tranh” khác, diễn ra trong những năm tôi học ở đây.

Đó là cuộc chiến giữa trường Võ Trường Toản và trường Cao Thắng, Nguyễn Trường Tộ, là hai trường trung học kỹ thuật (dạy nghề) ở Sài Gòn lúc ấy. Trường Cao Thắng nằm ở đường Huỳnh Thúc Kháng. Trường Nguyễn Trường Tộ nằm ở đường Phạm Đăng Hưng (nay là Mai Thị Lựu), cùng ở Quận 1. Mâu thuẫn giữa Võ Trường Toản với hai trường trên đã có từ khá lâu, dai dẳng, được coi như “mối thù truyền kiếp”. Có người nói mọi chuyện xuất phát từ tâm lý “traí làng”, nam sinh Võ Trường Toản luôn muốn bảo vệ các “cục cưng” nữ sinh Trưng Vương. Khi các anh chàng Cao Thắng, Nguyễn Trường Tộ lảng vảng tới để “cua” các em Trưng Vương là lập tức có chuyện gây sự, đánh lộn. Trong cặp của các học sinh trường kỹ thuật luôn có kềm, búa, mỏ-lết, giũa, tuộc-nơ-vít... nên các trận chiến thường có đổ máu. Phe Võ Trường Toản “chó cầy gần nhà” nên luôn luôn đông hơn, thậm chí nhiều khi đang ngủ học mà nghe bên Sở Thú bạn bè

đồng môn đang bị phe kia lấy giữa cà lên đầu cho rụng hết tóc là cả lớp ào ào đứng dậy tuôn chạy ra đường đi cứu bồ. Trên đường có thứ gì có thể làm vũ khí là vớ luôn, như sợi xích khóa xe, chân bàn chân ghế, dao chặt nước đá của chú Xi chú Cống, hai ông Tàu bán nước giải khát trên đường Nguyễn Du, bên hông trường... Trận chiến có lúc ác liệt đến mức, năm tôi học lớp Đệ tứ, trường phải cho chúng tôi khỏi mặc đồng phục, khỏi đeo bảng tên trường, vì “phe địch” đi rào từng tốp trên đường Thống Nhất, Nguyễn Bình Khiêm, Cường Để (nay là Tôn Đức Thắng), cứ thấy tên con trai nào mặc quần xanh áo trắng là chặn lại, thấy bảng tên trường Võ Trường Toàn là lập tức “luộc”!

Chỉ đến khi ban giám đốc trường tôi cầu cứu với Tổng nha Cảnh sát và làm việc với ban giám đốc hai trường kia, thì cuộc chiến mới tạm thời chấm dứt.

“Nhứt quỷ, nhì ma, thứ ba học trò”, câu tổng kết đó thật đúng với đám học trò Võ Trường Toàn chúng tôi! Dù trường công có kỷ luật nghiêm, ngoài ông Tổng giám thị Nguyễn Mạnh Tuân rất nguyên tắc, mỗi cấp lớp còn có một thầy giám thị riêng, theo dõi chặt tình hình học tập, trật tự, kỷ luật của học sinh. Thế nhưng học trò Võ Trường Toàn vẫn nổi tiếng cúp cua (trốn học) qua Sở Thú chơi, đi coi xi-nê (thường ở hai rạp không xa lắm là Văn Hoa Đakao (đường Trần Quang Khải) và Casino Đakao (đường Đinh Tiên Hoàng). Thường khi đã điểm danh có mặt xong lúc đầu giờ, đến lúc ra chơi, bọn học trò lại leo tường nhảy ra, hôm nào đã định trốn học đi chơi thì gọi xe trước bên Sở Thú. Lúc đó Sở Thú chưa xây tường, chỉ làm hàng rào bằng cây dâm bụt đan chen kẽm gai. Đám học trò Võ Trường Toàn luôn khoét được một cái lỗ bí mật xuyên rào, đối diện xeo xéo cổng trường, gọi là “lỗ chó”. Mỗi khi chui thường ngó lui nhìn lên về phía cửa sổ phòng Tổng giám thị, kêu trời khi thấy thầy Tuân đang chĩa ống nhòm nhìn xuống! Có hôm hoảng hốt chui vào thật nhanh mong thầy chỉ thấy...

cái dít chớ không thấy mặt, thì oái oăm thay, cái áo bị kềm gai móc, rách toạc!

Nhớ năm lớp Đệ thất chúng tôi học Anh văn với ông thầy Bùi Đình Mạc. Ông này mê đánh cá ngựa ở trường đua Phú Thọ, hôm nào vô dạy thấy mặt bu ồn thiu là tụi tôi biết chắc hôm qua thua. Có lần thằng Nguyễn Bá Dũng ngỗ gần tôi (ba nó là sĩ quan) đem nhiều viên đạn vô lớp, giữa giờ học Anh văn nó cứ lôi ra xếp trên bàn. Thầy Mạc hết hồn chạy đi báo thầy Tổng giám thị. Dũng bị đưa vào phòng thầy Tuân, bị ông tra vấn một hồi rồi dọa đưa ra cảnh sát, nhưng cuối cùng thương tình chỉ bắt ngỗ chép phạt tại chỗ, còn dặn là đừng bao giờ để thầy hiệu trưởng biết chuyện này. Sẵn nói luôn hiệu trưởng lúc đó là thầy Đinh Căn Nguyên, tướng tá cao lớn, bụng bự, miệng lúc nào cũng ngậm điếu xì gà to tướng, hai tay chấp sau dít đi qua đi lại trên các hành lang. Ông nổi tiếng nóng và dữ dằn, sẵn sàng tát qua tát lại hai bên má tên nào dám cứng đầu. Đứa nào gặp ông cũng sợ.



Chuyện thường ngày ở trường Võ Trường Toản thôi mà!

– Ảnh: Internet

“Bố Thi ền” là tên học sinh gọi thầy Thi ền dạy địa lý. Ông này to con, hơi lập dị. Nhớ trong lớp có thằng Đào Trí Thông lần đó trả bài thế nào mà

bị ông bắt phạt đứng trên bàn thầy, chân phải hơi dặng ra như lính Quân cảnh. Gặp học trò chạy xe đến trường, có khi thầy quay qua rủ “Đua không con?”, hoặc “Thôi con ời, tấp vào mau, xe Mỹ tới!”. Thầy hay chở con gái đi học bên trường Trưng Vương, gặp thằng nào đi bộ là ông dừng lại vót lên luôn, cho nó ỡn kẹt với con gái, còn nói “Cậu này hên thiệt!”.

Lúc đó cũng có những ông thầy dữ tính, chửi học sinh như thú. Tôi còn nhớ mãi năm Đệ tam, học Pháp văn với thầy L.D. Ở Trung học Đệ nhị cấp, Pháp văn là sinh ngữ 2 (nếu h ỡ Đệ nhứt cấp đã chọn Anh văn là sinh ngữ 1), hệ số 1, nên tụi tôi không coi là quan trọng, học hành rất lơ là. Sách học chính là bộ Cours de Langue (hay bị chúng tôi gọi là Cua Xào Lăn) của Mauger.

L.D. là một ông thầy rất khó tính, hay quát chửi học sinh bằng những lời lẽ khó nghe, “mọc xà lù” đủ kiểu, cũng có lối phạt rất kỳ cục như thầy Thi ền là bắt học trò leo lên đứng khoanh tay trên bàn học, gọi là cho cả lớp chiêm ngưỡng. Thầy chuyên bắt analyse (phân tích) những câu thật khó, nói rõ từng chữ có vai trò gì. Việc phải nhớ chữ nào là object complement direct (tức từ trực tiếp) hay non direct (gián tiếp), thiệt là mệt. Mà trả lời không đúng là lập tức bị chửi mắng. Trong những thằng phá nhứt lớp có thằng Thịnh, con của một sĩ quan cảnh sát. Bị thầy D. chửi và phạt nhiều quá nên nổi điên, một hôm vừa reng chuông vào học, nó khép hờ cửa lớp rồi gác phía trên cánh cửa một cái chổi và một xô nước, chôm từ những người lao công làm vệ sinh trường. Thầy D. đến lớp, vô ý đẩy cánh cửa bước vào, thế là lãnh đủ!

Thịnh nhận tội và bị đuổi học, sau đó đi lính...

Suốt bảy năm, trừ ba tháng nghỉ hè hàng năm, chúng tôi học đủ sáu buổi một tuần, mỗi buổi bốn tiếng. Các môn học gồm có Việt văn, Anh văn, Pháp văn (từ năm Đệ tam, nếu là sinh ngữ 2), Toán, Lý hóa, Vạn vật, Sử, Địa, Công dân, Âm nhạc, Hội họa, Thể dục. Năm Đệ nhứt thì môn Việt văn

được đổi thành môn Triết học (nhưng không chỉ Mác-Lênin, mà còn có Khổng Tử, Lão Tử, Hegel, Montesquieu..., đủ cả Đông Tây lẫn lộn). Tôi đặc biệt thích các môn Văn vật (vì tôi vẽ giỏi, cô Phùng Thanh Loan lớp Đệ lục thường giao tôi vẽ sẵn trên bảng các bộ phận trên cơ thể con người trước giờ học), Việt văn, Âm nhạc, Hội họa, trong khi đa số bạn bè thích Toán, Lý hóa, Thể dục. Có một điếu đáng nói là trong suốt bảy năm trung học, tôi chỉ đi học thêm duy nhất hai môn Toán, Lý hóa trong năm cuối Đệ nhất, vì tôi vốn yếu hai môn này. Không hiểu vì sao mà các trường học thêm lúc đó mọc như nấm ở khu đường Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần) – Bà Huyện Thanh Quan, do các thầy cô từ các trường công lập ra dạy: Nguyễn Ngọc Linh (chuyên trị Anh văn), Tân Văn, Tân Việt, Trường Sơn, Quốc Tuấn, Thượng Hiền... Ngoài ra, không hề có chuyện học thêm ở các cấp lớp, càng không có chuyện thầy cô mót về nhà dạy như thời con cháu tôi bây giờ. Nhưng nếu có cách nào so sánh một học sinh trung học thời đó và bây giờ, chưa chắc ai giỏi hơn ai! (lẽ dĩ nhiên là trừ môn... Tin học).

Võ Trường Toàn lúc ấy là một trường rất mạnh về hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. Năm nào trường cũng tổ chức thi làm bích báo giữa các lớp, phân theo Đệ nhất cấp và Đệ nhị cấp, phát giải và triển lãm vào ngày truyền thống trường hàng năm (10-1).

Hàng năm trường tôi còn tổ chức hội thi văn nghệ giữa các cấp lớp. Từ cuộc thi này trường chọn ra các học sinh có khả năng nhất, lập đội văn nghệ học sinh. Đội văn nghệ này hàng năm đều tham gia Liên hoan văn nghệ các trường trung học khu vực Sài Gòn – Gia Định và đoạt nhiều giải về ca và kịch, là thế mạnh truyền thống của văn nghệ trường.

Mỗi trước Tết Âm lịch trường còn cho ra Giai phẩm Xuân *Đôi Mươi*.

Lúc đó tất cả các trường trung học công lập và một số trường tư thục ở Sài Gòn đều có làm báo xuân. Hẹn nhau xong trước Tết rồi ban báo chí

mỗi trường rộn ràng kéo nhau đi đến các trường bạn, vào từng lớp để quảng cáo, bán báo, mỗi lớp được 10 – 15 phút, không khí thật là vui nhộn. Ban đại diện các trường nữ Gia Long, Trưng Vương, Lê Văn Duyệt luôn tuyển các nữ sinh thật đẹp vào đội bán báo, khi vào các trường nam là báo bán sạch không còn tờ nào! Năm học lớp Đệ nhứt, tôi cũng từng được vào ban báo chí của trường. Cái bìa *Đôi Mười* Tết 1969 do tôi làm, chơi đen trắng cho lạ, vẽ bốn cái mặt con trai rất ngầu, đáng tiếc giờ không còn tờ nào làm kỷ niệm. Và cũng thật tiếc sau Tết năm 1974, hoạt động thú vị và bổ ích này không còn nữa!



Bìa báo Xuân Đôi Mười năm 1965, 1969 và 1974 – mỗi thời kỳ đều phản ánh đúng gu mỹ thuật của Sài Gòn từng lúc, dù các tranh vẽ chỉ do các “họa sĩ” học sinh trong Ban báo chí của trường.

Đội tuyển bóng đá học sinh của trường thường đoạt vô địch trong các Giải bóng đá học sinh trung học khu vực Sài Gòn – Gia Định. Đội tuyển bóng rổ của trường cũng liên tục giành chức vô địch bóng rổ học sinh. Còn các bộ môn điền kinh, bơi lội, bóng bàn, bóng chuyền, học sinh Võ Trường Toàn cũng giành thứ hạng cao trong các cuộc thi liên trường.

Trường còn thành lập riêng võ đường Thái cực đạo do chính các cựu học sinh và học sinh của trường giảng dạy, võ sinh cũng giành nhiều thành

tích trong các cuộc tranh tài. Võ đường này là võ đường duy nhất trong trường học tại VNCH.

Nói thêm vài chuyện êm đềm:

Bảy năm...

Nhiều bạn bè có cùng suy nghĩ như tôi, tình bạn của bảy năm trung học mới vui và đáng nhớ nhất. Tiểu học, còn quá nhỏ. Đại học, đã lớn, giảng đường mênh mông, sinh hoạt học đường không tập trung, ít gần gũi, mỗi người lại bắt đầu có những mối quan tâm riêng, tình yêu, công việc... Bảy năm ở trung học, tôi có một số bạn thân, chia làm từng nhóm theo sở thích. Suốt năm hình ảnh và mô hình máy bay chiến đấu thế giới có Nguyễn Bá Dũng, nhỏ con nhất lớp. Trong khi tôi có tí tiền là ra khu sách cũ Lê Lợi – Công Lý^[54], lùng mua mấy cuốn tạp chí máy bay như *Aviation week*, *Aviation today*... (lớn lên một tí thì mua các tạp chí âm nhạc như *Circus*, *Hit parade*, *OK Hit songs*, còn lớn hơn nữa thì *Playboy*, *Penthouse*...), thì Dũng lại vào thư viện Mỹ ngõ một góc khuất đọc mê say các cuốn tạp chí có hình máy bay. Các tờ *Newsweek*, *Time*, *National geographic*... thỉnh thoảng cũng có hình máy bay rất đẹp vì đang thời chiến tranh. Nó đọc mà mắt trước mắt sau, thấy thư viện vắng vẻ không ai để ý là rút dao lam cắt ngay các trang báo có hình bỏ luôn vào tập mang về. Vẫn còn nhớ lúc đó hot nhất là F4 Phantom, A3J Vigilante, F111 Aardvark, YF12A Blackbird..., đứa nào có được hình ảnh đẹp về máy chiếc này là máy đứa kia nhìn mê mẩn. Dũng hiện về vườn ở Bến Lức, Long An, vẫn còn say mê sưu tầm, nghiên cứu máy bay và vũ khí hiện đại, thỉnh thoảng đăng Facebook những tấm hình cực đẹp giờ tha hồ lấy trên mạng, khỏi cần dao lam. Hai bạn cùng sở thích nghe nhạc nước ngoài là Vương Văn Thúc và Nguyễn Văn Thọ, có thể nói cũng là bạn thân nhất (sẽ trở lại với hai anh trong chương sau). Những bạn khác kẻ thích học ngoại ngữ, người thích chơi tem, như Dương Hồng Trạch, Tôn Thất Hùng,

Phùng Đắc Chung, Lê Văn Quang, Ngô Văn Tân, Lê Phan Lâm... nay đều ở nước ngoài, lâu lắm mới được gặp. Cá biệt cũng có đứa thích... đua xe, như Ngô Hoàng. Tay này có thể chạy chiếc Honda Dame màu đỏ nằm sát trên yên xe chui qua bụng xe ben chở gỗ trên xa lộ!

Võ Trường Toàn là một ngôi trường nhỏ nhưng nằm ở một vị trí rất thơ mộng. Bên hông trường là con đường Nguyễn Du nhỏ và yên tĩnh, với hai hàng me già cao vút, những mùa thu lá đỏ như mưa đẹp đến ngẩn ngơ. Trước mặt là con đường Nguyễn Bình Khiêm êm ả (lúc đó đường này chỉ chạy tới trường Trưng Vương là bị chặn lại, không cho thông qua đường Lê Thánh Tôn, nên vào khu vực này chỉ là học sinh hai trường và nhân viên Nha Khảo thí ở ngôi nhà giữa), với các tà áo dài trắng tinh khiết của các cô nữ sinh lảng giỡn nhẹ bay theo từng cơn gió thoảng, tan trường cứ như một đàn bướm trắng.

Làm sao quên được những buổi trưa tĩnh mịch, xa xa vang lên tiếng hồ gầm, vượn hú lạnh lạnh, như than thở, nuối tiếc về chốn rừng sâu bạt ngàn. Chỉ cần băng ngang đường, cúi mình chui qua “lỗ chó”, là dân Võ Trường Toàn đã bước vào Sở Thú, tha hồ “*Làm học trò nhưng không sách cầm tay. Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ...*” (Khi mới nhớn – thơ Đinh Hùng).

Trước cổng Sở Thú, bên phải từ đường Thống Nhất nhìn vào, một cái kiosque điện thoại công cộng^[55] đã mọc lên không biết từ lúc nào. Thoạt đầu, ngoài việc là nơi cho người dân trong khu vực tới gọi điện thoại, kiosque còn bán một số văn phòng phẩm và học cụ, dần dà bắt đầu bán cà phê, nước ngọt, rồi thức ăn sáng, với vài bộ bàn ghế gỗ nhỏ kê trên lề đường. Chủ kiosque không biết là ai mà đã đặt cho quán cái tên cực hay: Hẹn.

Đám học sinh Võ Trường Toàn từ sáng sớm đã độc chiếm quán Hẹn, đứng ngổn la liệt đề “duyet binh”, “rửa mắt” đầu ngày, vì quán nằm ngay

đầu con đường độc đạo mà các cô Trưng Vương phải đi qua để vào trường mình. Cô nào chạy xe hoặc đi bộ ngang đó khó mà giữ được tự nhiên, vì những “đôi mắt mang hình viên kẹo” cứ dán chặt vào mình. (Nhưng thử tưởng tượng “Trứng Vịt” mà không có “Vỏ Trứng Thúi”^[56] thì sẽ buồn biết chừng nào!). Cuộc “chấm tuyển hoa hậu” kéo dài đến đúng 7 giờ 30, khi tiếng trống trường vang lên thì các chàng mới luyên tiết đứng lên đi vào lớp.

Tuyển được người đẹp của lòng mình rồi sẽ là một cuộc trường chinh, làm cái đuôi chạy xe theo đến tận nhà, làm quen, gởi thư... Không mấy khi thành công vì các cô gái Bắc thường kiêu, dễ gì cho bọn con trai làm quen ngoài đường ngoài xá. Hơn nữa, cùng lứa tuổi hoặc còn học trung học, dễ gì được các cô để mắt tới! Mẫu người lý tưởng của các cô phải là các anh phi công mặc đồ bay chạy xe Honda Super 90, các anh sĩ quan hải quân với quân phục trắng toát đi Lambretta SX200 cũng trắng, hoặc các sinh viên trường Y trường Dược... Còn thành công? Thường cũng chỉ là một cuộc tình học trò, mưa bóng mây, cho vui một thời hoa mộng.

Tôi cũng bon chen có mặt ở quán Hẹn từ khá sớm, với mấy thằng bạn thân trong lớp. Cũng từng làm cái đuôi chạy theo một vài em Trưng Vương và từng bị nói “Em còn nhỏ lắm, đi theo chị làm gì?” như đã kể ở đầu chương này. Còn hoa hậu thật sự của lòng tôi trong những năm trung học là ai, tôi luôn giấu kín và hôm nay mới thổ lộ cùng các bạn.

Năm Đệ tứ (1965), giáo sư Hóa của tôi là một cô giáo trẻ măng, mới ra trường, khoảng 22 – 23 tuổi, tên X. (tôi xin phép giấu tên cô). Cô da trắng tóc dài, mắt to môi đỏ, người dong dong cao, hay mặc áo dài tơ tằm trắng trông rất đài các. Trong mắt tôi, một thằng 14 tuổi đã mê gái từ năm lớp Nhứt (lớp 5 bây giờ), cô là cô giáo đẹp nhất trường. Giờ nghĩ lại, cô còn là cô giáo đẹp nhất trong cả cuộc đời đi học của tôi.

Lúc đó chưa có truyện *Vòng tay học trò* của Nguyễn Thị Hoàng (1966), chưa có phim *Mourir d'aimer*^[57] của Andre Cayatte (1971), hai sáng tác trứ danh một Việt một Pháp về tình yêu giữa cô giáo và học trò. Cũng không thể nào biết tình cảm tôi – một thằng con trai đang lớn – dành cho cô X. là thứ tình cảm gì, chỉ biết là tôi rất thích nhìn cô không rời mắt, nghe cô giảng như muốn nuốt từng lời. Tới giờ của cô là tôi vào lớp sớm, lau dọn bàn ghế của cô thật sạch, trước cả thằng “trục nhật” hôm ấy. Tôi học bài làm bài Hóa rất kỹ, luôn sẵn sàng xung phong giơ tay khi cô hỏi. Lẽ dĩ nhiên cô chẳng hề biết và chẳng hề quan tâm gì tới tôi, mãi mãi là như vậy.

Khoảng gần cuối năm học, trong một buổi dạy phản ứng hóa học ở phòng thí nghiệm, một bạn đã làm nổ ống nghiệm văng hóa chất (hình như là acid sulfuric H_2SO_4) lên mặt cô X., khiến cô phải đi cấp cứu. Mấy hôm sau cô mới đi dạy lại, phải che mặt bằng cái khăn mỏng, thế mà tôi vẫn có thể thấy được những chấm đỏ của mấy vết thương chưa lành bên trong. Tôi nhìn mà thấy thương cô nhói lòng.

Chỉ vậy thôi! Chín tháng.

Ra trường, tôi không bao giờ được gặp cô nữa. Nhưng thỉnh thoảng vẫn băng quờ nhớ về cô, nhất là mỗi khi chạy xe qua trường cũ. Khoảng năm 2002, tôi làm hội trưởng Hội cựu học sinh Võ Trường Toản, cùng vài người bạn đi đưa thư mời các thầy cô xưa về dự buổi tất niên lần đầu tiên với chúng tôi tại trường. Có người bạn biết về cô X. kể lại, sau năm 1975, cô nghỉ dạy, sống khép kín, không giao tiếp với ai, có mời chắc cô cũng không đi. Nhưng tôi vẫn cương quyết tìm đến nhà, bấm chuông và gõ cửa chờ đợi. Và rồi “thần tượng” ngày nào của tôi xuất hiện. Cô đã trên 60 tuổi, không còn một nét nào của ngày xưa! Chỉ trò chuyện với cô được vài câu và cô nói ngay là không đi, nhưng tôi vẫn cố nhìn vào hai má cô để tìm mấy vết sẹo ngày nào, và hoàn toàn không thấy. Lẽ dĩ nhiên cô cũng chẳng nhớ tôi là thằng khỉ nào!

Tôi ngâm ngùi ra về, thấm thía câu “Mỹ nhân tự cổ như danh tướng. Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”! (Người đẹp từ xưa như tướng giỏi. Chẳng cho ai thấy lúc bạc đầu)...

3. Con đường Duy Tân cây dài bóng mát...

Duy Tân (nay là Phạm Ngọc Thạch) là một trong những con đường đẹp nhất ở Sài Gòn thời bấy giờ. Lề đường rộng. Hai hàng cây cổ thụ đổ bóng mát xuống cả con đường. Đường có công thự của Bộ Ngoại giao, Viện đại học Sài Gòn, Đại học Luật khoa, Trung tâm Sinh hoạt Thanh niên, Sài Gòn Thủy cục... Có các công ty lớn như Bông gòn Bạch Tuyết, Dược phòng OPV, Bảo hiểm Hưng Việt, Saigon Xe hơi... Có Hồ Con Rùa, có công viên dọc đường Thống Nhất... Hàng ngày đi về trên con đường này để đến trường, thật là thích. Nhất là những sáng sớm, gió mát dịu, hãy chạy xe chậm thôi, mới cảm nhận hết được sự êm ả của con đường...

Nhạc sĩ Phạm Duy, người rất nhạy với những đề tài được công chúng yêu thích, cũng đã đưa con đường này vào lịch sử với bài *Trở lại em yêu* (1971):

Trở lại em yêu khung trời đại học

Con đường Duy Tân cây dài bóng mát

Buổi chiều khuôn viên mây trời xanh ngát

Vết chân trên đường vẫn chưa phai nhạt...



Ảnh: Internet

Mùa hè năm 1969, tôi đi thi Tú tài 2, môn nào cũng làm được, trừ Toán. Tôi đậu là may, vì môn Toán chỉ được đúng... 2 điểm! Vì tôi học ban A nên Toán chỉ hệ số 1, và được điểm cao ở các môn Anh văn, Triết cứu lại, nên vẫn đậu, chỉ hạng Thứ^[58].

Con đường vào đại học mở ra trước mắt tôi.

Viện Đại học Sài Gòn (công lập) lúc đó có những trường có thể ghi danh học tự do và những trường bắt buộc phải thi tuyển. Thi tuyển là những trường danh giá Y khoa, Dược khoa, Nha khoa, Kiến trúc, Bách khoa, Sư phạm..., còn ghi danh học là Luật khoa, Văn khoa, Khoa học... Ngoài ra còn một vài đại học tư như Vạn Hạnh, Minh Đức cũng cho ghi danh tự do...

Tôi chọn thi Nha khoa vì lập luận con người có đến 32 cái răng và ngày nào cũng phải ăn mấy lần, tha hồ hành nghề. Trong mấy bài thi có việc dùng dao lam khắc một cục phấn thành một cái nanh cọp, dưới đáy nanh còn phải khắc một hình trang trí nhiệm ý! Tôi làm được, với hình nhiệm ý là một tượng Phật, tuy nhiên đến phần thi Toán thì quá yếu nên chưa cần coi kết quả cũng biết rớt! Lúc đó anh Lập của tôi đã đậu cử nhân Luật và bắt đầu đi thực tập làm luật sư. Tôi theo đường anh, ghi danh vào

Đại học Luật khoa Sài Gòn, đặt ở số 17 Duy Tân nối qua Phan Đình Phùng (Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Đình Chiểu hiện nay, giờ là Đại học Kinh tế TP.HCM). Tổng số sinh viên ghi danh học năm thứ 1 vào năm 1969 của tôi là 13.711 người!

Luật khoa Đại học đường Sài Gòn



Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn có trụ sở vốn là một trường Mẫu giáo của Pháp (ảnh chụp khoảng thập niên 1930).

– Ảnh: Internet

Đại học Luật khoa Sài Gòn được thành lập ngày 30-4-1955 với tên Luật khoa Đại học đường Sài Gòn, có tiền thân là một chi nhánh của Phân khoa Luật Hà Nội1 được mở ở Sài Gòn vào năm 1946 – lấy trụ sở của một trường mẫu giáo thời Pháp – ở cùng vị trí năm tôi vào học.

Trường có ba ban:

- 1) Ban Công pháp gồm luật hiến pháp, luật hành chánh và luật công pháp quốc tế.
- 2) Ban Tư pháp gồm dân luật, hình luật, luật thương mại và tư pháp quốc tế.

3) Ban Kinh tế gồm phân tích kinh tế, lịch sử học thuyết, địa lý kinh tế phát triển.

Thoạt tiên chương trình cử nhân luật là ba năm, đến năm 1967 thì tăng lên thành bốn năm. Hai năm đầu chưa phân ban, sinh viên học chung cùng một chương trình, với các môn học như sau:

– Cử nhân Năm thứ nhất, sinh viên phải học 7 môn: Dân luật, Luật Hiến pháp, Kinh tế học, Công pháp Quốc tế, Pháp chế sử, Danh từ kinh tế Anh ngữ và Danh từ Pháp lý.

– Cử nhân Năm thứ hai, sinh viên học 8 môn: Hình luật, Dân luật, Bang giao Quốc tế, Kinh tế học, Tài chánh công, Luật Hành chánh, Danh từ kinh tế Anh ngữ và Luật Đối chiếu.



Các giáo sư Đại học Luật khoa Sài Gòn chụp ảnh lưu niệm với sinh viên (khoảng đầu thập niên 1960).

– Ảnh: Internet

– Bắt đầu từ năm thứ ba trở đi, sinh viên sẽ ghi danh học theo ngành mình chọn, với các môn học chung và chuyên biệt.

Sau bốn năm, tốt nghiệp, sinh viên được cấp văn bằng Cử nhân Luật ban Công pháp, Tư pháp hay Kinh tế. Sau khi tốt nghiệp Cử nhân, sinh viên có thể đi thực tập làm luật sư hoặc đi làm các ngành nghề phù hợp (ngân hàng, ngoại giao, thuế vụ, quan thuế, tòa án...), hoặc ghi danh tiếp tục học Ban Cao học Luật hai năm theo ngành của mình, để đủ điều kiện trình luận án thi lấy bằng Tiến sĩ.

Tuy sĩ số trường Đại học Luật khoa khá đông nhưng số người hoàn tất Cử nhân không nhiều, Cao học còn ít hơn nữa. Từ 13.711 người ghi danh học năm 1969 của khóa tôi, bốn năm sau (1973) chỉ có khoảng 600 người tốt nghiệp Cử nhân. Sĩ số sinh viên Ban Cao học 1 đã ít, lên đến Cao học 2 thì chỉ đếm trên đầu ngón tay. Vì thế trong suốt thời gian 20 năm giáo dục đào tạo (1955 – 1975), Luật khoa Đại học đường Sài Gòn chỉ đào tạo được một số ít ỏi Tiến Sĩ, nhiều năm học không có một văn bằng Tiến sĩ nào được cấp phát.

Khoa trưởng lần lượt trong thời tôi học là: GS. Nguyễn Độ (1967 – 1971), GS. Bùi Tường Chiêu (1971 – 1973), GS. Vũ Quốc Thông (1973 – 1975).

Niên khóa cuối cùng 1974 – 1975, sĩ số sinh viên ghi danh học năm thứ nhất lên tới 58.000 người!

Chiến tranh vẫn diễn ra trong suốt 4 năm tôi học bậc Cử nhân Luật (1969 – 1973). Cùng lúc với chiến tranh leo thang và cũng nhằm mục đích gây áp lực trên bàn Hòa đàm Paris, là các cuộc xuống đường, biểu tình liên miên của sinh viên các trường đại học và cả học sinh trung học, hầu hết đều có bàn tay của tổ chức sinh viên thân Cộng phía sau: nào là đòi tự trị đại học^[59], chống đồn quân bắt lính^[60], chống quân sự hóa học đường^[61], chống bầu cử độc diễn tháng 9-1971^[62]..., gây xáo trộn kinh khủng cuộc sống học đường. Có hôm đi học ra, gặp biểu tình, khói lựu đạn cay mịt mù,

một cặp thanh niên chạy xe bên cạnh dúi cho tôi một cái bao ni-lông trong đó đựng một trái chanh cắt đôi, nói “em trét chanh vô mắt rồi trùm bao giống tụi anh nè, đi biểu tình chống bắt lính với tụi anh đi!”. Đang cay mắt khủng khiếp, quả nhiên chà chanh lên thấy đỡ hẳn, tôi trùm bao ni-lông lên đầu và chạy ra khỏi đám biểu tình, tháo bao ra và đông luôn... về nhà, thở phào khi thấy sau lưng áo không dính giọt mực nào!^[63]

Nếu thời trung học tôi hoàn toàn thờ ơ, thậm chí vui mừng vì nhờ các cuộc biểu tình, bãi khóa mà được nghỉ học, thì lên đại học, những cuộc đấu tranh liên miên và mạnh mẽ của giới sinh viên đã khiến tôi băn khoăn nhiều hơn về thời cuộc. Tại sao những anh chị ấy, thậm chí cả những học sinh trung học nhỏ tuổi hơn tôi, lại không chịu yên thân học hành, mà cứ xuống đường biểu tình, hứng khói lựu đạn cay, ăn ma-trắc vào đầu vào ngực, thậm chí bị bắt về bót đánh cho tơi tả, bị ra tòa, ở tù, đi đày?... Hẳn họ đã phải có một lý tưởng rất mạnh mới dũng cảm chấp nhận hy sinh như vậy. Lý tưởng đó, theo báo chí, theo những lời trò chuyện của người lớn quanh tôi, chính là lý tưởng Cộng sản. Môn Triết tôi học năm Đệ nhất cũng có một bài nói về thuyết Cộng sản của ông Karl Marx. Nhưng bài học chỉ rõ đó là một chủ nghĩa không tưởng. Vậy sao nó lại được Nga Sô, Trung Cộng, Cuba, Bắc Hàn và các nước Đông Âu, rồi miền Bắc Việt Nam nữa, đi theo? Tôi hoang mang vì hầu hết những cuộc biểu tình, bãi khóa của sinh viên các trường đều có lý do chính đáng, vì quyền lợi chính đáng của giới sinh viên và của cả người dân, vì dân sinh, dân chủ, chính nhờ vậy mới thu hút nhiều người tham dự. Vậy nếu những phong trào đó do Cộng sản giật dây, thì là... tốt hay xấu?

Tuy nhiên, khi có người vào tận trường Đại học Luật khoa Sài Gòn bắn chết anh sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngay tại hành lang trước giảng đường, ngày 28-6-1971, một vụ án gây chấn động học đường thời ấy^[64], thì tôi bắt đầu cảm thấy ghê sợ về phương pháp đấu tranh của người trong

phong trào chống Mỹ đối với giới sinh viên tay trắng, không vũ khí, không người bảo vệ. Trước đó, thỉnh thoảng vẫn có những cuộc ám sát chính trị được cho là do phe bên kia thực hiện. Ví dụ như các vụ bắn chết ký giả Từ Chung của nhật báo *Chính Luận* (30-12-1965), dân biểu Trần Văn Văn (7-12-1966), Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Thanh niên Lê Minh Trí (6-1-1969), Giáo sư Trần Anh, Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn (4-3-1969)... Nhưng bắn chết một sinh viên thì thật là kinh khủng!

Rồi chưa đầy 5 tháng sau, ngày 10-11-1971, lại đến Giáo sư Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh, bị ám sát chết tại ngã tư Cao Thắng – Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ). Cũng là một người trí thức, tay không tấc sắt!

Tôi bắt đầu thấy... ngán.

Rồi tôi bắt đầu... yêu! (vụ này sẽ kể trong Chương 3 dưới đây). Mất khá nhiều thì giờ xáo động con tim nên không quan tâm đến các xáo động chính trị nữa. Được cái học trường Luật rất sướng là không bắt buộc sinh viên phải đến giảng đường. Chỉ việc mua đầy đủ cours (bài giảng) rồi ôm về nhà hoặc đi thư viện học, đến ngày thi đi thi vậy thôi. Thật sự 4 năm học Luật, tôi chỉ đến giảng đường với những giáo sư mà tôi thấy giảng hay, có ích. Còn đi học vài lần và thấy vị thầy chỉ đọc từ cours ra thì tôi không bao giờ đi nữa. Vậy mà rồi cũng đậu Cử nhân đúng năm 22 tuổi (1973), rồi 2 năm sau (1975) cũng Cao học năm thứ 2 đằng hoàng như ai, trong khi cùng lúc là Cao học năm thứ 2 (Cao học 9 Tài chánh) bên Học viện Quốc gia Hành chánh.



Bác sĩ Lê Minh Trí, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Thanh niên VNCH, người đâm máu vì bị thương nặng (và sau đó chết) đang nằm trên mặt đường và vệ sĩ của ông cũng bị thương đang ngồi trên lề đường góc Nguyễn Du – Hai Bà Trưng trước sự canh gác của một quân cảnh Mỹ. Tài xế của ông chết trong chiếc xe đang bốc cháy sau khi bị khủng bố tung lựu đạn vào xe trên đường phố Sài Gòn ngày 6-1-1969.

– Ảnh: Internet

Kể thêm một chút về phong trào đi học thư viện thời đó. Sinh viên lúc bấy giờ, đặc biệt là sinh viên các trường Luật, Văn khoa..., học hành do “gạo”^[65] bài là chính, nên ban ngày thường vào học ở các thư viện, rất yên tĩnh, chỗ ngồi tốt, được gặp bạn bè, học một, hai tiếng có thể rủ nhau ra cà phê hút thuốc, chuyện gẫu... Quan trọng nhất là thư viện nào cũng... có máy lạnh (thời đó, chỉ nhà giàu mới có). Các thư viện được yêu thích là Thư viện Quốc gia ở 69 Gia Long (nay là Lý Tự Trọng) gần tòa án, Thư viện Trung tâm Văn hóa Pháp ở 31 đường Đền Đất, Thư viện Abraham Lincolnh ở 8 Lê Quý Đôn (năm 1971 bị đội đốt xe Mỹ của phong trào sinh viên học sinh đấu tranh chống Mỹ đốt cháy một phần^[66] nên dời về nằm trong Hội Việt Mỹ ở 55 Mạc Đĩnh Chi), Thư viện Viện Goethe của Trung tâm Văn hóa Đức 120 Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu) sau chuyển qua 47 Hồng Thập Tự (nay là Nguyễn Thị Minh Khai)...

Tất cả các thư viện vừa kể tôi đều đã vào ng ồi học, trong 4 năm đại học.

Trong số đó, tôi đặc biệt thích thư viện của Trung tâm Văn hóa Pháp (Centre Culturel Francaise), mặc dù cổng chính ở Đ ền Đất nhưng chúng tôi luôn đi cổng phụ phía nhìn ra đường Gia Long, xéo xéo cổng Bệnh viện Grall. Chúng tôi thường chỉ đi học buổi chiều, hôm nào nắng nóng là mới 12 giờ 30 đã chen chúc trước cánh cổng đóng kín, chờ mở ra là ào vô quăng tập trên mặt bàn giành chỗ cho các bạn gái còn ngủ trưa, thức dậy tà tà làm điệu tà tà chạy xe tà tà vô ng ồi học. Thư viện này quản lý không chặt chẽ như Thư viện Quốc gia hoặc Thư viện Hội Việt Mỹ (phải có thẻ mới được vô, tuyệt đối cấm nói chuyện), lại có rạp chiếu phim trong khuôn viên, có Bệnh viện Grall bên kia đường với nhiều ghế đá dưới bóng cây râm mát ng ồi tâm sự sau giờ học mệt mỏi... Tường thư viện là những tấm kính d ầy trong suốt, có những chỗ ng ồi có thể nhìn thấy hàng me hai bên đường Gia Long xanh mướt, tới mùa trái chín lúc lỉu trên cành bắt nắng sáng lấp lánh, đẹp tuyệt.

Hai chuyện tình đầu tiên của tôi đều có kỷ niệm liên quan đến thư viện này!

Kể sau nhé!

Bây giờ xin viết đôi dòng về các giáo sư của tôi.

Trường Luật có hẳn hai thế hệ giáo sư. Thế hệ 1 là các vị giáo sư lớn tuổi, đậu tiến sĩ, thạc sĩ theo chương trình của Pháp dạy. Vị nào cũng ăn mặc nghiêm túc, tác phong mẫu mực, uyên bác, luôn giữ khoảng cách thầy – trò với sinh viên. Một số thầy còn đã hoặc đang giữ các chức vụ cao trong chính quyền, nên tác phong rất đường bệ, quan cách. Giáo trình của các thầy từ sách giáo khoa của Pháp, dịch ra tiếng Việt có nhiều từ ngữ chuyên môn khó hiểu, học rất cực. Đặc biệt tôi nhớ mãi môn Luật Hành chánh của Giáo sư Nguyễn Độ, cuốn giáo trình chỉ mỏng khoảng 150 trang

nhưng đọc 5 lần vẫn chưa hiểu vì cách diễn đạt thật trúc trắc, y như đánh đố. Để nhớ được từng bài, tôi đã phải ng ồi viết lại từng câu cho dễ hiểu hơn mà vẫn không sai ý. Giờ nhớ lại quả thật kỳ công!

Vị giáo sư thuộc thế hệ 1 này mà tôi kính nể nhất là Thạc sĩ Vũ Văn Mẫu^[67]. Thầy dạy tôi hai môn Dân luật (năm 1 và năm 2) và Cổ luật Việt Nam (năm 1 và năm 2). Không chỉ có một kiến thức uyên thâm, thầy còn có nghệ thuật giảng dạy hấp dẫn, dễ hiểu. Không chỉ học thầy, mà tôi còn là sinh viên của con gái thầy, Giáo sư Vũ Thị Việt Hương, môn Luật Quốc tế của bậc Cao học.

Thế hệ 2 là những giáo sư tốt nghiệp ở Mỹ về. Các thầy cô còn rất trẻ, phong cách gần gũi, sinh động, cách giảng dạy cũng khác, chủ yếu cung cấp một số kiến thức nền rồi giới thiệu các tài liệu tham khảo – bằng Anh ngữ – ai có gì không hiểu thì cứ gặp trao đổi. Tôi rất nể Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng từ Học viện Quốc gia Hành chính tăng cường qua dạy môn Chính sách Ngoại giao các Quốc gia Đông Nam Á. Nhờ sự hướng dẫn của thầy mà tôi đã hiểu khá rõ về học thuyết Domino^[68], về chính sách ngoại giao trung lập khôn khéo của Thái Lan, thói thực dụng hai mặt của Sihanouk^[69], dã tâm thôn tính Việt Nam vĩnh viễn không thay đổi của Trung Cộng, chính sách đi dây chạy qua chạy lại giữa Nga Sô và Trung Cộng của Hà Nội nguy hiểm như thế nào...

Giờ nói đến chuyện đi học quân sự học đường trong thời gian học đại học.

Theo quy định, chúng tôi phải đi học quân sự học đường, mỗi năm một tháng, ở quân trường Quang Trung.

Không biết trong lịch sử quân sự thế giới, có lực lượng vũ trang nào ô hợp và lè phè, vô kỷ luật như các đơn vị quân sự học đường thời ấy hay không?

Chúng tôi bỏ áo ngoài quần, vẽ logo phản chiến trên lưng áo, đi ra bãi tập thì có thằng còn lấy dây thừng cột cây M.16 kéo lê trên đất. Tối bãi tập, đặc biệt là tập đêm, thì mạnh ai nấy nằm, ng ửi, uống cà phê nói dóc, mở radio nghe nhạc FM đài quân đội Mỹ ần ỉ. Tối nào cũng đi nhậu, đi ăn “cháo kinh” (cháo huyết), ng ửi ôm đàn hát hò hoặc binh xập xám tới khuya lơ khuya lác...

Lẽ dĩ nhiên nhóm sinh viên phản chiến cũng phải đi quân sự học đường để được hoãn dịch, và cũng lợi dụng mọi cơ hội để gây xáo trộn. Nhớ lúc đó bỗng có dịch viêm màng óc, phát lên là chết rất nhanh. Có một sinh viên đang học quân sự học đường bị mắc bệnh và chết ngay trong quân trường! Thế là bùng nổ một đợt đấu tranh lớn, với bao nhiêu là khẩu hiệu, hò reo, đá đảo... Một đêm không ngủ ở tiểu đoàn Nguyễn Huệ trong quân trường Quang Trung ở Hóc Môn, những chiếc giường gỗ trong sam bị đập gãy và đem ra sân đốt làm lửa trại. Họ hát *Dậy mà đi*, *Hát cho đồng bào tôi nghe* (Tôn Thất Lập), *Tổ quốc ơi ta đã nghe* (La Hữu Vang), *Người mẹ Bàn Cờ* (Trần Long Ẩn), *Tự nguyện* (Trương Quốc Khánh)... rùm trời. Đám chúng tôi không thích đấu tranh và quen nghe nhạc Pháp nhạc Mỹ, lẽ dĩ nhiên không thích tham gia. Chúng tôi lại nhân dịp đó kéo nhau ra mấy tiệm cà phê ng ửi tán mấy em bán quán mắt xanh môi đỏ mặc áo bà ba mỏng lét cho qua ngày...

Vì quá lè phè vô trật tự mà đám “Sinh viên Học đường” (danh xưng chính thức của bọn tôi – với bốn chữ *SVHD* được may trên ngực áo trái nghiêm chỉnh) đã bị các sĩ quan huấn luyện gọi là “Sinh vật Hỗn độn”. Những tân binh nhảy dù đóng gần đó hết sức ngửa mắt trước cảnh vô kỷ luật của đám sinh viên đi học quân sự. Đã có mấy trận “đụng độ tay chân” nảy lửa giữa hai phe. Dân sinh viên tay yếu chân mềm nhưng được cái rất ần ào, động chút là kéo hết quân số ra trận, quân trường Quang Trung phải tìm cách đưa tân binh nhảy dù đi chỗ khác.

Tôi chỉ đi hai đợt quân sự học đường, 1970 và 1971. 1971 cũng là năm tôi lên năm thứ 3. Lạ lùng, tôi học rất tà tà, lại đang say sưa yêu đương, vậy mà luôn luôn thi đậu, không phải thi lại lần nào (trường Luật cho phép được thi lại lần 2, sau khoảng 2 tháng). Tôi chọn ban Công pháp (có 3 ban Tư pháp, Công pháp, Kinh tế) để đi tiếp, với ý định sẽ đi làm ngoại giao. Từ lâu, tôi đã rất thích được đi đây đi đó. Nhà nghèo không có tiền du học, muốn đi nước ngoài chắc chỉ có thể qua con đường đi làm Tùy viên các Tòa đại sứ.

Qua năm 1972, sau kết quả đấu tranh chống quân sự hóa học đường của phong trào SVHS, chính phủ phải hủy bỏ chương trình đi quân trường của sinh viên. Rồi “Mùa hè đỏ lửa” tràn tới. Những trận đánh kinh hoàng diễn ra ở Cổ Thành tỉnh Quảng Trị và An Lộc tỉnh Bình Long, hai bên chết hàng vạn người. Chiến tranh đã lộ hết bộ mặt hung tàn! Phe bên kia dốc toàn lực đánh và phe bên này dốc toàn lực thủ, thế thắng thua hầu như đã rõ, khi người Mỹ bắt đầu những cuộc đi đêm với Trung Cộng để chuẩn bị rút lui khỏi Nam Việt Nam.



Tôi trong những ngày học quân sự ở quân trường Quang Trung.

*Ảnh 1: Đặng Quang Lợi (đã mất năm 2014), Nguyễn Việt Vương, tôi và
Bùi Huy Phước (từ trái sang), năm 1971.*

*Ảnh 2: 1970, trước khi vào quân trường. 19 tuổi, “nhí” ghê không các
bạn?*

Anh Trạch lúc đó đang là Trung úy Ban 2 (an ninh quân đội) của Sư đoàn 5 đóng quân ngay tại An Lộc. Anh chịu đựng đủ 93 ngày đêm (4-4 đến 7-7-1972) ác liệt tại đây, trong một trận đánh được coi như một Điện Biên Phủ thứ 2 ở miền Nam. Thị xã An Lộc chỉ có diện tích khoảng 4 cây số vuông, đã chịu đựng khoảng hơn 200.000 quả đạn pháo đủ loại, mỗi bên chết khoảng chục nghìn quân. Tôi nhớ đêm nào mẹ tôi cũng ngẩng đầu đọc kinh cầu cho anh được bình yên. Sau ba tháng, anh trở về trên chiếc Jeep ngập bụi đỏ, mặt đầy râu ria, bộ quân phục còn hằn thuốc súng, được cả xóm ùa ra đón như một người hùng. Cổ áo đã thêm một bông mai.

1973, tôi thi đậu Cử nhân Luật. Vẫn còn chiến tranh khắp các vùng chiến thuật, nếu không học tiếp có thể bị bắt đi lính. Tôi ghi danh học Cao học ban Công pháp, rồi nghe bạn bè rủ rê, tôi đi thi và đậu vào Cao học Tài chánh Học viện Quốc gia Hành chánh. Học Cao học ở trường này, khi tốt nghiệp sẽ làm công chức cao cấp từ Phó tỉnh trưởng tới Phó giám đốc các sở, ty..., hoặc đi Mỹ học Tiến sĩ là chuyện trong tầm tay, vì Học viện này vốn được trường Đại học Michigan đỡ đầu. Ngay trong thời gian đi học tại đây, sinh viên bậc Đốc sự (tương đương Cử nhân) và Cao học đều được lãnh lương hàng tháng. Như sinh viên Cao học chúng tôi lúc đó lãnh lương như công chức chính ngạch hạng A bậc tập sự, là 45.000 đồng/tháng, sống độc thân là khỏe. Chính vì thế mà người thi vào rất đông, năm đó khoảng 2.000 thí sinh chỉ lấy 120 người trúng tuyển. Tôi nhớ mình đậu hạng 11. Như bây giờ vẫn nói, “Không phải dạng vừa đâu!”. Có lẽ nhờ Anh văn lúc đó tôi khá giỏi. Vậy mà khi biết quy định nếu có bằng Cử nhân ở các trường thuộc Viện Đại học Sài Gòn là được quyền ghi danh học thẳng năm

thứ 1 Đại học Văn khoa, không phải qua năm dự bị, tôi lập tức xin vào học năm 1 Cử nhân Anh văn của trường này. Nghĩa là cùng một lúc, tôi chạy xô đến ba trường!

R ồi 30-4-1975...

Không khí Sài Gòn đã bắt đầu căng thẳng từ đầu năm 1975, ngày 6-1-1975, khi thị xã Phước Long (tỉnh Bình Long) bị mất vào tay quân Giải phóng khá dễ dàng, chỉ sau sáu ngày giao tranh. Trong khi ba năm trước, tại An Lộc gần đó, quân Giải phóng đánh quyết liệt suốt 93 ngày vẫn không chiếm được, cuối cùng phải rút lui. Thế trận ba năm sau vậy là đã quá rõ ràng đối với những người am tường về thế sự, bởi sau Hiệp định Paris 1973 khi quân Mỹ bắt đầu rút và cắt giảm viện trợ tối đa thì mọi sự coi như đã an bài.

Và khi Ban Mê Thuột thất thủ vào ngày 11-3-1975 r ồi lần lượt là Pleiku, Kontum (24-3), thì Sài Gòn mới thật sự hoảng loạn, thấy chết đến nơi r ồi. Những nhà có tiền bắt đầu tìm cách bỏ của chạy lấy người. N., cô người yêu thứ hai của tôi, được gia đình cấp tốc đưa đi du học Thụy Sĩ, lên máy bay ngày 14-3-1975 (mời bạn đọc tiếp trong chương sau).

R ồi lần lượt là Quảng Ngãi (24-3), Huế (26-3), Quảng Nam (28-3), Đà Nẵng (29-3), Bình Định (1-4), Phú Yên (1-4), Lâm Đồng (2-4), Khánh Hòa (3-4), Tuyên Đức (4-4), Phan Rang (16-4)... Quân miền Nam co cụm lại tử thủ ở phòng tuyến Xuân Lộc (Long Khánh), chốt chặn cuối cùng trên đường quân Giải phóng vào Sài Gòn.

Cũng từ giữa tháng 4-1975, sinh viên Học viện Quốc gia Hành chánh được lệnh vào chia ca giữ trường, mỗi tối thay nhau ôm mừng m ền vào trực, hàng chục đứa, cũng chia tiểu đội hàng ngang. Mỗi thắng cũng một cây M.16 với vài băng đạn, tối nào cũng ng ồi trò chuyện về tình hình thời sự với đầy âu lo – “hôm nay Việt Cộng đã vô tới đâu tới đâu, mình dân

Quốc gia Hành chánh nếu họ vô tới chắc chết sớm!...” – rồi quay qua... binh xập xám cho đỡ căng thẳng. Và sau khi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lên truyền hình tuyên bố từ chức, tối ngày 21-4-1975, trao quyền cho Phó Tổng thống Trần Văn Hương, là... coi như xong! Quân số đi trực vắng dần vì bắt đầu mạnh ai nấy chạy, tôi nhớ người đầu tiên biến mất chính là thằng Phạm Phú Luyện, thuộc gia đình phi công Phạm Phú Quốc. Tôi kêu mẹ ra ngân hàng rút hết tiền về nhưng mẹ cứ chần chừ, vì lúc đó đã rộ tin ông Dương Văn Minh sẽ lên và một giải pháp chính phủ liên hiệp đang được mọi người kỳ vọng (?!).

Anh Trạch từ Biên Hòa cũng tranh thủ chạy về thăm thầy mẹ tôi. Anh đưa tôi một cây súng lục trái khế P.38, vài chục viên đạn và... hai trái lựu đạn mini còn nguyên trong hộp:

– Không biết sắp tới thế nào, cũng không biết anh có về nữa được không. Em giữ bảo vệ nhà mình, cùng lắm thì... mạng đổi mạng.

(Những món vũ khí này, tối ngày 30-4 tôi bỏ vào bao giấy dán kín, đem tới bờ rạch trên đường Đinh Bộ Lĩnh quăng luôn xuống nước).

Chiều ngày 28-4, khi một phi đội gồm sáu chiếc A-37 không biết từ đâu bay tới ném bom phi trường Tân Sơn Nhứt và an toàn bay thoát^[70] thì Sài Gòn coi như đã sụp đổ, bọn tôi tự động giải tán không đưa nào vào trường nữa.

Sáng ngày 29-4 mẹ ra ngân hàng thì cửa đã đóng im ỉm!

Thật ra mẹ để dành cũng chẳng được bao nhiêu. Nhưng giờ... trắng tay!

Diễn biến tiếp theo các bạn đâu đã biết.

Ngày 28-4, ông Trần Văn Hương sau một tuần làm Tổng thống đã phải trao quyền lại cho Đại tướng Dương Văn Minh, theo quyết định của Quốc hội.

Quân Giải phóng lúc đó đã giải quyết xong chiến trường Xuân Lộc và đang tiến vào Sài Gòn từ nhiều hướng.

Chiều ngày 29-4, chị Nghi Xương dẫn 3 đứa em gái tôi đến cao ốc số 176 Hai Bà Trưng, Quận 1, theo giấy cho phép

di tản của D.A.O.^[71], thông qua đề nghị của sĩ quan cố vấn Mỹ tại Bộ tư lệnh Thủy quân Lục chiến Quân đội VNCH. Ông này tôi nhớ tên Lukemen, trung tá, trước đó vài ngày có phỏng vấn thân nhân các thuộc cấp dưới quyền (chị Xương lúc đó là nhân viên của ông) để cho phép cùng đi di tản hay không. Hôm đó chị đưa cả tôi cùng ba đứa em vào văn phòng trên đường Lê Thánh Tôn, Quận 1, cho ông phỏng vấn, nhưng cuối cùng ông từ chối tôi mà không nói lý do gì, y như kiểu phỏng vấn visa vào Mỹ của Sứ quán Mỹ ngày nay. Đêm đó cả Sài Gòn bị cúp điện, trực thăng chở người di tản bay rầm rập khắp bầu trời Sài Gòn, đón người từ sân thượng của 28 cao ốc theo kế hoạch đã chuẩn bị trong chiến dịch Frequent Wind (Gió Lốc) cấp tốc đưa người làm việc cho Mỹ và đồng minh ra khỏi Việt Nam.

Như để bổ sung tận cùng sự xui xẻo cho năm tuổi (1975 là năm Ất Mão, con mèo, mẹ và tôi cùng tuổi này), 5 giờ chiều hôm đó, mẹ vét hết tiền còn trong nhà đưa tôi đi tới một người quen của bà, đổi được 700 dollars Mỹ. Tới giờ đó thì tiền đô lên giá từng phút chứ không còn tính đơn vị là giờ nữa. Tôi không còn nhớ tỷ giá lúc đó là bao nhiêu, chỉ biết gấp mấy lần so với tiền trước đó.

Tôi bỏ tiền vào bóp, nhét túi quần rồi đi cà phê với mấy người bạn cho bớt căng thẳng.

6 giờ 30 tôi về, chiếc S90 trở chứng, chạy tới đường Bạch Đằng, còn cách nhà khoảng 500m thì... chết máy, đạp sao cũng không nổ! Đường phố cúp điện, tối thui.

Tôi đẩy bộ về, trên đường thấy có hai người đàn ông chở nhau trên chiếc xe Honda SS50 chạy chậm chậm sau lưng, nhưng tôi không để ý mấy.

Qua nhà thờ Hàng Xanh, tôi đẩy qua đường để rẽ vào Đinh Bộ Lĩnh. Lúc đó cả nhà tôi đang về ở với chị Thanh Hương trong cư xá Nhà máy Dệt Sicovina, 6 Đinh Bộ Lĩnh, rất gần đầu đường.

Con đường vắng tanh, không một bóng người! Có lẽ ai nấy đều lo sợ, không dám ra đường.

Có tiếng rồ máy xe sau lưng rồi chiếc xe SS50 vọt lên chặn ngang đầu tôi. Người đàn ông ngồi sau nhảy xuống, móc trong bụng ra một khẩu roulette P38 – y hét khẩu anh Trạch đưa tôi – chĩa vào bụng tôi, cười cười:

– Ngồi im! Xe bị sao vậy?

– Tự nhiên hư! – Tôi sợ sệt nói.

Người đàn ông nhìn tên đồng bọn. Hắn nói:

– Thôi khỏi lấy xe nó, coi nó có tiền không. Vớt cái đồng luôn!

– Tháo đồng hờra mầy! – Gã đàn ông cầm súng ra lệnh.

Tôi tháo cái Rado mới cái đang đeo (vừa đổi, không đeo Bulova nữa) đưa hắn. Hắn bỏ túi rồi bước tới sát bên, tay cầm súng vẫn dí vào bụng tôi, tay kia bắt đầu lục soát mấy cái túi quần, rút ra cái bóp ở túi sau, quay lại đưa tên cầm lái. Tên này mở bóp tôi ra coi và sáng mắt khi thấy mấy tờ đô:

– Ê thằng này giàu! Tính bỏ chạy hả mầy?

Tôi đau khổ khi thấy hắn lấy hết xấp tiền nhét vào túi và quăng cái bóp tôi xuống đất, sang số xe, nói với tên đang cầm súng:

– Vọt!

Tôi đứng ngẩn ngơ nhìn theo hai tên cướp đã chạy xa mà tiếng cười vẫn còn vọng lại.

Suốt đêm hôm đó những người còn lại trong nhà (thầy mẹ, chị Hương và các con, anh Lập và tôi) cùng thức trắng. Anh Trạch vẫn còn ở Biên Hòa, anh Thạch ở Buôn Mê Thuột. Thầy tôi hút thuốc lèo liên tục, miệng không ngớt thở dài. Mẹ tôi thì ngồi đọc kinh suốt, cầu sự bình yên cho các con.

Sáng sớm ngày 30-4, nghe tiếng chị Xương và các em gọi cửa.

Trong sự trốn chạy hỗn loạn vỡ kế hoạch vào giờ chót của Gió Lốc, những người trên sân thượng tòa nhà 176 Hai Bà Trưng đã không được đón! (Sự kiện này đã được tôi đưa vào tiểu thuyết *Ngọc trong đá*).

Sau đó là tới anh Trạch. Chiếc xe Jeep chở anh về dừng trước cổng cư xá. Anh bước xuống, vẫn mặc quân phục đầy đủ, vỗ vai chia tay người lính lái xe và anh ta cho xe vọt đi. Anh Trạch đã ở Biên Hòa tới giờ phút cuối cùng còn có thể.

9 giờ 30 sáng ngày 30-4, Tổng thống hai ngày Dương Văn Minh lên Đài phát thanh Sài Gòn tuyên bố đầu hàng...

Lúc đó tôi đang làm luận văn tốt nghiệp Cao học cho cả hai bên trường Luật (tôi chọn đề tài “Chính sách đi dây giữa Nga Sô và Trung Cộng của Bắc Việt: Con dao hai lưỡi” – Giáo sư hướng dẫn: Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng) và Quốc gia Hành chánh (đề tài “Thuế trị giá gia tăng có góp phần đem lại sự công bằng xã hội?” – Giáo sư hướng dẫn: Tiến sĩ Nguyễn Hải Bình), thì chiến tranh đi vào kết thúc.

Tất cả công ăn học 19 năm của tôi coi như đổ sông đổ biển!

[37] Trường trung học công lập dành cho học sinh nam trên đường Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, gần Sở Thú, kế bên là trường nữ Trưng Vương.

Nay trường chỉ dành cho học sinh cấp 2, cả nam lẫn nữ.

[38] Kỷ niệm thương đau này tôi có đưa vào truyện dài Như núi như mây.

[39] Tương đương các lớp 1, 2, 3, 4, 5 ngày nay.

[40] Tương đương các lớp 6, 7, 8, 9 ngày nay. Số tôi may, khi lên Đệ tứ thì Bộ Giáo dục cho bỏ kỳ thi Trung học.

[41] Tương đương các lớp 10, 11 và 12 ngày nay. Số tôi tiếp tục may vì mấy ông anh tôi đều phải thi Tú tài 1 ở lớp Đệ nhị và Tú tài 2 ở lớp Đệ nhứt. Đến thời tôi thì bỏ thi Tú tài 1. Rồi lên Đệ nhứt thi Tú tài thì bắt đầu thi bằng cách trắc nghiệm, chấm bằng máy điện toán IBM, gọi là Tú tài IBM.

[42] Tôi ghi rõ luôn danh tánh mấy cô bạn này để biết đâu còn tìm lại được. Giờ cũng là bà ngoại bà nội hết rồi, có gì đâu phải ngại! Có đi đâu chưa chắc “các em” còn nhớ tôi!

[43] Năm Đệ nhất Cộng hòa của miền Nam Việt Nam được tính từ năm 1955 đến 1963, năm Tổng thống Ngô Đình Diệm bị nhóm tướng lĩnh thân cận bội phản làm đảo chính với sự giật dây của Mỹ.

[44] Những lời rao nhập môn được dân bán kẹo kéo ngày xưa hay sử dụng:

Em nào bé bé gầy gầy, ăn cây kẹo kéo lớn bụng lên cao

Em nào mắt kém tầm lem, ăn cây kẹo mắt sáng như đèn xe hơi

Cô nào chầy bỏ chầy chê, ăn cây kẹo kéo chầy mê tới già...

[45] Học trường công lập lúc đó được miễn phí hoàn toàn, kỷ luật hơn, thầy cô dạy bảo đảm hơn. Thi rớt trường công thì phải học trường tư.

[46] Nhiều nhà phê bình điện ảnh nước ngoài đã đánh giá bộ phim làm năm 1961 này là hay nhất trong bốn phim Ba chàng ngự lâm pháo thủ đã được dựng (ba phim kia làm trong các năm 1948, 1953 và 2011).

[47]Được coi là nữ tài tử H ồng Kông đẹp nhứt thời bấy giờ, át cả người nổi danh tài sắc trước đó là Lý Lệ Hoa (Con nít Sài Gòn lúc đó hay hát nhảm “Cô Lý Lệ Hoa, mang giày Bata, đi xe Vespa, trên đường Catinat...”, chứng tỏ cô đào này rất nổi tiếng ở miền Nam). Đáng tiếc chỉ 2 năm sau, buồn chuyện tình duyên, Lâm Đại đã tự tử chết bằng khí gas và thuốc ngủ, lúc mới 30 tuổi.

[48]Ngày 26-4-1960: 18 chính khách có tên tuổi trong Ủy ban Tiến bộ và Tự do họp tại khách sạn Caravelle ở Sài Gòn, ra kháng thư công khai phản đối chế độ Ngô Đình Diệm độc tài.

Ngày 11-11-1960: Vụ đảo chính bất thành của nhóm các sĩ quan do Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông c ần đầu.

[49]Nhiều người nói Phật giáo lúc đó bị Cộng sản giật dây. Nhưng nếu chính quyền tôn trọng tự do tôn giáo và không đàn áp Phật giáo quá mạnh tay thì làm sao giật dây?

[50]Ngày 6-5-1963, hai ngày trước lễ Phật đản, văn phòng Phủ Tổng thống đã gửi công điện yêu cầu các địa phương xiết chặt quy định không được treo cờ tôn giáo ngoài khuôn viên cơ sở tôn giáo. (Mặc dù trước đó trong các dịp lễ Kitô giáo, cờ Tòa thánh Vatican và cả cờ Phật giáo được treo tự do mà không bị chính phủ cấm đoán). Ngày 7-5, trong lúc dân chúng Huế và Thừa Thiên sửa soạn làm lễ Phật đản thì cảnh sát đến tận nhà buộc dân chúng phải hạ cờ Phật giáo... Từ đó bắt đầu những cuộc đấu tranh liên miên ở nhiều tỉnh thành...

[51]Sau này tôi mới biết trong Ban đại diện học sinh trường có một số anh thân Cộng. Không bao lâu sau họ đầu nghỉ học, có thể do bị động hoặc đã thoát vào chiến khu...

[52]Nổi tiếng là các vụ Nguyễn Văn Trỗi đặt bom cầu Công Lý (1963), rạp Kinh Đô, khách sạn Caravelle, cư xá Brinks (1964), Tòa đại sứ Mỹ, nhà

hàng nổi Mỹ Cảnh, Tổng nha Cảnh sát (1965)...

[53]Đài phát thanh Sài Gòn bị lính đặc công Việt Cộng đánh chiếm rất sớm vì chỉ có một trung đội cảnh sát bảo vệ. Nhưng nhân viên kỹ thuật và nội dung của Mặt trận Giải phóng đã bị ngăn chặn ở Phú Thọ Hòa không đến được, nên ý đồ sử dụng Đài phát thanh làm công cụ tuyên truyền, gây tiếng vang dư luận đã không thể thực hiện. Đài bị chiếm trong suốt gần ba ngày!

[54]Chợ trời sách này là nơi chuyên bán sách cũ và đặc biệt là các sách báo tạp chí thải ra từ các doanh trại lính Mỹ trong Tân Sơn Nhất, Long Bình, Biên Hòa... Lính Mỹ đọc đủ loại thượng vàng hạ cám, kể cả truyện tranh Người dơi, Siêu nhân..., xong là vứt bỏ và được dân ve chai thu gom đem ra đây bán. Hầu hết sách, tạp chí đâu còn mới tinh. Đặc biệt có nhiều cuốn Pocket Books rất hay, có giá trị. Tôi mua được gần như trọn bộ những cuốn của Agatha Christie, Alfred Hitchcock... ở đây.

[55]Ngày đó ở Sài Gòn chưa có nhiều điện thoại tư gia. Ngành bưu chính viễn thông cho đặt một số kiosque điện thoại công cộng ở rải rác khắp nơi, cho tư nhân thuê quản lý, có thể buôn bán văn hóa phẩm...

[56]Hồi đó học sinh các trường thường chọc ghẹo gọi nhau như vậy, như Trưng Vương là Trứng Vịt, Võ Trường Toản là Vở Trứng Thúi, Vô Trật Tự, Gia Long là... Da Heo, Chu Văn An là Chết Vì Ăn, Lê Văn Duyệt là Le Và Diện, Hồ Ngọc Cẩn là Hội Người Cùi, Bùi Thị Xuân là Bún Thịt Xào...

[57]Mourir d'aimer (To Die of Love – Chết vì yêu), bộ phim truyện Pháp – Ý thực hiện năm 1971, đạo diễn André Cayatte với nữ minh tinh Annie Girardot vào vai chính cô giáo. Phim được dựa trên câu chuyện thật của Gabrielle Russier, một cô giáo Pháp 32 tuổi đã ly dị, sống ở Marseille, tự tử ngày 1-9-1969 sau khi bị kết tội vì có quan hệ tình cảm với một cậu học trò

17 tuổi. Bộ phim rất thành công, riêng ở Pháp đã bán được hơn 5 triệu vé, con số kỷ lục thời bấy giờ. Phim được Giải thưởng lớn của điện ảnh Pháp 1971 và đề cử Giải Quả cầu vàng cho Phim nói tiếng nước ngoài hay nhất 1972. Chiều ở Sài Gòn lúc đó cũng được nhiều người đi xem, trong đó có tôi. Cảm giác nặng nề và bi thảm, dù nhà làm phim cho thấy rõ quan điểm bên vực cô giáo, phê phán xã hội đã “ném đá” khiến cô không chịu nổi mà tự đi tìm cái chết.

[58] Kết quả thi đậu bằng Tú tài được xếp hạng từ cao xuống thấp như sau: Tối ưu, Ưu, Bình, Bình thứ, Thứ (điểm trung bình là 10). Muốn được tuyển cho học bổng du học, phải đậu ở 3 hạng trên cùng.

[59] Nền giáo dục đại học VNCH theo đuổi ba nguyên tắc là tự do, tự trị và phi chính trị. Tuy nhiên do chính quyền Sài Gòn chỉ muốn xây dựng Viện Đại học lệ thuộc hoàn toàn vào chính quyền hoặc đảng phái hay cá nhân người lãnh đạo, nên trong cộng đồng sinh viên bùng nổ phong trào đòi tự trị đại học, tổ chức bãi khóa rầm rộ.

[60] Khi chiến tranh leo thang dần sau Tết Mậu Thân 1968, để có thêm người vào quân đội, chính quyền quy định đúng 18 tuổi là phải xong Tú tài 2 và lên đại học. Không đạt quy định này thì phải nhập ngũ, không được hoãn dịch vì lý do học vấn nữa. Kể cả với những ai đang học đại học mà lỡ tuổi, cũng phải vào lính. Và cứ thi rớt là coi như nhập ngũ.

[61] Cũng từ sau Tết Mậu Thân, có quy định sinh viên phải gia nhập sĩ quan trừ bị, khi có chiến tranh, tổng động viên là sẵn sàng cầm súng. Hàng năm, sinh viên phải vào quân trường học quân sự trong 4 tuần, chương trình như đào tạo sĩ quan.

[62] Giữa năm 1971, khi cuộc bầu cử tổng thống nhiệm kỳ mới 1971 – 1976 sắp diễn ra ở miền Nam Việt Nam thì đương kim Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không chọn ông Kỳ làm ứng viên phó tổng thống nữa mà chọn

Trần Văn Hương vào liên danh tái ứng cử. Đồng thời qua hội đồng bầu cử, ông Thiệu cầm Nguyễn Cao Kỳ ra ứng cử tổng thống. Liên danh 2 do ông Dương Văn Minh đứng đầu ra tranh cử tổng thống với liên danh 1 của ông Thiệu. Nhưng đến giờ chót, đánh giá thế nào ông Thiệu cũng gian lận bầu cử nên ông Minh rút tên, liên danh 1 trở thành “độc diễn” trong cuộc bầu cử này. Nghĩa là chỉ có một sự lựa chọn cho dân chúng khi đi bầu.

[63] Công an chìm trà trộn trong các cuộc biểu tình và vấy mực vào áo người biểu tình nào được coi là chủ chốt để theo dõi về tận nhà. Một phương pháp lộ liễu nhưng hiệu quả vào lúc ấy. Giới sinh viên – học sinh cũng biết và truyền tai nhau để đề phòng trò này. Nhiều người biểu tình luôn cặm theo một áo khác hoặc mặc thêm một áo bên trong.

[64] Lê Khắc Sinh Nhật là người cặm đầu liên danh khuynh hướng quốc gia đánh bại liên danh Trịnh Đình Ban có khuynh hướng thân Cộng, trong cuộc tranh cử Ban đại diện sinh viên Luật khoa niên khóa 1970 – 1971. Sau khi đắc cử Chủ tịch Ban đại diện sinh viên Luật khoa, Lê Khắc Sinh Nhật lại tham gia liên danh Lý Bửu Lâm với chức vụ Phó Chủ tịch Nội vụ trong cuộc bầu cử Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn và đắc cử, để rồi bị bắn chết ngay trong khuôn viên trường Luật. Cuộc ám sát này rất dã man, thủ đoạn (Nhật đang hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất về cách thức thi cử tại một giảng đường, thì có hai người vào nhận là bà con nhắn ra ngoài gặp. Nhật vừa ra tới hành lang, thì một tên móc súng bắn liên ba phát vào ngực, rồi phóng lên một chiếc Honda nổ máy chờ sẵn, ném lại một quả lựu đạn nhưng may mắn lựu đạn không nổ), nên sau năm 1975, không ai nhận “thành tích” này, khác với các vụ khác. Sau 1975, tôi được học đó là... bạo lực cách mạng, rất cần thiết cho việc đấu tranh giành chính quyền. Cái mà nhiều quốc gia khác từ xưa tới giờ vẫn gọi là khủng bố.

[65] Hồi đó có 2 kiểu học: Học “gạo” và học “tủ”. Học “gạo” là học thuộc lòng tất cả các bài trong chương trình. Học “tủ” là chỉ học kỹ các bài

được đánh giá sẽ ra đề thi. “Trật tử” là tiêu!

[66] Về sau, đọc bài Lửa trong tim, lửa trên đường phố của H.C.N. viết trong cuốn Trui rèn trong lửa đỏ (Nhiều tác giả – trong đó có tôi – NXB Văn Nghệ TP.HCM xuất bản tháng 4-1985, trang 126), có đưa nhận định: “Đây là cơ quan truyền bá văn hóa phản động khá lớn của bọn đế quốc. Nó thu hút một số sinh viên học sinh lai căng, vọng ngoại, con của bọn tay sai bán nước. Hàng ngày, những thanh niên nam nữ này, với quần áo một nhất, kéo đến ngả ngón, nghe nhạc, nhảy nhót...”. Là người từng thường xuyên tới đây học bài, mượn những cuốn sách Anh ngữ quý giá cần cho việc học về nghiên cứu, thú thật tôi không hề thấy nhận định này đúng ở chỗ nào. Việc quyết định đốt những cuốn sách thuộc kho tàng tri thức hiện đại này đúng là một hành động ngu xuẩn, tàn bạo. Thư viện Abraham Lincoln chính là một thư viện tốt nhất cho sinh viên thời ấy.

[67] Vũ Văn Mẫu (1914 – 1998) là một học giả lớn về Luật Việt Nam, một chính trị gia nổi tiếng trước năm 1975 ở Sài Gòn. Ông từng giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao, rồi Thượng Nghị sĩ, rồi Thủ tướng (1 ngày) của VNCH. Ngoài ra ông còn là Thẩm phán Tòa Thượng thẩm Sài Gòn, giáo sư thực thụ Đại học Luật khoa Sài Gòn.

[68] Thuyết Domino là một học thuyết chính trị – đối ngoại của chính phủ Hoa Kỳ trong cao trào của Chiến tranh Lạnh và chủ nghĩa chống Cộng. Mục tiêu của nó là ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa Cộng sản tại châu Á.

Thuật ngữ “Thuyết Domino” (Domino Theory) lần đầu tiên xuất hiện dưới thời Tổng thống Mỹ Dwight D. Eisenhower để chỉ về nguy cơ phát triển của chủ nghĩa Cộng sản tại Đông Dương mà trọng tâm là tại miền Nam Việt Nam, theo đó nếu Hoa Kỳ không can thiệp để những người Cộng sản “chiếm cứ” miền Nam Việt Nam thì đó sẽ là quân bài domino chĩa

khóa làm cho Lào, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện “sụp đổ vào tay Cộng sản” và sẽ tạo lợi thế lớn cho các phong trào Cộng sản tại châu Á đe dọa các khu vực sống còn còn lại của “thế giới tự do” (chỉ những nước Tây Âu, Hoa Kỳ và những nước nằm trong sự ảnh hưởng của Hoa Kỳ) như Philippines, Malaysia, Nhật Bản, Úc, New Zealand... Thuyết được đặt tên theo hiệu ứng domino với hình ảnh quân cờ đầu tiên đổ khiến các quân cờ kế tiếp nó đổ và phá hủy toàn bộ trạng thái ban đầu của hệ quân cờ.

Do đó, theo hệ quả của thuyết domino, Hoa Kỳ tự thấy cần phải giúp đỡ các đồng minh chặn đứng chủ nghĩa Cộng sản tại miền Nam Việt Nam và Đông Dương. Đó là tiền đề để giải thích cho sự can thiệp ngày càng sâu của Hoa Kỳ vào Chiến tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam và sau này dẫn đến sự tham chiến trực tiếp của Quân đội Hoa Kỳ tại chiến trường Đông Dương.

[69] Norodom Sihanouk (31-10-1922 – 15-10-2012) là cựu Quốc vương, Thái thượng vương của Vương quốc Campuchia. Ông từng là vua của Campuchia trong nhiều giai đoạn cho đến ngày thoái vị để nhường ngôi cho Quốc vương Norodom Sihamoni (7-10-2004). Sihanouk đã đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau kể từ 1941, nhiều vị trí đến nỗi Sách Kỷ lục Guinness đã đưa ông vào danh sách các chính khách giữ nhiều chức vụ nhất, bao gồm 2 lần làm Vua, 2 lần Thái tử, 1 lần Chủ tịch nước, 2 lần Thủ tướng và 1 lần Quốc trưởng Campuchia và nhiều chức vụ khác nữa của chính phủ lưu vong. Phần lớn là chức vụ hình thức, kể cả lần cuối làm vua (trị vì nhưng không cai trị). Thời gian trị vì thực sự của ông hoàng này là từ 9-11-1953 đến 18-3-1970 (khi bị Lon Nol phế truất chức vụ Quốc trưởng). Nổi tiếng như một con người hai mặt.

[70] Sau mới biết đó là các máy bay quân Giải phóng chiếm được ở Đà Nẵng. Phi công Nguyễn Thành Trung (lúc đó là Trung úy Không lực VNCH) là người được quân Giải phóng cài vào quân đội miền Nam, sau

khi lái máy bay F5-E ném bom Dinh Độc Lập sáng ngày 8-4-1975, đã bay về sân bay tỉnh Phước Long lúc tỉnh này đã bị chiếm đóng. Ông được đưa ra sân bay Đà Nẵng để hướng dẫn các phi công miền Bắc lái máy bay A-37 trong vòng 1 tuần rồi từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang) bay vào thả bom Tân Sơn Nhứt.

[71] Defense Attach Office: Cơ quan tùy viên quốc phòng của Mỹ ở Sài Gòn.

Sau khi quân đoàn I và II tan rã ngày 1-4-1975, D.A.O. đã cho thành lập một cơ quan đi đầu hợp di tản, gọi tắt là D.C.C. tại Tân Sơn Nhứt (TSN) và giải pháp dùng trực thăng bốc người được chọn, nếu phi trường TSN không sử dụng được.

Đã có 70.000 người Việt Nam được D.A.O. lên danh sách cần di tản. Từ 28-4, D.A.O. đã tổ chức xe bus chuyên chở họ từ tư gia vào phi trường TSN. Vì hầu hết sân thượng tại Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định không đủ tiêu chuẩn cho các loại trực thăng lớn H46 và H53 đáp, nên D.A.O. phải trưng dụng tất cả các trực thăng nhỏ của hãng Air American do C.I.A. thuê mượn, bốc người khắp nơi về D.A.O., sau đó trực thăng lớn mới chở họ ra chiến hạm.

Những giờ phút cuối, để giải quyết số người còn ứ đọng, Mỹ phải dùng các loại trực thăng lớn CH6 và H53 đáp ngay tại bãi đậu xe trước Tòa đại sứ. Song song với trực thăng Mỹ, trực thăng của Không quân VNCH cũng bốc người ra đi từng đoàn.

3 giờ sáng ngày 30-4-1975, Bộ Ngoại giao Mỹ ra lệnh cho Tòa đại sứ Sài Gòn chấm dứt di tản nhưng Martin không chịu thi hành, vì lúc đó tại chỗ vẫn còn hơn 12.000 người chờ bốc ra chiến hạm.

Theo tài liệu được Mỹ công bố, thì Tòa đại sứ và D.A.O. ngày 29 rạng 30-4-1975 chỉ di tản được 7.014 người, phần lớn không có tên trong danh sách

được lập lúc ban đầu.
(theo Internet)

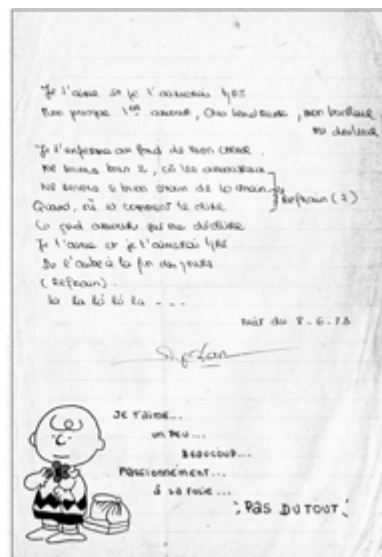
CHƯƠNG 3

Hai... Mỗi Tình Đầu

Tôi sinh ra đời với hai ngôi sao Đào Hoa và Hồng Loan nằm chình ỳnh ngay cung Mệnh.

Ba mẹ tôi nhờ một ông thầy tên Lam Giang lấy số tử vi cho đủ chín đứa con. Mỗi đứa có riêng một cuốn tập 50 trang, với lá số chiếm hai trang đầu chữ Tàu chi chút trên 12 cung, cùng vài chục trang đoán giải về tính tình, cuộc đời, hậu vận... chi tiết đến từng thập niên. Trong bốn anh em trai sinh đúng vào bốn năm kỵ nhau (Ngọ, Dậu, Tí, Mão), tôi nhỏ nhất, và chỉ mình tôi “bị” ghi rõ trong khoản bàn về cung Thê (vợ): “Số có tiền thê hậu thiệp, ra đời có nhiều ưu thế với phụ nữ!”.

Tôi không phải là người mê tín dị đoan, không theo tôn giáo nào, lẽ dĩ nhiên không tin tử vi. Nhưng giờ đây, nghiệm lại, hình như chỉ có mỗi cái cung Thê ấy là đúng! Đúng từ năm tôi lên... 6 – 7 tuổi!



Tôi vẽ tặng Q. Mỗi lần mắc cỡ em hay kéo tóc che mặt.

Trang giấy N. viết tặng tôi bài Main Dans La Main (Tay trong tay) của ca sĩ Pháp Christophe, ngày 8-6-1973. Ca khúc này lúc đó mới được phát hành và rất được dân mê nhạc Pháp ở Sài Gòn yêu thích.

Q. và N., hai...mối tình đầu của tôi!

Không hiểu sao ngay từ nhỏ tôi đã phát triển bệnh... mê gái. Trong lớp và trong xóm, tôi chỉ thích chơi với bạn gái. Hai cô bạn trong lớp mà tôi thích là Đặng Thị Mai và Quách Kim Chung (đã được giới thiệu trong chương trước), tôi đầu biết nhà vì tan học thường lợi bộ đưa các em về dù nhà tôi ở gần trường hơn – chắc bạn đủ thấy những “rung động đầu đời” của tôi phát triển sớm cỡ nào! (Hai cụ bà Mai và Chung giờ có tình cờ đọc được những dòng này, chắc cũng mỉm cười mà lạng thứ, dù chưa chắc đã nhớ thằng bạn này là ai!)

Trong Cư xá “Cái rốn vũ trụ” Chu Mạnh Trinh thì tôi thích M.C. (lô E, tôi ở lô F), Tr., H.L. (lô F, lớn hơn tôi một tuổi), L. (lô A). Để được thân hơn với các em, tôi tập chơi mấy trò của bọn con gái: đánh đu, nhảy dây, ô ăn quan, lò cò..., trong khi đám bạn trai toàn chơi những trò vận động tốn sức vô ích. Mặc kệ chúng bạn chê cười, tôi cứ đu theo các em. Còn nhỏ quá nên có... xơ múi gì đâu, cũng không có vụ viết thư “tĩnh tở” như đám con nít bây giờ, nhưng tôi cứ rất thích chơi với bạn gái từ tuổi ấy, bỏ hàng buổi ng ồi nghe đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, rồi say mê chơi trò chơi với hết em này đến em nọ. Kinh nghiệm lớn của tôi có từ thuở này, là hãy chịu khó lắng nghe các em, lắng nghe thôi chứ chẳng cần nói gì, là đã đủ để nhiều hy vọng thành công. Nếu lâu lâu biết để vài câu hỏi han, an ủi, bày tỏ sự quan tâm... thì ai mà không xiêu lòng! Các cô gái thường yêu bằng lỗ tai của họ và cả của bạn. Nếu biết nói những lời mật ngọt êm dịu chia sẻ vào tai nàng, và biết đồng tai mình lên nghe những lời nàng nói dù vớ vẩn cách mấy đi nữa – để hiểu nàng thích gì hầu sau này biết cách “ca cho trúng đài”, chịu cho đúng ý – thì càng có cơ hội chinh phục được nàng. Nhớ tặng

thiệp chúc Tết, Giáng sinh, quà mừng sinh nhật (chẳng cần sang trọng gì, nếu tự tay làm thì dù vụng về vẫn dễ gây xúc động!). Và thỉnh thoảng chịu khó rửa đi ăn chè ăn kem ăn bò bía bột chiên linh tinh cũng chả mấy tốn kém. Đến khi khá thân và được tin tưởng rồi thì còn phải tạo cơ hội... gần gũi, âu yếm! Công đoạn này nhiều khi cũng không quá khó khăn nhưng rất cần sự liều mạng, “đẹp trai không bằng chai mặt”, đột phá. Tôi tin rằng các cô luôn nhớ mãi người con trai đầu tiên đã cầm tay mình, hôn mình – mà nếu là hôn lên vành tai, lên sau gáy, đến nổi cả da gà, thì sẽ nhớ rất lâu, có khi đến suốt đời. Nhiều anh chàng rất xấu trai – như tôi – mà đất đào, chính nhờ có các khả năng này. Điều quan trọng nhất là luôn luôn phải có... sự chân thành, dù cùng lúc... quan tâm nhiều người.

Một kỷ niệm nhớ đời của thời này là lần tôi vừa ngã xuống banh chân chơi đánh đũa với Tr., cô bạn ở cuối lô F, thì chợt nghe Tr. á lên một tiếng:

– Kỳ quá! Thông về... thay quần đi!

Thì ra cái quần tà lòn của tôi bị tét đáy tự lúc nào không hay, phô ra nguyên “bộ chỉ huy” nhỏ xíu trước mắt Tr.! (Sau này lớn lên Tr. đi... lấy Mỹ, không biết có phải vì ấn tượng thất vọng về đàn ông Việt Nam từ kinh nghiệm năm 11 tuổi hay không?!).

Một mình tôi chơi với một đám bạn gái trong cư xá, không cho thằng nào chen vô, cứ êm đẹp như thế cho tới lớp 12, lên đại học.

Trong khoảng thời gian này tôi có thêm hai cô bạn nữa. H. và L., cả hai cùng rất đẹp, cùng là bạn của cô em gái kế tôi.

H. là dân Công giáo, rất “nhà lành”, thực nữ, học chung lớp với em gái tôi ở trường nữ Lê Văn Duyệt (nay là Võ Thị Sáu). Sau một thời gian tôi bỏ công rù quên, cuối cùng em chịu mừng sinh nhật tôi 18 tuổi bằng cách đồng ý đi coi phim *Angélique et le sultan*^[72] ở rạp Eden, một rạp nổi tiếng... tối thui, lạnh ngắt, và lầu ba dường như dành riêng cho các cặp

tình nhân, ng ỡ xem phim mà toàn nghe những tiếng hun nhau chùn chụt. Có một lần khi hết phim, cặp ng ỡ trước tôi – với cô gái mặc áo dài – đứng dậy ra về, chiếc quần của cô bỗng tuột xuống làm cô quính quáng kéo lên không kịp, chỉ vì mê đắm quá mà quên cả việc cài nút lại! Lẽ dĩ nhiên dù năm đó mới 18 tuổi, tôi cũng phải cố gắng cho bằng anh bằng em. Trong bóng tối, tôi thò tay qua c ần tay H. Tay em run lẩy bẩy trong tay tôi, một lúc sau mới chịu nằm yên cho tôi mân mê những ngón tay mềm mại. Thừa thắng xông lên, tôi choàng một tay qua vai em. Bờ vai tròn trịa ấy lại tiếp tục run lên se se. Tôi nhẹ nhàng kéo em sát lại, chuẩn bị cho cái hôn đầu tiên trong đời. Trong bóng tối, mắt H. đột nhiên trợn lên nhìn tôi trừng trừng, làm tôi bỗng thấy ớn lạnh. H. nói nhỏ nhưng rõ ràng từng tiếng:

– Không được lộn xộn! Muốn coi phim hay muốn em đi về ngay bây giờ?

Tôi hoảng quá vội buông tay, ng ỡ ngay ngắn lại.

Sự háo hức quá đáng với bước đi cấp tốc ấy chắc chắn đã gây sốc cho H. Sau lần xem phim nhớ đời ấy, H. bỏ chạy mất dép, chỉ chịu tiếp tôi trò chuyện tại nhà, có mẹ hi ền ng ỡ phòng trong giả bộ đọc báo lắng tai nghe từ đầu đến cuối. Kinh nghiệm ở đây: *Dục tốc bất đạt!*

Còn L. (ở lô A) thì đẹp mê hồn, chân dài, suối tóc mượt, người có một hương thơm tự nhiên quyến rũ lạ lùng, như tên loài hoa mà em mang tên, ng ỡ cách nửa mét đã thấy ngây ngất. Kỷ niệm buồn với L. là tôi rủ được em đi nhảy đ ần ở phòng trà Tự Do (nay là nhà hàng Liberty đường Đ ồng Khởi), có Tuấn Ngọc, Khánh Hà và ban Blue Jets. Vội vã thế nào mà tôi lại quên đem... cái bóp, đến lúc anh b ỡ đem bill tính tiền ra, sờ túi thấy trống không, tôi vã hết mồ hôi! Liếc qua L. thấy em đang nhìn mình đ ầy âu lo dường như hiểu chuyện. Tôi quan sát thấy em mặc một chiếc robe màu cam đẹp như tiên nhưng không có túi áo, không đem theo bóp đ ần hay túi xách, thì làm sao có chỗ đựng tiền! Tôi nhanh trí kéo tay anh b ỡ qua một

bên, nói đưa tôi đến gặp quản lý. Nghe tôi trình bày hoàn cảnh xong, tay quản lý liếc tôi từ đầu đến cổ tay xong phẩy tay: “Thôi, tôi lấy đ ồng hồ xì-cút^[73] của cậu làm gì? Cho thiếu nhé, mai một trả sau cũng được mà!”. Nửa tháng sau, tôi rủ L. đi tiếp, em lắc đầu qu ầy qu ậy, chắc sợ bị lâm vào cảnh ng ời đ ồng^[74]! Kinh nghiệm ở đây: *No money no honey. Phải chứng tỏ được mình có khả năng tài chánh!*

Cũng từ năm 18 tuổi, tôi bắt đầu viết văn, vẫn do... mê gái. Cú hích đầu đời khiến tôi ngã vào nghiệp văn là từ cô hàng xóm M.C. bên lô E. Em có đôi mắt đen tròn, da trắng bóc, là em của Hùng, một thằng bạn trong xóm. Một hôm sang nhà em chơi, thấy em đang đọc mục “Truyện ngắn” trên tờ báo *Chính Luận*, tôi hỏi:

– C. thích đọc truyện lắm à?

Em gật đầu:

– C. thích đọc truyện lắm. À, mà anh có viết được truyện giống má anh không?

Câu hỏi với một giọng nói dịu êm như nhung ấy nằm chặt cứng trong đầu tôi suốt mấy đêm li ền. Thế là tôi quyết định sẽ viết truyện cho C. đọc.

Trước đó, tôi có... làm thơ, nhưng nghe thầy mẹ tôi nói người vô danh làm thơ đăng báo sẽ không có nhuận bút nên tôi cụt hứng. Viết truyện thì tôi chưa dám nghĩ tới, dù từng tuyên bố rất mạnh miệng với trong nhà là “viết văn dễ ẹt, chỉ cần ráp 24 chữ cái lại với nhau thôi!”. Thời đó nhiều tờ báo lớn hay có trang văn chương giải trí dành cho thiếu niên nhi đ ồng, lập những nhóm sáng tác gọi là “Gia đình” này nọ. Tôi tham gia “Gia đình Mai Bê Bi” của tờ *Chính Luận*, cũng đã có vài bài thơ cò con đăng báo, ký bút danh Tang B ồng (!), từ cảm xúc với câu thơ *Tang bồng hồ thử nam nhi trái* của ông quan trùm ăn chơi Nguyễn Công Trứ. Từ khi học văn ông, tôi tâm đắc ý niệm làm trai là phải vùng vẫy giang hồ, đi chơi vui hơn ở nhà. Trời

đất, phước chủ may thay, truyện ngắn đầu tay tôi đem nộp tòa soạn báo *Chính Luận* (đầu đường Võ Tánh – nay là Nguyễn Trãi, gần Ngã sáu Phù Đổng) được đăng chỉ sau vài tuần, dù tòa soạn không hề biết tôi là ai. Tựa truyện là *Trái đắng*, với tên tác giả chèn vào cùng hai mẫu tự viết tắt trong ngoặc đơn hết sức lộ liễu: Nguyễn Đức Thông (M.C.). Tôi viết truyện này lấy thực tế từ chuyện của một thằng bạn, một tình yêu học trò, cuối cùng chàng trai bị cô gái phản bội....

Hôm sau ngày truyện được đăng, tôi giả vờ sang chơi coi C. có đọc không. Gặp tôi, em cười:

– Anh viết truyện hay quá! Nhưng sao anh cho con gái xấu vậy? Không phải ai cũng vậy đâu nha!

Tôi mừng rơn trong bụng:

– Anh biết mà! Chuyện của bạn anh thôi chứ đâu phải của anh.

(Giờ đây tôi vẫn mong gặp lại cú hích ấy của tôi, một cú hích rất nhẹ nhàng, êm ái – mà tôi từng ngỡ nó sẽ phát triển thành một chuyện tình – để cảm ơn em đã tạo cảm hứng cho tôi thử sức đến với văn chương và tự tin đi những bước tiếp theo, khi truyện ngắn đầu tay được đăng ngay tức thì trên một tờ báo lớn).

Đó chỉ là... những khúc dạo đầu.

Mối tình đầu – đúng nghĩa – đến với tôi năm 20 tuổi, lúc đang học năm thứ 2 trường Luật.

Nó liên quan nhiều đến âm nhạc và phải kể lẽ hơi dài dòng.

Như đã kể, bảy năm trung học, tôi có hai thằng bạn thân nhất là Nguyễn Văn Thọ và Vương Văn Thúy. Thúy là thằng mê nhạc ngoại quốc một cách kỳ lạ, đến mức đêm nào cũng vừa học bài vừa đeo headphone nghe đài AFVN (Armed Forces Vietnam Network, đài phát thanh dành cho quân đội

Mỹ ở Việt Nam) phát chương trình xếp hạng hit songs (những ca khúc được nhiều người bình chọn nhất) hàng tuần.

Đây cũng là thời mà nhiều người cho rằng hay nhất của nhạc Anh – Mỹ – Pháp: hai thập niên 1960 và 1970. Các ban nhạc Beatles, Rolling Stones, Bee Gees, Carpenters, Moody Blues, Doors, Led Zeppelin, Deep Purple, Santana..., rồi các ca sĩ Elvis Presley, Tom Jones, Simon & Garfunkel, Joan Baez, Bob Dylan..., các guitarist Jimi Hendrix, Jimmy Page, Eric Clapton..., các danh ca Pháp Christophe, Sheila, Sylvie Vartan, Johnny Hallyday, Charles Anavouz, Mireille Mathieu, Michel Polnareff, Adamo, Francoise Hardy... đều xuất hiện trong thời kỳ này. Lúc đó Michael Jackson mới 12 tuổi, là em út trong ban nhạc The Jackson 5, đã lừng lẫy với bài *I'll be there* (Number 1 của Top 100 đài AFVN năm 1970). Ngày 7-2-1966, khi miền Nam có Đài truyền hình Việt Nam (Sài Gòn), kênh 9, thì AFVN cũng có chương trình truyền hình trên kênh 11, thường xuyên phát lại chương trình Ed Sullivan's Show cực hay, gồm toàn những clip nhạc của những ban nhạc hàng đầu lúc bấy giờ, giới trẻ Sài Gòn mê như điên đảo.

Nhờ siêng nghe nhạc Mỹ mà Thúy giỏi Anh văn nhưt lớp, sau đó nó đã truyền được cái bệnh mê nhạc cho Thọ và tôi. Ban đầu là nhạc Anh nhạc Mỹ, đến khi lên lớp Đệ tam (lớp 10), học thêm Sinh ngữ 2 là Pháp văn, chúng tôi bắt đầu thích thêm nhạc Pháp. Những tình khúc Pháp thời ấy hay không chịu nổi. Tôi mê nhất là nam ca sĩ Christophe với những *Aline*, *Je ne t'aime plus*, *Maman*...

Lên đại học, Thúy vào Sư phạm khoa Anh văn, Thọ vào Vạn Hạnh. Thọ là người có máy nghe đĩa đầu tiên, một cái pick-up Philips lớn như cái tủ, do người anh làm tiếp viên hàng không của Air Vietnam mua cho (anh Hữu Đức sau bị mất trong tai nạn máy bay rơi ở sân bay Đà Nẵng, ngày 20-9-1969. Tai nạn máy bay là hiếm hoi lúc ấy, lại có một sự cố hi hữu nên được

nhiều người nhớ: Duy nhất một hành khách sống sót là một cậu bé lúc ấy đang ở trong toilet máy bay). Thúy có một cái máy nghe đĩa xách tay hiệu National. Tôi là người sau cùng có máy, Denon, loại nhỏ, có hai thùng loa và một ampli rời. Lúc đó mọi người toàn nghe đĩa than, 45 vòng và 33 vòng, sau này mới có máy quay băng magne Akai, Kenwood... Chúng tôi hay ra mua đĩa ở tiệm King's Records trên đường Nguyễn Huệ gần ngã ba Huỳnh Thúc Kháng, rất mắc, phải nhịn ăn sáng cả tuần mới mua được một cái. Tôi vẫn còn nhớ rõ hai cái đĩa 45 vòng đầu tiên tôi mua là đĩa của ban nhạc Paul Mauriat hòa tấu bài *Love is blue* và đĩa *Happy together* của ban The Turtles. Trong ba đứa, Thúy có nhiều đĩa nhạc nhất do có ba làm ở Ty thuế vụ Gia Định, tiền bạc dư giả. Kế đó là Thọ. Còn tôi ít nhất, chỉ có khoảng vài chục chiếc, đĩa nào cũng có đánh số thứ tự, vào sổ đảng hoàng, nhất định không cho mượn đĩa theo nguyên tắc “thà mất bạn hơn mất đĩa”, chứng tỏ tôi quý chúng như thế nào. Cả ba đứa đều đi dạy kèm, kiếm tiền chơi đĩa nhạc.

Không chỉ nghe nhạc, Thúy còn ra khu chợ sách trên lề đường Lê Lợi – Công Lý (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) lùng mua các cuốn *Circus*, *Rolling Stones*, *OK Hit Songs* và *Hit Parade*, rồi dịch bài gửi cho ông Trường Kỳ đăng trên tạp chí *Hồng* chuyên về nhạc ngoại. Lân la ra tòa soạn *Hồng* trên đường Phạm Ngũ Lão, với kiến thức hạng siêu về nhạc trẻ, nó bắt đầu quen nhiều dân chơi nhạc tên tuổi. Trong đó có Nicholas, một tên Việt Nam lai Nhật mang tên Tây, cũng có rất nhiều đĩa nhạc. Nicholas đang cộng tác với Đài phát thanh quân đội VNCH thực hiện chương trình nhạc trẻ mỗi trưa Chủ nhật, khoảng 60 phút. Ưu thế của Nicholas là có nhiều đĩa mới, nhưng hẳn chỉ có công sắp xếp thành một chương trình, giới thiệu bài này tên gì, ban nhạc nào, có những thành tích nào. Thúy mon men theo Nicholas lên đài Quân đội, làm quen thiếu úy Đào Duy phụ trách chương trình và cô xướng ngôn viên Mỹ Linh có giọng Bắc ngọt như đường. Đào Duy là một nhạc

công violon từng tốt nghiệp trường Quốc gia Âm nhạc, bị trưng tập vào lính. Anh thấp người, rất hiên lành, dễ chịu.

Một hôm vào cuối tháng 11-1969, lúc chúng tôi vừa lên năm thứ hai đại học không lâu, Thúy kêu tôi và Thọ ra quán cà phê:

– Tao vừa nói với anh Đào Duy, tụi mình sẽ làm một chương trình vào mỗi trưa Thứ bảy!

Tôi và Thọ ngạc nhiên:

– Mình đâu có đĩa mới nhiều đâu.

Thúy ra vẻ bí mật:

– Mình có cách làm của mình.

Cách của Thúy là chúng tôi sẽ làm một chương trình nhạc chủ đề, có cốt chuyện, có lời bình, lựa nhạc thật hay phù hợp. Ví dụ chủ đề mưa, chủ đề biển, chủ đề mùa hè, chủ đề tình đầu, chủ đề tình tan vỡ... Như vậy không cần nhạc mới mà là nhạc hay, viết lời dẫn chuyện thật mượt sao cho thấm thía (bây giờ gọi là sến rện!)... Thọ được phân công lên chủ đề rồi cùng Thúy lựa nhạc, tôi lãnh phần viết lời bình, xong ba đứa xem lại lần nữa, tính toán thời lượng rồi đem lên đài. Nhạc cũ thì trên đài đã có hầu hết, sẵn trong kho băng, kỹ thuật viên chỉ việc trích ra. Việc cuối cùng: chọn cho nhóm một cái tên. Sau mấy buổi cà phê góc Nguyễn Du – Chu Mạnh Trinh (hồi xưa đoạn đường này, khoảng sau lưng khách sạn Sofitel bây giờ, có rất nhiều quán cà phê chuyên dành cho sinh viên học sinh), ba thằng thống nhất chọn Aphrodite (tên tiếng Anh là Venus) làm tên của nhóm. Đó là tên của nữ thần tình yêu và sắc đẹp trong thần thoại Hy Lạp. Thật tình thì bây giờ tôi đã hoàn toàn quên mất lý do không hiểu tại sao bà nữ thần này lại bị bọn tôi chọn làm tên cho nhóm mình.

Chương trình đầu tiên khoảng giữa tháng 12 năm 1969, về một chuyện tình tan vỡ không phải lỗi tại ai (nên nhờ vậy mà cứ nhớ nhau mãi), đã lập

tức được sự hưởng ứng nồng nhiệt của các bạn trẻ nghe đài. Giờ đây tôi không còn nhớ mình đã viết gì, chỉ nhớ là rất... sôi. Các ca khúc được chọn, tiếng Anh tôi nhớ có *Love me tender* (Elvis Presley), *Rain and tears* (Aphrodite's Child), *Leaving on the jet plane* (Peter, Paul and Mary), *End of the world* (Skeeter Davis)..., tiếng Pháp có *Mal* (Christophe), *La nuit* (Adamo), *Love me please love me* (Michel Polnareff)... Làm được mấy kỳ thì dân nghe nhạc nước ngoài bắt đầu biết nhiều đến nhóm Aphrodite. Thư từ gửi về đài nhờ chuyển đến chúng tôi để làm quen và góp ý, yêu cầu... đã lên đến con số vài chục. Trong đó có một lá thư con gái viết trên giấy tập học trò, xưng tên Ngọc, học lớp 11 trường nữ Lê Văn Duyệt (nay là Võ Thị Sáu), rất mê chương trình mới và mong được gặp làm quen các anh.

Thư qua thư lại hẹn hò, qua Tết, một buổi sáng Chủ nhật tháng 3-1970, khoảng 9 giờ, ba thằng tôi ngồi tại quán cà phê nhà Thọ số 68B đường Chi Lăng, chờ em Ngọc tới coi mặt mũi thế nào mà viết thư rất mượt. Đúng boong 9 giờ, một chiếc Yamaha Dame màu xanh da trời chạy tới, trên xe có hai em gái, cùng mặc áo dài trắng. Em ngồi trước cầm lái dáng người tròn trĩnh, em ngồi sau thon thả hơn, tóc dài, da trắng nõn. Cả hai cùng khá xinh xắn. Ba chúng tôi lập tức bước ra chào đón. Rất tình cờ, một vạt nắng xuân chột phủ xuống em ngồi sau lúc em vừa bước xuống xe, viền quanh thân em một vòng sáng vàng rực óng ả. Đặc biệt mái tóc dài bảo đảm mới gội của em bung ra mượt mà và thơm phức trong nắng, cũng tỏa nắng vàng lấp lánh. Em cười với cả ba đứa mà tôi cứ ngỡ như chỉ đang cười với mình! Vòng hào quang quanh người em đã làm tôi đui ngay từ giây phút ấy!

Đó chính là Q., chị em bạn dì với Ngọc, đang học lớp onzième (lớp 11) Marie Curie, một trường nữ Pháp ngữ nổi tiếng ở Sài Gòn bấy giờ (đến giờ trường vẫn giữ tên này nhưng dạy chương trình Việt). Q. là con út của

một thứ trưởng đương chức, ở một căn biệt thự bằng gỗ hiếm hoi tại Quận 1 (Sài Gòn lúc ấy và tới bây giờ cũng chỉ có chừng 3-4 căn như vậy). Nhà có bốn anh chị em thì người chị và hai ông anh đầu đang du học ở Thụy Sĩ, theo một cửa dân quyền quý lúc bấy giờ. Tôi, một gã sinh viên nghèo, bắt đầu chòi vào mâm son mà không hay!

Vâng, nàng chính là mối tình đầu của tôi.

(Sau này Q. cho biết gần như cũng bị đui cùng lúc với tôi. Tây gọi là coup de foudre – tiếng sét ái tình).

Hình ảnh Q. đẹp như thiên thần trong vầng hào quang buổi sáng đã tạo cảm hứng cho tôi biên soạn chương trình nhạc sau đó với tên gọi *Tình yêu thiên thần*. Ca khúc có *Angel of the morning* (Merrilee Rush and The Turnabouts), cùng một loạt bài top: *Aline* (Christophe), *La plage aux romantiques* (Pascal Danel), *La plus belle pour aller danser* (Sylvie Vartan), *J'entends siffler le train* (Richard Anthony), *You don't have to say you love me* (Elvis Presley), *Honey* (Bobby Goldsboro), *Adieu Jolie Candy* (Jean Francois Michael), *Elle etait si jolie* (Alain Barriere), *Without you* (Bad Finger), *Nights in white satin* (Moody Blues), *Unchained melody* (Righteous Brothers)..., xếp theo câu chuyện về một tình yêu sét đánh giữa một anh sinh viên nhà nghèo với một cô tiểu thư quyền quý, gặp nhiều cản trở từ gia đình cô gái... (Tự dừng tôi lại bịa lên một câu chuyện như vậy và không ngờ nó đã ứng vào chuyện của tôi và Q. gần như tức thì!). *Tình yêu thiên thần* toàn những bài cực hay lồng trong một chuyện tình trái ngang đã hốt nước mắt nhiều thính giả nữ, dĩ nhiên làm xao động trái tim Q. nhiều nhất, vì nàng thừa hiểu tôi soạn chương trình đó là để tặng ai.

Chúng tôi bắt đầu hẹn hò, với Ngọc là “con chim xanh” đưa thư, vì mẹ Q. quản lý cô con út rất chặt, đi đâu cũng phải có xe hơi – một chiếc Oldmobiles kèn càng của Mỹ – đưa đón. Chỉ thỉnh thoảng Ngọc tới nhà xin phép viện lý do này nọ thì mới được chở Q. chạy ra giao hàng cho tôi ở

quán cà phê. Ngoài ra tôi còn được khoảng một tiếng đồng hồ hiếm hoi vào sáng Thứ tư và chiều Thứ sáu hàng tuần, khi lớp học ở Marie Curie được về sớm mà mẹ Q. không biết. Tôi và Q. hay vào một con hẻm trên đường Ngô Thời Nhiệm bên hông trường, dựng chiếc Honda Dame C50 Quân tiếp vụ^[75] cà tàng sơn lại màu xanh da trời của tôi dưới mái hiên một căn nhà luôn đóng kín cửa, rồi ngồi bên nhau... nói chuyện trong khi chờ xe hơi tới đón, vậy là đã quá hạnh phúc. (Bây giờ thỉnh thoảng tôi vẫn cố ý chạy qua con đường này, chỉ để liếc nhìn lại cái mái hiên ngày nào!).

Chơi với Q., tôi mới biết vài trò bói vui vui của các cô nữ sinh trường Tây, tiêu biểu là trò ngắt cánh hoa cúc trắng (marguerite) đoán tình và trò MACHISTAPO^[76] đoán kết quả “chuyện hai người”. Trò thứ nhất, bạn lần lượt ngắt từng cánh của một bông hoa cúc trắng, vừa ngắt vừa đọc: *Je t'aime, un peu, beaucoup, passionnément, à la folie, pas du tout...* (Anh yêu em, một chút, rất nhiều, đam mê, điên cuồng, không có gì hết...) và cứ thế lặp lại cho đến cánh hoa cuối cùng tới từ nào, thì tình yêu của bạn chính là từ đó. Nếu gặp “pas du tout” là thế nào cũng bị háy nguyền. Trò thứ hai là để đoán số phận sắp tới của hai đứa. Sau khi trừ hết các mẫu tự trùng trong họ tên của tôi và Q., số mẫu tự còn lại là 12, trừ 10 còn 2, kết quả bói là chữ A đầu tiên, tức Amie (Tình bạn). Chỉ là trò đùa vui, vậy mà Q. ngồi thờ người hồi lâu, mặt buồn hiu. (Mà quả thật, đến nay, sau 44 năm, giữa tôi và em đã vẫn giữ cho nhau một tình bạn thật đẹp).

Sau hôm tôi gửi Q. lá thư tỏ tình, ngày 13-6-1970, Q. trả lời tôi rất nhanh bằng cách đón tôi đi học ở Viện văn hóa Pháp ra, mặt tái mét đưa tôi một bông hồng xanh bằng giấy do chính tay em làm, xong lập tức chạy đi. Trong lá thư kèm theo, Q. nói bông hồng xanh có ý nghĩa... hy vọng, tôi hãy cứ chờ, bao giờ nhận được bông hồng trắng sẽ hiểu là em đã nhận lời yêu. Sự chờ đợi của tôi không lâu (có lẽ Q. còn nôn hơn cả tôi nữa!). Năm hôm sau, ngày 18-6 (từ đó về sau làm gì quan trọng Q. cũng chọn ngày 18,

ngày sinh của tôi), tôi đã nhận được đóa hồng trắng tượng trưng tình yêu trinh bạch của Q. Tôi đã chuẩn bị sẵn quà cho Q. khi nhận được bông hồng bạch: một con mèo bọc nhung xanh với cái đầu lắc lư – mà tôi mất cả buổi đi lựa mua ở Thương xá Tax – sẽ thay mặt tôi để lúc nào cũng được kề cận bên Q. Cả hai chúng tôi cùng lâng lâng trong hạnh phúc đầu đời và chỉ chờ cơ hội để bày tỏ tình yêu đó một cách cụ thể.

Cơ hội đó đã đến vào sinh nhật tôi 19 tuổi, ngày 18-10-1970. Chúng tôi quyết định tổ chức một party nhỏ chỉ có bảy người tại căn phòng của Thọ. Con trai có nhóm Aphrodite và một thằng bạn mới tên Phúc, con gái có Q., Ngọc và Thanh, một cô bạn học cùng lớp với Ngọc, lúc này đã cặp với Thọ.

Mấy cô gái lo bánh còn bọn tôi lo nước và chuẩn bị nhạc. Thọ bày ra trò một mình tôi ng ồi trong phòng, các bạn lần lượt vào đưa quà tặng, để tạo cơ hội cho tôi có vài phút riêng tư với Q..

Q. vào, khép cửa lại, mặt tái xanh (em yếu tim, mỗi lần có chuyện gì h ồi hộp là mặt cứ vậy). Quà của em là đĩa nhạc 45 vòng *Never my love* của ban The Association mà chúng tôi cùng yêu thích. Ca từ đơn giản, sến sến nhưng rất dễ thương (tình yêu nào mà không sến?):

You ask me if there'll come a time, when I grow tired of you. Never my love.

You wonder if this heart of mine, will lose its desire for you. Never my love.

What makes you think love will end, when you know that my whole life depends on you. Never my love.

You say you fear I'll change my mind, and I won't require you. Never my love.

How can you think love will end, when I've asked you to spend your whole life with me. Never my love... [\[77\]](#)

Hoặc bây giờ hoặc không bao giờ! Tôi nhìn thẳng vào mắt Q. và nói:

– Anh muốn được thêm một món quà nữa, đặc biệt hơn...

Giọng Q. run run:

– Quà gì anh? Q. đâu có chuẩn bị gì nữa đâu.

– Q. chỉ cần nhắm mắt lại thôi... – Giọng tôi khản đặc.

Tôi đứng dậy nắm hai tay Q., trong chớp nhoáng đã thấy Q. trong vòng tay mình, mắt nhắm rất ngoan. Hai đứa trao nhau cái hôn đầu đời, mê man, đắm đuối. Đến tận giờ này, cảm giác ngọt ngào mê đắm không bút nào tả nổi của nụ hôn đầu đời hôm ấy như vẫn còn phảng phất trên môi. Khi môi chúng tôi rời nhau, người Q. lả đi, mềm oặt trong tay tôi...



Hai bức tranh tôi vẽ tặng Q. năm 1971, mấy chục năm sau Q. vẫn còn giữ.

Hè 1971, H ồng, một cô bạn thân trong lớp Q., đến nhà xin phép cho em được đi Long Hải chơi cuối tuần cùng gia đình H ồng. Ba H ồng là một cán bộ quan thuế (hải quan), họ sẽ ra ở khu nhà nghỉ của ngành (nay là đồn công an biên phòng) gần Dinh Cô. Vì uy tín của ba H ồng, lại có Ngọc cũng

đi theo, nên mẹ Q. đồng ý. Hôm đó, tôi rủ Việt, một bạn thân ở trường Luật (nay là một luật sư ở TP.HCM) chạy chiếc Honda Dame theo ra Long Hải. Kế hoạch sẽ là tôi và Việt vốn là bạn của Tâm, anh Hùng, và tình cờ cả bọn gặp nhau trên bãi biển...

Đêm ấy ánh trăng soi sáng rực bãi biển Long Hải. Cả bọn ra bãi ngỗng đàn hát, tôi nhớ mình đã hát *Aline* bằng cả trái tim:

J'avais dessiné, sur le sable, son doux visage, qui me souriait. Puis il a pluie, sur cette plage, dans cette rage, elle a disparu... (Tôi đã vẽ trên cát gương mặt đẹp của em, đang nhìn tôi mỉm cười. Rồi trời mưa, trên bãi biển này, ở nơi đây, và em đã biến mất...)

Cả đám bạn lảng lạng nháy nhau rút lui tự lúc nào không biết, bỏ lại mình tôi và Q. trên bãi cát vàng. Hai đứa tôi lại mê man hôn nhau, trong tiếng sóng dào dạt vỗ vào bờ...

Lúc đó nhà tôi không có điện thoại (tư nhân ít người có) và vài hôm tôi lại chạy ra bưu điện Tân Định gọi điện thoại cho Q. theo thời khóa biểu đã định. Chuyện này không qua được mắt mẹ Q. Bà cho bắt một máy phụ vào phòng và nhanh tay chụp ống nghe ngay khi điện thoại vừa reng. Chủ quan, tôi nói ngay:

– Alô, anh đây.

Đầu dây bên kia, trời ơi, giọng mẹ Q. sao lại y chang giọng em (hay tại tôi quá mừng mà chẳng chú ý?):

– Em đây. Anh nào vậy?

– Anh Thông nè! – tôi hấp tấp nói.

– Anh Thông hả? Biết em là ai không?

Tôi bừng tỉnh, toát hết mồ hôi, lật đật cúp máy.

Sau vụ đó, mẹ Q. tăng cường kiểm soát con gái. Bà ngẫ chung xe đưa đón Q. đi học. Bà cho xe đến sớm, đậu trước cổng trường, tận mắt thấy Q. từ trong bước ra. Bà còn cho thợ mở khóa học bàn trong phòng riêng của Q., phát hiện toàn bộ thư từ, hình ảnh, quà tặng... của tôi gửi Q., lẽ dĩ nhiên biết tốt vụ tôi và Q. ở biển Long Hải. Bà lập tức gọi cho ba mẹ H ồng than phiền và từ đó không cho Q. sang nhà H ồng chơi nữa.

Tôi bị mẹ Q. triệu tập tới nhà. Mặt lạnh như tiền, bà hỏi cặn kẽ gia thế, việc học hành... của tôi, rồi nói là không cấm con gái có bạn, nhưng phải... đang hoang, từ nay muốn gặp thì tới nhà trò chuyện, không hẹn hò đâu đường xó chợ như phường mèo mả gà đ ồng, tốt nhất trong giai đoạn này phải để Q. tập trung học hành cho xong tú tài... Kết thúc cuộc gặp “thân mật”, bà nói chậm rãi từng chữ, rằng bà nói ít mong tôi hiểu nhiều, nếu không nghe lời bà mà có chuyện gì lúc đó đừng trách...

Lẽ dĩ nhiên tôi và Q. đều... không nghe lời.

Chúng tôi vẫn lén lút hẹn nhau đi xem phim, rạp Eden, nơi hai đứa tha hồ trao nhau những nụ hôn mùi mẫn. Ngọc là người đưa đón, thường giao và nhận “hàng” ở trước cửa Hội Việt Mỹ trên đường Mạc Đĩnh Chi hoặc cà phê Thu Hương trên đường Hai Bà Trưng gần ngã tư Hi ền Vương (nay là Võ Thị Sáu). Chuyện hẹn hò rất kín đáo, thế nhưng vẫn bị mẹ Q. phát hiện khi một hôm bà tình cờ nhìn thấy chiếc xe màu xanh thiên thanh độc nhất vô nhị ở Sài Gòn của tôi đang đậu trong bãi giữ xe trước rạp Eden. Sinh nghi, bà kêu dừng xe lại chờ, và bắt gặp quả tang hai đứa đang tung tăng đi ra khi hết phim.

*Rạp **Eden** nằm trong khu thương xá mua sắm Hành lang Eden (Passage Eden) nổi tiếng, là một trong hai rạp chiếu bóng đầu tiên ở Sài Gòn, có từ thời Pháp thuộc (rạp kia là rạp Majestic). Đến rạp, khán giả có thể đi vào từ phía đường Tự Do, Lê Lợi hay Nguyễn Huệ đều được. Rạp được xây*

dựng rất đẹp theo kiểu kiến trúc cổ điển của các nhà hát Paris, có chia lô để phân biệt giữa hạng cao cấp với hạng bình dân. Ở Sài Gòn, chỉ duy nhất rạp Eden này mới có hai balcon (lầu). Thông thường, khi xem xi-nê tại đây, ngồi balcon 1 là hay nhất vì nhìn xuống vừa tâm mắt không mỏi cổ và không bị cái đầu của người ngồi hàng ghế trước che khuất tầm nhìn. Balcon 2 của rạp Eden thì nhỏ hơn lại tối thui, vì quá cao nên nhìn sâu xuống màn ảnh muốn cụp cổ, nên phần đông khán giả không thích mua vé lên đây, ngoại trừ các cặp bồ bịch thì chiếu cố rất nhiệt liệt và gọi đó là “pigeonnier” (chuồng bồ câu). Nhiều khi coi phim ra họ còn không nhớ tên phim là gì!

Thời gian đầu khán giả của rạp toàn là người Pháp và những người bản xứ giàu có, sau dần dần mở rộng cho tất cả tầng lớp dân chúng. Không ai ngờ người Việt đón nhận loại hình giải trí mới mẻ này quá nồng nhiệt, đến mức chưa đến chục năm sau, khán giả đến rạp xem phim chỉ toàn người bản xứ. Chẳng mấy chốc chủ rạp người Pháp đã chuyển nhượng hoàn toàn việc kinh doanh rạp chiếu bóng lại cho người Việt.

Sau năm 1975 một thời gian, rạp Eden ngưng hoạt động, một phần được dùng làm phòng trà Tiếng Tơ Đồng khá nổi tiếng một thời gian. Tháng 4-2010, rạp này – cùng với khu thương xá Passage Eden lừng danh của Sài Gòn, trong đó có tiệm cà phê Givral – đã bị đập bỏ để những người chủ mới xây nên khu thương mại Vincom. Biển xanh biến thành ruộng dâu!



Rạp Eden, mặt phía đường Nguyễn Huệ.

– Ảnh: Internet

Q. về nhà bị mẹ cho một trận và bà lập tức quyết định sẽ đẩy Q. đi du học ngay sau khi thi, khác với dự tính lâu nay là Q. sẽ học đại học trong nước vì ba anh chị của Q. đều đã đi du học.

Là người buôn bán đá quý trong giới quý bà thượng lưu, cùng với chức tước của chồng, nên thế lực của mẹ Q. rất lớn. Giấy tờ du học của Q. hoàn tất cấp kỳ! Em lên đường du học trong nước mất, trước cả ngày sinh của tôi.

Buổi tiệc chia tay tổ chức buổi chiều ngày 10-10-1971, tại nhà của P., thằng cháu bà con gọi tôi bằng chú – không nhớ bằng cách nào Q. có thể đến được. Có mở bal de famille tại phòng khách. P. có phòng riêng đã mở máy lạnh và kéo màn kín sần. Nó bắt tôi phải đưa Q. vào phòng để... chia tay.

Trong căn phòng lạnh ngắt với ngọn đèn ngủ màu hồng quyến rũ, tôi và Q. hôn nhau như hôm đó là ngày tận thế...

Nếu tôi không kiêu căng chế được mình, có thể chuyện tôi và Q. đã có kết cục khác và cũng có thể không còn đẹp như đã đẹp, không còn nhớ như đã nhớ, nhưng thôi, ở đời việc gì cũng có duyên số.

Tôi cùng Q. ra lại phòng khách, nơi mọi người đang ôm nhau nhảy. P. nhìn tôi nháy mắt, tôi chỉ gượng cười với nó. Tôi ôm chặt Q. trong tay, trong tiếng organ du dương của bài *Adieu Jolie Candy. Từ nay cách xa nghìn trùng...* Jean Francois Michael đang nức nở hay chính là tôi?

Ngày 12-10-1971, Q. đi. Mẹ Q. theo giữ sát rạt trong mấy ngày cuối. Buổi sáng, Q. xin được một tiếng chia tay bạn bè, phải có Ngọc đưa đi. Tôi và Q. ng ửi tiệm kem Hoàng Gia đường Nguyễn Huệ, trò chuyện khoảng hơn nửa tiếng. Q. nói ba Q. cũng là nạn nhân của mẹ – bà thuộc gia đình điên chủ họ Lâm ở Bạc Liêu, rất giàu, nên giữ vai trò là chủ trong gia đình. Ba Q. có biết chuyện Q. và tôi, nói với Q. là sau khi Q. đi tôi hãy tìm cách liên lạc với ông, ông sẽ giúp tôi đi theo Q., qua Thụy Sĩ du học. Tôi nghe đầy thờ ơ. Chuyện đó quá nhiều khê. Làm sao ông có thể giúp tôi đi du học khi bị bà vợ kiểm soát chặt chẽ như vậy? Và suốt đời tôi, tôi cũng không bao giờ thích nhờ cậy người khác kiểu đó.

Ngọc chở Q. chạy với tôi một vòng quanh Sài Gòn, qua những nơi đã có nhiều kỷ niệm của hai đứa. Qua trường Marie Curie – dĩ nhiên – rồi ra Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ), Hai Bà Trưng, Thống Nhứt (nay là Lê Duẩn), bọc qua cái vòng xoay sau lưng Vương cung Thánh đường thì chia tay. Tôi còn nhớ mãi hôm đó Q. mặc một cái áo đầm mới, màu xanh lá cây và trắng, có những sợi dây đan chữ X trước ngực áo. Tôi dừng chiếc xe Cub cà tàng ngay sau lưng nhà thờ, đứng ngẩn ngơ nhìn theo Q. Q. cũng ngoái nhìn tôi, cái nhìn thăm thẳm, mãi cho đến khi chiếc xe khuất bóng...

Q. đi. Em học quản trị ở thành phố Fribourg của Thụy Sĩ. Những lá thư Q. gửi về đầu đặn mỗi tuần hai cái đầy ắp thương nhớ, trong vòng hơn năm đã nằm kín hai cái hộp thiếc bánh LU để trong tủ tôi...

Ấy vậy mà... xa mặt cách lòng, hơn một năm sau tôi đã có bạn gái khác!

Thật khó biện minh, nhưng chuyện gì cũng có lý do của nó, ngoài cái lý do hai ngôi sao lừng lẫy chình ình trong cung Mệnh.

P., thằng cháu tôi, nhỏ hơn tôi chỉ hai tuổi. Nó là cháu nội đích tôn của ông bà Bút Trà, bác tôi. Bà Bút Trà có chồng trước là người Hoa. Có tài sản khá, bà giúp vốn cho chồng sau làm báo *Sài Gòn Mới* rất thành công – nhưng bà vẫn nắm chặt tài chánh. Khi con cái trưởng thành, bà lại giao cho mỗi đứa một sự nghiệp. Chị Hai thì tờ *Phụ Nữ Diễn Đàn*, anh Sáu – ba P. – tờ *Phụ Nữ Ngày Mai*, chị Chín thì rạp Kim Châu. Anh Năm đi lính kiểng và anh Bảy đi du học về thì suốt ngày ăn chơi lêu lổng. Chỉ chị Tám có uy nhứt, có chồng là tướng Nguyễn Vĩnh Nghi...

Má P. gốc Hoa, là con chủ nhà hàng Đồng Khánh trên đường Trần Hưng Đạo lớn nhứt nhì khu Chợ Lớn, nên có thể nói P. giàu từ trong bụng mẹ. Gia đình nó ở trong một villa đường Lam Sơn, thông qua Ngô Tùng Châu (nay là Nguyễn Văn Đậu). P. học trường tư thục Hưng Đạo nhưng suốt ngày chỉ lo bồng bịch, nổi gien ông nội và ba (nhà thơ Bút Trà, bác tôi, có ba bà vợ cùng lúc, còn ba P. lúc hơn 70 tuổi còn có thêm bà... thứ năm). Cao lớn, đẹp trai, trắng trẻo, ăn mặc sang trọng, nó tán gái thuộc loại siêu. Ra đường thấy em nào đẹp là “đưa” theo tới tận cửa trường, sau đó canh giờ tan học tới đón đường làm quen, luôn nhập đề trực khởi theo kiểu: “Bạn đẹp quá! Cho mình làm quen đi. Xin bạn yên tâm, mình là con nhà đàng hoàng...”. Cua gái kiêu thô bạo, thế mà thỉnh thoảng vẫn dính!

Tôi rất thường tới nhà P. chơi. Căn phòng có máy lạnh của nó là nơi vui chơi giải trí lý tưởng của bọn tôi, một kiểu “tổ quỷ” thời đó. Chúng tôi nghe nhạc, chơi bài các-tê, sập xám, thỉnh thoảng còn coi phim X từ chiếc máy chiếu 9 li do Tuệ, một hàng xóm của P., đem qua. Chiếc máy và phim là của Hùng, anh Tuệ, một trung úy không quân lái F5, đem từ Mỹ về (Năm 1972 trong trận đánh ở An Lộc, máy bay anh Hùng bị hỏa tiễn tấn

nhật SA-7 của Nga Sô trang bị cho quân Giải phóng bắn rơi không nhảy dù ra kịp, trở về trong thân xác cháy đen).

Một hôm P. khoe đang “fait la cour” con nhỏ này chân dài đẹp lắm, cùng tuổi, học Regina Mundi^[78], mới dọn về ở căn villa mặt đường Ngô Tùng Châu, đối diện đầu hẻm nhà P. N. đúng là khá xinh, chân dài, cận thị giống P. Việc quen bắt đầu từ một con chó. Thú cưng của N., chạy ra đường lạc đầu mất. N. đi quanh tìm, nghe trong sân nhà P. có tiếng chó sủa, tưởng chó mình bèn bấm chuông đại. P. ra mở cổng và nhào vô tán, thế là thành bạn. Tôi bắt đầu quen N. từ đó, trong những cuộc vui chung. Em học trường bà sơ của Tây nhưng sống phóng khoáng, thoải mái, nhà có tiệm buôn quần áo bỏ sỉ các tỉnh, cao bốn tầng lầu trên đường Lê Lai gần chợ Sài Gòn. Căn biệt thự ở Ngô Tùng Châu cũng bự gấp đôi nhà P. P. chạy chiếc Honda PC50 cà tàng trông rất ngô ngáo, bắt chước anh chàng Renaud Verley trong phim *La leçon particulière* thời ấy rất được giới trẻ mê xi-nê yêu thích, đưa đón N. nhiệt tình. Lúc đó N. cũng đang có bạn trai theo đuổi, nhà rất giàu, nhưng N. có vẻ chẳng quan tâm gì đến chuyện vật chất. Em ăn mặc giản dị, luôn chơi quần jean, áo sơmi ngắn tay hoặc áo pull, giày Bata, thích đạp xe đạp mini Lucia...

P. có tính “nở”, bây giờ gọi là “chém gió”. Theo cách nó nói với bạn bè thì N. đã là b ồ nó. Một là để khoe thành tích sát gái, hai là “đặt cục gạch” giành chỗ, đừng tên nào đụng vô, ba là hấn luôn tưởng l ầm mọi đứa con gái trên đời đều mê mình. Nhưng bạn bè, trong đó có tôi, đều tin lời nó, vì thấy hai người thường đi với nhau khá thân thiết. N. học chương trình Pháp, vậy mà nó còn dụ được N. qua học chung với nó để nộp đơn đi thi Tú tài 1 chương trình Việt. Kết quả: N. đậu, nó rớt!

1972 là năm chiến tranh diễn ra rất ác liệt, gọi là “Mùa hè đỏ lửa”. Hai mặt trận lớn diễn ra ở Cổ thành Quảng Trị và huyện An Lộc (Bình Long), số thương vong hai bên lên tới hàng vạn. Các bạn tôi đều học hành cần

chừng, ăn chơi là chính. Mà có gì để ăn chơi?! Mười giờ đêm là đã giới nghiêm, đường phố vắng tanh. Các vũ trường ế ẩm, đóng cửa. Sài Gòn trước 1975 không nhiều quán nhậu như sau này. Giới sinh viên học sinh lại càng không nhậu. Chúng tôi chỉ đi uống cà phê, nghe nhạc, tán dóc chút ít rồi về, vậy thôi. Cũng giống tôi, N. rất thích nghe nhạc, nhạc Pháp là chính, còn nhạc Anh – Mỹ, N. thích nghe những bản pop êm dịu. Hai đứa cũng có đi nghe nhạc ở Hầm Gió, một lần ghé coi Đại hội Nhạc trẻ lần cuối (1974) ở Sở Thú chút rồi về vì N. không mấy thích rock...

Sài Gòn và các “Đại hội nhạc trẻ” trước 1975

Năm 1954, khi người Pháp rút khỏi Việt Nam, nhạc Pháp vẫn còn hằn sâu trong sinh hoạt âm nhạc xã hội. Nhưng khi người Mỹ đổ quân vào miền Nam thì nhạc Pháp cũng lùi dần nhường bước cho làn sóng văn hóa Mỹ. Cuối thập niên 1950 – đầu thập niên 1960, có thể nói phong trào nhạc trẻ Sài Gòn đã hình thành, nhưng nó thật sự gây được ấn tượng mạnh mẽ với công chúng trẻ là từ năm 1963.

Dấu mốc phát triển của nhạc trẻ có thể kể đến sự kiện Đại hội kích động nhạc do “Hội đồng Quân nhân Cách mạng” Sài Gòn tổ chức sau khi lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, có lẽ do muốn thu phục giới trẻ. Đại hội kích động nhạc này được tổ chức tại khu Đại Thế Giới (nay là Trung tâm Văn hóa Q.5) vào năm 1963, quy tụ hầu hết các ban nhạc trẻ đang hoạt động tại Sài Gòn thời ấy và đây cũng là một tiền đề để sau đó những đại hội kích động nhạc được tổ chức thường xuyên.

Đại hội Nhạc trẻ ngoài trời đầu tiên với quy mô lớn được tổ chức tại Sân vận động Hoa Lư ngày 29-5-1971, quy tụ hơn 10.000 người, với sự tham dự của hơn 20 ban nhạc trẻ đến từ Hoa Kỳ, Phi Luật Tân, Úc, Thái Lan, Đại Hàn, Mã Lai, Indonesia và Việt Nam. Đại hội này được sự yểm trợ của Tổng cục Chiến tranh Chính trị Quân lực VNCH để gây quỹ cho Cây Mùa Xuân Chiến sĩ và Cô nhi, Quả phụ, cho thấy sự quan tâm của

chính quyền đối với các trào lưu của giới trẻ và biết hướng nó đến mục đích xã hội. Đại hội lần 2 và cũng là lần cuối cùng, tổ chức tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn (Sở Thú) ngày 29-12-1974, có khoảng 20.000 người tham dự (trong đó có tôi và N.).

Trường dòng Lasan Taberd (trụ sở này nay là trường Trần Đại Nghĩa) cũng tổ chức Đại hội Nhạc trẻ mở rộng hàng năm, từ năm 1964 đến năm 1973 (nghỉ một năm Mậu Thân 1968 vì chiến tranh – nhưng trong năm này vẫn có một Đại hội Nhạc trẻ tại rạp Đại Nam cũng rất rình rang, với hàng chục ban tham dự) do phong trào văn nghệ học đường ở đây rất mạnh. Đơn cử Đại hội nhạc trẻ Taberd ngày 28-11-1965, ngày của lễ thánh Cecilia – đấng bảo mạng của âm nhạc. Có đến 17 ban nhạc góp mặt trong chương trình Đại hội Nhạc trẻ tổ chức tại hí viện trường Taberd. Đây là một con số kỷ lục lúc ấy vì từ trước đến giờ chưa có một đại hội nào quy tụ nhiều ban nhạc trẻ đến thế. Có tới 40 ban đăng ký nhưng vì thời gian có hạn chỉ chọn 17 ban thuộc loại có số má như The Black Caps, The Blue Stars, Les Vampire, Hải Âu... Giá vé có ba hạng 200, 100 và 50 đồng, số tiền bán vé được dùng để gây quỹ xây dựng Trường Mù La San. Rồi Đại hội Nhạc trẻ năm 1966 cứu trợ người dân bị nạn lụt miền Tây có tất cả 23 ban tham dự trình diễn trong 6 giờ đồng hồ...

Ban kích động nhạc đầu tiên ở Sài Gòn có lẽ là ban Thời Đại của hai anh em Dương Quang Minh và Dương Quang Định, xuất hiện khoảng cuối năm 1959, tại phòng trà Hòa Bình ở khu ga xe lửa Sài Gòn (nay là Công viên 23-9). Sau đó, phòng trà Anh Vũ có hai ban chơi kích động nhạc là Rock Tigers rồi tiếp đến là The Blue Jean Boys. Từ năm 1961, có thêm The Black Caps và The Rockin' Stars (ca sĩ Elvis Phương có mặt từ đầu) thường biểu diễn tại thính đường Trường Lamartine, cạnh hồ tắm Nguyễn Bình Khiêm. Rồi đến các ban The Enterprise, Les Pénitents, The Crazy Dog, CBC (tên tắt của Con Bà Cụt, xuất thân là một ban nhạc rock thiếu nhi

từ 1962 gồm các anh em trong một gia đình). Khi Mỹ bắt đầu đổ quân vào Việt Nam¹, các ban nhạc trẻ mọc ra như nấm sau mưa để đi phục vụ nhu cầu giải trí của lính Mỹ ở các đơn vị, suốt từ Huế cho tới Cần Thơ: Les Fanatiques, Les Vampires, Les Faucons Noirs, Les Tridents, Les Cavaliers², The Blue Jets, The Teddy Bears, The Daltons, The Rising Sun, The Hard Stones, The Dreamers, The Spotlights, Phượng Hoàng, The Strawberry Four (ban nhạc Việt Nam đầu tiên và duy nhất được lên đài truyền hình Mỹ – phát tại Sài Gòn), The Apple Three, The Cats Trio, The Uptight, The Hammers, The Teen Sound, The Peanuts Company, The New Flintstones Corporation, The Fighters, The Soul Brothers, The Squids, The Starling Show, The Blue Stars, The Free Ones, The Top Five... Nhiều ca sĩ xuất hiện từ thời kỳ này vẫn còn tên tuổi và hoạt động tới tận bây giờ: Elvis Phương, Tuấn Ngọc, Đức Huy, Khánh Hà, Thanh Lan...

Đáng chú ý là ban Phượng Hoàng của Nguyễn Trung Cang và Lê Hựu Hà ra đời khá trễ (1970), nhưng có thể nói là một ban nhạc “Việt hóa” triệt để: sáng tác ca khúc Việt cho rock, hát lời Việt và cái tên cũng “thuần Việt” giữa vô vàn tên ban nhạc bằng tiếng Anh. Ca khúc rock viết bằng tiếng Việt của Nguyễn Trung Cang được nhiều người biết đến là bài Mặt trời đen, đây có thể xem là bản nhạc rock Việt đầu tiên khá tiêu biểu của giới rock Sài Gòn nói riêng và Việt Nam nói chung...



Poster Đại hội Nhạc trẻ lần cuối ở Sở Thú (1974). | Elvis Phương (phải) và ban Rockin' Stars.



Từ trái qua phải: Tuấn Ngọc, Minh Phúc, Tiến Chỉnh, Thụy Ái, Trường Kỳ và Tùng Giang vào năm 1970.

– Ảnh: Internet



Duy Hùng và Duy Quang (The Dreamers) và ca sĩ Thanh Lan. Đại hội Nhạc trẻ Taberd năm cuối, 1974.

Có thể nói trình độ các ban nhạc trẻ ở miền Nam Việt Nam thời ấy không thua bất cứ đồng nghiệp ở nước nào trong khu vực Đông Nam Á. Nhưng sau khi Mỹ rút quân năm 1973 thì các ban nhạc cũng nhanh chóng tan rã vì không còn đất dụng võ, chỉ còn những ai giỏi lắm mới trụ lại được.

Nhiều người nhận định phong trào nhạc trẻ ở miền Nam trước 1975 gắn liền với chiến tranh và mang màu phản chiến. “Chiến tranh Việt Nam không những dài mà còn rất tàn khốc, làm con người mệt mỏi, chán

chường, dễ muốn trốn tránh vào các thú vui như ma túy, bài bạc, ăn diện bề ngoài và... nghe nhạc trẻ...”. Nói vậy chắc chỉ đúng một phần, và có phần đổ thừa cho chiến tranh. Bởi tuổi trẻ ở đâu và lúc nào mà không cần giải trí? Và tùy vào trình độ, điều kiện, hoàn cảnh..., mà giới trẻ tự chọn lấy thú vui giải trí cho mình, hoặc coi đó là một nghề sinh sống. Họ hoàn toàn không có lỗi gì...

Sau tháng Tư năm 1975 một thời gian, một số nhóm tụ họp lại, thành các ban Ca khúc Chính trị (phải gọi vậy mới được hoạt động!) Sao Sáng, SINCO, Đại Dương... Bắt đầu cuối thập niên 1980 vài ban nhạc ở Sài Gòn mới được chơi rock trở lại và chơi nhạc tự sáng tác, với Đen Trắng, Ba Con Mèo, Da Vàng, Buổi Sáng...

(Tổng hợp từ Internet)

Một hôm, P. chạy đến nhà tôi, nhăn nhó:

– Chú phải giúp cháu.

– Chuyện gì nữa?

Thì ra N. có cô em ruột tên M., bấy lâu học trường Couvent trên Đà Lạt. Nghỉ hè cô em về thăm nhà, P. gặp, choáng váng mặt mày vì M. cực đẹp, da trắng hồng, môi đỏ như son. Hấn bèn... nhào vô tán tỉnh, ngó bộ M. cũng xiêu lòng nhưng còn kệt cô chị lâu nay hấn đang bu không biết tính sao. Hấn tỉnh bơ:

– Chú lo cho N. giùm cháu!

– Sao mày không nhờ thằng khác?

– Tại trong đám bạn, cháu thấy N. chỉ quý chú... Chú quan tâm lo giùm cháu, làm bạn cho N. đỡ buồn.

Bó tay!

Thật sự đúng là N. quý tôi thật. Dù là bạn P., nhưng N. vẫn gọi tôi bằng anh. Ngoài P. ra, trong đám bạn N. chỉ thích nói chuyện với tôi, có lẽ nhờ kinh nghiệm mười mấy năm chuyên trò chuyện với bạn gái của tôi. Tôi phải nhào vô N., cho P. rảnh tay quay qua M. Không ngờ N. rất thích đi cà phê với tôi. Haha lúc đó tôi đã nghĩ biết chừng đâu r ồi P. sẽ phải kêu N. bằng “thím” cho đáng đời nó!

Lúc đó tôi vừa lên năm thứ 3 trường luật, còn N. đã đậu Bac 2 (Tú tài Pháp), vào học Văn khoa khoa Pháp văn. Khi ấy có một đi học bài ở thư viện nên N. theo tôi và nhóm bạn trường Luật, trong đó có Việt – từng cùng tôi đi Long Hải gặp Q. – cũng là bạn của P., vào thư viện Trung tâm Văn hóa Pháp hoặc Viện Goethe học. Thật ra học hành là phụ, gặp gỡ cà phê cà pháo mới là chính. Lúc đó N. đã thích hút Dunhill xanh, hay ng ồi viết những câu vô nghĩa trên tờ giấy bạc lót trong gói thuốc thả qua tôi (vì trong thư viện cấm nói chuyện), đại loại như: “N. thấy anh đang ng ồi như con khỉ trên ngọn me ngoài kia!”, “Bu ồn ngủ quá! Tại sao phải ng ồi đây trong khi ngoài đường vui như vậy? Cà phê đi!”...

Sài Gòn lúc đó có những con đường cực đẹp. Như đường Lê Quý Đôn với hai hàng cây dầu rái, mỗi mùa đông khi có những cơn gió thổi mạnh qua, những trái dầu chín khô rời cành rơi xuống xoay tít bay bay trên không h ồi lâu trước khi tiếp đất... Đường Duy Tân “cây dài bóng mát”... Đường Pasteur và đường Trần Hoàng Quân (nay là Nguyễn Chí Thanh) với hai lối đi nhỏ hai bên dành cho xe hai bánh, ngăn giữa là hai hàng cây cao vút... Những con đường đương nhiên đẹp là những con đường người Pháp đã tr ồng để lại những hàng me cổ thụ: Nguyễn Du, Trần Quý Cáp (Võ Văn T ần), Tự Đức (Nguyễn Văn Thù), Phùng Khắc Khoan..., mà trong đó tôi chấm số 1 là đường Gia Long (Lý Tự Trọng) đoạn từ Hai Bà Trưng tới Cường Để (Tôn Đức Thắng) với hai hàng me giao nhau trên cao thành mái vòm xanh ngắt rất đẹp, xa xa cuối đường dưới vòm me thấp

thoáng là những ô cửa sổ trắng toát của Đại chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn.

Có lần đang đi N. kéo tôi đứng lại chỉ lên những trái me lóa vàng vì nắng:

– Đẹp quá! Anh hái cho N. mấy trái me vàng đó đi!

Một ước muốn lãng mạn, nhưng tôi vẫn cố chịu. Nhớ mình có người bạn nhà ở hẻm đường Nguyễn Huệ (nay là Thích Quảng Đức) – Phú Nhuận. Nhiều nhà trong xóm đó có nghề làm mứt me, me ngào đường, me dầm cam thảo, nên xóm đó được gọi luôn là Xóm Me... Biết họ được thâu hái me trên một số đường ở Sài Gòn, tôi mò đến, đặt hàng, rồi vác đến nhà N. cả một nhánh me to tướng chặt từ trên cây, tươi rói, lúc lỉu trái. N. rất xúc động nhưng cũng làm bộ la làng:

– Đâu phải me vàng đâu!

Mà quả thật những trái me khi bị chặt xuống chỉ mang màu nâu đất thô kệch. Mới hay có những thứ chỉ đẹp khi nhìn từ xa!

Hai đứa hay vào Bệnh viện Grall ng ồi... ôm nhau trên ghế đá, chỗ vắng người gần ngôi nhà thờ nhỏ. Có lần đi ngang bãi cỏ xanh mướt mát rượi phía sau nhà thờ, N. rủ tôi tới ng ồi trên cỏ dưới một gốc cây điệp, rồi N. nằm xuống gối đầu lên đùi tôi, nhắm mắt... ngủ. Một bà đầm đi qua nhìn thấy bèn đứng lại cự nự um sùm bằng tiếng Pháp, có vẻ rất thô bạo. N. dùng tiếng Pháp cự lại làm bà ngẩn người, rồi em cười ha hả kéo tay tôi bỏ chạy.

N. là vậy...

Đang từ chơi với Q., một người vô cùng chần chu, ngăn nắp, đâu ra đó, cẩn trọng từng lời ăn tiếng nói cho tới từng trang phục ra đường luôn sạch sẽ thẳng thớm, đúng giờ hẹn tới từng phút, không bao giờ bộp lộ cử chỉ thân mật nơi công cộng, không bao giờ cùng tôi ăn uống ngoài đường

ngoài xá..., thì N. là một mẫu người khác hẳn. Con nhà giàu nhưng N. luôn quần áo lè phè, kiểu ăn mặc của bọn con trai, thích uống cà phê, hút thuốc, chân dài thòn mà đi xe đạp mini, dang nắng đen thui... Đó là về hình thức. Còn tính tình, N. sống thoải mái, cười nói vô tư, ng ồi đâu ăn gì cũng được (chỉ khác người một điểm duy nhất là hoàn toàn không ăn được nước mắm), chẳng cần quy tắc. Cứ lên ng ồi sau xe là ôm eo, đi bộ cũng quàng vai bá cổ, cảm thấy thương thương là ch ồm tới mi má. N. có cách mi thật điệu nghệ, ấn môi vào r ồi khi rời ra thì nghe một cái “chóc” thật sượng tai, N. tập cho tôi hoài mà tôi vẫn không làm được.

Mùa hè, có N. làm bạn thật thích vì hai đứa cùng rảnh. Tôi hay hẹn N. ở kiosque sách báo nước ngoài đường Nguyễn Huệ gần ngã tư Lê Lợi. N. ng ồi xích lô tới, r ồi tôi chở N. đi chơi...

Ăn trưa thì có mấy khu quán bán đồ ăn Bắc trong hẻm bên cạnh rạp Casino Saigon (bánh tôm cực ngon, hơn cả bánh tôm Hồ Tây tôi ăn ở Hà Nội sau 1975), khu quán trong hẻm thông từ Nguyễn Huệ ra Tự Do (Đ ồng Khởi) gần đường Nguyễn Thiệp (trong hẻm này còn có tiệm bán tem Le Mirador, một trong hai tiệm bán tem sưu t ầm nổi tiếng – tiệm kia là Chez Joseph trong thương xá Eden – mà dân chơi tem nào ở Sài Gòn cũng biết). Hàng quán trong hai khu này giá cả bình dân, dễ chịu.

Chiều thì thường về ăn cơm nhà, nhưng thỉnh thoảng N. hứng thì ra góc Ngã tư Pasteur – Lê Lợi đứng ăn vài xâu phá lấu khìa và uống ly nước mía Viễn Đông, vừa ăn vừa cười nói vô tư.

Thầy tôi luôn dạy đám con trai, đi chơi với gái thì mình phải trả tiền, không có tiền trong túi không đi. N. luôn có tiền sẵn, hay giành trả với tôi nhưng tôi nhất định không chịu. N. nói vậy không đi ăn với tôi nữa, bạn bè phải chơi sòng phẳng mới bền. Tôi đành chịu thua.

N. thích ra ng ồi ở quán café Imperial trên đường Tự Do gần ngã tư Nguyễn Văn Thinh (nay là Mạc Thị Bưởi). Lúc đó Nestcafe lần đầu tiên tung ra loại café soluble (café sấy khô pha với nước nóng, kiểu như instant coffee bây giờ), chỉ ở Imperial mới có, pha với sữa bột uống ngon lắm, N. rất thích. R ồi La Pagode góc ngã tư Tự Do – Lê Thánh Tôn, hoặc Brodard góc Tự Do – Nguyễn Thiệp, vì hai nơi này có máy jukebox, cứ bỏ đồng bạc 5 đồng hình bông mai vào bấm nút chọn là nghe được một bài nhạc yêu thích, thường là nhạc Pháp (tôi né Givral vì chỗ này mấy ông nhà báo hay ng ồi, nhiều ông biết tôi là con ai, tự thấy nên cẩn thận kéo tiếng lành đồn xa tới tai mẹ tôi mất công bà lo). Bỏ chừng 50 đồng, hai đứa vừa nghe nhạc vừa nói với nhau đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Cái miệng N. lúc nói chuyện và lúc cười mỉm rất có duyên, tôi nhìn mê mết đủ no.

Lúc đó dân sinh viên có một khu cà phê riêng trên đường Nguyễn Du, đoạn từ Lê Văn Hưu đến Chu Mạnh Trinh, buổi tối đặc biệt tấp nập. Quán nào cũng nhạc hay, cà phê ngon, bảo đảm uống một ly đủ thức tới sáng để “gạo” bài. Các thức uống khác cũng phong phú, có yaourt cocktail trái cây, đá chanh xí muối xi-rô cực ngon... Ng ồi chơi tới khoảng 10 giờ đêm về nhà học bài là vừa.

Lúc đó dân sinh viên ít tiền thường không có nhiều sự lựa chọn cho bữa điểm tâm. Trước cửa Bưu điện Sài Gòn ở Công trường Hòa Bình hai bên có hai kiosque chuyên bán bánh mì. Quán nổi tiếng hơn là quán Hương Lan (Nguyễn Văn Ng ải) bên tay trái từ ngoài nhìn vào, có bán bánh mì có kẹp pate jambon xúc xích, bánh croissant, bánh pate chaud... Nhưng ngon nhất của quán này là bánh mì gà quay xé nhỏ, phết sốt mayonnaise. Bánh ngon, giá rẻ, giới sinh viên học sinh và công chức trẻ thường ghé mua ăn sáng. Thậm chí có thể ngồi tại chỗ trên những bộ bàn ghế gỗ thấp, vừa ăn vừa uống cà phê sữa. Tôi và N. hay ngồi đó ăn sáng. Sở thích ăn bánh sừng trâu (croissant) chấm cà phê sữa tôi học từ N. vẫn còn mãi đến giờ.



Kiosque bánh mì Hương Lan trước Bưu điện Sài Gòn, năm 1973.

– Ảnh: Internet

Lúc đầu tôi không hiểu tại sao N. cứ thích lang thang ngoài đường như vậy, mãi sau mới biết em có nỗi buồn riêng của một đứa con gái cảm thấy rất rõ sự thiên vị trọng nam khinh nữ của cha mẹ mình, khi dành hết tình thương cho ông anh trai – đã được sớm cho đi du học Thụy Sĩ! Qua trường hợp của bà chị, N. thấy dường như quan niệm của ba mẹ chỉ là nuôi con gái cho lớn lên là nhờ mai mối gả đi lấy chồng, trong nhờ đục chịu. Em luôn cảm thấy buồn chán là vì vậy.

Đang chơi với thằng cháu rỗi chuyện qua cặp thằng chú, N. vẫn tỉnh bơ với bạn bè tôi. Phần tôi thì ban đầu chỉ ngỡ mình sẽ làm “Lê Lai cứu cháu”, không ngờ càng ngày càng lạm N., ngày nào không gặp là cảm thấy khó chịu không sao tả nổi. Cứ sáng là tôi đón N. đi ăn sáng, uống cà phê, đi học... Trưa em về nhà ăn cơm, chiều tôi lại đón đưa tiếp... Tính tình N. khác nhiều các cô gái lúc bấy giờ. Em không se sua chừng diện, không son phấn, móng tay móng chân luôn cắt sát (duy nhất em thích dầu thơm Bien Être mát dịu, vậy thôi), ăn nói thẳng thắn, không chút màu mè... Không hiểu sao đó lại là những tính cách tôi rất thích ở người nữ.

Hồi xưa con trai trong giới sinh viên rất trân quý bạn gái của mình. Đối xử rất... trong vòng lễ giáo, tôn trọng và chịu đựng đúng mực.

Có một lần tôi cũng dự được N. ngủ trưa với mình, nhân bà chị đi đâu vắng nhờ tôi giữ nhà.

Và tôi cứ thế ngỡ nhìn N. ngủ. Thấy hạnh phúc.

Và N. cứ thế nhắm mắt một lúc.

Giờ nghĩ lại, tôi tin lúc ấy em không hề ngủ! Đúng là tôi ngu lâu! (Hồi đó mà quý như bây giờ thì chắc mọi chuyện đã khác hết).

Đầu năm 1973, Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27-1, là một thắng lợi quyết định của miền Bắc. Ngày 29-3-1973, quân nhân Mỹ cuối cùng rời Việt Nam, chấm dứt mọi can thiệp quân sự trực tiếp của Hoa Kỳ với Việt Nam, chỉ còn duy trì viện trợ và cố vấn quân sự. Từ thời điểm này, tuy vẫn nhận viện trợ quân sự và kinh tế từ Hoa Kỳ, nhưng Quân lực VNCH phải đơn phương trực tiếp đánh nhau với quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, có cả sự tham dự sau lưng của quân miền Bắc.

Tình hình chỉ êm đềm được trong một thời gian ngắn, rồi chiến tranh lại quay lại, ngày càng ác liệt, bản Hiệp định như một tờ giấy lộn chỉ để quân Mỹ rút lui trong danh dự!

Giới nghiêm, pháo kích, tin chiến sự chiếm lĩnh hết mặt trang 1 các tờ báo, tối nằm ngủ đôi khi vẫn nghe tiếng đại bác vọng về từ xa... Khi mà bạn bè mỗi ngày còn được gặp nhau đã là một niềm hạnh phúc... Không hiểu tại sao lúc đó tôi vẫn hay đùa, dọa N. là sau này chắc chắn tôi sẽ là Tổng trưởng Bộ Văn hóa, liệu mà chăm sóc cho tôi từ giờ!

Tôi đậu Cử nhân rồi lên học tiếp Cao học Công pháp Luật, rồi cùng lúc thi vào Cao học Tài chánh Quốc gia Hành chánh, luôn có N. ủng hộ. Tôi đi học thư viện, luôn có em bên cạnh. Tôi vào quân trường học quân sự một tháng, em cũng đi thăm. Một chuyện tình trong trẻo và nhẹ nhàng, trong

thời chiến tranh, như lời thư 41 năm sau em viết cho tôi: “Em chưa thấy có cuộc tình nào dễ thương, trong trẻo và nhẹ nhàng như thế, dù có chia tay, có xa cách vì chiến tranh. Tiếng Tây người ta nói ‘un peu de douceur dans un monde de brute’ (Một chút nhẹ nhàng trong một thế giới bạo tàn). Em vẫn thương mỗi tình đó...”. Tôi nhớ N. rất lâu có lẽ vì vậy, vì những ngày cuối bên nhau của chúng tôi cũng là những ngày hấp hối của cái chế độ mà chúng tôi đang sống. Hối hộp và lo âu, hoang mang và bế tắc. Có những buổi cà phê, chúng tôi chỉ im lặng nhìn nhau, điều thuốc không ngừng cháy trên tay. Cháy tan thành tro, như tuổi trẻ của chúng tôi...

Tháng 8-1973, đang nghỉ học ở thư viện Viện Goethe, N. rủ tôi đi ra mua thuốc hút. Hai đứa đang tung tăng nắm tay bước trên lề đường thì một chiếc xe Yamaha Dame màu xanh trông rất quen cặp vào!

Chính là Q.!

Q. về nghỉ hè hoàn toàn không báo trước, định tạo bất ngờ cho tôi. Và thực sự Q. cũng đã được “báo cáo” ít nhiều về một cô gái khác gần đây thường xuất hiện khá là thân mật bên tôi. Thư từ qua lại giữa tôi và Q. lúc ấy vẫn đều đặn hàng tuần, vẫn thương thương nhớ nhớ – thật sự tôi vẫn còn yêu Q.! – làm sao em có thể ngờ sẽ gặp lại tôi trong cảnh bẽ bàng như vậy! Mặt xanh mét vì giận, Q. chào tôi, cho biết vừa về tới là tới ngay Viện Goethe để tìm tôi, nay đã biết sự thật, chúc tôi hạnh phúc... Chiếc xe rồ ga chạy vù đi không để tôi kịp nói một lời nào!

Không một lời giải thích nào của tôi mà Q. chịu nghe, không một lời xin gặp nào của tôi mà Q. chấp nhận. Cả hai đứa cùng tự ái khủng khiếp, nhất là sau đó, khi tình cờ tôi và N. đi party ở nhà một người bạn, lại gặp Q. đi cùng với K., người bạn trai cũng đang học bên Thụy Sĩ theo đuổi Q. suốt từ lúc Q. mới sang nhưng không được. Thấy tôi và N., Q. chủ động ra piste nhảy slow mùi với K. ngay trước mặt tôi. Tôi cũng lập tức ôm N. cứng ngắt chứ đâu chịu thua.

Q. trở về Thụy Sĩ lại, chấm dứt những lá thư qua lại.

Đầu năm 1975...

Quân Giải phóng đã dễ dàng chiếm được tỉnh Bình Long, chỉ sau vài ngày, đi đâu mà ba năm trước họ không thể làm sau suốt hai tháng. Người có tiền và nhìn xa trông rộng ở Sài Gòn bắt đầu tìm cách đưa con cái ra nước ngoài. Tôi chở N. chạy suốt ngày ngoài đường đi lo giấy tờ du học cấp tốc cho em, cũng Thụy Sĩ như ông anh.

Ngày 14-3-1975, ba ngày sau khi Ban Mê Thuột bị thất thủ, tôi được cùng đi ăn bữa cuối với gia đình N. ở quán thịt rừng nổi tiếng tận Phú Lâm rồi đưa N. ra sân bay Tân Sơn Nhất, tới tận chân cầu thang chiếc Boeing của hãng Air France. Khi tiễn biệt, em cảm ơn tôi đã “gồng gánh” suốt hai năm qua, đưa tặng tôi một gói quà rồi hôn môi tôi lần cuối thật nhanh. Dù cả hai chúng tôi đều ý thức rõ có thể đó là lần cuối hai đứa gặp nhau, tôi vẫn cố nói đùa khi thấy mắt em đỏ rưng rưng:

– Anh thành thật mong em sẽ trở về để còn làm bà Tổng trưởng...

Món quà là một bức tranh chân dung tôi do em vẽ tặng, một phong thư nhỏ xíu lần đầu tiên nói lời yêu tôi, một tờ giấy có chép bài *Rồi mai đây* Trường Kỳ đặt lời Việt từ *Lo mucho que te quiero* của Pedro Fernandez:

Rồi mai đây khi mình xa nhau, nhớ đến nhau hoài

Rồi mai đây khi tình bay xa, nhớ đến hôm nào

Còn mãi mãi những gì mình cất chứa trong lòng

Còn cho nhau chút dư hương

Đừng tiếc nhau gì vẫn vương. Mình xa nhau xin đừng quên nhau, nhớ đến nhau hoài

Mình xa nhau xin đừng quên mau, nắng sẽ phai màu

Đừng khóc nữa gió buồn vì mắt ướt hoen rồi

Đừng cho nhau tiếng than van

Đừng nói nên lời khóc than. Ngày xa nhau mưa buồn giăng mau, cất bước âu sầu

Ngày xa nhau tâm hồn thương đau, khói thuốc không màu

Mình nhớ mãi chuỗi ngày nào đó đã xa rồi

Mình chia tay gió bay bay

Còn đó khung trời xám mây. Rồi mai đây khi mình chia tay, nhớ đến hôm này

Rồi mai đây trong giờ chia ly, nhớ phút giây này

Hồn quyến luyến những gì mình cất chứa trong lòng

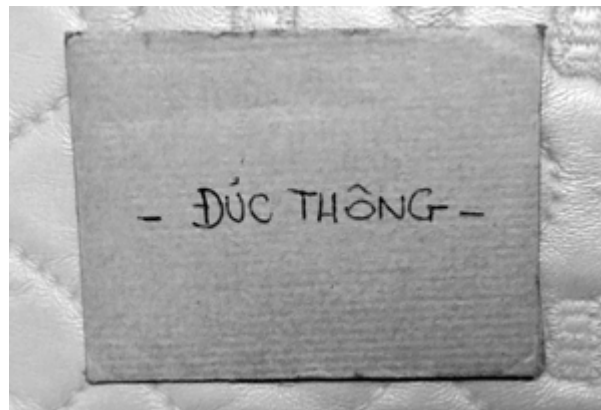
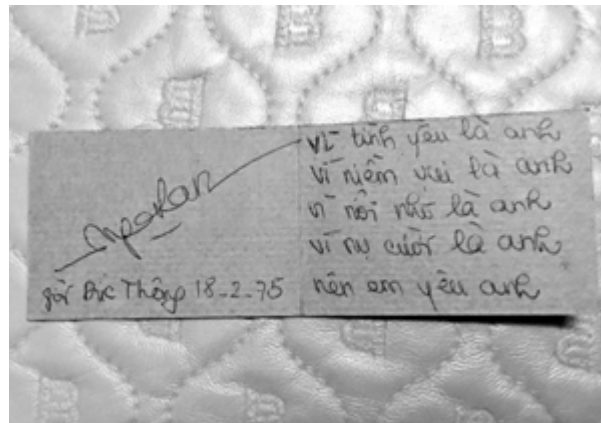
Đành xa nhau chớ đi mau

Sợ vỡ tan tình bấy lâu...

Kèm theo là một... cọc tiền, N. nói bỏ ống heo bấy lâu, đập ra gửi lại hết cho tôi, nói là đi qua đó không cần nữa, nhờ tôi giữ giùm mai một N. về dắt N. đi chơi. Mấy chục nghìn, lúc đó là một số tiền lớn, dư sức mua một chiếc xe gắn máy! Tôi cứ cột dây thun, để im trong hộp bàn.



N. vẽ chân dung tôi, ngày 5-4-1973. Em có nhiều tài.



Thư N. để lại trước ngày đi.

Nhưng có một vật trong gói quà đã làm tôi “đứng hình” một lúc lâu. Một phong thư nhỏ xíu màu xanh lá, trong có cái thiệp nhỏ gấp đôi, N. đã viết từ ngày 18-2 khi biết hồ sơ xin đi du học của mình đã được duyệt:

Vì tình yêu là anh

Vì niềm vui là anh

Vì nỗi nhớ là anh

Vì nụ cười là anh

Nên em yêu anh

Đó là lần đầu tiên và cũng là cuối cùng N. nói lời yêu tôi!

Rồi 30-4...

20-7-1975, tôi thoát ly gia đình đi TNXP xa nhà suốt mấy năm.

Trước khi đi, tôi cần cộc tiêng tới thăm mẹ của N. (lúc đó chưa đổi tiêng) và đưa trả cho bà. Bà ngạc nhiên, nhìn sững tôi...

Tôi đứt liên lạc với Q. và N. từ đó. Lá thư cuối tôi nhận được từ Q. là mấy dòng em viết vội gửi về từ Mỹ: “Anh, tìm mọi cách về quê sum họp với gia đình em đi. Nhà em chỉ cần thêm cái chén, đôi đũa thôi mà. Nhà em chờ anh...”.

Rõ ràng là Q. xúi tôi vượt biên qua đó với em.

Nghĩ từ đây đã cách xa nghìn trùng không mong gì gặp lại và việc gửi thư ra nước ngoài lúc đó rất nhiều khê, không muốn làm bận lòng Q. nữa, tôi cẩn rằng không hễ âm lá thư đó. Sau đó, năm 1979, tôi lập gia đình với C., một đồng đội TNXP, khi tôi vừa về làm báo *Tuổi Trẻ*. Chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, tôi lại vào lính (lúc đó tôi đã 28 tuổi, quá già, nhưng vì một lý do khá khác thường mà phải đi bộ đội, sẽ kể sau), sang Campuchia. Năm 1981, tôi từ bộ đội về lại báo *Tuổi Trẻ*, có viết cho Q. để thông báo về công việc và địa chỉ mới của mình, nhưng không hề nhận được thư trả lời...

Năm 1998, sau 23 năm, N. từ Thụy Sĩ về thăm tôi, dắt theo đứa con gái. Chỉ để biết tôi sống như thế nào, có ổn không. Riêng em đã có hai con, một trai một gái, chông làm việc ở ngân hàng.

Thật ra sách vở đã viết nhiều về những cuộc trở về tìm gặp người xưa sau nhiều năm không gặp, thường là để xóa đi một nỗi ám ảnh cứ đeo đẳng khôn nguôi. Chỉ khi gặp xong mới yên tâm sống tiếp cuộc đời riêng của mình. N. cũng vậy mà Q. rồi cũng vậy.

N. yên tâm khi biết tôi cũng đã có vợ con, công việc ổn định. Hai đứa trở lại café Brodard trong một buổi chiều. Quán không còn máy jukebox,

máy lạnh cũng không. Bàn ghế thì xập xệ, cũ mèm, cửa kính hoen ố, trần nhà đôi chỗ mất những tấm ốp phô ra các khung gỗ... Người xưa thì đầu đã già...

N. hai lần hỏi tôi có khó khăn gì không, có cần N. giúp gì, bạn thân lắm có gì cứ nói. Trong ánh chiều tà nhạt nắng, nhìn ra cửa kính cũng vẫn dòng xe nối nhau lướt qua, mọi thứ như không có gì thay đổi sau 23 năm. Chỉ có hai đứa tôi nhìn nhau bùi ngùi...

Khi chia tay ở Brodard, N. có cho tôi địa chỉ ở Geneve, cả số điện thoại. Nhưng tôi thấy N. đã có một cuộc đời riêng, ổn định, hạnh phúc, nên không liên lạc nữa. Thời gian sau, dọn nhà, tờ giấy ghi địa chỉ đã thất lạc đâu mất.

Một năm sau, đầu năm 1999, tôi đang nghỉ làm việc ở tòa soạn thì nhận được một cú điện thoại:

– Anh Thông hả? Biết ai đây không?

– ...

– Ngọc đây!

– Xin lỗi, Ngọc nào?

– Ngọc em Q. đây!

Thì ra Ngọc từ Mỹ về thăm nhà, hỏi thăm bạn bè mới biết tôi giờ làm việc ở báo *Tuổi Trẻ*. Tôi mừng rỡ chạy đến khách sạn thăm Ngọc, lúc đó mới hay Q. đã lập gia đình với K. và sang Mỹ đoàn tụ với cha mẹ vượt biên qua, từ năm 1980. Thảo nào thư tôi gửi qua Thụy Sĩ không hề được hồi âm. Ngọc nói bạn bè cho biết tôi giờ đã là nhà văn, vậy có sách gì tặng Ngọc và Q. không. Tôi tặng ngay hai em vài cuốn sách của mình.

Từ Mỹ, Q. mừng rỡ gọi ngay về cho tôi. Rồi email qua lại. Q. nói sẽ thu xếp để về Việt Nam thăm tôi vào cuối năm. Em có một con gái, sinh cùng năm với con gái tôi. Tôi bần thần khi được Q. cho biết trước khi lập gia

đình, em đã nhờ người chị làm việc tại trụ sở Liên Hợp Quốc tra hết danh sách người Việt Nam tới Mỹ sau tháng 4-1975 hoặc đang ở các trại tị nạn khắp nơi trên thế giới để lòng tìm tên tôi, nhưng không có. Lúc đó Q. mới quyết định lấy K.

Một giờ sáng ngày 18-12-1999 (lại cũng là một ngày 18!), Q. đáp xuống Tân Sơn Nhứt với một bà bạn người Mỹ. Từ thật xa, tôi đã nhận ra Q. Em gần như không nhiều thay đổi. Tôi trao bó hoa cho Q. Hai đứa ôm nhau rưng rưng... Mới đó mà đã 26 năm!

Từ đó, cứ hai, ba năm, Q. lại về thăm Việt Nam một lần, khi thì với chồng, con, khi với bạn bè. Luôn luôn có gia đình tôi tiếp đón. Tôi đi Mỹ vài lần, cũng đều có ghé nhà Q. Quê bói MACHISTAPO dường như đã chính xác với tôi và em.

Về N. thì sau chuyến về năm 1998, hai đứa lại mất nhau hơn 18 năm!

Mãi đến đầu năm 2016, nhờ Facebook, tôi mới tìm lại được N., qua một cô bạn từ Pháp tự dưng add friend để vào giúp chương trình Moto Học bổng. N. là bạn học của cô ấy từ trường Couvent des Oiseaux, cũng là bạn trên Facebook, nên thấy thông tin về tôi.

Tháng 3-2016, N. lại về

Tôi ra sân bay đón em.

Như đón một người thân của mình...

Còn vài câu chuyện tình lâm ly gay cấn nữa, xin được để dành... chết xong sẽ kể.

[72] Tập 5 trong bộ phim 5 tập về nữ hoàng Angélique rất nổi tiếng của điện ảnh Pháp trong các năm 1964 – 1968, đạo diễn Bernard Borderie, với cặp tài tử lừng danh Michèle Mercier và Robert Hossein.

[73] Lúc đó tôi đang đeo một chiếc Bulova của Thụy Sĩ, do anh Trạch đi học ở Okinawa về cho, vậy mà tay quản lý dám chê là đồng hồ xì-cút! (tiếng lóng lúc bấy giờ, có nghĩa “đồ dỏm”).

[74] Ngồi chịu trận chờ người đem tiền tới.

[75] Năm 1965, xe gắn máy Honda C50 tức Cub 50cc (CUB: Cheap Urban Bike – Xe đô thị giá rẻ) là hiệu xe đầu tiên của Nhật được nhập vào Việt Nam, đợt đầu tiên ưu tiên bán giá rẻ cho lính, nên được gọi là xe Honda Quân tiếp vụ. Bà chị tôi đang là nữ quân nhân thông dịch viên ở Nha Trang, nên được mua một chiếc. Tiếp theo đó, các hiệu xe gắn máy Nhật (Suzuki, Yamaha, Kawasaki, Bridgestone...) tràn vào, giết chết cấp kỳ những Goebel, Brummy, Ischia (cùng dòng máy Sachs của Đức), Puch (Áo), Mobylette, Velo Solex (Pháp)... Ông Đặng Đình Đáng, một nhà buôn vừa nhập cảng hàng ngàn xe Puch, đã bị phá sản, tự tử chết (1966).

Năm 1972, tôi và Việt (Năm Le) – một đứa bạn thân ở lô E trong cư xá, chơi trống và organ cho các ban nhạc trẻ – hay chở nhau đi coi xi-nê phim permanent (chiếu thường trực không theo suất, không có số ghế, ai muốn vô ra lúc nào cũng được) ở rạp Vĩnh Lợi đường Lê Lợi, một rạp bình dân ghế gỗ quạt máy, chuyên chiếu lại phim cũ. Thấy chiếc xe của mình quá tàn, chắc không ai thèm lấy, tôi hay quăng đại xe trên lề đường trước rạp, khóa cổ chứ không cần gởi. Coi được vài lần càng ý y. Một hôm, coi xong ra (tôi còn nhớ hôm đó là phim A Tout Coeur à Tokyo – Với tất cả trái tim ở Tokyo – một phim trong loạt về điệp viên OSS.117 của Pháp, với đạo diễn André Hunebelle và nam tài tử Frederick Stafford. Phim làm năm 1966 mà năm 1972 chúng tôi đi coi lại, vẫn còn được coi là mới!), chiếc xe đã không cánh mà bay! Tôi tiếc ngẩn ngơ mất mấy ngày, sau đó đi mua một chiếc Honda Super 90 chạy cho tới ngày 30-4-1975.

[76] Theo kiểu bói này, thứ tự 10 chữ cái như sau: 1. **M** (Mariage): Cưới hỏi. 2. **A** (Amie): Tình bạn. 3. **C** (Caresse): Vuốt ve. 4. **H** (Hate): Ghét. 5. **I** (Indifference): Lạnh lùng. 6. **S** (Souffance): Đau khổ. 7. **T** (Tenderesse): Dịu dàng. 8. **A** (Amour): Tình yêu. 9. **P** (Passion): Đam mê. 10. **O** (Oublie): Quên lãng. Để bói, lấy họ tên của hai người, gạch bỏ những chữ cái giống nhau, rồi cộng những chữ cái không bị gạch ra con số muốn bói. Chẳng hạn, con số đó là 4, có nghĩa là hai người sẽ... ghét nhau.

[77] Em hỏi anh có khi nào sẽ tới lúc anh cảm thấy chán em. Không bao giờ đâu em yêu. Em tự hỏi trái tim anh liệu rồi sẽ đánh mất niềm khao khát em. Không bao giờ đâu em yêu. Đi đâu gì làm em nghĩ tình yêu sẽ chấm dứt, khi em biết rằng cả cuộc đời anh lệ thuộc vào em. Không bao giờ đâu em yêu. Em nói em sợ anh thay đổi suy nghĩ của mình, và anh sẽ không cần đến em nữa. Không bao giờ đâu em yêu. Làm sao mà em có thể nghĩ tình yêu sẽ chấm dứt, khi anh đã hỏi xin em cho anh được chung sống trọn đời. Không bao giờ đâu em yêu...

[78] Nữ vương Thế giới, một trường thuộc nhà thờ, dạy chương trình Pháp, còn có tên là Couvent des Oiseaux. Trường ở góc đường Công Lý – Phan Thanh Giản (nay là trường Lê Thị Hồng Gấm ở góc Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Điện Biên Phủ). Sài Gòn còn một trường nữ nhà dòng nữa là Regina Pacis (Nữ vương Hòa bình) nằm ở góc Bà huyện Thanh Quan – Tú Xương, nay là trường Đại học Sài Gòn (Cơ sở 1).

CHƯƠNG 4

Là Thanh Niên Xung Phong...

Trước ngày 30-4-1975, tôi đang cùng lúc là sinh viên của ba trường: Cao học năm 2 (năm cuối, sắp ra trường) Tài chính Khóa 9 Học viện Quốc gia Hành chính (QGHC), Cao học năm 2 (năm cuối, sắp ra trường) ban Công pháp Đại học Luật khoa Sài Gòn và Cử nhân năm 2 (còn 2 năm) Anh văn Đại học Văn khoa. Vì sao ngày 20-7-1975, không ai ép buộc, tôi lại bỏ tất cả để thoát ly gia đình tình nguyện vào Lực lượng TNXP TP.HCM?

Trả lời câu hỏi này là cả một câu chuyện dài.



Một trung đội TNXP vừa hoàn thành một đoạn kênh tại Củ Chi, năm 1977.

– Ảnh: Internet

1. Lên đường

hoảng mười ngày sau ngày giải phóng, sinh viên các trường đại học ở Sài Gòn được triệu tập vào trường đăng ký sinh hoạt (thiệt tình lúc đó nghe “đăng ký sinh hoạt” không ai hiểu gì hết!). Tôi học ba trường, **K** nhưng trường chính là Học viện QGHC, nơi tôi vừa đi học vừa được trả lương như một công chức hạng A ngạch tập sự. Tôi vào trường ghi tên và được thông báo phải đến nghe cán bộ cách mạng nói chuyện với sinh viên toàn trường vào sáng Thứ hai đầu tuần sau. Dù tự hiểu con đường quan lộ của mỗi người coi như chấm dứt từ ngày chế độ miền Nam sụp đổ, hầu hết sinh viên cao học và đốc sự chưa bỏ chạy đầu đến dự cuộc họp này, đa số do tò mò muốn xem thử mặt mũi các ông Việt Cộng thế nào, ăn nói ra sao, số phận sắp tới của mình đi về đâu... Một số cũng sợ nếu không đến không biết chuyện gì sẽ xảy ra với mình, do câu cuối của bảng thông báo: “Ai không đến sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước chính quyền cách mạng!”. Tâm lý lúc đó ai cũng sợ Việt Cộng sẽ “tắm máu”, trả thù như những lời đồn đại.

Ban tuyên huấn của Ủy ban quân quản Sài Gòn – Gia Định là đơn vị vào tiếp quản Học viện QGHC, và tôi nhớ như in người cán bộ nói chuyện hôm đó tên Hai Ngọc. Với màu da xanh tái, dáng người gầy gò khắc khổ, đôi mắt sáng và cách nói chuyện tự tin, lưu loát, đanh thép..., ông Hai Ngọc đã làm cả hội trường choáng người khi nói “các anh phải mừng là cách mạng đã thành công sớm, khi các anh vẫn còn đang là sinh viên dưới ngôi trường chuyên đào tạo cán bộ cao cấp nguy quyền này. Nhờ vậy các anh mới được coi như chưa có tội. Tuy nhiên, theo tôi, dù chưa ra làm việc, các anh vẫn như những người đang “mài kiếm dưới trăng”^[79] chờ ngày ra tay. Với trình độ của mình, các anh nên tự suy nghĩ về những sai lầm đã qua của mỗi người khi chọn con đường phục vụ nguy quyền, làm tay sai đế quốc Mỹ, trong khi bao người trẻ đồng trang lứa xuống đường đấu tranh và vào chiến khu chiến đấu cho độc lập tự do thống nhất... Trường này

đương nhiên giải thể, các anh được tự do về nhà, nên biết ơn chính quyền cách mạng về điều đó. Trở về địa phương, các anh nên tìm đường lao động chân chính để còn có cơ may hòa nhập vào xã hội mới. Hãy tự tìm hiểu và tự thay đổi. Đất nước từ nay thống nhất và dứt khoát đi lên chủ nghĩa xã hội, không có con đường nào khác. Không ai có thể cản trở dòng thác đó!...”.

Sau ông Hai Ngọc, là anh Út Mười Một^[80] rất đẹp trai, ăn nói lưu loát, nhẹ nhàng, thuyết phục. Bài giảng của anh về lịch sử Đảng rất hay, cho thấy vai trò quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc, và trong cuộc chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước.

Sau khi nộp lại đầy đủ tờ đăng ký các thông tin cá nhân để “tiện liên lạc khi cần thiết”, tất cả sinh viên được phép tan hàng, ai về nhà nấy. Có người trầm ngâm buồn bã tiếc công bao nhiêu năm ăn học ròng rã, có người mừng rỡ không bị bắt tội khác với tin đồn đã nghe trước đó. Tôi bước ra khỏi giảng đường, luyến tiếc dừng chân nơi hành lang, ngậm ngùi đứng nhìn ngôi trường lần cuối.

Đúng lúc đó (phải chi tôi dừng dừng chân để đi ngay vào bãi giữ xe, là có thể cuộc đời tôi đã khác hẳn), từ ngoài cổng trường, một chiếc Jeep A2 “chiến lợi phẩm” chạy vào, treo cờ Mặt trận Giải phóng, trên xe có mấy người mặc đồ bà ba đen, cổ quấn khăn rằn. Chiếc xe dừng lại ngay trước hội trường. Họ bước xuống xe, đi nhanh vào hành lang. Một trong số đó chợt đứng lại chăm chú nhìn tôi, rồi tiến đến, vỗn vĩa: “Thông! Phải Thông không?”.

Đó là anh P., bạn khá thân trong suốt bảy năm ở trường Trung học Pétrus Ký với anh Thạch, ông anh kế hơn tôi ba tuổi. Đậu Tú tài xong, anh tôi thi vào trường Sĩ quan Võ bị Đà Lạt, còn anh P. bỗng biến mất tăm. Thì ra sau những ngày xuống đường biểu tình chống Mỹ, anh P. lặn vào chiến

khu suốt mấy năm, nay trở về trong vai trò một cán bộ Trường Đoàn Lý Tự Trọng, đơn vị vừa được giao vào tiếp quản trường tôi để mở các lớp học cấp tốc cho thanh niên Sài Gòn hiểu biết về cách mạng.

Sau khi hỏi thăm về gia đình tôi và trường hợp của tôi, anh P. nói:

– Về nhà làm gì? Bọn anh đang rất cần người phụ giúp để tổ chức các khóa học. Có nhiều việc để làm lắm. Thông ở lại giúp anh đi.

Thật sự lúc đó tôi đang rất buồn chán. Bao nhiêu năm học hành coi như đổ sông đổ biển, hai ông anh là sĩ quan phải đi học tập cải tạo mịt mù, một cô bạn gái thân thiết (là N.) vừa ra đi... Trường QGHC và Đại học Luật khoa bị giải thể, về quanh quẩn trong nhà chắc không chịu nổi. Tôi gật đầu với ý nghĩ tìm việc gì làm cho đỡ buồn, nếu không thích thì biến, vậy thôi.

Anh P. đưa tôi vào làm... thư ký, ghi chép lời khai của các vị giáo sư Học viện hàng ngày phải vào trường ngó tường trình công việc của mình trong những năm làm việc với chính quyền miền Nam. Giáo sư Phan Tấn Chúc, một trong những ông thầy của tôi, gặp tôi liền... đứng dậy gật đầu chào: “Em mà cũng là cán bộ nằm vùng à? Giỏi thật!”. Có thể do hàng ngày tôi đã mang tiếng “dân chơi” trong trường, đi chiếc Honda S90 nổ máy ầm ầm, đeo kính Ray-Ban và ăn mặc bụi bặm không giống ai trong cái trường đào tạo công chức cao cấp tương lai này, nên từ các giáo sư cho đến bạn bè đầu nhìn tôi như một tên... hippy còn sót lại. Tên hippy đó mà được phe cách mạng nhận vào làm ngay thì chắc chỉ có thể là nằm vùng!

Bị giáo sư Chúc “chọc quê”, tôi xin anh P. cho làm công tác khác. Biết tôi đàn hát được, anh chuyển tôi về tổ sinh hoạt, khoảng chục người, chuyên hướng dẫn học viên hát ca khúc cách mạng và chơi các trò chơi tập thể. Tôi bắt đầu tiếp xúc với những *Tiến về Sài Gòn, Bão nổi lên rồi, Mỗi bước ta đi, Hành quân đêm, Tiếng chày trên sóc Bom Bo, Cô gái Sài Gòn đi tải đạn...* Thấy rõ âm nhạc quân Giải phóng thật mạnh mẽ, đa số theo

thể loại hành khúc, nội dung không có những tình cảm yêu đương với giai điệu bolero hay slow rock, boston... êm ái như trong âm nhạc miền Nam.

Cần đào tạo cấp tốc một lớp thanh niên để tham gia việc quản lý xã hội cho chế độ mới, hàng chục khóa học “thanh vận” đã được mở ra tại trường Đoàn, mỗi khóa chỉ trong khoảng mười ngày, quy tụ hàng ngàn thanh niên từ các quận, trường học trong thành phố. Các bài học căn bản về chủ nghĩa Cộng sản, đạo đức cách mạng, lịch sử Đảng, lịch sử Đoàn, tình hình và nhiệm vụ... được giảng dạy cấp tập. Cơ sở nước phục vụ luôn tại trường, do học viên tự chọn người nấu. Lần đầu tiên được tiếp xúc, tôi thấy công tác tổ chức của các anh Việt Cộng khá quy củ. Hay nhất là khả năng ứng biến linh hoạt do rút kinh nghiệm sửa đổi, cải tiến liên tục. Tổ sinh hoạt của tôi chỉ có 12 người mà còn được chia làm 4 tổ, mỗi tổ 3 người, gọi là “tổ tam tam”. Mỗi tối đầu có họp kiểm điểm công việc, nhận xét ưu khuyết điểm, phê bình góp ý từng người, phổ biến công tác hôm sau... Công việc nhờ vậy mà chạy hơn từng ngày.

Cán bộ giảng dạy ở Trường Đoàn hầu hết là dân sinh viên học sinh Sài Gòn trước đây, tham gia phong trào đấu tranh chống Mỹ rồi vào chiến khu. Số làm các công việc đơn giản như bảo vệ, hậu cần... đầu là dân du kích xuất thân nông dân, ít học. Ai cũng có bí danh riêng, ví dụ trong Ban giám hiệu có Năm B., Bảy P., Hai H., Sáu B. (bí danh của anh P)...

Được một thời gian, sau khi tổ chức xong khoảng 10 khóa đào tạo cấp tốc vài ngàn cán bộ thanh niên cho phường khóm, Trường Đoàn trả cơ sở lại cho trường Hành chính Trung ương để dọn về khu nhà số 129 đường Đinh Tiên Hoàng gần Lăng Ông Bà Chiểu, trước đây cũng là một cơ sở huấn luyện của Lực lượng Xây dựng nông thôn thuộc chính quyền cũ^[81]. Ở đây đến giữa tháng 7-1975, công việc giảm bớt và anh P. cũng đã chuyển công tác khác.

Một hôm tôi và một số anh em được Ban giám hiệu trường gọi lên:

– Công việc chúng ta đã giãn nhiều nên trường buộc phải giảm biên chế. Xin cảm ơn các anh chị. Các anh chị được chọn một trong hai con đường: 1. Trở về địa phương xin nhận việc ở Phường Đoàn, chúng tôi sẽ làm giấy giới thiệu, nhận hay không thì còn tùy nhu cầu địa phương. 2. Chuyển qua đi TNXP, một đơn vị mới được Thành Đoàn thành lập, từ Đội tự vệ vũ trang SVHS ra đời sau ngày 30-4-1975. Xin nói rõ đi TNXP là phải thoát ly hẳn gia đình, đi bất cứ nơi nào tổ chức phân công, trước mắt là đào kinh và khai hoang xây dựng các nông trường, vùng kinh tế mới ở các tỉnh xa, đưa bà con thành phố về lập nghiệp...

Tôi về nhà, nằm vắt tay lên trán suy nghĩ cả đêm.

Bao nhiêu năm học hành của tôi, coi như đổ sông đổ biển. Đại học Luật trên “con đường Duy Tân cây dài bóng mát” bị giải tán tức thì, do luật của chế độ tư bản không áp dụng được trong chế độ này, và chuyển thành Đại học Kinh tế. QGHC thì như ông Hai Ngọc nói, không bị bắt đi học tập cải tạo là may.

Hai người con gái tôi yêu thương đều đã đi nước ngoài, không còn hy vọng gặp lại.

Hai ông anh tôi, một người Đại úy một người Trung úy, đi học tập cải tạo từ ngày 11-6-1975 như mọi sĩ quan còn kẹt ở lại, giờ rõ ràng không biết ngày về, chứ không phải chỉ tập trung học 15 ngày như đã thông báo.

Thiệt là chán nản, bế tắc!

Tôi quyết định lên đường! Quảng đời mình vào một cuộc phiêu lưu đời 180 độ tự hành xác coi thử thế nào. Chứ ở Phường Đoàn tôi biết sẽ khó có chỗ cho mình, một người gia đình dính líu quá nhiều đến chế độ cũ, mà ở nhà đi ra đi vô chắc là chán chết. Có việc cần ra công an phường chứng giấy (thời ấy đi đâu ra khỏi thành phố cũng phải xin giấy phép của công an), tôi thấy rõ ánh mắt thiếu thiện cảm của họ dành cho mình. Có thể

các bạn khó hiểu được tâm lý của tôi lúc ấy. Như một người vừa trắng tay rời khỏi canh bạc đời, tôi bước vào TNXP như tự bịt mắt nhảy xuống vực thẳm bất cần chuyện gì sẽ xảy đến. Nói thiệt là vậy chứ lúc đó chẳng có lý tưởng gì ráo!

Sáng hôm sau, tôi vùng dậy, đến Trường Đoàn đăng ký đi TNXP. Thủ tục đơn giản. Trường cấp giấy chứng nhận công tác kèm giấy giới thiệu đến Ban chỉ huy Lực lượng TNXP Thành Đoàn^[82], ở 33 Hàng Thập Tự (nay là Nguyễn Thị Minh Khai), ngay ngã tư Hai Bà Trưng. Dem theo đồ đạc cá nhân, đến trình diện là đi ngay.

Tôi nói với thầy mẹ là tôi sẽ đi TNXP, có thể phải xa nhà một thời gian. Mẹ tôi có vẻ lo lắng vì trong bốn thằng con trai, tôi là đứa yếu đuối nhất, từ nhỏ đã bị bệnh suyễn, có những khi lên cơn phải ngửa ngửa mới thở được. Nhưng rồi bà thở dài, nói thôi thì thế sự đã tan nát, con cứ làm theo những gì con thấy tốt nhất cho mình, cứ đi rồi nếu không chịu đựng nổi thì về với mẹ.

Hôm sau tôi chạy chiếc xe Honda S90 màu xanh cobalt ra một tiệm mua bán xe ở đường Võ Tánh (nay là Hoàng Văn Thụ) Phú Nhuận, gần cổng xe lửa số 7, bán được đúng 70 đồng tiền mới. Cần tiền, tôi đi xe ôm ra Chợ Dân Sinh ở Quận 1, mua một cái võng, một ba-lô, một bi-đông nước, một con dao găm, một bộ đồ bà ba đen..., tất cả đều là của... lính Mỹ! (riêng bộ bà ba đen, tôi mua nhảm đồ phục của Lực lượng Xây dựng nông thôn thuộc Bộ Thông tin Dân vận và Chiêu hồi! Bị quý “đồng chí” phê bình, tôi phải bỏ ngay). Về nhà, bỏ ít quần áo vào ba-lô, tôi đến trình diện Lực lượng TNXP Thành Đoàn và được đưa về Đại đội 3, đại đội sau cùng của ba đại đội đầu tiên.

Đó là ngày 20-7-1975...

2. Đi bất cứ nơi đâu khi Tổ quốc đang cần...

Là Đại đội (C) thành lập sau khi Đại đội 1 và 2 đã lên đóng quân ở Trường huấn luyện Thủ Đức, C3 chúng tôi tạm đóng ở căn nhà một tầng lầu, góc Duy Tân – Nguyễn Văn Chiêm^[83], trong khuôn viên Câu lạc bộ Thanh niên.

C3 được chia thành 3 trung đội, gọi là B1, B2, B3, với B3 là nữ. Mỗi trung đội lại chia thành 3 tiểu đội, là A1, A2, A3. Tôi vào trình diện, được C trưởng kiêm chính trị viên là anh Tư Dũng giao ngay cho chức A trưởng A1 của B2, có lẽ do anh thấy tôi... lớn tuổi.

Những ngày đầu tiên đến với... cách mạng, đúng là có bao đi đầu lạ lẫm.

Đi đầu lạ đầu tiên là từ chị Sáu Hiếu, C phó hậu cần. Là một cô du kích nông dân ít học, chị có lối đi đầu khiến đại đội cứng nhắc, mặt lạnh như tiền rất khó chịu mà nhìn kỹ thì thấy rất mắc cười. Chị cương quyết bắt bọn tôi ăn dưa hai đầu và phải trúng chén trúng dưa trước khi ăn cơm. Một nồi nước sôi nấu trên bếp, cứ thế từng người cần chén dưa cá nhân tới bỏ vào trúng, rồi lấy vá múc lên, cần ra bàn ăn. Những người đầu thì không sao, nhưng những người cuối thì nước trong nồi đã đục! Kệ, chị vẫn đứng đó canh từng người bắt trúng cho kỳ hết. Nhưng cái màn ăn dưa hai đầu mới là kinh dị. Tức một đầu lớn là để và cơm vào miệng mình, còn một đầu nhỏ để gấp thức ăn. Chị nói ăn vậy mới giữ được vệ sinh chung, phòng chống bệnh tật lây lan, đó là cách ăn văn minh của... người cách mạng! Đám thanh niên Sài Gòn muốn điên lên vì cái trò ăn dưa hai đầu đó, cứ bị rơi vãi thức ăn, rơi dưa, rơi chén, mà chị Sáu Hiếu thì cứ đi lòng vòng mấy bàn ăn, tay cần một cây dưa bếp, thấy ai không chấp hành quy định là lập tức khẻ tay!

Cũng chính chị là người mỗi tối đi lòng vòng coi ai ngủ mà không tấn mùng là lập tức dựng dậy bắt phải làm, không để muỗi cắn! Chỉ khi thấy mọi người đã thực hiện đúng quy định về an toàn khi ngủ, chị mới về sạp

mình. Một kiểu làm việc tận tụy đã làm tôi vừa buồn cười vừa xúc động trong những ngày đầu tiếp xúc với bên thắng cuộc.

Tư Dũng nhỏ hơn tôi ba tuổi, đẹp trai, dân Bắc 54, có lối làm “công tác tư tưởng” khá lạ đời. Cứ đến 10 giờ khuya là anh lại mời đội viên lên phòng để... nói chuyện tay đôi, gọi là “sinh hoạt tư tưởng” – nhưng việc chính là để góp ý, phê bình các khuyết điểm trong ngày của người đội viên đó. Những góp ý này, anh chọn từ biên bản họp tiểu đội, trung đội cuối ngày chuyển lên. Các lời phê bình, góp ý đồng đội dành cho nhau đôi khi rất nặng nề, về những khuyết điểm kỳ cục, ví dụ như người mà chỉ cầu cầu hay ra ngoài riêng một nơi để nhìn về xa xăm, sẽ bị phê là... “xa rời quần chúng”! Cô TNXP tối ngủ len lén cắt dừa leo đắp mặt, hoặc lấy những cái ống nhựa cuộn tóc lại để sáng mai có một mái tóc đẹp, sẽ bị “giữa” ngay là chưa bỏ được tác phong sinh hoạt tiểu tư sản!

Phòng của C trưởng Tư Dũng luôn mở cửa, đèn sáng, nên cũng chẳng có gì đáng ngại với các bạn đội viên nữ. Mỗi người được trò chuyện rì rầm trong khoảng 15 phút đến nửa tiếng, cũng có khi kéo dài đến một giờ và sau đó “đương sự” nữ thường vừa đi ra vừa khóc thút thít. Người vừa xong có nhiệm vụ đi gọi người kế tiếp, cứ thế cho đến nửa đêm hoặc có khi 1, 2 giờ sáng. Vậy mà mới 5 giờ sáng là đã thấy Tư Dũng ra sân, thổi tu húyt kêu mọi người dậy tập thể dục! (Có một đội viên nữ khá xinh được anh làm “công tác tư tưởng” thường xuyên, sau thành... vợ anh!).

Sau khoảng hai tuần thì đại đội được bổ sung một chính trị viên chuyên trách. Đó là chị Hai Tuyết, một nhân vật huyền thoại. Chị chính là cô sinh viên Văn khoa Võ Thị Bạch Tuyết, người cầm đầu chiến dịch đốt xe Mỹ lừng lẫy ở Sài Gòn năm 1971. Chị Hai Tuyết đã trải qua mấy năm tù tội ác liệt ở Côn Đảo, vừa trở về Sài Gòn không lâu. Vinh hoa phú quý đâu không thấy, thấy tiếp tục cho về nơi xương xẩu nhứt^[84]. Có phải vì vậy mà nét

mặt chị luôn khép kín, vừa lạnh vừa buồn, thật khó tiếp xúc? Nhưng khó sao được với tôi, kẻ đã có bao kinh nghiệm trò chuyện với các bạn gái?

Tôi được chị Tuyết chú ý từ khi tích cực tham gia làm tờ báo tường cho Đại đội. Sau đó, chị Tuyết được đi đầu lên làm Chánh văn phòng lực lượng. Lúc đó là tháng Mười năm 1975, đơn vị vừa có thêm Đại đội 4. Nghiên cứu lý lịch (chắc do tôi học cao nhất đại đội?) rồi hỏi thêm là tôi có biết đánh máy không, chị Hai Tuyết quyết định rút tôi lên làm văn thư đánh máy. Không ngờ quá trình ngẫm đánh máy truyền dịch cho thầy tôi, tiểu thuyết cho má tôi, dù chỉ gõ hai ngón, đã giúp tôi có ngay một công việc nhàn hạ.

Cả tôi và chị đều sống hẩn ở cơ quan. Phòng chị cách phòng tôi một bức tường. Tôi được nhiều dịp trò chuyện với chị, nhưng vẫn không biết gì thêm vì chị chỉ trao đổi công việc. Tôi chẳng biết gì thêm trừ mấy chuyện: đêm nằm, thỉnh thoảng tôi nghe tiếng chị ú ớ mớ từ phòng bên đây kinh hoàng. Nhiều bữa, chị đang ngẫm làm việc bỗng tay chân run lên bần bật, vội vã bỏ về phòng riêng, đóng kín cửa. Có tối, tôi đi xem phim về, ngang phòng chị, nhìn qua cửa sổ mở, thấy chị ngẫm gục đầu, hình như đang khóc...

Tôi lập tức rót ly nước đem vào, nhẹ nhàng đặt xuống. Chị lau vội nước mắt, nói lời cảm ơn. Vài câu hỏi thăm, chia sẻ, thế là tâm sự tuôn trào. Thêm vài cuộc trò chuyện sau đó nữa, tôi đã hiểu được nguyên do: Vẫn là một câu chuyện tình!

Câu chuyện này sau đó đã được tôi viết lại hẩn thành một cuốn truyện dài (*Trăm sông về biển*, NXB Trẻ, xuất bản và tái bản trong các năm 1988, 2006, 2015), các bạn có thể tìm đọc. Tóm lược thì chị Tuyết tham gia cách mạng và được dẫn dắt bởi một đàn anh. Người này đã tổ chức kết nạp Đảng cho chị, giao nhiệm vụ phụ trách chiến dịch đốt xe Mỹ, hướng dẫn cách đấu tranh với kẻ thù nếu bị bắt, với bốn phương châm: “Nhứt lý, Nhì

lì, Tam suy, Tứ tử”^[85]. Người này cũng đã ngỏ lời yêu chị và được chị tin cậy trao hết trái tim của mình...

Chị Tuyết bị bắt giam, giữ vững khí tiết, đi qua nhiều nhà tù, vượt qua bao đòn tra khảo khủng khiếp nhưt với một cô gái, cũng là nhờ bốn phương châm này. Và nhờ tình yêu dành cho người đồng chí ấy.

Nhưng sau ngày chiến thắng trở về, gặp lại chị trong một thân xác tả tơi tàn tạ, “đàn anh – người tình” đã quay mặt đi để có ngay một cô bồ khác. Chưa hết, còn có một phụ nữ khác bỗng con tới tận cơ quan làm việc tìm anh ta, nhưng anh ta đã dứt khoát chối bỏ...^[86] Câu chuyện buồn đó đã khiến chị tự quyết định xin về Lực lượng TNXP, vì biết sắp tới sẽ được đi xa, không ở thành phố đầy kỷ niệm buồn nữa.

Khi hai Đại đội 1 và 2 rời khỏi trường huấn luyện để lên rừng Xuyên Mộc (Đồng Nai) khai hoang xây dựng doanh trại, Đại đội 3 được đưa lên trường để dự một khóa huấn luyện mới.

Trường nằm trong một khu gia binh của quân đội Sài Gòn trước đây, nằm ở xã Linh Đông huyện Thủ Đức, trên con đường từ chợ Thủ Đức chạy ra Xa Lộ Đại Hàn về Dĩ An, Biên Hòa. Phòng ốc hoang phế, cửa cái cửa sổ đều bị gỡ sạch. Chúng tôi trải chiếu nằm dưới đất, hàng ngày ăn uống rất cực khổ, hai buổi ngày nghe giảng về nào là thiên đường “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” sắp đến, nào là Việt Nam sẽ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, con đường tắt yếu của nhân loại, không cần qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Học thuyết của Karl Marx tôi đã được học qua từ năm lớp đệ nhất. Giáo sư Triết khả kính của tôi là thầy Huỳnh Hồng Cẩm đã nói rõ đây là một học thuyết không tưởng. Nhưng qua bài giảng rất hùng hồn của các ông thầy cách mạng, có vẻ như nó có lý hơn và sắp được xây dựng thành công. Người ta hoàn toàn tin việc có thể đưa quốc gia đi thẳng lên chủ nghĩa cộng sản mà không cần qua thời kỳ quá độ tư bản chủ nghĩa.

Trong thời gian học ở đây, có một chuyện vui vui.

Trong một buổi chào cờ đầu tuần, khi cất giọng bắt đầu bài Quốc ca để các học viên hát theo, anh N.T.C., Chánh văn phòng Ban giám hiệu trường, đã đồng dục trước micro: “Buổi chào cờ bắt đầu! Tất cả chú ý hát theo tôi!... *Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi. Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sông...*”. Một mình anh say sưa hát hai câu đầu bài Quốc ca của... VNCH, trong khi lũ chúng tôi trợn mắt đứng nhìn! Vị Trưởng ban giám hiệu^[87] xanh mặt chạy lại rút điện cái ampli... Lẽ dĩ nhiên sau đó anh Chánh văn phòng này đã bị kiểm điểm và chuyển công tác đi đâu mất. Có những thói quen ăn sâu vào tiềm thức nguy hiểm như vậy đấy!

Chị Tuyết lúc này đã được rút lên làm Chánh văn phòng Ban chỉ huy Lực lượng TNXP Thành Đoàn, đóng tại số 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh (nay là Nguyễn Thị Minh Khai), ngay ngã tư Hai Bà Trưng. Có lẽ tin cậy tôi nên chị xin rút tôi về làm văn thư dưới quyền, khi C3 vừa huấn luyện xong và được đưa về Nông trường thơm Phạm Văn Hai ở Bình Chánh, ngay vùng “đất trắng” (tự do oanh kích) ngập phèn Vĩnh Lộc ngày nào. Số tôi là vậy, luôn gắn liền với nghiệp làm văn phòng, ôm cứng cái bàn giấy – sau này vô bộ đội vẫn vậy. Nếu “phân tích” sâu hơn, ngoài việc thường được giao công việc chữ nghĩa, tôi còn luôn có duyên làm việc với sếp nữ.

Chỉ huy trưởng vừa được bổ nhiệm của Lực lượng này là một nhân vật huyền thoại khác mà các cán bộ TNXP đều có vẻ kính nể. Anh tên Phan Thanh, bí danh Ba Tung, phó ban Quân sự Thành Đoàn, từng có nhiều chiến công đánh Mỹ dữ dội ngay trong lòng Sài Gòn. Lúc đó tôi không biết gì, chỉ nghe vài người ở văn phòng thì thảo nói vậy. Anh Ba Tung^[88] dân Quảng Nam, thấp người, tướng đi cà nhắc do thương tích, chạy chiếc Cub 50 cũ, thường hay chở vợ là chị Tư Kiên – trước có bí danh Tư Hoàn, cũng là một nữ biệt động thành từng cùng chồng “song kiếm hợp bích”

tung – hoành ngang dọc, tham gia rất nhiều trận đánh^[89]. Bộ dáng anh Ba Tung đúng là người lý tưởng để làm công tác bí mật. Trông anh bình thường, dễ lẫn trong đám đông như một anh nhân viên quèn, hiền lành, vô hại. Với cấp dưới trông anh khá lạnh, không dễ gần, nhưng khi làm việc quen rồi thì anh trò chuyện vui vẻ, thoải mái hơn, có óc hài hước, thích kể chuyện tiêu lâm mặn^[90].

Có bốn chuyện đáng nhớ trong thời kỳ này:

Chuyện thứ nhất: *Đào lê đường trồng khoai lang khoai mì.*

Không hiểu từ cái đầu nông dân nào lên làm lãnh đạo mà ở thành phố Sài Gòn từng là “Hòn ngọc Viễn Đông” hoa lệ, ngay từ rất sớm, khoảng tháng 8 tháng 9 năm 1975, đã có phong trào đào các lê đường để lên liếp trồng khoai mì, rau lang, rau muống... theo kiểu tận dụng đất đai để sản xuất tự túc tự cấp. Làm mấy chuyện đó, lẽ dĩ nhiên là lực lượng thanh niên xung kích, đoàn viên thanh niên ở các phường, trường học, cơ quan xí nghiệp... Các lê đường chung quanh Câu lạc bộ Thanh niên gần nơi tôi làm việc bỗng dưng bị các toán thanh niên vác cuốc xẻng tới, hăng hái đào bới tới tấp. Những con đường rất đẹp khác trong thành phố cũng cùng chung số phận. Những liếp đất được vun lên, rồi hom mì, hom khoai, hạt rau muống được vùi xuống mà không cần nghĩ tới việc chăm sóc. Ai tưới? Lấy nước ở đâu? Lúc đó làm gì có xe bồn tưới nước! Di chuyển bằng phương tiện gì khi mỗi công nhân viên nhà nước chỉ được mua 5 lít xăng/tháng? Thanh niên ở các cơ quan, phường khóm chỗ nào liền được lệnh tưới rau chỗ đó. Nhưng rồi toàn là dân “nông dân cày đường nhựa”, trồng đã không đúng kỹ thuật, chăm sóc lại lặt quẹt! Rau cỏ cứ còi cọc, khô héo dần, rồi... chết! Để lại bao con đường với hai bên lề bấy nhầy, tan nát! Và cũng tan nát bao nhiêu trái tim người Sài Gòn hằng yêu thương hết mực cái thành phố một thời xinh đẹp của mình.

Chuyện thứ hai: *Đổi tên!*

Buổi tối ngày 21-9-1975, hầu hết người dân miền Nam lên giường ngủ mà không hề biết chuyện kinh khủng gì sẽ xảy ra vào sáng sớm ngày mai.

Đó là cuộc đổi tiền lần 1, từ sáng sớm ngày 22-9 cho đến hết ngày 23-9!

Theo quy định của chính quyền mới, mỗi hộ gia đình được cho đổi tối đa 100.000 đồng tiền VNCH, theo tỷ giá 500 đồng tiền VNCH được đổi một đồng tiền của Cộng hòa miền Nam Việt Nam^[91]. Tức dù đang có tiền muôn bạc bể bao nhiêu đi nữa, mỗi hộ gia đình từ ngày 22-9-1975 chỉ còn đúng 2.000 đồng tiền mới trong nhà mình!

Cán bộ công nhân viên chức trong các tổ chức tập thể thì được đổi mỗi người 15.000 đồng tiền VNCH, tức được 30 đồng tiền mới. Hộ kinh doanh, tiểu công nghệ, thương nghiệp, vận tải được đổi 100.000 đồng. Tổ chức kinh doanh lớn được đổi từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Khách vắng lai mỗi người được đổi 20.000 đồng, số còn lại nộp cho ban đổi tiền, lấy biên lai về địa phương giải quyết. Các hộ kinh doanh hoặc hộ gia đình nếu có nhiều tiền hơn mức được đổi ngay thì phần còn lại sẽ quy đổi thành tiền mới, ghi vào sổ tiết kiệm hoặc sổ tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Việt Nam.

Chỉ trừ những người được huy động vào chiến dịch đổi tiền đã được gọi tập trung từ đêm hôm trước để hướng dẫn công việc (và hoàn toàn cách ly, không được liên lạc với bất cứ ai), có thể nói toàn bộ người dân miền Nam đã hoàn toàn bị bất ngờ với vụ đổi tiền khiến nhiều gia đình bị hóa thành tay trắng trong chớp mắt này.

Mục đích của cuộc đổi tiền lần đầu này là để “thiết lập một chế độ tiền tệ mới; ngăn chặn giai cấp tư sản sử dụng tiền mặt để thao túng thị trường, đồng thời tước đoạt bớt phương tiện hoạt động của bọn gián điệp, tình báo”^[92], theo yêu cầu của chính quyền đặt ra cho Chiến dịch X-3, chiến dịch đổi tiền. Mục đích này không biết đạt như thế nào, chỉ biết đối tượng

lãnh đủ là toàn bộ những người dân phía Nam bao năm làm lưng lương thiện chất chiu từng đống cho gia đình mình. Họ đã bị bần cùng hóa chỉ trong một sớm một chiều!

Nhớ lại hôm đó cả thành phố nhộn nháo chạy như thế nào. Người có nhiều tiền nhờ bà con, bạn bè – thậm chí cả người không quen – ít tiền nhận cho đổi giùm, lẽ dĩ nhiên phải có chia lại phần trăm. Cán bộ bận rộn hơn, vì dĩ nhiên có đặc quyền hơn, nhất là những người có thẩm quyền trong việc đổi tiền ở từng địa phương. Nhà tôi lúc ấy đã sạch tiền, nên tôi chẳng quan tâm gì, chỉ thấy toàn bộ cán bộ trong văn phòng Ban chỉ huy TNXP cùng biến mất trong suốt ngày hôm ấy!

Chuyện thứ ba: *Tịch thu và tiêu hủy sách báo văn hóa phẩm đồi trụy phản động.*

Thật ra, từ rất sớm, ngay từ lúc tôi còn làm ở Trường Đoàn, ngày 23-5-1975, một số học viên Khóa 2 đã được Thành Đoàn huy động vào chiến dịch “Quét sạch những tàn dư văn hóa phản động và đồi trụy”. Nhiều đoàn thanh niên nam nữ chia ra đi khắp các đường phố, cặm bưng-rôn và hô to những câu khẩu hiệu đả đảo văn hóa ngoại lai đồi trụy mất gốc phản động, kêu gọi mọi người mọi nhà còn lưu trữ những tài liệu, sách báo, văn hóa phẩm dâm ô phản động..., hãy đem ra nộp cho đoàn công tác hoặc cho chính quyền địa phương hoặc tự tiêu hủy. Nếu ai còn cố tình cất giữ, bị phát hiện chính quyền sẽ nghiêm trị!



Việc tịch thu và tiêu hủy sách, báo, tạp chí, ấn phẩm... xuất bản trong chế độ cũ, cùng một số biện pháp mạnh tay với những cái được coi là tệ nạn xã hội như cấm nam để tóc dài, mặc quần loe (cắt bỏ ngay trên đường phố), cấm mua dâm, nhảy đầm (bắt đeo băng đi bộ trên đường)... đã xảy ra trong những năm đầu sau giải phóng.

– Ảnh: Internet

Hai chữ “ng nghiêm trị” thời đầu giải phóng thì ai cũng sợ, nên người thì đem nộp kẻ đem xé đốt. Số lượng sách bị tịch thu và đốt trong những ngày này ở Sài Gòn cũng phải lên tới thiên kinh vạn quyển. Mấy hôm sau tôi về nhà, thấy kệ sách của mình trống huơ trống hoác. Thì ra mẹ tôi sợ quá đã đem hết những sách võ hiệp Kim Dung, rồi Tự Lực Văn Đoàn, rồi cả những cuốn sách bỏ túi tiếng Anh loại truyện kinh dị, vụ án trong tủ sách của hai tác giả Alfred Hitchcock, Agatha Christie... mà tôi kỳ công đi lùng mua ở chợ trời sách đường Lê Lợi, nộp hết cho Ủy ban Phường! Riêng vài

chục cuốn *Playboy*, *Penthouse*, hai tạp chí của Mỹ chuyên đăng ảnh các người đẹp “uống trờ” mà thỉnh thoảng tôi tha v ề từ chợ trời sách để tối học bài xong nằm “ngâm cứu” cho đầu óc được thư giãn, thì mẹ tôi không dám đem nộp mà cho đốt hết. Tôi tiếc ời là tiếc trước sự đã r ồi. Những cuốn phim 8 ly coi ở phòng P., r ồi những hình ảnh từ hai cuốn tạp chí đó..., đã định hình trong tôi từ lúc ấy rằng cơ thể người phụ nữ chính là tạo vật đẹp nhất của Thượng đế dành cho loài người, không có bất cứ thứ gì trên đời có thể sánh bằng! Điêu đó với tôi là mãi mãi đúng.

Đó chỉ là đợt tịch thu sách chung chung, không có tiêu chí gì rõ ràng, lại được thực hiện bởi những thanh niên trẻ măng mà cả trình độ kiến thức lẫn học vấn đều kém, với đa số người lãnh đạo là nông dân ở trong rừng ra. Nên cứ sách ngoại ngữ là... tịch thu, sách có bìa in hình trai gái, lính tráng cũng vậy. Thậm chí những sách y học có vẽ các bộ phận cơ thể con người cũng chịu cùng số phận vào lò lửa.

Nhưng khi tôi đang ở TNXP thì vào ngày 30-10-1975, chính quyền đã công bố một bản danh sách cụ thể 56 tác giả có tác phẩm bị liệt vào loại “phản động, dâm ô, đầu độc” bị cấm lưu hành, cấm tàng trữ. Tôi đọc rất kỹ bản danh sách này trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* và thở phào khi thấy không có tên mẹ mình. Một buổi đốt sách tượng trưng của các tác giả này đã diễn ra ở sân Câu lạc bộ Thanh niên, thể hiện quyết tâm bài trừ sách chế độ cũ của chính quyền mới.

Và một chuyện đáng sợ nhất: *Khai lý lịch*.

Không hiểu tại sao tổ chức cách mạng nào cũng bắt khai lý lịch liên tục. Đầu tiên là ở Trường Đoàn Lý Tự Trọng, cứ vài ngày lại đưa một mẫu lý lịch bắt viết. R ồi qua TNXP cũng vậy. Nào là thành phần xuất thân, r ồi thành phần bản thân. Cha mẹ tôi r ồi đến tất cả anh chị em tôi đều không phải là b ần cố nông, nông dân, công nhân, và cũng không phải giàu có để có thể gọi là tư sản. Chỉ còn một giai cấp duy nhất để điền vào lý lịch: Tiều

tư sản. Suốt một thời gian dài tôi vẫn không thể nào hiểu nổi tiểu tư sản là gì.

Hỏi anh Tư Dũng, thì được anh giải thích giai cấp tiểu tư sản gồm có: giới trí thức, các nhà công nghệ và thương nghiệp nhỏ, thủ công nghệ, những người làm nghề tự do (như thầy thuốc, luật sư...), công chức. Đại khái theo anh, cứ có đi học thì đều là... tiểu tư sản. Cứ khai cả nhà tôi là tiểu tư sản hết là xong, và đi đâu này sẽ không bao giờ thay đổi cho đến đời con, đời cháu của tôi!

Hỏi tiếp chị Hai Tuyết khi cứ nghe chị nói là phải thường xuyên rèn luyện lập trường quan điểm theo giai cấp công nhân, khắc phục những khuyết nhược điểm cố hữu của giai cấp tiểu tư sản – nói nôm na là phải “cắt cái đuôi tiểu tư sản”. Vậy những khuyết nhược điểm đó là gì? Thì được chị mở sách ra giải thích thêm: “Người tiểu tư sản là người có học thức, dễ có nhận thức chính trị. Họ không trực tiếp bóc lột lao động. Vì vậy, họ dễ tiếp thụ sự giáo dục cách mạng để cùng đi với giai cấp công nông. Nhưng đồng thời, tiểu tư sản cũng là giai cấp không đáng tin cậy, dễ mắc những nhược điểm như lý luận không đi đôi với thực hành, xem khinh lao động, tư tưởng mơ hồ, lập trường không vững, tự tư tự lợi, rời rạc, kém kiên quyết...”.

Tất cả những điều đó cho tôi thấy tiểu tư sản là một giai cấp bị... chèn trong chế độ mới này, thậm chí còn bị gọi chế giễu là “tạch tạch sè”, thua xa những người nông dân, đặc biệt là bần cố nông, và công nhân. Một số lớp học bồi dưỡng chính trị sau đó (thời kỳ đầu, thanh niên được học chính trị liên tục), từ các ông thầy là cán bộ tuyên huấn TNXP ở miền Bắc vào, ở trường Đảng xuống..., cũng dành nhiều lời không thiện cảm cho giai cấp tiểu tư sản: “Có thể nói trong một xã hội, tầng lớp trí thức tiểu tư sản luôn là thành phần rắc rối nhất. Họ chứa đựng trong mình hầu hết các mâu thuẫn của xã hội, hình thành nên bởi mớ bòng bong chủ nghĩa cá nhân

(cái tôi), chủ nghĩa hình thức, sự cấp tiến, học thức, nhân văn, tư hữu, khát vọng quyền lực... Họ khó lòng bị kiểm soát vì không có mấy người – thể chế – xã hội nào làm hài lòng được họ... Muốn gia nhập đội ngũ cách mạng, người tiểu tư sản phải đầu hàng giai cấp nông dân và công nhân, chịu sự lãnh đạo của họ!...”. Có lần tôi liêu mạng giờ tay hỏi vậy chớ ưu điểm của hai giai cấp nông dân và công nhân là gì thì được giải thích hai giai cấp này vì bị áp bức bóc lột nhiều nên có ưu điểm căn bản là rất kiên định về quan điểm lập trường, khi đã giác ngộ lý tưởng rồi là... suốt đời đi theo, tính tổ chức kỷ luật rất cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng – đại khái là kêu gì làm nấy!

Tôi toát hết mồ hôi khi nghe các bài giảng, thấy ngay cả đời mình đời con đời cháu mình sẽ không bao giờ được tin cậy. Nhưng suy nghĩ thì thấy những người lãnh đạo như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... cũng đều là người có học, thậm chí học giỏi, là giáo sư, thầy giáo... Họ là tiểu tư sản hay vô sản? Họ đầu hàng giai cấp công nông chưa, hay ngay từ đầu đã lãnh đạo những người nói gì nghe nấy đi theo và làm theo mệnh lệnh một cách hăng say cuồng nhiệt?

Đại đội 3 có khoảng 100 người, cũng có được vài người sau này tương đối thành đạt. Chị Hai Tuyết làm tới Giám đốc Sở Lao động – Thương binh ; Xã hội là cao nhất, chức vụ trước ngày về hưu. Phạm Văn Gòn, B trưởng B1, làm Viện trưởng Viện Kiểm sát TP.HCM. Võ Tấn Sỹ, đội viên trong tiểu đội của tôi, năm 1975 mới 16 tuổi, làm Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy rồi qua Bí thư Quận ủy Quận 5. Còn Tiểu đội trưởng Tiểu đội 1, là tôi, thì giờ đang ngồi viết cuốn tự truyện này.

Ngày 20-7-1996, nhân 21 năm thành lập Đại đội 3, tôi có viết bài viết sau (đã đăng mục “Tản mạn cuối tuần” báo Tuổi Trẻ ngày 27-7-1996):

Xê Ba tập hợp!

Bỗng nhận được một lá thư không đề tên người gửi. Mở ra thì thấy một tờ giấy nhỏ trình bày bằng vi tính, thoáng hết hồn khi thấy dòng chữ C3 tập hợp! in đậm nét bên trên. Thì ra là vài đồng đội cũ ở Đại đội 3 TNXP Thành Đoàn của 21 năm về trước, mời họp mặt đại đội để “thỏa lòng thương nhớ” nhân kỷ niệm ngày thành lập đơn vị.

Quán cà phê được dùng làm nơi họp mặt vẫn ẩm áp dù cơn mưa đang âm ỉ đổ xuống bên ngoài. Nhiều ánh mắt ngỡ ngàng nhìn nhau với những người đã mười mấy năm xa cách. “Mình nghĩ là Sĩ, nhưng cứ ngỡ ngờ vì thấy sao... già quá!”. “Vậy chớ bộ anh tưởng anh còn trẻ lắm hả?”. Và rồi là bao nhiêu kỷ niệm được tranh nhau ôn lại với những tiếng cười ha hả và cả chút thỉnh thoảng ngậm ngùi. Từ lá đơn tình nguyện thoát ly gia đình bậm môi ký tên, cho đến những ngày dài đào kênh, phá rừng, tải thương, tải đạn... Cả một thời tuổi trẻ vun vút đi qua trong gian khổ, không chút hối tiếc.

Giờ đây mỗi người một công việc, một hoàn cảnh. B trưởng chưa chắc đã hơn A viên, nhưng ngồi lại cứ có cảm giác y như trước. Khi C trưởng Sáu Hiếu bước vào, cứ như sắp sửa nghe tiếng quát “Xe ba tập hợp!”, cùng bài học nhập môn “trung chén nước sôi và ăn dưa hai đầu” cực kỳ nghiêm ngặt ngày nào của chị...

Họp mặt không chỉ để ăn nhậu, hát hò – với những bài hát đã bị “môi ăn” gần hết. Những tờ giấy bạc được vét túi đưa ra, gọi là một cái quỹ nhỏ để chăm sóc cho những anh em đang quá khó khăn, tối thiểu cũng là không cho phép có một đứa con nào của đồng đội vì hoàn cảnh mà không thể đến trường.

Cơn mưa đã dứt từ lâu mà vẫn không ai muốn đứng dậy ra về. Và đêm nay chắc hẳn nhiều đồng đội – cũng như tôi – cứ nằm trần trọc mãi vì bao

nhiều hoài ức lại được dịp ulla về, trong đó có cả gương mặt của những người giờ đã xa khuất...



Ngày tôi chia tay C3 để về làm việc ở văn phòng Ban chỉ huy TNXP, tháng 9-1975. Chị Sáu Hiếu là người mặc bộ bà ba đen. Tôi đội mũ tai bèo đi phía sau bên phải, quay chào đồng đội.

Cuộc sống ngày càng khó khăn hơn. Lương thực và nhu yếu phẩm đều thiếu. TNXP được coi như lực lượng lao động nặng, tiêu chuẩn lương thực rất cao (18kg gạo/tháng, trong khi cán bộ công nhân viên văn phòng chỉ 12kg)... Nhu yếu phẩm thì các bếp ăn tập thể được cung cấp đủ tiêu chuẩn chất đốt, mắm muối, thịt, dầu ăn... Về cá nhân, lương mỗi đội viên chỉ được 5 đồng/tháng, vừa vặn đủ mua nhu yếu phẩm hàng tháng, ngày càng ít và kém dần. Đầu tiên là cây thuốc thơm President, dần dần xuống thành thuốc đen Nông Nghiệp, Hoa Mai, Vàm Cỏ, Đà Lạt..., 10 gói rã 5 gói.

(Ở đây xin mở ngoặc kể câu chuyện về gói thuốc lá Nông Nghiệp, không biết có ai còn nhớ không? Tôi tiếc không sao tìm ra được mẫu bao đầu tiên của loại thuốc này. Sau khi xuất hiện khá sớm trong các nhãn thuốc được Vinataba sản xuất sau tháng 4-1975 với cái bao màu vàng đất vẽ hình một cái máy cày đang chạy dưới hàng chữ “Nông Nghiệp”, thuốc bỗng bị ngưng sản xuất một thời gian ngắn rồi có mặt trở lại với mẫu bao hoàn toàn khác. Thì ra trong mẫu vẽ trước, chiếc máy cày chạy trên nền đất

ruộng có mấy cục đá phía trước. Thuốc đang bán ngon lành (vì sản xuất nhỏ giọt, lại là nhu yếu phẩm chỉ cán bộ công nhân viên mới được mua) thì bỗng một ngày đẹp trời, một ông kẻ nào đó chợt nhìn thấy mấy cục đá đó chính là mấy cái... đầu lâu! Bức vẽ lập tức bị suy diễn: chế độ được xây dựng trên xương máu! Mẫu bao lập tức được ngừng in, đổi mẫu mới, và nghe nói người họa sĩ vẽ tranh này cũng bị một mình một thời gian).

Nữ không được mua thuốc, thì hàng tháng được mua vài sô cho chuyện kinh nguyệt. Còn ngoài ra thì bình đẳng: nửa ký đường, trăm gram bột ngọt, 5 gói mì gói..., có khi còn có kim chỉ, dao lam, nam nữ được mua như nhau (không biết nữ mua dao lam để cạo cái chi?). Hầu hết đám TNXP đầu đem bán hết nhu yếu phẩm ra chợ đen để có thêm tiền uống cà phê hoặc tiếp tế gia đình... Hút thì chơi thuốc rê Long Khánh, Lạng Sơn thôi cho rẻ. Giờ nghĩ lại thật không thể hiểu được tại sao lúc đó giá cả nhà nước và thị trường tự do lại khác biệt khủng như vậy. Nhà nước bán với giá rẻ như cho, nhưng chỉ bán cho cán bộ công nhân viên, nên dân ở ngoài muốn xài phải mua chợ đen giá cao hơn từ 5 tới 10 lần, góp phần tạo tiêu cực cho đám cán bộ móc ngoặc với con buôn tuồn hàng ra ngoài.

Để giải quyết những khó khăn về lương thực và nhu yếu phẩm cho một thành phố quá đông người đổ xô về vào những ngày cuối của cuộc chiến, một thành phố phi sản xuất, chính quyền đã mở cuộc vận động “đi kinh tế mới” hoặc “hồi hương lập nghiệp” từ rất sớm, tháng 6-1975. Sau khi đưa hết sĩ quan và công chức cao cấp chế độ cũ đi học tập cải tạo, chính quyền quay qua những người có dính líu chế độ cũ mà giờ không có việc làm trong chế độ mới, kêu gọi họ đi xây dựng các khu kinh tế mới ở xa lơ xa lắc. Ai còn đất đai, bà con ở quê thì cho tiền xe về quê lập nghiệp.

Nhưng không thể đưa những thị dân không quen lao động về những nơi đồng không mông quạnh và bắt họ làm nhà, đào kinh, khai hoang sản xuất... ngay được. Phải thành lập một lực lượng thanh niên đi làm chuyện

chuẩn bị trước. Thì ra khi chuyển Lực lượng Tự vệ võ trang Thành Đoàn thành hai đơn vị: Lực lượng TNXP Thành Đoàn với bốn đại đội áo xanh dương kaki Tô Châu Trung Quốc đi Xuyên Mộc (Đại đội 1 và 2), Phạm Văn Hai (Đại đội 3), Nhị Xuân (Đại đội 4), rồi 3 Đội TNXP Huy Động (áo nâu) đưa về đào kênh ở nông trường Lê Minh Xuân, Thành ủy Sài Gòn – Gia Định đã nhằm chuẩn bị một lực lượng cán bộ tương lai cho một ngày ra quân lớn: Ngày 28-3-1976. Mọi sự đều đã nằm trong tính toán từ trước ngày 20-7-1975!

Hơn 10.000 đội viên thuộc Lực lượng TNXP Thành Đoàn đã dự một buổi lễ xuất quân đáng nhớ trong đời mình ở Sân vận động Thống Nhất. Chủ tịch UBND Thành phố Võ Văn Kiệt đến dự, trao lá cờ Đoàn cho Bí thư Thành Đoàn Phạm Chánh Trực. Đó là lần đầu tiên tôi và nhiều người trẻ ở Sài Gòn được nghe ông Sáu Dân (VVK) nói. Giọng Nam Bộ rất, ăn nói giản dị, mạnh mẽ, tình cảm..., ông đã chinh phục mọi người ngay từ câu mở đầu bài diễn văn, khi gọi đám đông bên dưới bằng “các em đoàn viên, thanh niên yêu quý!”, thay vì cụm từ “các đồng chí” đầu môi của các ông cán bộ của thời điểm ấy. Và ông hào hứng kết thúc: “Chúng tôi xin nhiệt liệt chào mừng những lớp công dân xã hội chủ nghĩa của thành phố chúng ta từ đây nối tiếp nhau nẩy nở và trưởng thành trên những công trường lao động tình nguyện. Chúc các em thành công thắng lợi trên trận tuyến mới, trận tuyến lao động vinh quang!”^[93]. Những tiếng vỗ tay như sấm động vang lên sau bài diễn văn. Những gương mặt ngời sáng. Và những bước chân rần rập lên đường...

(Về sau, đọc Chương 7 – Giải phóng trong cuốn *Bên thắng cuộc* của Huy Đức, có đoạn viết về “Cánh cửa” TNXP, ông Võ Văn Kiệt đã nói đại ý Thành ủy TP.HCM mở ra Lực lượng TNXP như tạo ra một “cánh cửa” cho những thanh niên có lý lịch xấu, gia đình và bản thân có dính dáng đến chế độ cũ, bước vào môi trường lao động chân tay khắc nghiệt để từ đó có một

tấm giấy thông hành gia nhập cuộc sống trong chế độ mới. TNXP thực chất cũng chỉ là một cuộc cải tạo, sát hạch, do cách nhìn nhận con người của chế độ cũ là xấu. Cuốn sách đã chốt hạ: “Hơn sáu vạn giáo sư, bác sĩ, sinh viên, thanh niên... lẽ ra có thể dành những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình để cống hiến cho xã hội những gì mà họ thành thạo nhất. Vậy mà, để được chế độ thừa nhận, họ đã phải xuống biển, lên rừng, bàn tay chai sần đi và kiến thức chuyên môn thì bị mai một – trang 240 *Bên thắng cuộc* tập 1).

Do làm ở văn phòng, tôi có mặt trong Ban tổ chức, lặng lẽ đứng một góc khán đài nhìn ngắm quang cảnh buổi lễ. Nếu bốn đại đội thuở ban đầu hồi tháng Bảy năm trước gồm toàn các sinh viên học sinh rất đông bộ thì lần ra quân đông đảo này, thành phần có “ô hợp” hơn: Các quận đoàn tập trung vận động gom quân cho đủ chỉ tiêu, ưu tiên cho những thanh niên không có việc làm ở địa phương, kể cả thanh niên là lính chế độ cũ, là tệ nạn xã hội... Họ đều được mặc những bộ đồng phục mới màu xanh cỏ úa, mũ tai bèo, dép lốp. Rất nhiều người trong số đó không hiểu mình sẽ đi đâu, làm gì, bị bắt đi thì đi vậy thôi. Nhiều gương mặt lăm lè dưới vành nón kéo thấp. Hai câu thơ ngay sau đó được truyền tụng có lẽ đã được làm trong dịp này:

Đôi dép râu làm râu hai đũa

Mũ tai bèo che kín tương lai...

Buổi lễ kết thúc, 16 liên đội lần lượt lên những chiếc xe GMC để đi về những vùng đất thuộc TP.HCM đã được chọn sẵn cho họ. Liên đội 1 và 11 đi nông trường Lê Minh Xuân (Bình Chánh), Liên đội 2 đi Vĩnh Lộc (Bình Chánh), Liên đội 3 đi Xuân Thới Sơn (Hóc Môn), Liên đội 4 đi Tân Phú Trung, Liên đội 5 đi Tân Thông Hội, Liên đội 6 đi Tân An Hội (cụm 3 xã Tam Tân của Củ Chi), Liên đội 7, 8, 9 và 14 về 3 nông trường Phạm Văn Cội 1, 2 và 3 (Củ Chi), Liên đội 10 và 15 đi Bưng Sáu Xã (Thủ Đức), Liên

đội 11, 12 và 13 đi Thái Mỹ (Củ Chi). Một Liên đội vẫn đóng ở Xuyên Mộc để chuẩn bị xây dựng trường Thanh niên Xây dựng Cuộc sống mới đón nhận giáo dục cải tạo thanh niên xì ke ma túy tệ nạn xã hội...

Còn tôi, cũng lên xe để về văn phòng dã chiến Ban chỉ huy Lực lượng, đóng tại đình Tân Phú Trung (văn phòng chính đóng tại 165 Hai Bà Trưng, Quận 1). Bên cạnh đình có một khoảng đất trống. Một lán trại được xây dựng tại đây, chia làm mấy phòng: Ban chỉ huy, Tổ chức, Kế hoạch, Tài vụ... Tôi về Văn phòng, với “thủ trưởng” là... Hai H., người cũ từng gặp ở Trường Đoàn. Công việc hàng ngày của tôi là nhận báo cáo từ các liên đội, tổng hợp lại để trình lên ban chỉ huy. Nhận và chuyển công văn. Làm giấy phép... Nói chung là mọi thứ liên quan đến giấy tờ, một công việc cũng khá nhàn hạ.

(Riêng Ban Vận động và Xây dựng Kinh tế mới của Trung ương từ ngày 10-10-1976 cũng thành lập nhiều Liên đội TNXP, gom thanh niên từng quận, gọi là Tổng đội TNXP xây dựng Kinh tế mới Trung ương, nói tắt là “TNXP Miền”, để phân biệt với “TNXP Thành Đoàn”, đi xây dựng khu kinh tế mới ở các tỉnh Sông Bé và Tây Ninh. Các Liên đội này được đặt tên chứ không đánh số, ví dụ như Liên đội Kiên Cường (thanh niên Quận 1), Kiên Gan (Q.3), Kiên Quyết (Q.4), Quyết Tâm (Q.5), Quyết Thắng (Q.6), Quyết Thắng (Q.8), Trung Dũng (Q.10), Trung Thành (Q.11), Thống Nhất (Q. Gò Vấp), Dũng Tiến (Q. Phú Nhuận), Dũng Chí (Q. Tân Bình), Dũng Cảm (Q. Bình Thạnh), Trung Kiên (Q. Thủ Đức)... Các bạn Nguyễn Nhật Ánh, Đỗ Trung Quân, Cao Vũ Huy Miên, Ông Văn Chiến... nằm trong các đơn vị này).

Đó là những ngày đầu “đi theo cách mạng” của tôi.

Phải nói là tôi có háo hức, có ngạc nhiên, có buồn cười và có cả nề phục, khi làm việc, tiếp xúc với một số người trong đoàn quân chiến thắng...

Vì Lực lượng giờ đã quá đông, nên ngoài Ba Tung, Hai Tuyết, Ban chỉ huy được tăng cường hùng hậu, với các vị từ chiến khu ra: Năm Cường (Võ Văn Cường), Sáu Khuy (Đoàn Văn Khuy), Ba Khắc (Phan Anh Điền), Ba Thức (Tạ Minh Quốc), Hai Sang (Tiết Hồng Quân), Sáu Khôi (Trần Văn Khánh)^[94]...

Lần đầu tiên gặp Năm Cường và Sáu Khuy trong một cuộc họp Ban chỉ huy ở 165 Hai Bà Trưng, tôi đã... hết hồn. Một bộ sa-lông cực đẹp (có lẽ do chủ cũ bỏ lại) nằm giữa phòng, với bộ nệm da màu kem. Các vị trong Ban chỉ huy ngồi đó, vừa UTQ^[95] vừa hút thuốc rê phun khói mịt mù. Có hai vị rút hai giò lên ngồi... chầm hằm trên sa-lông, là Năm Cường và Sáu Khuy! Họ có thể ngồi như thế suốt buổi họp! Sau mới được giải thích, trong chiến khu họ luôn ngồi kiểu nước lút như vậy, ít nhất cũng đỡ bị... rấn cấn.

Hết sức bình dân, dễ gần, nông dân thật, mở miệng với lính là “mày, tao”..., là nhận xét chung của tôi về các anh này. Lúc đó các anh vẫn mang dép râu, quần khắn rằn, da mặt còn xanh mét, vào cuộc họp là luôn miệng “đồng chí”. Các cuộc họp rất hăng, nhiều ý kiến, chủ tọa Năm Cường quyết định sau cùng, luôn dựa vào đa số theo đúng phương châm “tập thể luôn sáng suốt, thiểu số phục tùng đa số”. Kết thúc, tất cả ra sau hè ngồi ăn cơm bình đẳng với nhau, chị nuôi là dì Tư nấu món cá kèo kho cực ngon, với hành, ớt, tóp mỡ, ăn một lần là nhớ mãi (với tôi, tới giờ này dì vẫn là người kho cá kèo ngon nhất trên đời!).

Sáu Khuy còn làm tôi hết hồn hơn. Một hôm, họp ra, anh ngoắc tôi: “Mày nói giao liên đem cái công văn này xuống Liên đội 9 gấp!”. Lúc đó làm gì có điện thoại, chỉ có một giao liên thì đã chạy đi Thủ Đức rồi. Tôi hỏi để chiều được không, thì Sáu Khuy gạt phất: “Không được! Gấp lắm! Mày đi luôn đi!”. Tôi báo tôi không có xe gắn máy, Sáu Khuy hỏi luôn: “Mày biết lái xe hơi không?”. Tôi gật đầu một cách hoang mang: “Dạ...”

biết. Nhưng em bỏ lâu lắm rồi!”. Sáu Khuy chỉ chiếc Toyota Crown “chiến lợi phẩm” cẩu cạnh để trong garage: “Lái xe để ẹt có mẹ gì! Mà lái đi liền đi!”. Tôi thật sự lo: “Em đi TNXP đâu có đem theo bằng lái”. Sáu Khuy phẩy tay: “Kệ mà! Bằng lái là cái gì? Đi đi!”.

Và thế là tôi leo lên xe, nổ máy, vừa thích thú vừa hồi hộp lái về xã An Nhơn Tây xa hun hút giáp tỉnh Sông Bé. Tôi đã không dám nói thật với Sáu Khuy đó chính là lần đầu tiên tôi cầm lái một chiếc xe – và lại là xe xịn nhất lúc đó của Toyota – sau khi có bằng lái trước đó ba năm! Đúng theo chủ trương của thầy tôi, “đàn ông biết càng nhiều việc trên đời càng tốt”, tôi đi học lái xe ở Sân vận động Cộng Hòa hồi năm 1973, lúc vừa tốt nghiệp đại học, dù nhà không có xe. Nhưng từ hồi có bằng lái cho tới lúc ấy, tôi chưa hề lái một cái xe nào!

Có lẽ là nhờ xe tốt và đường vắng, tôi đã chạy tới nơi và về tới chốn.

Kể câu chuyện này chỉ cho thấy một kiểu lãnh đạo... táo bạo của các anh này lúc đó!

Không có ý chê bai nhưng thật sự lúc bấy giờ trong Ban chỉ huy TNXP chỉ có Ba Thức (ĐH Vạn Hạnh), Sáu Khôi (xuất thân thầy giáo), Hai Tuyết (ĐH Văn Khoa)... là đã qua Tú tài và đang học đại học, còn hầu hết đầu tư nông dân đi cầm súng, kiến thức được bổ sung lắt nhắt trong quá trình công tác. Cũng có người được cho đi học bổ túc văn hóa, biết đọc biết viết là tốt rồi.

Sáu Khuy, Năm Cương, Ba Khắc... đều gốc nông dân, đi du kích chiến trường Củ Chi, trên người ông nào cũng đầy sẹo. Rồi Bảy Thanh (Võ Viết Thanh), nông dân Bến Tre. Mấy ông này làm lãnh đạo TNXP cũng được đi, nhưng sau ngày càng đi lên, ông nào cũng đảm nhiệm những chức vụ quan trọng. Năm Cương và Sáu Khuy vào Thường vụ Thành ủy (Năm Cương từng làm Phó Bí thư trực), Ba Khắc Giám đốc Sở Thể dục Thể

thao, Bảy Thanh Chủ tịch UBND TP.HCM rồi Thứ trưởng Bộ Công an... Một Sài Gòn hoa lệ, đầy những nhà trí thức, khoa bảng, vậy mà được giao vào tay những ông nông dân thế này – đầy nhiệt tình và lúc đó phải nói là trong sạch – thiệt là buồn!

Trở lại với TNXP những năm đầu.

Tôi đi theo cánh quân đào kênh tưới Tam Tân ở Củ Chi. Đánh giá đây là công việc quan trọng nhất của toàn Lực lượng lúc ấy, Văn phòng Ban chỉ huy TNXP được dọn lên đình thần xã Tân Phú Trung huyện Củ Chi để theo sát chỉ đạo. Theo Quốc lộ 1 đi Tây Ninh thì đây là xã đầu tiên của Củ Chi giáp huyện Hóc Môn, ranh giới tự nhiên giữa hai huyện là con kênh An Hạ. Từ con kênh lấy nước từ sông Sài Gòn này, ba liên đội 4, 5, 6 sẽ bắt tay đào một con kênh tưới dài 25km dẫn nước vào ba xã Tân Phú Trung, Tân Thông Hội và Tân An Hội để phục vụ nông nghiệp.

Đó chính là những ngày không bao giờ quên với tôi và bao nhiêu đồng đội khác. Những ngày ăn sống, lao động cam khổ, nặng nhọc chưa từng nếm trải.

Kể sơ các bạn biết về ăn:

Không hiểu tại sao mà chỉ cần cù được đúng một năm là tình hình lương thực ở miền Nam đã bắt đầu gặp khó khăn, cung không đủ cầu. Với chất lượng gạo ngày càng tệ hại. Sau ngày chính thức xuất quân, chỉ khoảng vài tháng sau là khẩu phần lương thực của đội viên TNXP bắt đầu được chêm mì hạt (thường được gọi là “bo bo”, từ Liên Xô, Ấn Độ), rồi bột mì, khoai lang... Cơm độn bo bo, hoàn toàn không ăn nhập, khi cơm đã chín thì hạt bo bo vẫn còn cứng ngắt. TNXP cần ăn nhanh, vừa vì luôn quá đói vừa vì một mâm thường quy định năm người, ai ăn sau cùng là phải “đẩy xe rùa” – tức phải rửa chén đĩa nguyên mâm! Kết quả do không nhai

kỹ, bo bo thường “vô sao ra vậy”, chẳng ích lợi gì mà còn làm bộ tiêu hóa phải mệt nhọc đón nhận – đưa tiễn.

Những chị nuôi đầy sáng tạo ở TNXP thường chế biến món bột mì hấp thành những cái bánh bột trét tí mỡ hành, hoặc bánh canh bột mì với... bột ngọt (chứ làm gì có thịt!) ăn cũng đỡ buồn. Riêng khoai lang khoai mì ghế cơm thì nuốt không trôi, vì khoai về tới đơn vị thường đầu đã hư, sùng, ăn đắng cả miệng.

Thứ lương thực chính là gạo thì luôn cũ, mục, lại được pha trộn rất nhiều những sạn, bông cỏ, dù chị nuôi có lương tâm cách mấy cũng không thể nhặt sạch, giữa bữa ăn nghe tiếng nhai sạn rạo rạo rồi phun ra phèo phèo cũng là chuyện thường tình. Những ai đã sống trong thời bao cấp sau 1975 (tới khoảng 1985 mới bắt đầu đổi mới) hẳn đầu nhớ thời kỳ mà trước khi nấu cơm phải mất năm, mười phút nhặt sạn và bông cỏ này.

Về thức ăn, những món chủ lực là canh bí đỏ nấu con ruốc (tép cực nhỏ) khô, rau muống rau lang luộc, cá ngừ cá mòi kho..., ngày nào cũng vậy. Lúc đó cá về đến các chợ ở thành phố đâu được bảo quản như bây giờ, kho mặn quéo mà vẫn tanh không chịu nổi! Thật sự thì, cũng như mọi cán bộ công nhân viên thời đó, mỗi tháng TNXP cũng được ăn thịt heo một lần, tiêu chuẩn mỗi người nửa kí. Hôm nào có thịt, bếp ăn thật sự như ngày hội, gọi là được “bữa tươi”, tay nào thích nhậu – rượu đế thôi – là để dành tiền cho ngày này mua vài xị “liên hoan”.

(Mở ngoặc một chút ở đây để nói về vụ nhậu.

Cho tới ngày bước chân vào TNXP, tôi chưa từng một lần cần tới ly bia ly rượu. Không biết lính VNCH nhậu nhẹt thế nào, nhưng mấy ông cách mạng mà tôi được tiếp xúc ở TNXP, ông nào cũng uống rất mạnh. (Sau, tôi đi bộ đội, càng thấy các anh uống kinh hoàng hơn!). Và trong những bữa “liên hoan”, ai không uống sẽ không yên thân với “tập thể”. Tôi “không

hòa đồng” là nặng nhất. Và thậm chí, bạn còn không đáng tin cậy, chơi không được.

Ly rượu đế đầu tiên trong đời, tôi uống ở TNXP, cay nồng đến nỗi chảy cả nước mắt và ho sặc sụa. Chỉ ba ly là đủ cho tôi bật miệng chạy ra ngoài oi và đêm đó người nóng phừng phừng không sao ngủ được. Cuộc nhậu lần hai, lần ba... ổn dần! Để rồi khi tôi từ bộ đội về lại báo Tuổi Trẻ, lập tức được gia nhập vào hàng... kiện tướng ve chai!)

Đã có vào thì phải có... ra. Nhân đây kể luôn việc giải quyết chuyện “ra” này, chứ thời nay chắc không còn ai có thể hình dung nổi.

Cầu tiêu của TNXP lúc ấy rất đơn giản. Chỉ cần đào một cái hố to, sâu khoảng hơn 1m, trên miệng hố gác ngang hai thanh gỗ, chung quanh trồng bốn cây cọc để quay kín ba mặt bằng vải nhựa. Còn một mặt làm cửa, cũng bằng vải nhựa. Nam nữ như nhau. Nữ dùng làm nơi tiểu tiện luôn, còn nam đi tiểu thường kiếm... bờ rào, gốc cây. Được một thời gian, việc đi giải quyết “đệ tứ khoái” hàng ngày phải nói là một cực hình! Mùi hôi thối từ dưới hố xông thẳng lên mặt, giữa trưa nắng có khi muốn xỉu. Nhìn xuống thì đám dòi mập ú bò lúc nhúc, các loại ruồi nhặng rào rào bay lên... Thỉnh thoảng phải rải vôi để diệt dòi, nhưng cũng được chỉ vài hôm. Giấy chùi là đủ thể loại giấy tìm được – ở những đơn vị đóng quân nơi xa thì có thể là... lá chuối khô! (Viết tới đây lại thấy ớn ớn khi nhớ lại cảm giác ngày xưa!).

Những cầu tiêu kiểu đó phổ biến ở các doanh trại TNXP mãi tới năm 1977, khi Bác sĩ Đại úy Quân y VNCH Thiệu Hoàn Chí từ trại cải tạo về trình diện và được Sở Y tế đi đầu động viên làm việc ở TNXP. Anh được phân công về công tác tại Tổng đội 4 ở tuyến kênh Ba Gia (Phạm Văn Cội) dài 7km, chưa bao lâu đã nổi tiếng và được nhiều đội viên đặt cho một biệt danh kỳ lạ: “Bác sĩ cầu tiêu”. Bởi công trình đáng kể đầu tiên của anh ở các đơn vị, chính là việc anh kiên quyết xây dựng cho được hệ thống cầu

tiêu hai ngăn cho từng đại đội. Đó chỉ là một trong những công việc không ai yêu cầu nhưng anh vẫn làm. Thành tích này đã đưa anh vào hàng ngũ những Chiến sĩ thi đua, được chọn lên báo cáo điển hình trong Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn thành năm 1978, rồi sau đó được đưa về Phòng y tế Lực lượng để coi việc làm cầu tiêu hai ngăn khắp các đơn vị.

Còn về:

Những ngày mới đổ quân lên địa bàn, khi doanh trại (chỉ bằng thân cây, tre, tranh, vải dầu, tăng nhựa...) chưa dựng xong, đội viên TNXP thường phải trải bạt ngủ ngay trên mặt đất, có khi đắp bạt ngủ luôn trong mưa, dần dần mới có sam (chambre: phòng ngủ) tập thể, với hai hoặc ba dãy sạp dài bằng tre hoặc lồ ô, cứng còng, mỗi người trải một chiếc chiếu cá nhân lên, thành gang sơn ê ẩm riêng.

Với chỗ ở toàn bằng vật liệu dễ cháy như vậy, các doanh trại TNXP trong thời gian đầu bị bà Hỏa đến viếng thường xuyên. Nhất là khi trên đầu “giường”, cứ vài người lại giắt một ống thuốc Lào! Nguyễn Đức T., một đội viên ở Liên đội 7 đóng tuyến kinh Tam Tân, “nhạc sĩ quần chúng” của TNXP, nổi tiếng với bài *Dứt điểm* và *Tuyến kinh lửa*, từng hút thuốc Lào và biến sam mình thành... sam lửa (sau khi bị kỷ luật với cái tội này, anh biến đi đâu mất!).

Những dãy nhà ẩm thấp, chỗ ngủ dễ bị mối mọt, nếp sống thiếu vệ sinh, có những lúc không có xà bông tắm, đã khiến dịch ghẻ, lác ở TNXP trong những năm đầu tha hồ bùng phát. Tôi chưa bao giờ thấy ghẻ hoành hành ghê rợn như vậy. Có những đơn vị, hơn 90% quân số bị ghẻ. Trong các cuộc họp, tiếng gãi ghẻ sồn sột cứ vang lên không ngớt, anh em cười đùa gọi đó là... *Tiếng đàn Bộ Lư*^[96]. Có những người bị ghẻ toàn thân mừng mủ chảy nước vàng, đến mức đi không được. Đạo diễn Trần Văn H. cũng xuất thân từ TNXP, có lần kể chuyện vui anh và cô bạn đi dạo chơi quanh doanh trại trong ngày nghỉ, anh rủ cô ngồi xuống để... tâm sự thì cô dứt

khoát từ chối. Lý do đơn giản: ng ồi xuống da bị căng thì những nốt ghẻ ở mông sẽ bị bể! Thuốc xức ghẻ hiệu Bộ Lư là món quà quý ở hậu phương dành cho tiền tuyến lúc bấy giờ! Thuốc này nay đã thất truyền từ lâu, không biết làm bằng gì, tôi chỉ còn nhớ là nước thuốc màu tím ngắt, bốc mùi hôi khó tả. (Dĩ nhiên tôi cũng từng là nạn nhân!)

Các “chiến dịch trị ghẻ” với quy mô lớn, toàn diện, triệt để... đã được mở ra ở khắp các đơn vị. Quần áo chăn màn chiếu gối thảm đều được đem nấu nước sôi, phơi phóng. Các vật giường được chế nước sôi, đem phơi nắng. Người bị ghẻ được tập trung tắm rửa, bôi thuốc... Sau một thời gian dài, nạn ghẻ mới tạm được đẩy lùi.

Về lao động:

Chủ yếu lao động của TNXP lúc đó là lao động thủ công, cơ bắp, nông nghiệp. Đào kênh, cuốc đất, khai hoang, dựng nhà, đắp đê...

Ngoài tuyến kênh tưới Tam Tân, TNXP còn nhận đào kênh Ba Gia, Thái Mỹ cùng ở Củ Chi, kênh Trần Quang Cơ ở Hóc Môn, kênh Lê Minh Xuân ở Bình Chánh... Hầu hết đội viên đều xuất thân từ thanh niên thành phố, lần đầu mới tiếp xúc với cái cuốc cái xẻng, leng lỏi leng ống..., chỉ sau một ngày lao động là hai bàn tay đã sưng phồng, đau buốt. Vậy mà hầu như không ai than thở. Tất cả cùng bặm môi cuốc, xúc, đào, đắp... giữa mưa giữa nắng. Da dẻ bắt nắng đen sạm, tóc cháy xơ xác, chân tay nứt nẻ..., họ vẫn lao động miệt mài. Tội nhất là các cô gái đào kênh ở Lê Minh Xuân trong thời kỳ đầu, quá hăng hái ngâm mình cả ngày dưới dòng nước đen, sau một thời gian hầu hết đều bị bệnh phụ khoa!

Hùng tráng nhất lúc thi công là công trình Trần Quang Cơ^[97]. Tuyến kênh dài 4km này được giao thi công trong một thời gian ngắn kỷ lục, được TNXP đưa lực lượng tinh nhuệ nhất từ Củ Chi lên, quyết đánh nhanh rút gọn. Công trình này đã có buổi ra quân nhớ đời. Ông Võ Văn Kiệt lên

đánh trống lệnh xuất quân, trong tiếng hò reo tỏ mở. Khí thế đào kênh hùng hực, sôi nổi, nhưng gặp phải vùng đất có địa chất phức tạp, nhiều đá ong, nên tiến độ không kịp như mong muốn. Thế là đổ thêm quân, đánh cả ngày lẫn đêm. Ban ngày thì nắng chói chang, ban đêm thì đốt đuốc cầm dọc hai bờ kênh, đào đắp không ngưng tay...

(Xin mở ngoặc ở đây một chút: Từ Hốc Môn qua Củ Chi có cây cầu gọi là cầu Kinh Xáng, bắc qua dòng kênh thẳng tắp được đào bằng xáng mức, từ rất lâu rồi. Kênh Tam Tân cũng lấy nước từ đây. Khi TNXP đang đổ mồ hôi sôi nước mắt đào kênh Tam Tân, có lần tôi xuống công tác, ngồi uống cà phê thì nghe mấy người dân địa phương ở bên nói chuyện với nhau: “Ủa sao mấy ông không cho xáng mức mà bắt mấy đứa xung phong đào tay chi cho mệt mà lâu vậy? Nuôi tụi nó ăn còn hao hơn tiền dầu nữa!”. Nghe xong lập tức thấy có gì đó sai sai!)

Nhờ sự tung hô mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông, các hoạt động của TNXP liên tục đến với công chúng bằng những lời có cánh. Bộ máy cũng phát triển mạnh, liên tục nhận quân, liên tục lên đường... Các liên đội bắt đầu tách ra thêm những Liên đội Cơ động, từ 1 đến 16, đi “đánh” nhanh, gọn, khắp nơi, cùng lúc với những Khu Kinh tế mới được lập ra ở Tây Ninh, Đồng Nai, Sông Bé, Kiên Giang, Minh Hải..., thực hiện các chương trình cải tạo tư sản và giãn dân phi lao động ra khỏi Sài Gòn^[98].

Văn phòng Ban chỉ huy TNXP Thành đoàn đã dời từ đình Tân Phú Trung – Củ Chi lên một doanh trại quân đội cũ ở gần ngã tư An Sương, có tính chất quy mô hơn. Ba dãy nhà hình chữ U vách ván mái tôn được xây dựng, có đủ phòng ốc, ban bệ. Trong lúc làm nhà, tôi bị một cây kèo rơi trúng đỉnh đầu, ngất xỉu, giờ vẫn còn một cái sẹo ngay trên chóp.

Năm 1977, tôi bắt đầu viết vài mẫu dạng Sổ tay gửi báo *Tuổi Trẻ*, lúc đó mới chỉ là một tuần báo 8 trang, in khổ giống bây giờ, tira (số phát hành) chỉ khoảng 5.000 bản/kỳ. Thời đó còn báo *Tin Sáng* nên thỉnh thoảng tôi

cũng có gửi bài cho tờ báo này. Cả hai tờ báo đều có đăng bài của tôi, gửi độ ba bài thì đăng một, cũng đủ vui. Nhuận bút để đó, lâu lâu về phép lãnh một lần. Tôi còn gửi hai truyện ngắn về đây, ký tên Nguyễn Đức Thông, trong đó có một truyện tựa là *Còn một lối về*, chính là phác thảo của *Ngọc trong đá* sau này. Cả hai truyện đều không được chọn đăng, dù lúc gửi tôi đã khấp khởi hy vọng vì tự tin truyện mình viết rất hay, không được chọn đăng lại rửa xả là do không có quen biết. Tâm lý này chắc nhiều cây bút lúc mới “khởi nghiệp” đều có. (Sau này, khi đã về làm việc tại báo, gặp người phụ trách chọn truyện đăng là nhà văn Đào Hiếu, anh có đưa lại cho coi hai bản thảo này với lời phê ngắn gọn tại sao loại. Đọc lại thì thấy... dở thiệt, không đăng là đúng rồi!)

Anh Tạ Minh Quốc, bí danh Ba Thức, là chỉ huy phó lực lượng phụ trách kế hoạch – tổng hợp, làm việc và ngủ cùng phòng với tôi và anh Huân, thấy tôi giờ rảnh buổi tối hay ng ỡ cầm cú viết thì hỏi thăm. Khi biết việc của tôi, anh nói cho anh làm đọc giả đầu tiên, có gì sẽ giúp góp ý. Mãi sau này tôi mới biết thật ra anh muốn duyệt xem tôi viết cái gì gửi báo, vì cuối cùng hầu như anh chẳng góp gì. Tạ Minh Quốc là một người tính tình kỹ lưỡng thấy sợ luôn...

Biết tôi viết được, vẽ được, lại nắm lý lịch thấy thầy mẹ tôi đều là dân làm báo ở Sài Gòn, năm đó Thành Đoàn tổ chức thi báo tường khắp các cơ sở Đoàn toàn thành phố, anh Ba Thức giao tôi đứng làm tờ *Vượt Tiên* của TNXP dự thi. Cũng vẫn với khổ của một tờ croquis, tôi “sáng tạo” chơi bốn cái nẹp tre bốn cạnh cho có phong cách TNXP, khung của các bài thì bằng nẹp l ồ ô mảnh hơn. Ăn may hạng nhất, tin được đăng trên *Tuổi Trẻ* hàng hoàng!

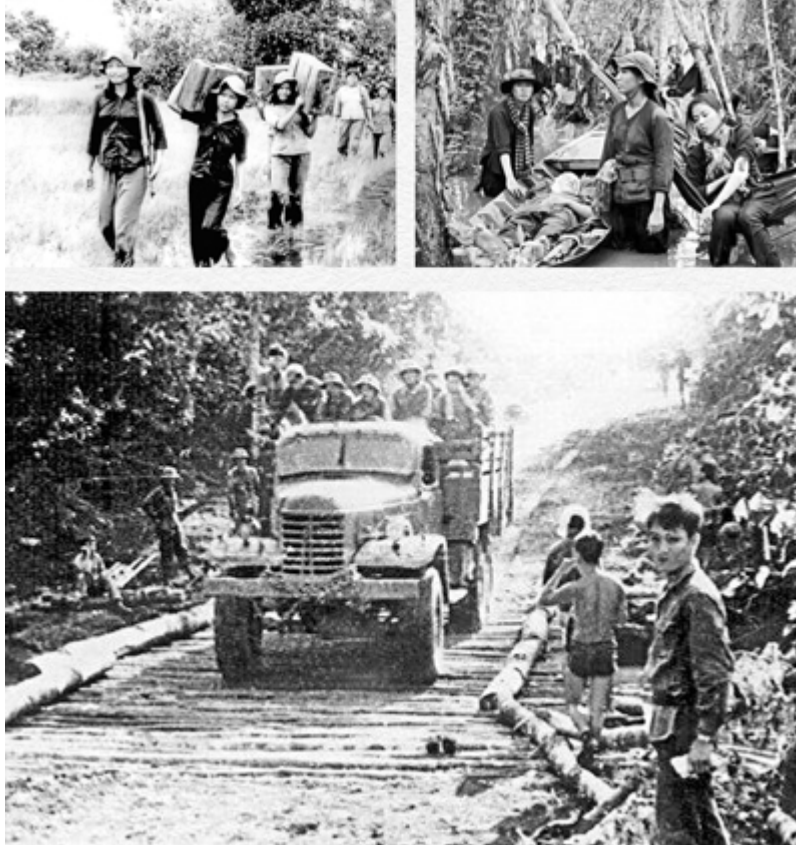
Báo *Tuổi Trẻ* quyết định phát triển và đưa anh Võ Như Lanh, từ văn phòng Thành Đoàn về làm Tổng Biên tập chính danh đầu tiên (trước đó báo do các Bí thư hoặc Phó Bí thư Thành Đoàn trực tiếp phụ trách, trong ba

năm lần lượt có tới ba, bốn ông phụ trách: Phạm Chánh Trực, Nguyễn Chơn Trung, Võ Ngọc An, Lê Văn Nuôi). Anh Lanh quyết định tuyển thêm phóng viên. Vì ngày trước anh hoạt động trong phong trào ở Đại học Vạn Hạnh cùng với anh Ba Thức nên hai người khá thân nhau. Có thể trong lúc gặp nhau hàn huyên nào đó, anh Ba Thức đã giới thiệu tôi, nói từng cộng tác với *Tuổi Trẻ*, từng được giải thưởng báo... tường. Anh Lanh hỏi lại trong tòa soạn rồi lên tận An Sương tìm tôi để phỏng vấn.

Tháng 10 - 1977, một tháng sau khi UBND TP.HCM ra quyết định sáp nhập Tổng đội TNXP Thành Đoàn và Tổng đội TNXP Kinh tế mới Trung ương thành Lực lượng TNXP TP.HCM (6-9-1977), tôi xách ba-lô rời TNXP để về làm phóng viên *Tuổi Trẻ*...

Những ngày tốt đẹp với TNXP chưa kết thúc ở đó – và có lẽ chưa hề kết thúc. Vì xuất thân từ TNXP nên lực lượng có hoạt động gì mới là tôi lại được tòa soạn phân công đi. Lực lượng lúc ấy đã thật sự lớn mạnh, chia làm chín Tổng đội đi làm nhiệm vụ ở khắp nơi, từ Tây nguyên cho tới tận miền Tây Nam Bộ. Thời gian đầu về làm phóng viên *Tuổi Trẻ*, tôi đi công tác cũng gần đủ đơn vị: Tổng đội 1 ở huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, Tổng đội 2 ở huyện Hố Dớn tỉnh Minh Hải^[99], Tổng đội 3 ở Long An, Tổng đội 4 ở Củ Chi, Tổng đội 5 ở Tây Ninh, Tổng đội 6 ở Lâm Đồng, Tổng đội 7 ở Bình Chánh, Tổng đội 8 cũng ở Kiên Giang, Tổng đội 9 ở Sông Bé^[100]. Những chuyến đi cực kỳ vất vả, bằng đủ loại phương tiện, xe GMC của TNXP, xe đồ phải mua vé bằng giấy giới thiệu ưu tiên của nhà báo, xe lôi, tắc ráng, vỏ lãi..., thường đi từ sáng tinh mơ đến tối mịt mới tới nơi đã là mừng!

Cũng từ tháng 9-1977, từ rất sớm và hoàn toàn bí mật, hai liên đội Thống Nhất và Dũng Chí đã được điều ra phục vụ chiến trường biên giới Tây Nam. Họ cày thương, tải đạn, tải lương, làm đường, làm công sự phòng thủ... cho bộ đội, cực nhọc trần thân.



Từ trái qua: TNXP tải đạn (hình 1), tải thương (hình 2), làm đường cho xe bộ đội qua (hình 3).

– Ảnh: Internet

Tuy nhiên trong trang sử ấy, đã có một nốt lặng buồn!

Ngày 21-7-1978, Trung đội 3 thuộc Đại đội 3, Liên đội 303 (tiền thân là Liên đội Cơ động 12), Tổng đội 3, đã đến địa phận xã Koky Som (huyện Svay Theab, tỉnh Svay Rieng) nhận nhiệm vụ chống lầy, sửa đường cho các loại xe pháo của bộ đội vào trận địa, trên đoạn đường dài 10km từ Rừng Nhum qua ngã ba Ta Ei.

Lán trại dã chiến được dựng trong ngày. Ban ngày, anh chị em phải chặt cây chèn đường, san lấp đất lún... Ban đêm, do không thể giăng võng, anh chị em phải trải ni-lông ra đất nằm ngủ. Do lao động vất vả, mệt nhọc, nên

tối đến mọi người ngủ rất say. Và chưa hết đêm đầu tiên, vào khoảng 4 giờ sáng ngày 22-7-1978, khi cả B đang ngủ thì bị quân Pôn Pốt tập kích.

26 TNXP, trong đó có 9 nữ, ở trong một chiếc lán trơ trọi trên cánh đồng hoang vu với chỉ hai khẩu súng AK để tự vệ, còn lại là cuốc, xẻng, dao, trở nên quá bé nhỏ trước một tiểu đoàn quân Pôn Pốt. Một vài người đã thức dậy chuẩn bị tập thể dục. Anh Nguyễn Văn Đủ là người đầu tiên phát hiện địch tấn công. Anh kêu to: “Mấy đồng chí nữ ơi, chạy xuống hầm đi!”. Và anh chính là người đầu tiên bị địch bắn chết. Cảnh tượng thật kinh hoàng khi trên cánh đồng hiện ra một lũ người ở trần, mặc xà-rông, đầu chít khăn cà-ma, lăm lăm súng và gào lên bằng tiếng Campuchia: “Chặt đầu! Chặt đầu chúng!”.

Hơn 100 tên địch xông đến, bao vây chiếc chòi lá trống huơ trống hoác mới được cất lên ngày hôm qua...

Anh Ngô Đức Minh – Đại đội trưởng đi với Trung đội – người canh giữ mấy bao gạo của Trung đội ở cách đó mấy mét – đã chết cháy khi bị địch phóng lửa. Nhưng man rợ nhất là khi quân Khmer Đỏ xông vào lán lôi những người còn sống sót ra ngoài. Cả 9 người nữ cùng bị chúng xé hết quần áo, hãm hiếp. Và rồi trên cánh đồng hoang ngập nước ấy, chúng lôi các chiến sĩ TNXP xếp thành một hàng rồi xả súng bắn...

26 người, chỉ có hai người sống sót là Nguyễn Thị Lý và Nguyễn Văn Tuấn Tuân thì nhờ bọn địch tưởng họ đã chết, còn Lý thì dường như bọn địch cố ý để cho sống, với một trái lựu đạn mini đã tháo chốt nhét vào âm hộ...

Mãi đến xế chiều, một đơn vị bộ đội mới phát hiện nơi Trung đội 3 bị tàn sát.

Những đồng đội của anh Tuấn và chị Lý đã hi sinh khi còn quá trẻ. Hai cô gái cùng tên Ngọc Mai vừa 19 tuổi, còn Nguyễn Trọng Hùng và Lý Anh

Dũng mới 17 tuổi. 23 người trong số ấy đều là dân Sài Gòn, riêng cô Nguyễn Thị Em hiện giờ vẫn chưa rõ thân nhân là ai, quê ở đâu...

Thường thì TNXP luôn đóng quân trong sự bảo vệ của một đơn vị bộ đội ở phía trước. Trách nhiệm về tổn thất của Trung đội 3 mãi mãi không bao giờ được làm rõ là do đâu...

Chiến trường ngày càng ác liệt, Lực lượng phải đưa luôn Tổng đội 4 và Tổng đội 7 ở ngoại thành, nhập thành Tổng đội 3 Biên giới để lên đường qua Campuchia phục vụ bộ đội chiến đấu, quân số ra biên giới có lúc lên tới 5.000 người, chia làm 14 liên đội. Khí thế lên đường vô cùng sôi nổi. Có những đội viên không được chọn đã cắt tay lấy máu viết huyết thư xin được đi, những đội viên không đủ số cân thì nhét gạch vào người cho đủ trọng lượng... Có thể nói những ngày phục vụ cuộc chiến chống quân Khmer Đỏ ở biên giới Tây Nam chính là những trang sử hùng tráng nhất của Lực lượng TNXP TP.HCM...

Có một công việc của TNXP tương đối thẩn lặn hơn nhưng lại khó khăn hơn nhiều: Cải tạo con người...

Công việc này đã bắt đầu từ rất sớm. Hai Đại đội 1 và 2 đầu tiên của TNXP đã được đưa lên rừng Xuyên Mộc (ấp Thạnh Sơn 4, xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai) từ tháng 10-1975 để xây dựng doanh trại và chuẩn bị cơ sở. Ngày 28-3-1976, TNXP chính thức ra quân rầm rộ, hai đại đội này vẫn ở lại Xuyên Mộc, được bổ sung quân số để thành lập Liên đội Xuyên Mộc nhận công tác khai hoang và làm rẫy. Tháng 10-1976, UBND TP.HCM giao nhiệm vụ xây dựng trường cải tạo thanh niên cho TNXP tại đây, tên là Trường Thanh niên Xây dựng Cuộc sống mới. Phan Quang Hùng (Liên đội trưởng Liên đội Xuyên Mộc lúc ấy, trước đó là đội viên Đại đội 2 đầu tiên) nhớ lại: “Được phân công nhiệm vụ “cải tạo thanh niên tệ nạn xã hội”, tôi ngơ ngác, không hiểu cải tạo là gì? Mới 21 tuổi, đang học dở đại học ở Sài Gòn, biết gì để cải tạo những thanh niên thậm

chỉ còn hơn tuổi mình, những người được xếp vào dạng thanh niên loại 4 – giết dọc, buôn bán chợ đen, mại dâm, nghiện hút...? Thôi thì làm liêu”. Những bài giảng không giáo trình về lòng yêu nước, về lao động, về trách nhiệm của thanh niên với đất nước cứ thế đến với học viên...”.

Với phương châm “Tình thương ; Trách nhiệm” do ông Võ Văn Kiệt đề ra cho trường, Trường Thanh niên Xây dựng Cuộc sống mới đã tập trung giáo dục lao động, cai nghiện, dạy nghề, dạy bổ túc văn hóa... cho hàng ngàn thanh niên tệ nạn xã hội của Sài Gòn. Nhiều người trong số đó đã thay đổi trở thành những con người mới đúng nghĩa, không còn nghiện ma túy, chịu lao động, có học hành, có nghề nghiệp nuôi sống bản thân... Một số ở lại TNXP, lập gia đình, ổn định cuộc sống lâu dài trên vùng đất mới... Đó là những cuộc đổi đời rất có ý nghĩa.

Trường Thanh niên Xây dựng Cuộc sống mới nhanh chóng xây dựng cơ sở 2 ở Vĩnh An, đổi tên thành Trường Giáo dục Lao động Công Nông nghiệp và phát triển hàng loạt trường ở Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk... Tuy nhiên những năm sau này, khi hoạt động của trường đã trở thành chính quy, tập trung cưỡng bức lao động hàng vạn thanh niên nghiện ma túy với thời hạn quá lâu (tối thiểu hai năm) và giữ lại thêm một thời gian để xét cho qua TNXP hoặc hồi gia, việc làm ấy đã trở thành vi phạm nhân quyền bởi thực tế người nghiện ma túy không thể bị đối xử như tội phạm. Chi phí để tổ chức, duy trì các ngôi trường này cũng rất lớn, quá sức của Lực lượng TNXP, nên lần lượt các trường đã được giải thể...

Giờ nhìn lại cả một thời sôi nổi ấy, là bao cảm xúc lẫn lộn trong tôi.

Và tôi nghĩ đó cũng là những cảm xúc rất lớn, đóng dấu ấn dài lâu trong tâm hồn, của hàng ngàn đội viên TNXP cùng thời với tôi.

Tuy thực tế đa số những công trình TNXP làm ra đâu có hiệu quả không mấy cao, thậm chí nếu hạch toán đầy đủ thì phải nói thẳng là thất bại, đi

khai phá thì phá nhiều hơn khai. Những khu kinh tế mới, nông trường, lâm trường... giờ hoang phế, những ước mơ hão huyền “với sức người sỏi đá cũng thành cơm”, kể cả một “thủ đô của thanh niên cả nước ở Tây Nguyên”^[101] nhanh chóng tàn lụi, một nông trường được “Huân chương lao động” nhưng chỉ nhờ báo cáo láo chứ nhiều nông trường viên phải thường xuyên về thành phố bán máu kiếm sống^[102]..., nhưng với những đội viên TNXP của 20 năm đầu thì những ngày ở TNXP vẫn là những ngày đẹp nhất của đời họ.

Hầu như mỗi người đến với TNXP đều có một lý do, hay đúng hơn, một động cơ riêng. Dĩ nhiên vẫn có một số có động cơ đúng. Còn ngoài ra thì... thích đi khắp thế gian, hoặc chán ghét hoặc muốn nhẹ gánh gia đình, muốn đổi đời, trốn lánh những quan hệ cũ, thất tình, biếng học, ham vui, chấp hành sự phân công của tổ chức, bị lôi cuốn bởi những hào quang rực rỡ của cái buổi đầu ra quân đầy khí thế... Cả trăm lý do. Để rồi khi những thực tế khắc nghiệt của một cuộc sống chung đụng hỗn tạp và nhiều thiếu thốn càng ngày càng hiện ra đầy đủ, một cuộc sống lao động nhọc nhằn với hai bàn tay và những công cụ thô sơ ngày này qua tháng nọ tưởng như liên miên không bao giờ dứt... Khi tất cả những thử thách đó đến với mỗi người, thì như mọi nhánh sông sớm muộn rồi cũng hòa nhập làm một trước khi ra biển, mọi lý do ban đầu đều phải thay đổi, để hoặc quay lui hoặc vượt qua tất cả, để được tôi luyện thành một người vững chãi, dày dạn, tự tin, yêu lao động và yêu Tổ quốc một cách trầm lắng, sâu sắc mà thiết tha, như yêu chính cuộc sống gian khổ của mình và đồng đội...

Hầu như không TNXP nào thời đó có thể quên được những ngày chặt tre, cắt tranh, lợp nhà, phá rừng, đốn tràm, bắn leng, chạy ki, xuống hom, đẩy mạ, gặt lúa, trồng thorn, làm ngâm, thông đường, dựng cột, tải thương, gánh đạn... Sẽ không ai quên được những tiếng cười hồn nhiên, giọt nước mắt đậm đà, câu hát say sưa, điệu múa rộn ràng, đêm đốt lửa ở rừng nghe

bạn ngâm thơ, giao thừa đầu tiên xa nhà ngỗ quanh ngỗ bánh tét lần lượt chúc nhau... Những lớp học văn hóa dưới ánh đèn dầu lù mù, những đêm thấp đuốc đào kinh đến sáng, những ngày trệu trạo nhai bột mì luộc chấm nước muối rồi nhìn nhau mà cười. Những trăn trở với khuyết điểm đầu tiên sắp đưa ra tập thể, những reo hò hể hả mũ nón tung trời khi dứt điểm một tuyến kinh, hợp long xong một con đê ngăn mặn quá đổi gian nan, những gặp gỡ và chia tay. Những gặp gỡ và chia tay...

Muôn vàn kỷ niệm ngọt ngào ấy đã thấm đượm thành một phần máu thịt người TNXP để dù anh ấy chị ấy một ngày nào đó có thay đi bộ áo thân quen của mình, họ cũng vẫn là một người TNXP đúng nghĩa. Họ sẽ không thể sống ngược lại với những kỷ niệm đẹp nhất của một thời đẹp nhất. Thời mà cả bộ óc và trái tim của mỗi người cùng như tờ giấy trắng.

(Khoảng thời gian sau này, TNXP đi vào làm ăn kinh tế, nhận xây dựng những công trình, đường sá, làm dịch vụ công ích..., bắt đầu dính dáng đến tiền bạc, lợi ích, thì hình ảnh người TNXP đã không còn đẹp như trước. Nhất là khi họ tham gia lực lượng trấn áp người đi biểu tình ôn hòa bày tỏ thái độ chống Trung Quốc lấn chiếm Biển Đông, chống Formosa gây ô nhiễm môi trường..., thì chính họ đã làm mất đi hình ảnh đẹp một thời mà thế hệ đi trước đã đổ bao mồ hôi và cả xương máu xây đắp nên).

3. Những bữa ăn ngon nhì đời tôi đầu ở TNXP

May mắn sống trong nghề báo nghề văn với cơ duyên được đi nhiều và thường đi với tư cách khách mời, có thể nói đời tôi đã được nếm qua không biết bao nhiêu sơn hào hải vị ở trong nước và một số nơi trên thế giới... Vậy mà suốt đời tôi vẫn không bao giờ quên được những bữa ăn ngon lạ lùng thời gian khó, trong những ngày còn ở TNXP và bộ đội (1975 – 1981)...

Đói, đói hơn, đói nữa, đói vàng mắt... Đó là cảm giác của hàng triệu người miền Nam từ sau năm 1975 cho tới cả chục năm sau. Hệ quả sau một thời chiến tranh dài đằng đẵng, mà cũng là hậu quả của những chính sách sai lầm liên tục, “sai đâu sửa đó – sai đó sửa đâu – sửa đâu sai đó”, từ đổi tiền, xóa bỏ tư sản, tập trung quốc doanh, đến ngăn sông cấm chợ, mỗi quận huyện là một pháo đài, đóng cửa với giao thương nước ngoài...

Những chuyện đó ngoài phạm vi chương này, đây chỉ nói đến những bữa ăn ngon trong đời. Chúng lại đều được ký ức khắc ghi trong cái thời đói khổ, bởi lúc đó có được miếng ăn ngon sẽ khó bao giờ có thể quên.

Thật ra, như nhà văn Sơn Nam từng nói, “Hồi nhỏ cha mẹ cho ăn món gì thì khi lớn lên, món ấy trở thành ngon nhứt trên đời”, những món ăn ngon nhất đời tôi đều trong thời gian tôi sống cùng thầy mẹ. Mẹ tôi người Hội An, cha tôi Quảng Ngãi, nên những món ăn trong nhà tôi thiên về món ở duyên hải miền Trung, với cá thu, cá ngừ, cá liệt, cá nục, cá đối... là chủ đạo. Một trong những điểm đặc biệt của mẹ tôi lại là bà không ăn món gì cha mẹ chưa từng cho ăn. Ông ngoại tôi người Quảng Nam, bà ngoại người Hoa, nên thực đơn trong nhà lâu lâu lại có giò heo nấu đậu đen, đuôi heo nấu xá bầu (củ cải muối)... Món độc chiêu của nhà mà tôi nhớ mãi là canh kiềm^[103], canh cá lóc nấu ảm, đầu cá thu nấu ảu, giò heo nấu hột sen và gà nhồi xôi nếp đậu xanh tẩm với hột sen, táo Tàu, củ năng..., giờ không tìm đâu ăn ngon bằng. Chè thì ôi thôi hàng chục món, thích nhất vẫn là những món chè miền Trung: đậu xanh đánh, hột sen, đậu ván, đậu ngự... Với những hột kê nhỏ rút má tôi thường nấu chè dịp Tết Đoan Ngọ mừng Năm tháng Năm hàng năm, cũng vẫn thơm ngon!

Những món ăn ngon nhì đời tôi? Chính là ở TNXP chứ đâu!

NỒI CHÁO MÈO LÚC NỬA ĐÊM

Năm 1976, lần đầu tiên trong đời tôi được ăn... thịt mèo (và cũng là lần cuối cùng). Văn phòng Ban chỉ huy Lực lượng TNXP Thành Đoàn (lúc ấy còn có một Lực lượng TNXP Kinh tế mới nữa, đóng quân ở Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai...) dời từ 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận 1 (nay là Nguyễn Thị Minh Khai) ra đóng bên cạnh đình Tân Phú Trung – Củ Chi để tiện chỉ huy việc thi công tuyến kinh Tam Tân. Thời buổi ấy, bữa ăn TNXP hàng ngày rất đạm bạc. Tôi nhớ hình như ngày nào cũng chỉ có canh bí đỏ, rau muống hoặc rau lang luộc, món mặn là cá khô hoặc mấy loại cá biển kho rế tiều, tanh rình. Cơm gạo hẩm có nhiều sạn, về sau bắt đầu có độn mì hạt (bo bo), mì sợi. Gây ấn tượng nhất với tôi, một sinh viên lần đầu tiếp xúc với cách mạng, là toàn bộ ban chỉ huy cùng ăn cùng ở cùng làm như mọi người, chẳng nghe ai tỏ vẻ khó chịu hay mở miệng than tiếng nào.

Ăn uống như vậy nên chuyện không nói ra nhưng ai cũng biết là... ai cũng thèm thịt. Thèm như điên, nhiều khi trong giấc mơ thấy mình được ăn heo quay, gà luộc, bò xào..., tỉnh dậy miệng còn đầy nước bọt!

Một hôm, tôi đang nằm mơ như thế thì bỗng bị Chánh văn phòng Hai H. nằm ngủ cùng phòng thì thảo gọi dậy. Thì ra có một con mèo nhà ai không biết đi kiếm ăn trong doanh trại TNXP bị mắc kẹt trong hàng rào kẽm gai, đang meo meo thảm thiết. Hai H. ra túm gáy con mèo về kêu tôi trói chân nó lại rồi thì thảo: “Mày đi nấu ấm nước sôi, để tao làm thịt nó. Rồi đi xuống bếp kiếm ít bột ngọt, nước mắm, hành tỏi... đem lên đây. Nhớ làm thiệt êm nghe!”. Lần đầu tiên đụng thịt mèo, tôi băn khoăn: “Người ta nói ăn thịt mèo nghèo ba năm?”. Hai H. cười: “Mình còn nghèo ít nhất vài chục năm nữa, lo gì?”.



Nửa đêm, hai thầy trò tôi đốt đèn dầu lục đục trong văn phòng (không dám đem xuống bếp sợ động nhiều miệng ăn, thật xấu hổ!), nào là cắt cổ, cạo lông, r ỡ mỡ bụng, nấu cháo... thật êm ái nhẹ nhàng. Xong xuôi đâu đó, Hai H. mới đi dựng đèn thêm vài chiến hữu đáng tin cậy (để sẽ không khai) cùng qua thưởng thức. Phút mở nắp n ỡ cháo mới... linh thiêng gì đâu! Khói bốc lên nghi ngút, thơm điếc mũi, làm tỉnh ngay những bộ mặt phờ phạc, ngái ngủ, đói ăn. Mắt đưa nào đưa nẩy sáng rực lên, mũi ph ồng ra hít lấy hít để mùi thơm của thịt lâu ngày không gặp. Trời đất, miếng thịt mềm mại cắn r ỡ để đó ngậm mà nghe, ngọt lịm đến tận chân răng, viết tới đây tôi nghe như mùi thơm của nó còn xộc lên mũi, ngây ngất!

GÀ NẤU ẤM

Nói về chuyện chuẩn bị... ăn gà thì ấn tượng nhất là trong chuyến lần đầu tiên về thăm gia đình cô đồng đội TNXP ở xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Tết năm 1978. Buổi trưa, đang nằm phè trên võng vừa ngắm đàn gà đi tới đi lui quanh nhà vừa chảy nước miếng thì má của cô bạn bước tới, đưa ra... mấy cục đá xanh: “Nghe nói bây thích ăn gà? Nè, bây chơi đi, trứng con nào làm thịt con nấy!”. Thì ra là gà thả rong, muốn ăn phải đợi tới nó về chuồng mới bắt được để chuẩn bị cho hôm sau. Ăn đột xuất chỉ có cách chơi đá, trứng chân con nào là con đó sụm, tới bắt.

Chứ rượt đuổi coi như thua, chưa kể là tụi nó sợ chạy mất tiêu, tối khỏi về nhà.

Đó là lần đầu tiên trong đời tôi ăn gà... chọi đá!

Cũng may nhờ thềm gà mà mới cục thứ ba tôi đã chọi trúng một anh gà trống choai sạm chân, vừa nấu cháo vừa bóp gỏi với lõi cây chuối, ăn mê man!

Nhưng về ăn gà thì ngon nhất lại là vụ sau đây. Cũng lại liên quan đến sếp Hai H. Tết năm 1977, văn phòng Ban chỉ huy TNXP dọn ra găng ngà tư An Sương – Hốc Môn. Tình hình lúc đó càng bi đát hơn, đã bắt đầu ăn độn thêm khoai lang sùng, bột mì luộc... Sợ nhút là mì hạt (bo bo) độn cơm, “ăn sao ra vậy” vì quá cứng, nhai không nổi. Văn phòng nằm găng phòng chị Võ Thị Bạch Tuyết, Chỉ huy phó kiêm Phụ trách tổ chức. Gốc nông dân Tây Ninh, chị Tuyết tranh thủ nuôi gà để thỉnh thoảng tự cải thiện. Ngày Tết, chị về quê, nhốt gà trong chuồng cẩn thận, nhờ mấy đồng đội nữ thân thiết trong phòng cho ăn. Không hiểu chuồng trại thế nào mà trưa hôm đó, có một em gà mái tơ sút ra, đi lang thang “tìm trai” lọt vào văn phòng bọn tôi! Tôi và sếp Hai H. đang ngổn rách việc, sáng mắt nhìn nhau và hiểu ý nhau ngay lập tức. Tôi lập tức đóng hết cửa cái cửa sổ, còn sếp Hai H. túm cổ con gà vắn một cái chết tươi liền tại chỗ. (Giờ ngoài Bắc gọi là món “Gà tắc”, tức không cắt tiết mất máu mà bóp cho chết).



Nếu chạy xuống bếp mượn chị nuôi cái nồi thì sẽ phát sinh rất nhiều chuyện... phức tạp, sếp Hai H. quyết định sẽ nấu cháo gà trong cái ấm nhôm vẫn dùng nấu nước pha trà. Trời đất, ấm cháo sắp sôi thì có tiếng chị Tuyết gọi gà! Thì ra chị mới về quê lên, thấy mất con gà cưng bèn đi khắp doanh trại lùng tìm. Chị gõ cửa văn phòng vào hỏi, Hai H. vờ đây báo ngủ còn tôi thì chối biến. Tôi nhớ chị Tuyết thấy tôi ngửi canh ấm nước còn hỏi “em nấu gì đó?”, tôi trả lời ngay là nấu nước pha trà. May thay khi chị vừa ra khỏi phòng thì cháo bắt đầu kêu ấm, bốc mùi thơm lừng! Tôi lấy một cái mền trùm luôn lên cái ấm.

Chuyện đã dĩ vãng, không dám gọi ai, tôi và Hai H. đành đóng cửa vờ ngủ trưa để chờ hết ấm cháo. Ôi, nguyên một con gà mái tơ nấu trong cái ấm nhôm nhỏ, sao mà nó ngon ngọt gì đâu, thịt mềm mà chắc, sụn ức giòn tan, mề dai sần sật, gan béo ngất ngây, nuốt tới đâu lịm người tới đó!

(Bên cùng sinh đạo tặc! Chuyện bây giờ mới kể, đến đây xin thành thật cáo lỗi cùng chị Tuyết).

MỀNH NƯỚNG MÙA ĐÔNG

Món này được ăn năm nào tôi không còn nhớ chính xác. Chỉ nhớ lúc đó kinh tế còn khó khăn lắm (khoảng năm 1983 – 1984), tôi đã là phóng viên *Tuổi Trẻ*, năm đó gần Tết lên Tổng đội 6 ở Đắk Min công tác. Lộ 14 lúc đó còn rất xấu, bụi đỏ mù mịt bám đầy tóc tai, mặt mũi, quần áo... Rời thành phố từ 6 giờ sáng mà đến 11 giờ đêm xe mới tới nơi, trời lạnh như cắt da vậy mà không thể không ra suối tắm. Tổng đội trưởng Võ Trung Tâm (sau làm việc ở Sở Lao động – Thương binh – Xã hội) ấy náy không có gì đãi khách lúc nửa đêm, bèn cáo lỗi khách chờ cho một chút rảnh xách súng leo lên xe Jeep chạy vào rừng. Từ lâu tôi đã nghe tiếng anh là thiện xạ, bắn súng không cần nhắm một mắt để nhắm (vì bản thân anh đã là... “dzách cô nhận”!).

Danh bất hủ truyền, chỉ khoảng một giờ sau đã nghe tiếng xe chạy về, chiến lợi phẩm là một con mễnh (một loại thú bộ guốc như hươu, nai) mười mấy kí! Đùi mễnh xẻ ra còn nóng hổi bốc khói, nhều máu, đưa lên lửa nướng kêu xèo xèo, thơm phức, giờ nhớ lại thấy còn ngon hơn miếng beefsteak bò Kansas (Mỹ) loại 1 ăn ở California gần 20 năm sau. Bộ tim gan mễnh cũng nướng, bỏ vào miệng nhai bùi – béo – giòn ngon vô cùng tận, tổng tiền bằng ly rượu đế trôi xuống dạ dày thật êm ái, mang đến một cảm giác ấm áp cho tới tận bây giờ! (Khi viết những dòng này, tôi đang chảy nước miếng đây!). Kết thúc bằng nĩa cháo mễnh nấu đậu xanh, da dẻo dẻo, thịt mềm mềm, đậu bùi bùi, nguyên bộ xương và cái đầu chẻ hai nằm gọn trong một nĩa quân dụng, ngọt hết biết! Vừa cạn nĩa thì trời đã gần sáng, là đà say leo lên võng trằm mềm nhắm mắt không cần đội nón “thăng” luôn đến 12 giờ trưa, cảm thấy “cuộc đời mới đẹp sao”!



Giờ nghĩ lại mới thấy TNXP cũng là một trong những thành phần tiêu diệt động vật hoang dã đáng kể trong những năm đầu sau 1975. Đó là một trong những nguyên nhân, nhưng còn có một nguyên nhân nữa là cái thú săn bắn hái lượm vẫn còn nằm trong máu của con người, nếu không được nếp sống văn minh thay đổi. Những ngày đầu hai đại đội 1 và 2 lên rừng Xuyên Mộc, mấy ông sếp Ba Đ., Bảy D., Bảy P... từ du kích ra, rất thích đi săn cải thiện. Gà rừng, nhím, cheo, mễnh, nai, heo rừng... Con gì cứ gặp

là bần. Con độc (còn gọi là voọc), một loài thú bộ linh trưởng họ khỉ, thời đó còn rất nhiều ở khu rừng già cận sông Ray đổ ra biển, thịt đỏ bầm và dai, vậy mà cũng bị bắn rụng như sung! Gia đình độc rất thương nhau, thấy cảnh tử biệt thiết là tội nghiệp!

[79] Lấy ý từ bài thơ Thuật hoài của Đặng Dung, mài gươm dưới trăng nuôi chí chờ thời cơ.

[80] Anh chính là Lê Hiếu Đằng, sau làm chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của TP.HCM, một người rất có tâm huyết với đất nước. Bị kịch khi 39 năm sau, anh cũng là người tự công bố quyết định ra khỏi Đảng trong những ngày cuối của đời mình.

[81] Có một lúc là trường Hành chính TP.HCM.

[82] Lực lượng TNXP Thành Đoàn lúc đó có 4 đại đội, khoảng 500 người, mặc đồng phục bằng vải kaki Tô Châu (Trung Quốc) màu xanh dương. Cùng lúc còn có một tổ chức TNXP khác gọi là TNXP Huy động thuộc Ban xây dựng Vùng Kinh tế mới của TP.HCM, mặc đồng phục kaki màu nâu, khoảng 300 người, đào kênh Lê Minh Xuân. Đến ngày 28-3-1976 mới sáp nhập làm một, cho đọt ra quân chính thức của TNXP Thành phố.

[83] Ông Nguyễn Văn Chiêm (1899 – 1952) quê ở Sài Gòn, thích thể thao từ nhỏ. Lúc đầu đi lượm banh ở sân quần vợt nơi Nhà Văn hóa Thanh niên ngày nay. Ông tập đánh banh rồi trở thành nhà vô địch quần vợt đầu tiên của Việt Nam, cự quán quần vợt ở Mã Lai, làm rạng danh thể thao Việt Nam thời bấy giờ. Từ ngày 19-10-1955, chính quyền Sài Gòn đổi tên đường Mac Pourpe bên hông sân quần vợt này thành đường Nguyễn Văn Chiêm. Vấn đề là sau 1975, tên đường này đến giờ vẫn không đổi, trong khi ông vua yêu nước Duy Tân thì bị đổi cái rụp. Sài Gòn vẫn còn vài con đường không đổi tên khá lạ vậy, có lẽ do lúc đó... chưa có Google!

[84] Những người ở tù về lại thường không được tin cậy, trọng dụng, có lẽ do bị ngại là đã bị địch “chiêu hồi” từ trong tù và cài cắm lại vào hàng ngũ.

[85] Nhứt đầu lý, chối tội, Nhì lì lợm chịu đòn không khai, Ba chấp nhận thể lực suy kiệt, Bốn chấp nhận chết.

[86] Nhân vật này một thời gian sau đã vượt biên qua Mỹ sống.

[87] Anh là Võ Việt Thanh, sau lên tới Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP.HCM rồi Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Được coi là người đã cứu tướng Giáp trong vụ án “Năm Châu – Sáu Xứ” năm 1991.

[88] Mãi sau này qua một số tài liệu tôi mới biết nhiều thành tích của anh trong thời chống Mỹ, trong đó có vụ anh chỉ huy vụ ám sát Bộ trưởng Bộ Giáo dục Lê Minh Trí và vụ đốt tòa soạn báo Chính Luận (vì đăng bài xúc phạm Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày ông mất), cả hai vụ đều trong năm 1969, năm anh mới 24 tuổi. Năm 1980 Ba Tung chuyển công tác qua Công an TP.HCM, và lúc đang là Trung tá Trưởng Phòng Cảnh sát Hình sự thì bị dính vào vụ án Đường Sơn Quán (1989), phải bị kỷ luật rời khỏi ngành.

[89] Chị Tư Kiên đã tham gia đánh 24 trận, giết và làm bị thương 90 lính Mỹ và lính VNCH, đánh sập 2 trạm biến điện, 3 trụ sở chính quyền VNCH, phá hủy 6 xe quân sự... (theo Trại rèn trong lửa đỏ – trang 111).

[90] Chuyện vui có yếu tố sex, tục.

[91] Tiền này dùng cho quân Giải phóng ở miền Nam, theo danh nghĩa là có quốc gia riêng. Tiền in tại Trung Quốc từ những năm 1968 – 1969. Lần 1 cho đổi tiền này vì lúc đó về danh nghĩa thì Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vẫn còn, cho tới ngày 2-7-1976 mới giải tán.

[92] Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1975 – 1995), cuốn 1, trang 25.

[93] Có thể nói chính quyền mới ở Sài Gòn (và phần nào cả miền Nam thời đó) đã nhờ rất nhiều vào khả năng diễn thuyết, “vận động quần chúng” của hai ông Trần Bạch Đằng và Võ Văn Kiệt. Cách ăn nói gần gũi, hùng hồn, thuyết phục tình cảm của hai ông đã đưa hàng vạn thanh niên đi vào con đường “cách mạng” một cách nhẹ nhàng hơn rất nhiều bài học chính trị khô khan, cứng nhắc. Rất tiếc sau này hầu như không còn cán bộ nào có khả năng ăn nói như vậy. Chắc có lẽ do khi đã nắm được quyền lực, người ta không cần thuyết phục ai nữa.

[94] Số cán bộ này sau đều lên đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng: Ba Khắc giám đốc Sở TDTT, Sáu Khôi trưởng phòng PA25 Công an TP.HCM...).

[95] UTQ: Nói tắt của Uống Trà Quạ, tức trà pha rất đậm.

[96] Nhại tên Tiếng đàn Talur, ca khúc thời chiến tranh của nhạc sĩ Huy Thục, do lúc đó xài thuốc xức ghẻ Bộ Lư.

[97] Trần Quang Cơ (1926 – 1961) là một cán bộ của Thành Đoàn Sài Gòn – Gia Định thời chống Mỹ. Con kênh được đặt tên ông do TNXP đào năm 1978 ở Hốc Môn, là ranh giới giữa phường Hiệp Thành – Quận 12 và xã Đông Thạnh – Quận Hốc Môn ngày nay. Đáng tiếc là con kênh này luôn trong tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng, dòng nước đen kịt, bốc mùi hôi thối..., không làm được nhiệm vụ tưới – tiêu cho các xã trong địa bàn. Nguyên nhân là do tiếp nhận nước thải từ Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp và cụm công nghiệp Quang Trung, cùng hàng chục cơ sở chăn nuôi heo hai bên bờ kênh.

[98] Thực tế cho thấy các Khu Kinh tế mới này đều thất bại, tan rã nhanh.

[99] Sau tách thành hai tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau.

[100] Sau tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

[101] Từ năm 1980, sau khi hoàn thành nhiệm vụ phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam, Tổng đội 5 TNXP nhập vào phiên hiệu Tổng đội 1, 800 đội viên chuyển lên Nam Tây Nguyên, lập Nông trường Cao su TNXP số 5 ở Đắc Nông. Còn Trường Giáo dục Lao động Công Nông nghiệp số 1 (Hồ Doãn Văn) thì đổi tên thành Nông trường Cao su TNXP số 7 ở Đắc R'Lấp. Tổng đội 6 TNXP cũng đổ quân lên Đắc Mìn tham gia khai thác, chế biến lâm sản, trồng cao su, đi đầu, cà phê... Rồi Lâm trường Quảng Tân được thành lập... Cuộc tiến quân lên Tây Nguyên khá rầm rộ, với ước mơ, theo lời ông Võ Văn Kiệt trong buổi xuất quân, là TNXP sẽ thành lập một “Thủ đô của thanh niên” ở Tây Nguyên. Một nhà hát thật lớn được xây dựng ở ngã ba Kiến Đức, rồi bệnh viện, trường học, thư viện... Nhưng rồi cái “Thủ đô” ấy đã mãi mãi xa vời!

[102] Nông trường mía Nhị Xuân ở Hốc Môn nhưng nằm trên vùng đất phèn nên có trồng được mía đầu!

[103] Canh kiểng: Nấu với bí đỏ, khoai lang, đậu phộng, chuối xiêm, dừa..., có thể dùng ăn chay. Canh cá lóc nấu ám: Nấu chua với bắp chuối, ăn với rau xà lách và rau thơm xắt nhỏ. Đầu cá thu nấu ầu: kho mằn với bí đao và cà chua. Giò heo nấu hơ: Giò heo hầm sệt với sả, đậu phộng, chút cà-ri, nước cốt dừa, ăn với xôi.

CHƯƠNG 5

ÔNG GIÀ XIBÊRI

Lại một câu hỏi khác.

Tháng 10-1979, khi đang là phóng viên báo Tuổi Trẻ được cử đi học khóa đào tạo phóng viên báo chí 9 tháng (Khóa B6) cho dân làm báo phía Nam (từ Quảng Nam đổ vào Minh Hải) tại trường Tuyên huấn Trung ương 3 ở Thủ Đức, tại sao tôi lại tình nguyện vào bộ đội sang Campuchia chiến đấu ở tuổi... 28?



Tấm ảnh duy nhất tôi có của thời bộ đội (1979 – 1981).

(Cái nón lính Khmer Đỏ chiến lợi phẩm tôi đem về Việt Nam, sau bị mất, thật tiếc!)

Lúc tôi rời quân ngũ, chỉ nặng đúng 46kg!

Nhưng lúc nào cũng lạc quan, yêu đời hết!

Ảnh: Thu An

1. Vì sao tôi đi bộ đội?

Lúc đó chiến tranh biên giới Tây Nam đang diễn ra ác liệt, chiến trường rất cần tăng quân. Nhiều thanh niên ưu tú ở các cơ quan đã tình nguyện đi nghĩa vụ quân sự – đợt đó được gọi là đợt “Hùng quân” vì

thu hút nhiều đoàn viên TNCS. Nhưng tại sao tôi là người duy nhất trong khóa học báo chí giữa chừng lại trở về đi bộ đội? Nhứt là khi trước đó, tôi đã có gần ba năm ở TNXP, một môi trường đầy gian khó...

Bạn sẽ bất ngờ khi biết lý do chuyện này.

Khóa B6 quy tụ 135 học viên, được các tỉnh từ Quảng Nam – Đà Nẵng vào đến Minh Hải (Cà Mau – Bạc Liêu) tuyển chọn từ phóng viên đang làm việc ở các báo, đài cử về học. Lúc đó là 20 tỉnh (chưa tách tỉnh) và TP.HCM. Mỗi tỉnh trung bình năm – sáu người. TP.HCM đông nhất, 18 người, trong đó có hai người sau này có chức vụ tương đối lớn là Nguyễn Thế Thanh (Tổng Biên tập báo *Phụ Nữ TP.HCM*, sau làm Phó Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin) và Lưu Bá Tòng (Phó Tổng Biên tập báo *Người Lao Động*). Báo *Tuổi Trẻ* có hai người là tôi và một anh tên Lê Gia Hải, là cộng tác viên được cử đi học (học xong rồi anh này lặn đi đâu mất tiêu không còn biết tung tích). Từ đó người được chia thành 10 tổ, xen kẽ học viên mấy địa phương vào một tổ để tạo sự chan hòa.

Trường Tuyên huấn Trung ương 3 chiếm một phần doanh trại cũ của trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức ở gần Chợ Nhỏ, Thủ Đức. Học viên lớp B6 được bố trí ở các dãy phòng dài, mỗi phòng khoảng 5 – 6 giường, mỗi tổ hai phòng. Thầy chủ nhiệm là Trần Văn Mến, hai thầy trong ban trợ giảng là Bắc và Phùng. (Bắc sau về làm Phòng báo chí Sở Văn hóa Thông tin rồi về văn phòng phía Nam của Bộ Văn hóa Thông tin, Phùng về Hội Nhà báo TP.HCM). Sau đó ngoài Hà Nội đưa vào hai thầy phụ trách khóa học là Hoàng Long và Khang.

Đời sống lúc đó rất khó khăn. Học viên trường Tuyên huấn Trung ương vẫn phải ăn cơm độn mì hạt hoặc mì sợi như mọi người, bữa ăn rất đạm bạc chẳng khác nào thời tôi ở TNXP, chủ yếu là rau luộc, canh rau, cá biển rẻ tiền kho... Các tổ nào có học viên ở các tỉnh miền Tây, đặc biệt là Minh Hải, Hậu Giang (Cần Thơ – Sóc Trăng), Cửu Long (Vĩnh Long – Trà

Vinh), An Giang... coi như trúng mánh, vì các bạn này đi học luôn quảy theo gạo trắng, tôm khô, cá khô... Chưa kể những can rượu đế mà mỗi lần về phép họ không quên mang lên... Tuy nhiên chỉ một thời gian ngắn là kho lương thực học viên cạn sạch vì anh em miền Tây rất rộng lòng chia sẻ. Việc về phép chỉ được giải quyết vài ngày giữa các học kỳ (có 3 học kỳ, gồm học kỳ 1, học kỳ 2 đi thực tập ở các tỉnh, rồi học kỳ 3), nên có những lúc học viên phải đi bắt... cóc kék, rắn mối, cóc nhái trong trường để ăn! Con cóc kék bạn có biết không, nó như con... khủng long thu nhỏ, đuôi dài thông, cái đầu khi xanh khi đỏ, chạy rất nhanh, thường sống trên cây. Không hiểu sao lúc đó trong trường có rất nhiều cóc kék, chạy lênh khênh trên những con đường nội bộ và leo lên các thân cây. Chúng bị đám học viên báo chí tiêu diệt bằng cách lấy sào đập, lấy ná thun bắn, đem về phòng chặt bỏ đầu đuôi bàn tay bàn chân, mổ bụng moi sạch ruột, trụng nước sôi lột da lột thịt trắng hếu, sau đó băm xào sả ớt hoặc nấu cháo... Bây giờ nghĩ lại thì thấy kinh khủng, chứ lúc đó ăn thịt cóc kék thấy ngon không thua gì thịt gà! Rắn mối thì ít hơn, thuộc hàng hiếm, nhiều thịt hơn, nướng ăn thơm phức. Cóc nhái thì khỏi nói!

Giáo viên Trần Văn Mến quê Nghĩa Bình, người ốm nhom ốm nhách, cận thị, tính tình rất khó khăn, hách dịch. Ông thường lớn tiếng quát mắng học viên bằng những lời lẽ thô tục, khó nghe, mà thường là vô lý, không đáng. Đám học viên trừ một số người – hầu hết là lớn tuổi – thì chọn thái độ thụ động cầu an (số này thời nào ở đâu cũng có), còn lại hầu như không ai thích ông. Và sau khi đi thực tập về đã có hai người tỏ thái độ phản kháng theo hai kiểu khác nhau. Cả hai đều bị trừng trị tới nơi tới chốn: đuổi học!

Chắc bạn đã đoán ra một trong hai người đó là tôi?

Tôi kể về người đầu tiên trước. Đó là Nguyễn Bé, tỉnh Minh Hải. Bé lúc đó còn rất trẻ, khoảng 20 tuổi, người nhỏ thó. Con của một cán bộ ở tỉnh

nên Bé coi trời bằng vung, chịu chơi, học hành qua loa, ngày nào cũng nhậu. (Dù bị đuổi học nhưng về tỉnh nhà Bé vẫn tiếp tục làm báo, quây tung vài vụ nữa, nhưng sau vẫn lên làm... Tổng Biên tập báo *Cà Mau*!).

Lúc đó, thầy Mến có nuôi một con chó cò nhỏ mà thầy rất cưng.

Một buổi sáng, cả trường lẫn ra cười khi thấy con chó cưng của thầy Mến đeo một cặp mắt kiếng chạy lon ton trong sân trường. Cặp kiếng làm bằng cộng dây kẽm móc phơi đờ cũng có vỏ nhựa đen bên ngoài, hình dáng vuông vức y chang kiều mắt kiếng của thầy Mến. Thầy Mến điên tiết đi truy lùng nhưng không bắt được thủ phạm. Đám tui tui thì ai cũng biết con chó khoái đi lòng vòng các tổ kiểm ăn, hôm đó đã vô trúng tổ của Bé. Thầy Mến nghi Bé nhưng không bắt quả tang và cũng chẳng ai chịu khai, nên chỉ biết im lặng nuốt căm hờn tháo kiếng cho con chó.

Tuy nhiên, đó chỉ là chuyện nhỏ.

Sau khi cả lớp đi thực tập về trường, con chó bỗng dưng... mất tích trong một chiều mưa!

Nó đã bị Bé bắt làm thịt! Thật ra là cả đám bắt và làm thịt nhậu cho bồ ghét. Lúc đó con chó cũng trọng trọng rồi, chắc cũng 6 – 7 kí.

Lần này có sơ hở hoặc ăng-ten gì đó mà thầy Mến biết chắc con chó đã bị lớp B6 ăn thịt!

Thầy làm rất căng, yêu cầu lớp phải cung cấp tên thủ phạm, nếu không thầy sẽ cho dừng việc học và báo cáo ra Trung ương. Thực tế là thầy đã cho ngưng các tiết học.

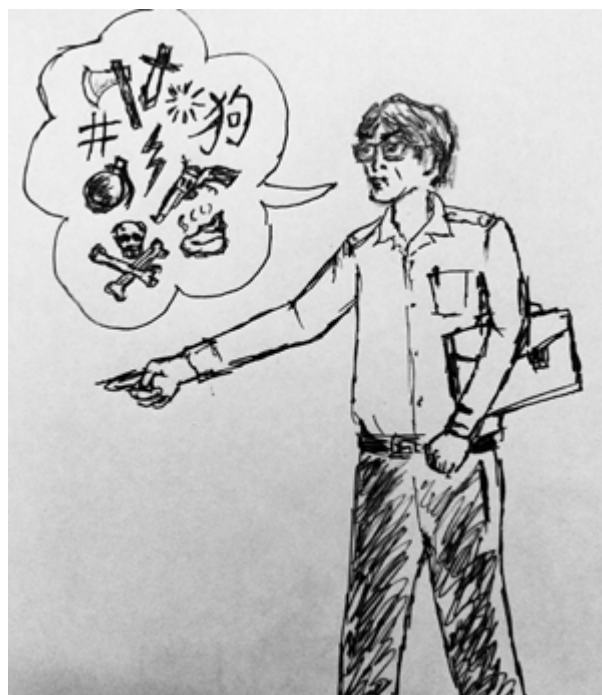
Nguyễn Bé dũng cảm đứng ra nhận tội và bỏ về trước khi có quyết định đuổi học. Đó là một anh chàng miền Tây đúng kiểu mà tôi lần đầu được biết!

Người thứ hai bị đuổi học là tôi.

Bắt đầu đi học từ h ồi 6 tuổi cho đến năm giải phóng là 24 tuổi, đã trải qua không biết bao nhiêu trường lớp, nói thật là tôi chưa từng thấy một ông thầy nào... vô văn hóa như ông thầy Mến. Sao ông có thể làm thầy, mà là thầy chủ nhiệm của một lớp thuộc trường Tuyên huấn Trung ương nữa? Ông sa sả chửi học viên như chửi chó, có cả văng tục. Ai có thể chịu đựng được, còn tôi và Nguyễn Bé thì không thể. Bé đã có cách của nó, còn tôi thì...

Sau khi đi thực tập về, học viên phải viết tin, viết bài phóng sự ký sự đề nộp. Sau đó mỗi tổ phải làm một tờ báo tường để thi đua tay nghề tập làm báo. Tinh thần là hết sức biểu dương cái tốt, cái tích cực và mạnh dạn phê bình cái xấu, cái chưa được. Tôi được giao làm... họa sĩ trình bày! Báo còn trống đất, tôi đã vẽ hai tranh biếm họa, một tranh phê bình nạn... đi cầu không dội nước của một số học viên còn quen thói ỉa đống, tranh kia phê bình... ông thầy Mến. Tôi vẽ lại cảnh ông đứng trước lớp, mở miệng ra thấy bay ra nào là súng lục, dao găm, lựu đạn, sét đánh, chấ m than, dấ u thăng... và cả một chữ Tàu nữa. Đó là chữ *Cầu*, nghĩa là chó. Tổ trưởng lúc đó là Trần Thanh Sỹ, làm việc ở Đài truyền thanh huyện Long Đất (nay chia thành Long Điền và Đất Đỏ), tỉnh Đồng Nai, vui vẻ duyệt cho đăng, chuyển lên ban phụ trách lớp (được bầu chọn từ học viên) cũng OK, khi treo lên tường cả lớp đứng xem ai cũng cảm thấy hài lòng.

Không biết có ai báo mà ông thầy Mến xuống ngay, vệt đám đông len vào xem và gỡ ngay tờ báo đem lên khoa. Cả ban phụ trách khoa đóng cửa lại họp và hôm sau yêu cầu tôi phải viết bản tự kiểm về cái tội vô lễ với thầy chủ nhiệm. Tuổi trẻ máu nóng hay cương, trong buổi họp với ban phụ trách lớp, tôi trả lời là tôi không thấy khuyết điểm gì để phải viết bản kiểm điểm. Sau đó tôi được mời lên họp với ban phụ trách khoa. Ông Quang Long và ông Khang l ồng lộn quy kết tôi đủ thứ tội như sau:



(Tranh vẽ lại theo trí nhớ, không đẹp như hồi xưa).

1. Dấu thăng (#) nghĩa là chấn song nhà tù. Ý nói trường Tuyên huấn là nhà tù!
2. Dao găm, búa, súng, lựu đạn là nói xách động đánh nhau với trường!
3. Bãi phân, ý nói thầy là... cứt.
4. Chữ Tàu cho thấy tôi là người thân Trung Quốc, có thể là người của địch (lúc đó đang có chiến tranh biên giới phía Bắc)...

(Một ý nữa mà họ không nói với tôi nhưng sau tôi được nghe anh H ồng Quang Hải – Đài truyền thanh Bạc Liêu, lớp phó, rất thân với tôi – kể lại với tôi sau này, là họ có nói với ban phụ trách lớp rằng tôi có lý lịch rất xấu, với hai ông anh là sĩ quan “ngụy”..., tốt nhất là không cho tôi làm báo).

Vì tội quá nặng mà tôi vẫn tiếp tục lì lợm không nhận tội, nói những gì tôi vẽ từ miệng ông thầy Mến văng ra chỉ là kiểu bắt chước truyện tranh

hồi xưa khi cho nhân vật nói những lời không đẹp, không có hàm ý gì hết, ban phụ trách khoa quyết định đuổi học tôi và gửi hồ sơ về Ban Tuyên huấn Trung ương (lúc đó do ông Tố Hữu phụ trách) với đề nghị cấm làm báo vĩnh viễn. Tổng Biên tập báo *Tuổi Trẻ* (đơn vị cử tôi đi học) lúc bấy giờ là anh Võ Như Lan, nghe tin dữ bèn cấp tốc bay lên trường, năn nỉ ban phụ trách khoa tha tội cho tôi và năn nỉ tôi nhận tội đã vô ý vẽ mà không nhận thức hết tầm quan trọng của vấn đề (thương anh quá!). Ban phụ trách lớp cũng nhận khuyết điểm đã vô ý duyệt cho phổ biến tờ báo, đề mong tôi được nhẹ tội. Thế nhưng hai ông Hoàng Long và Khang vẫn cương quyết ra quyết định, dù anh Lan đã nói muốn gãy lưỡi!

Tôi xách hành lý đi về, vài hôm sau được anh Lan gọi vào:

– Trường hợp của Thông căng quá, họ đề nghị không cho Thông làm báo nữa! Ban Biên tập họp và thấy thôi thì phải lùi một bước. Nhân dịp thành phố mở đợt tuyển Hồng quân từ các cơ quan đoàn thể để đi đánh giặc Pôn Pốt ở Campuchia, Thông nên làm đơn tình nguyện đi. Xong nghĩa vụ, chắc người ta sẽ quên. Ban Biên tập cam kết sẽ nhận Thông về làm việc lại...

Và thế là vào sáng tinh mơ một ngày đầu tháng 11-1979, ở tuổi 27 sắp bước qua 28 (lúc đó chỉ tuyển 25 trở xuống), tôi xách ba-lô lên đường đi nghĩa vụ. Đưa tôi đi có hai đồng nghiệp Lê Văn Nghĩa và Phạm Văn Nhứt, cả hai cùng cảm cảnh cho tôi, mặt cha nào cha nấy một đồng...

Tôi vào huấn luyện ở Trung tâm huấn luyện Quang Trung, trở thành người lớn tuổi nhất Tiểu đoàn nên mới có biệt danh là “Ông già Xibêri”. Và giữa tháng 1-1980, gần Tết, xong khóa huấn luyện, “Ông già Xibêri” mang lon binh nhì lên xe GMC lên đường qua Campuchia...

(Có một chuyện vui kể lên ở đây: Sau khi đi bộ đội về, đúng là tôi đã được Ban Biên tập báo Tuổi Trẻ nhận vào làm phóng viên lại. Một thời

gian khá lâu khoảng 3 – 4 năm sau, một hôm anh Lanh gọi tôi vào phòng và nói: “Ông Hoàng Long đến đây gặp Ban Biên tập để xin cho đưa con vừa tốt nghiệp lớp báo chí ngoài Hà Nội vào báo mình làm việc. Thông cảm hồ sơ ra và cứ nói mình đại diện Ban Biên tập trả lời là báo mình dư người rồi không nhận nhé!”. Ông Hoàng Long đang ngồi chờ ở bộ sa-lông, thấy tôi cầm hồ sơ bước ra thì giật mình sửng sốt nhưng trấn tĩnh rất nhanh và vờ như không nhận ra tôi là ai. Tôi nói như anh Lanh đã dặn. Ông cầm hồ sơ bỏ đi một nước! Đúng là quả báo nhãn tiền!)

2. Thoát chết trong đường tơ kẽ tóc

Cuối năm 1979, khoảng một tuần sau khi mãn khóa huấn luyện ở Sư đoàn 310 (Trường huấn luyện Quang Trung), tôi cùng một số tân binh được lệnh lên xe đến đơn vị mới. Cả khóa cứ đi từng đợt như vậy, tùy đơn vị nhận quân cử xe tới rước ngày nào thì đi ngày đó. Hầu như không một ai khi leo lên xe biết là mình sẽ đi đâu về đâu. Bí mật tới giờ phút cuối cùng.

Toán 10 người chúng tôi ra đơn vị khá trễ, khi toàn Trung đoàn đã giao quân gần hết, nên càng hối hộp tợn, không biết mình sẽ “đi đâu về đâu”. Cả bọn được lừa lên một chiếc xe GMC. Khi thấy xe chạy về hướng Củ Chi, rồi qua Trảng Bàng, một đứa than nhỏ nhỏ:

– Rồi, qua Miên!

Qua Miên, có nghĩa là ra mặt trận!

Thật ra, từ ngày 7-1-1979, quân Việt Nam vào “giải phóng giùm” Phnôm Pênh, kết thúc chế độ cầm quyền của bọn Khmer Đỏ Pôn Pốt – Iêng Xari tay sai của Bắc Kinh, lập nên chế độ Cộng hòa Nhân dân Campuchia thân Việt Nam, do ông Hêng Xom-rin làm Chủ tịch. Thế nhưng quân Khmer Đỏ chưa tan rã và còn cố thủ ở vùng giáp biên giới Thái Lan cũng như lẩn trốn trong các phum làng hẻo lánh, chơi du kích với đội quân tằm cỡ sư phụ của mình về trò này, nên quân Việt Nam vẫn phải ở lại để

giúp bảo vệ – xây dựng chính quyền mới và truy quét tàn quân. Đóng quân trên đất Campuchia vậy là vẫn còn ít nhiều nguy hiểm, tối thiểu cũng phải làm thân lính thú xa nhà...

Qua biên giới ở Mộc Bài, xe chạy đến một bến phà qua sông lớn – sau tôi mới biết đây là bến phà Kompong Cham qua sông Mekong. Qua sông, chạy chút nữa là đến đơn vị mới. Hóa ra do 10 người chúng tôi đầu ít nhiều biết về kỹ thuật máy móc, cơ giới, đi đầu này được ghi trong lý lịch ở phần “Trình độ chuyên môn”, kẻ thợ máy, người thợ hàn, thợ tiện, nên chúng tôi đã được Cục Kỹ thuật Mặt trận 779 tuyển chọn. Tôi thì biết gì về kỹ thuật? Thì ra trong phần này tôi ghi biết làm hai việc: 1. Viết báo (có thể nhà báo). 2. Lái xe ô-tô (có bằng lái). Chính nhờ cái bằng lái ô-tô mà tôi được về đơn vị hậu phương này! Còn viết báo hả? Quên đi!

Sáu người trong nhóm được đơn vị OX.2 nhận. Đây là nơi chuyên sửa chữa xe cơ giới. Bốn người còn lại, gồm tôi, Xê (cũng có bằng lái), Tr. và Dũng được giao về Kho quân khí, đặt tại một trường trung học cũ ngay sát bên Xưởng quân giới OX.2. Tr. nhanh chóng kết thân với tôi khi biết tôi đi từ Thành Đoàn. Thì ra bạn tên N.T.Tr., là em ruột của N.T.T. (Năm T.), trước làm chính trị viên Đại đội 4 TNXP. Tr. đang là sinh viên Đại học Khoa học thì tình nguyện đi trong đợt Hòng quân (gồm toàn những Đoàn viên TNCS), dù bạn cận thị và thuộc gia đình cách mạng. Đó là một anh chàng cao lớn, vạm vỡ, ăn nói lịch sự, nhỏ nhẹ, khác hẳn đám bộ đội miền ngoài ồn ào.

Nhiệm vụ của đại đội chúng tôi là bảo vệ Kho quân khí của Cục Kỹ thuật MT.779, gồm súng ống, đạn dược đủ loại. Bảo vệ và cấp phát cho các đơn vị đến nhận, theo lệnh của Cục. Trung úy T.V.L. là C trưởng, quê ở Diễn Châu (Nghệ An) nên giọng nói trọ trẹ khá khó nghe. Bên dưới có ba Trung đội đóng ở ba cụm nhà quanh Kho. Trung đội trưởng của tôi là

thượng sĩ H., quê Thanh Hóa, nói cũng chẳng dễ nghe chút nào. Tôi và Tr. ở cùng Trung đội 1 của H.

Công việc của chúng tôi khá nhàn hạ, ngày và đêm thay nhau trực gác và đi tuần quanh Kho. Mỗi đứa “làm việc” cao lắm là bốn tiếng/ngày, ban ngày hai tiếng và ban đêm hai tiếng, còn ngoài ra là sinh hoạt tự do. Đây là lúc tôi bắt đầu tập viết văn hàng đêm, lúc bắt đầu chui vô mừng. Những bài Sở tay như *Giao thừa trên Phnôm Sorrai* (núi Con Gái), *Thư cho Ch...* gửi về *Tuổi Trẻ* đều được đăng, riêng truyện ngắn *Một bông hồng cho cô bộ đội* được đăng báo xuân 1980 mới oai!

Ban ngày, tôi và Tr. cùng vài đứa dân Sài Gòn hay đi ra chợ chơi, làm quen với mấy em Miên bán vải vóc, mỹ phẩm, có khi ng ẫ lại xin bữa cơm ăn, lân la “ôn sớlanh boong tê?” (em có yêu anh không?) r ẫ “tốc sà rông coi chơi”. Gái Miên thường có làn da bánh mật, người đậm, chắc, vòng sớ ba luôn phồng phao thích mắt. Buổi chi ầu, chúng tôi hay đi ra sông Mekong gần đó tắm và coi các cô gái Miên tắm (thật lạ lùng khi họ cứ mặc cái áo thun và cái sà-rông bước xuống sông, r ẫ cứ mở nút thắt nút thế nào không biết mà cái sà-rông từ từ được kéo từ lưng quần lên cao dần tới cổ, che hết thân người họ, bên trong bảo đảm không có nội y, tha hồ kỳ cộ dưới mặt nước mà có đứng gần cũng chịu thua, không nhìn thấy được gì!). Buổi tối, rảnh thì qua trò chuyện với các cô y tá bên Quân y viện 7C gần đó, thôi thì lính thú xa nhà, có chút hơi gái cũng đỡ buồn. Tr. lúc đó đang quyết liệt “cua” em C., người cao ráo, khá xinh. Em C. có vẻ cũng chịu đèn, hai anh chị “chi ầu chi ầu dắt nhau ra bờ sông” dạo chơi, rất ư là thơ mộng.

Đó cũng là một kho đạn tiếp quản từ quân Khmer Đỏ bỏ chạy để lại. Trong đó có riêng một khu vực họ để súng ống, đạn dược thu được từ h ồi quân Lon Nol thân Mỹ thất trận. Trong đó có cả một phòng để đầy đạn đại bác 105 li phế liệu rỉ sét cũ mèm của Mỹ, coi như đồ bỏ.

Lúc đó ở Campuchia vẫn chưa có xài tiền (còn xài vàng tính từng phân vụn), mọi thứ còn trao đổi như thời công xã Pôn Pốt. Chúng tôi hay dùng muối hột chở từ Tây Ninh qua, đổi lấy gà và chó để ăn, nhớ không lầm thì ba bao muối đổi được một con chó, hai bao đổi được một con gà. Đi chơi gái (làm sao cấm?) thì đổ ba lon gạo vào khăn cà-ma túm lại cho một suất. Cứ thấy thằng nào xuống thì thầm mượn quản lý gạo là biết ngay tình hình Cuba của nó đang rất ư là căng thẳng.

Éo biết bọn Pôn Pốt quản lý thế nào mà dân chúng không còn cả nãi niêu xoong chảo nấu cơm, và nghề mà nhiều người Miên làm lúc đó là đi thu mua ve chai, mua nhôm, đồng thau... để về nấu lại đúc thành xoong nãi. Những người này đã mon men vào gặp thượng sĩ H. và chỉ điểm là trong mỗi viên đạn 105 li ấy có bốn miếng nhôm nguyên chất cong cong dài độ tấc rưỡi, bề ngang khoảng 4 phân, dày gần 1 phân. Bốn miếng nhôm này xếp lại trong vỏ đạn thành một hình tròn bọc quanh phần bên trong của đầu đạn, khi bắn nó sẽ bung ra (sau đi các xe bán nước đá vẫn thường thấy người ta dùng miếng nhôm rất cứng này để đập nước đá). Họ nói đạn đó coi như bỏ, chỉ cần đưa ra cho họ cạy lấy nhôm, họ sẽ trả cho anh em con-tóp (bộ đội) Việt Nam bằng vàng, theo giá như thế nào tôi không biết, nhưng có lẽ cũng kha khá.

Rồi tôi thấy ông H. bắt đầu thậm thụt cho lính vác từ kho về phòng Trung đội những viên đạn 105 li cũ. Rồi thấy đám mua ve chai vào. Sau đó họ đi ra, trong giỏ đầy những miếng nhôm... H. họp trung đội, dặn tuyệt đối không cho đại đội biết, số vàng bán nhôm thu được đến Tết sẽ chia cho anh em có tiền gửi về nhà ăn Tết. Để cho nhanh, một số anh em được huy động cùng cạy vỏ đạn với đám mua ve chai. Thường việc này được làm mỗi khi ban chỉ huy đại đội đi về họp với Cục ở đần đi đần Chúp bên kia sông.

Một buổi sáng như vậy, tôi và Tr. rảnh nên được kêu lên phòng H. cạy đầu đạn phụ. Đúng lúc bắt đầu cạy thì một thằng nhỏ từ ngoài chợ nhỏ chạy vào, ra dấu gọi tôi ra lấy mấy món đồ Thái Lan tôi nhờ chị nó mua giùm, chỉ là vài cục xà bông Lux, kem xúc mặt UB, tôi mua định gửi về nhà. Thiệt tình thì mấy thứ đó bán tràn lan ở chợ Kompong Cham không xa mấy, nhưng tôi kiếm chuyện nhờ mua giùm lấy có sợ mua nhầm đồ giả, vì con chị của thằng này là Miên lai Tàu, “đầu gà đít vịt” coi rất được gái, phải “lên la ngoài sân rồi mới tiến d’ân vô bếp” được! Tr. nghe vậy liền nói tôi cứ đi đi, để nó làm cho. Tôi vui vẻ bước ra đi theo thằng nhỏ. Vừa ra tới cổng, chưa đầy 5 phút, đã nghe một tiếng nổ long trời lở đất sau lưng, quay lại thấy cả căn nhà tường làm phòng Trung đội đã đổ sập, khói bụi mù mịt, tiếng người kêu la dậy trời. Kết quả: H. và hai người mua ve chai chết ngay tại chỗ khi quân y chưa đến kịp, còn Tr. bị thương nặng được đưa vào 7C cứu cấp. Bạn chết hai ngày sau đó, một chân và một tay bị cưa bỏ, mù cả hai mắt, nhưng cũng không thể cứu được vì ổ bụng đã nát. Y tá C. ở sát bên Tr. ngày đêm, nhưng đành bất lực...

Vụ nổ không biết đã được báo cáo, quân pháp đi điều tra như thế nào, mà cuối cùng được im luôn, vì những người vi phạm rồi cuộc cũng là nạn nhân, đã chết. Đó là hai cái chết duy nhất của đồng đội trong quân ngũ mà tôi được chứng kiến. So với con số từ 10.000 đến 15.000 bộ đội Việt Nam hy sinh trên đất Campuchia^[104] thời chiến tranh biên giới Tây Nam, hai cái chết của H. và Tr. đúng là quá t’ần phào, lãng nhách.

3. Những câu chuyện lạ trong đời lính thú

Tôi sang Campuchia khi quân ta đã chiến thắng, dẹp được bọn Pôn Pốt và lập chính phủ thân Việt Nam. Đám tàn quân Pôn Pốt chỉ còn ở các vùng sâu và giáp biên giới Thái. Tôi ở Kho quân khí Cục Kỹ thuật Mặt trận 779 bên kia bến phà Kompong Cham, binh nhì leo tới binh nhất thì đầu năm 1981 được tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* trao giải Truyện ngắn hay năm 1980,

cho truyện *Người chẵn vịt* đăng số tháng Năm. Hai ông nhà văn quân đội Lê Lựu và Văn Lê tới tận Kho quân khí Kompong Cham tìm cây bút Nguyễn Đông Thức, không sếp nào biết đó là thằng nào (bộ đội miền Bắc ít biết nói lái thành Nguyễn Đức Thông). Lại không hiểu thông tin thế nào mà mấy ông lại nghe là tôi... đã chết trong vụ nổ trái đạn (!). Ông Lê Lựu là bạn của chị Hằng Nga ở báo *Tuổi Trẻ*, nên tin này đã sớm đến tai chị bởi trong thông tin dự thi tôi có ghi từng làm ở báo. Thế là Ban Biên tập và Công đoàn của báo nháo nhào không biết làm sao để báo tin cho gia đình tôi hay. Cuối cùng họ quyết định im, chờ tin báo chính thức. Và lẽ dĩ nhiên là không có tin đó.

Sự việc trúng giải của *Văn Nghệ Quân Đội* sau đó cũng được các sếp ở Cục đóng tại Chup biết, và tôi đã được rút khỏi Kho để về Cục làm văn thư – hầu như hoàn toàn rảnh – kiêm... tài xế lái xe tải Hồng Hà (Honghe, xe của Trung Quốc), hàng ngày đi chở nước ngọt từ một cái chateau d'eau (tháp nước) chứa nước ngọt ở bờ Tây sông Mekong về cho Cục Kỹ thuật đóng tại đồn điền Chup bên bờ Đông.

Một kỷ niệm nhớ đời ở đây:

Hôm đó ăn sáng xong, tôi leo lên xe thơ thới phóng thẳng về hướng bến phà, cũng hơn chục cây số. Định qua phà, ghé chợ Kompong Cham uống ly cà phê xong rồi lấy nước về cho đồng đội nấu cơm trưa vẫn còn kịp chán. Phà tới, tôi nhấn ga cho xe qua con dốc để lên... Rầm! Một tiếng động đình tai vang lên sau lưng tôi và chiếc xe nhẹ bẫng đi. Những tiếng la rú của đám đông chung quanh, ánh mắt trợn ngược của mọi người chiếu thẳng vào tôi, làm tôi biết ngay mình vừa gây ra một sự cố nghiêm trọng. Nhìn vào kính chiếu hậu thì trời đất ơi, cái xi-téc (bồn chứa nước) bằng sắt thể tích 2,5 khối trống không đang nằm chình ình giữa đường lên phà, bụi đất vẫn còn bốc lên từ cú rơi quá mạng. Thì ra khi sáng tôi ba chớp ba nháng không gài cái bửng sau lên, chạy đường bằng thì không sao nhưng

khi lên dốc phà cà giựt thì cái xi-tec cứ lùi dần ra sau rồi rớt xuống đất! Cũng may là cú rơi không đè trúng ai, không thì chắc cuộc đời tôi giờ đã khác!

Cái xi-tec nằm chắn giữa đường, làm sao các xe khác lên phà được? Thế là đám nhân công phà và khoảng 20 thanh niên người Miên khác đành phải hò dô ta xúm vào khiêng nó bỏ lên xe lại cho tôi, vừa làm họ vừa chửi rửa tôi bằng đủ thứ tiếng, trong khi “thủ phạm” chỉ biết nhe răng cười trù, miệng “Xôm tỗ”^[105] lia lia.

Câu chuyện thứ hai:

Các sếp biết ngay về sự cố rớt xi-tec và tôi lập tức bị cho ngừng công tác này. Trung tá T.T.N., Cục trưởng Tiềm phương Cục Kỹ thuật Mặt trận 779, dân Tiềm Giang, không hiểu sao lại kết tôi, cho tôi làm lái xe riêng cho ông, một chiếc Jeep lùn A2 cực ngon. Tôi chở ông đi họp vài lần, cũng OK. Một hôm, xe đang bon bon giữa rừng cao su vắng tanh, bỗng cà giựt nhảy mũi mấy cái rồi chết máy! Tình huống vô cùng nguy hiểm, vì chỉ cần một thằng lính Pôn Pốt ban ngày đóng vai dân đi lang thang ở đó là đủ xử hai thầy trò! Tôi quay qua nhìn sếp, bối rối. Ông vừa móc cây K.59 ra thủ sẵn vừa cự:

– Mày xuống coi xe bị sao đi, sao còn ngẩn đó?

Tôi thú thật:

– Em chỉ học lái xe, hoàn toàn không biết máy móc!

Sếp chửi thề mấy tiếng đại ý “đồ công tử bột Sài Gòn” rồi bước xuống xe xắn tay áo lên kiểm thùng đồ nghề và mở mấy cái bugi ra chùi. May phước xe nổ máy lại ngay! Lẽ dĩ nhiên sau đó tôi bị giải nghệ lái xe, chỉ còn làm công việc văn thư bảo mật, một công việc rảnh nhứt trong đời bộ đội. Kể cả việc thay nhau làm anh nuôi nấu cơm cho toàn Cục, khoảng mười mấy người, tôi cũng hoàn toàn được miễn, sau cái lần đầu tiên làm

bếp đã cho bà con điên lên vì đói. Cả đời chưa bao giờ nấu cơm mà lại bị giao nấu nguyên một nồi cơm quân dụng to tổ bố, lại còn làm gà, kho cá, nấu canh..., tới 6 giờ chiều mấy bố đi đánh bóng chuyền về tắm táp xong từ lâu mà bữa cơm vẫn chưa rỗi! Bộ đội ăn cơm rất sớm, khoảng 5 giờ là phải có. Cả đám sùng máu nhào vô bếp, phát hiện một nồi cơm ba tầng, dưới cùng là cháy, giữa nhão, trên sống! Họ phải chữa cháy bằng cách... chế thêm nước, lật ngược nồi cơm lại, nấu tiếp, lẽ dĩ nhiên vừa làm vừa chửi đủ thứ tiếng. Hôm đó phải 7 giờ tối cả đám mới được ăn cơm chiều, tôi nhận lỗi bằng cách chỉ ăn toàn cơm cháy.

Tôi được miễn trừ việc làm anh nuôi từ đó, chỉ tự giác giúp vài việc vặt như nhổ lông gà, đánh vẩy cá, lật rau rửa rau... Rửa chén thì tôi né xa bằng việc luôn ăn ít ăn nhanh, luật ở bộ đội cũng như TNXP, ai ăn sau cùng là bị “đẩy xe rùa”^[106], lẽ dĩ nhiên là trừ mấy sếp. Tự thân qua vụ được miễn làm anh nuôi này cũng rút được một điếu: cái gì cứ không biết làm là khỏe, giỏi quá chỉ thêm khổ thân!

Chuyện đánh đấm ác liệt hy sinh anh dũng của các đơn vị chiến đấu đi trước có lẽ dành cho những cây bút lính từng tham gia mặt trận trực tiếp (như Phạm Sỹ Sáu, Nguyễn Thành Nhân...), và tôi không bao giờ đặt lại vấn đề về sự cần thiết của việc Quân đội Việt Nam tham gia cuộc chiến lật đổ chế độ Pôn Pốt ở Campuchia. Riêng tôi thật oái oăm khi qua đó vào lúc cuộc chiến đã kết thúc và lại lọt vào một đơn vị hậu cần đầy rẫy chuyện tiêu cực. Lợi dụng những chuyến xe GMC chở quân khí qua lại biên giới liên tục, thực chất hoạt động của Cục chỉ là... để các sếp tổ chức đi buôn lậu. Bên dưới đồng khí tài hư hỏng hoặc chiến lợi phẩm đưa về nước sửa chữa hoặc làm phế liệu, là các hòm gỗ đựng thuốc lá Samit, xà bông Lux, kem xức mặt UB, vải vóc... từ Thái Lan... Không hiểu sao những chuyến xe này đi qua trạm gác biên giới của quân pháp đều trót lọt (?). Tài xế Khoa,

tài xế Hưng, tài xế Út... và sĩ quan đi theo bán hết hàng xong thì mua vàng đem qua giao cho các sếp, lẽ dĩ nhiên các anh này đều có phần của mình.

Rất nhiều chuyện cười ra nước mắt trong thời gian hơn hai năm tôi có mặt trong đoàn quân viễn chinh, và cũng quá khó viết vì không có gì... hay ho.

Tôi viết phần lớn cuốn *Ngọc trong đá* trong thời gian ở đồn điền Chup này, thường đốt đèn dầu nằm viết trong mùng vào buổi tối. Rồi chính nhờ truyện ngắn *Người chăn vịt* đoạt giải Truyện ngắn hay năm 1980 của tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* mà Tổng cục Chính trị đã gửi giấy về đơn vị xin tôi về đây, trước mắt là đi dự một trại sáng tác tổ chức ở TP.HCM. Lúc đó tôi ở bộ đội chưa đầy hai năm, chưa hết thời hạn nghĩa vụ quân sự. Vậy mà thủ trưởng N. lại gọi tôi lên, nói có ba hướng cho tôi chọn:

1. Đi học sĩ quan.

2. Về Tổng cục Chính trị theo văn thư nơi đây xin tôi.

3. Xuất ngũ về lại báo *Tuổi Trẻ* vì lý do sức khỏe kém, ông sẽ nói Hội đồng Giám định sức khỏe của Quân y viện 7C – như người nhà của ông – làm giấy cho tôi (lúc đó tôi đang bị bệnh sốt rét và căn bệnh suyễn từ nhỏ vẫn đeo theo tôi dai dẳng, nhờ vậy mà tôi còn được miễn luôn việc gác đêm).

Ý kiến riêng của sếp: “Theo tao thì mày nên xuất ngũ. Sĩ quan làm mẹ gì! Nhà văn quân đội hả? Chẳng là khỉ gì đâu! Mày về làm báo lại, oai hơn nhiều!”.

Dĩ nhiên tôi nghe lời ông, tháng 10-1981 xách ba-lô về nước. Đơn vị cũng tổ chức một tiệc nhậu chia tay “ông nhà văn tương lai” đằng hoàng, với rượu cam rượu chanh quốc doanh, thịt bò thịt gà thịt chó cá mú đầy đủ. Từng người cứ thay nhau lại cụng ly với anh hạ sĩ quân là tôi, và đó chính là lần nhậu mà tôi say nhứt trong đời, đến nỗi mấy tể bào hình que hình

chóp trong mắt tôi bị rối như canh hẹ, nhìn cảnh vật ban ngày toàn ra âm bản như trong phim chụp hình! Tôi nằm trên thùng sau xe GMC, ói ra mật xanh mật vàng trên suốt đường đi từ Kompong Cham về Sài Gòn, bước xuống cổng trại Hoàng Hoa Thám ở Tân Bình để đón xe ôm về nhà mà người mềnh oặt đi không nổi!

Mãi sau này tôi vẫn không hiểu tại sao lại được Trung tá N. “ưu ái” như vậy? Không lẽ vì ông là người miền Nam nên thích mấy thằng Sài Gòn, như nhận định của thằng Tâm Đen, thủ kho xăng? Hay tại ông muốn tôi đi cho... an tâm, vì tôi có gốc làm báo và hình như là người duy nhứt hoàn toàn không tham gia “cho em xin gởi một thùng hàng” lên những chuyến xe đi buôn? Chuyện ăn chia trong Cục sau mỗi chuyến xe, tôi hoàn toàn không biết và cũng không dám hỏi, vì cánh lái xe GMC như Khoa, Út, Hưng... rất khó gần và kín như bưng. Chỉ biết từ trên xuống dưới, kể cả trung tá chính trị viên L.Q.N. dân Nghệ An, luôn nói chuyện đạo đức bộ đội cụ Hồ, cũng thậm thà thậm thụt với đám giặc lái trước và sau mỗi chuyến xe. Ông này rất mê chơi bài tiến lên, thường rủ đám lính Sài Gòn chơi, không ăn tiền ăn bạc gì, ai thua chỉ phải lăn lượt đội mũ cối, đeo súng, mang ba-lô... vào người. Tôi, Tâm Đen, Hồ bụng ghét ông xạo, nên chơi ăn gian, ngấm đỏi bài dưới bàn, có hôm ông phải đội ba cái nón, đeo bốn cây súng... ngẩng chơi, miệng cứ rên sao ra hẻo là bị chặt! Sau phát hiện bị bọn tôi bịp, ông chửi rủa rần rĩ bọn Sài Gòn lưu manh, thề không cho đi phép nữa!

Không hiểu tại sao trong bộ đội, dân xứ Nghệ thường được giao làm chính trị viên? Như ông Đại đội trưởng Kho quân khí T.V.L. đã nói ở trên. Có một chuyện về ông mà tôi còn nhớ mãi. Lúc tôi còn ở Kho quân khí, một hôm có mấy người dân Miên cứ thập thò xin vào. Hỏi thì biết ngày xưa đây là một trường trung học công lập, khuôn viên rất rộng, có cả một khu làm nhà riêng cho ban giám hiệu và cán bộ trong trường. Những người

Miền trí thức này thời Pôn Pốt bị đuổi khỏi trường, về nông thôn làm công xã, thoát chết là may. Thấy khó vào được kho, họ nói thẳng với lính là lúc chạy nạn Pôn Pốt có chôn kíp một ít vàng sau sân nhà, giờ xin vào đào tìm, nếu còn sẽ... chia hai cho bộ đội. Sự việc được báo lên ông L. cho quyết định. Ông L. dứt khoát không cho, nói coi chừng đó là quân địch vào đi đầu nghiên để đánh Kho quân khí. Mấy người Miền đành buồn bã ra về.

Đám lính coi kho biết chuyện, đêm đó lập tức đi tới mấy khu nhà nhỏ, riêng biệt trong khuôn viên kho, và... đào vàng! Thủ trưởng L. biết tin, xuống tận nơi chữa bới, đòi kêu quân pháp xuống bắt nhốt quân lao! Vụ đào vàng đành ngưng lại.

Vài hôm sau, giữa khuya, một toán trực trong khi đi tuần tra quanh kho chợt nghe thấy tiếng gì nghe như tiếng đào đất sau một khu nhà riêng. Họ đi vào và dưới ánh đèn pin lấp loáng, nhận ra chính là ông đại đội trưởng của mình đang hì hục đào!...

Thời gian ở Miền phương Cục, việc ăn uống tương đối đỡ vì có phương tiện, xe từ Sài Gòn lên cứ chở theo những bao muối hột giá rẻ, qua Miền dùng “đô con moan, đô con xà ke” (đôi gà, đôi chó), ăn uống dư dả chất đạm. Nhưng lúc ở Kho quân khí thì đúng là chẳng hơn gì khi ở TNXP, vì chế độ tương đương nhau. Có hôm đói quá, “bần cùng sinh đạo tặc”, tranh thủ đêm mưa, mấy thằng rủ nhau mò qua rẫy bắp của đơn vị bộ đội thông tin gần đó, bẻ đẫy mấy cái ba-lô đem về luộc ăn, ngon đến nỗi gặm nát mấy cái cùi vẫn thấy ngọt! Rồi có hôm cuối tuần, biết mấy sếp lớn đầu ở bên Chup hoặc về Sài Gòn, mấy ông sếp kho làm liều lòi trong kho ra mấy quả mìn định hướng ĐH10^[107], đem ra thả xuống giữa sông Mekong giật cho nổ! Đúng cuối mùa cá linh, cá nổi trắng cả mặt sông, con nào con nấy mập bằng ngón tay cái. Rồi cá lăng, cá kết, cá trắng đủ loại... Bộ đội trong khu vực và dân Miền ở hai bên bờ hò reo chèo xuồng ra vớt cá. Hôm đó

Kho quân khí có một bữa ăn linh đình chưa từng có, và thật sự đời tôi ăn cá linh chiên ngon nhứt có lẽ chính là lần đó.

Nhìn lại thời gian hai năm ở bộ đội, thú thật tôi thấy thiệt là vô tích sự, dù tôi cũng hiểu việc giải thoát Campuchia khỏi chế độ diệt chủng Pôn Pốt là cần thiết, với đất nước bạn và với cả sự an toàn của Tổ quốc. Nhưng có cần ở lại lâu đến thế không thì việc đó hãy để cho lịch sử sau này đánh giá. Tôi chỉ là một thằng lính tép riu, trung thực kể về hai năm lính thú của mình, vậy thôi.

Hai năm ở Kompong Cham, tôi chỉ bắn đúng một băng đạn AK... lên trời, trong giờ giao thừa năm Canh Thân (1980) thay cho pháo Tết. Rảnh rang buổi tối tôi đi vào phum nhảy Lâm Thôn với các em gái Miên mỗi khi nghe có nhạc đám cưới, toàn loại rumba đậm dật, buổi sáng thì vác nhu yếu phẩm lân la ra chợ làm quen với các bà má Khmer để nhà có tiệc gì thì được mời tới ăn chùa. Công nhận lúc đó tôi sống sao mà bạt mạng, có hôm dám một thân một súng đi bộ vào phum xa với ông trưởng thôn mới quen, để tới nhà ông nhậu “tức thốt nốt chua”^[108] với cá trên chiên và bún mắm bò hóc một lần cho biết. Rượu chua chua ngọt ngọt tôi uống mền mồi, lăn đùng ra ngủ tại chỗ! Tối chiềù, ông trưởng thôn phải quăng tôi lên xe bò cho chở về đơn vị, cây súng ôm trước ngực, hết biết!

Đến nay tôi vẫn nghĩ đa số người Miên là hiền lành, dù luôn được nhắc nhở là một tháng có 31 ngày, ở với họ hết 30 ngày vẫn có thể bị trở mặt...

HẾT TẬP 1

ĐÓN ĐỌC

Đi qua nước mắt nụ cười (Tập 2)

6. *Nghề chọn người* (34 năm làm báo)

7. *Người chọn nghề* (37 năm viết văn)

8. *Moto Học bổng và Những người bạn* (6 năm rong ruổi)

[104] Theo Wikipedia. Cho đến nay vẫn chưa có một tổng kết chính thức và chính xác về con số binh sĩ Việt Nam thương vong trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam 1975 – 1989.

[105] “Xin lỗi”, tiếng Khmer.

[106] Xe rùa: loại xe thô sơ có kích thước nhỏ để vận chuyển bằng tay, thường sử dụng chở những vật liệu xây dựng như vôi, vữa, gạch, đá...

[107] Mìn ĐH10 do xưởng quân giới Bến Cát – Bình Dương chế tạo lần đầu vào năm 1963, liên tục được cải tiến và hoàn thiện. Cái tên ĐH10 bắt nguồn từ tên gọi “mìn phóng mảnh định hướng” – vốn là một loại vũ khí khá mới vào thời điểm đó. Trọng lượng của quả mìn vào khoảng 10kg. Vỏ mìn hình tròn, bề mặt theo hình chóp nón, được làm bằng tôn dày 3mm, đường kính 31cm, vành cao 6cm. Vỏ mìn được gò thật chắc, ở vành để có một lỗ để đổ thuốc nổ TNT. Đầu chóp nón có một lỗ chứa thuốc mồi và kíp nổ. Khắp mặt lõm của mìn thì đặt mảnh.

Xưởng C10 (Quân khu miền Đông) còn thay thuốc nổ TNT bằng Tetryl lấy trong bom đạn Mỹ làm mìn, nổ rất tốt, uy lực tăng lên gấp bội.

So với mìn định hướng M18A1 Claymore của Mỹ ra đời trước đó, ĐH10 của Việt Nam to hơn, mạnh hơn, đa năng hơn.

Trận đánh của đội biệt động nội thành ngày 25-6-1965 tại nhà hàng nổi Mỹ Cảnh ở bến Bạch Đằng cũng dùng hai quả mìn ĐH10.

Theo báo cáo của xã Điện An (Điện Bàn, Quảng Nam), trận đánh ngày 7-7-1972 tại thôn Thống Nhất ở xã đã trở thành kinh điển khi ĐH10 diệt luôn cả trực thăng đang bay. Năm rõ quân VNCH thường cho trực thăng bay dọc sông La Thọ, Cổ Cò để trinh sát, một tổ du kích xã Điện An đã dùng mìn ĐH10 bố trí trên ngọn cây. Khi chiếc trực thăng đi đầu trong tốp 3 chiếc thấy trên ngọn cây có dấu hiệu khả nghi liền giảm tốc độ và hạ thấp độ cao

để quan sát. Chờ máy bay địch vào tầm, du kích cho giật mìn, chiếc trực thăng bốc cháy rồi đâm đầu xuống đất, hai chiếc còn lại hoảng sợ quay đầu bỏ chạy về Đà Nẵng. Cái này là theo báo cáo của trưởng du kích xã Thái Bá Điền, người viết hồi ức này xin không bình luận. Mìn định hướng DH10, DH5 và DH20.

[\[108\]](#) Nước thốt nốt chua: Nước lấy từ những cuống hoa trên ngọn cây thốt nốt đực (cây thốt nốt cái thì cho trái) rất thơm, ngọt – có thể nấu thành đường. Cho nước lên men nó sẽ bị chua, uống như một loại rượu trái cây.